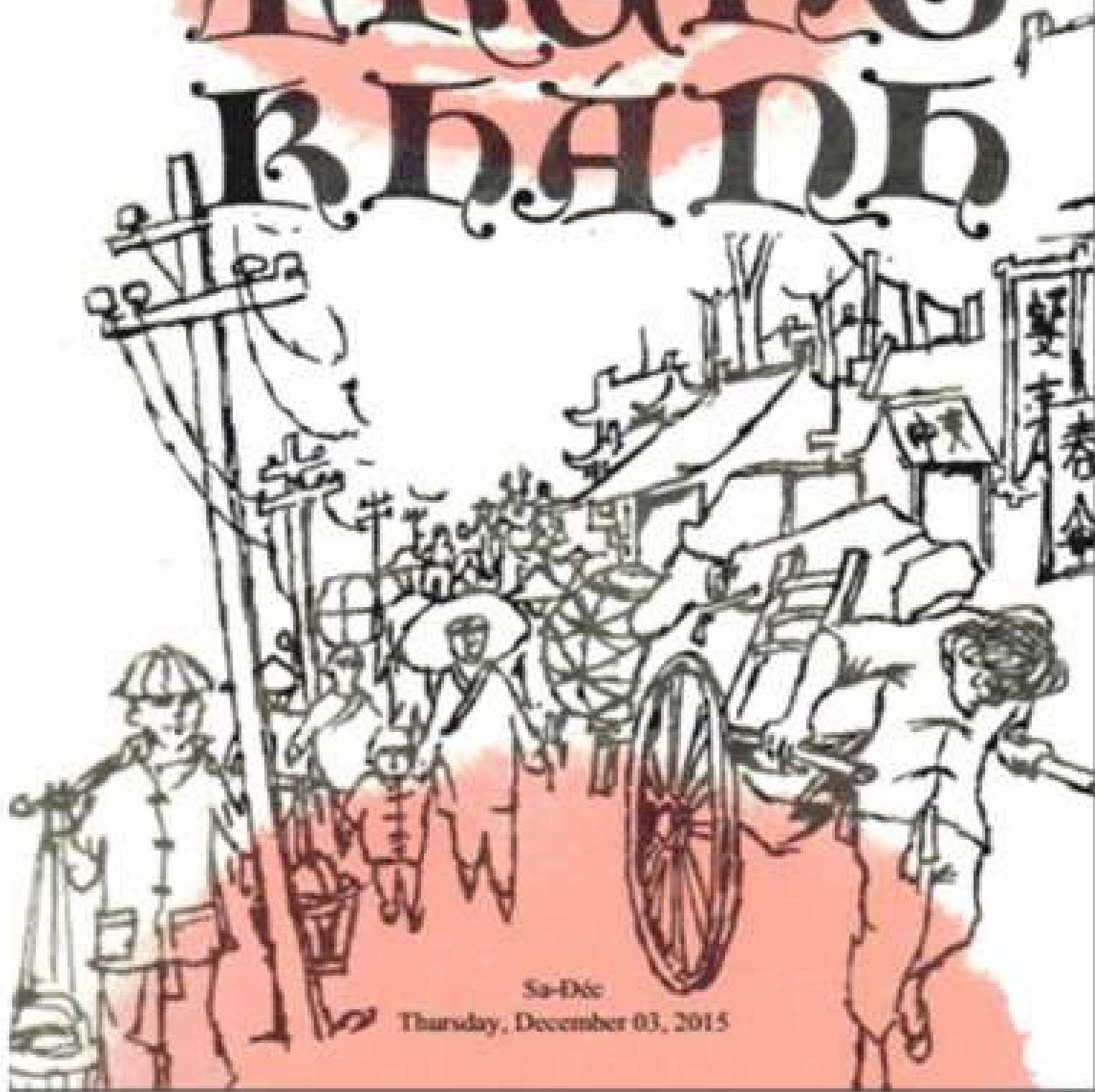


HAN SUYIN

# ĐƯỜNG VỀ TRƯỜNG KHÁNH



Sa-Déc

Thursday, December 03, 2015

## Mục lục

[Lời Người Dịch](#)

[Tựa Của Tác Giả](#)

[Chương Một](#)

[Chương Hai](#)

[Chương Ba](#)

[Chương Bốn](#)

[Chương Năm](#)

[Chương Sáu](#)

[Chương Bảy](#)

[Chương Tám](#)

[Chương Chín](#)

[Chương Mười](#)

[Chương Mười Một](#)

[Chương Mười Hai](#)

# ĐƯỜNG VỀ TRÙNG KHÁNH

Han Suyin

www.dtv-ebook.com

## Dịch Giả: Trùng Dương & Hồ Hải

### Lời Người Dịch

Chiến tranh, dường như đây là căn bệnh nan y của loài người mà không có thời đại nào không xảy ra, không có quốc gia nào là không từng nếm phải. Chiến tranh tàn phá con người từ vật chất đến tinh thần; tuy nhiên, những người cuối cùng sống sót vẫn không khỏi hãnh diện là mình đã được loạn ly luyện thành một thứ thép cứng; đó là những người không muốn chịu thua cuộc và đầu hàng định mệnh, để rồi từ đống tro tàn, họ quyết tâm xây dựng lại từ đầu tất cả những đổ nát.

Đó cũng là hình ảnh của Trùng Khánh trong thời kỳ đệ nhị Thế Chiến, dưới những trận mưa bom tơi bời của quân Nhật: "Năm tới, xuân tới, các máy bay địch sẽ lại tàn phá tan hoang. Thu tới, chúng tôi sẽ xây dựng thành phố lại." Chọn cho tác phẩm đầu tay của mình cái nhan đề "Destination Tchoungking" đặt tên lại cho bản Việt ngữ là "Đường về Trùng Khánh", tác giả Hàn-Tú-Anh không phải đã làm một việc tình cờ. Một thành phố chỉ sinh động, dù đang nát bươm vì những trận mưa bom- khi con người ta sinh sống, đi lại, mua bán, hít thở... Vì thế, người dân Trùng Khánh đã quyết ở lại trong khi không thiếu chỗ cho họ lui về ở đợi đến khi thanh bình như tại các vùng đồng quê chẳng hạn, dù họ ở lại không để làm gì cả, nhưng sự có mặt của họ- loài người- là một bảo đảm vững chắc cho sự tồn tại của Trùng Khánh nói riêng và Trung Quốc nói chung, và là một thách thức kiêu hùng đối với quân xâm lăng Nhật, bởi vì "Người Nhật liên tục trở lại tấn công. Hình như họ bị ám ảnh về Trùng Khánh. Ta có thể coi cái sự kiên cuốc sống vẫn tiếp tục tại đây (Trùng Khánh) là một sĩ nhục cho cái sức mạnh của họ. Còn đối với dân chúng Trùng Khánh, họ đã chứng tỏ sức bền bỉ

chặt chẽ. Mặc dù dân số đã giảm đi một phần tư(...). Nếu quân Nhật định bẻ gãy ý chí của họ bằng khủng bố, người Nhật đã thất bại hoàn toàn vậy".

Qua "Đường về Trùng Khánh", người đọc có thể nhận ra những nhân vật điển hình- những "diễn viên kỳ cựu"- của bất cứ vở kịch chiến tranh nào xảy ra từ trước tới nay trong lịch sử nhân loại: này đây "đám nông dân cày cấy vai bừa sẽ chết, trong khi đám con cháu các gia đình khá giả lười biếng ăn chơi hay học hành tại các trường đại học và sửa soạn vào các nghề tài chánh, y khoa hay luật sư"; dĩ nhiên, cũng có những người ngoại lệ, và tuy thế, cũng không phải là ít và thực đáng cảm động: "Tôi không thể nào ngồi yên được nữa, tôi phải tham dự vào cuộc chiến, tôi phải tham dự vào cuộc kháng chiến của nhân dân Trung Hoa. Tôi phải về nước. Dù không làm được gì quan trọng tôi cũng phải về; tôi cần hiện diện để chia sẻ những khổ cực và gian nguy. Tôi là người Trung Hoa mà". Đó là câu nói của nhân vật chính của tác giả, Hàn-Tú-Anh, người nữ văn sĩ mang hai giòng máu Trung Hoa- Bỉ.

Dù mang hai giòng máu Trung Hoa- Bỉ, dù xuất thân từ một gia đình giàu có mà tổ tiên bên nội thuộc giai cấp quan liêu Trung Hoa và tổ tiên bên ngoại là giai cấp đại tư bản Âu, nhưng Hàn-Tú-Anh đã dứt khoát chọn lựa cái quê hương mà bà cảm thấy mình có ích đối với nó hơn cả: Trung Hoa. Mỗi bận tâm đầy tính cách nhân bản ở người nữ văn sĩ này đã thẳng mỗi bận tâm về nỗi là-một-đứa-con-lai của bà. Tốt nghiệp nghề cô đỡ rồi y sĩ, Hàn-Tú-Anh đã đem trọn đời mình dâng hiến cho cái khối nhân loại bất hạnh: bà đã đi mọi nơi, nhất là quanh vùng châu Á nghèo khổ chậm tiến, vừa hành nghề y sĩ vừa thu thập chất liệu cho tác phẩm của mình (\*).

\* Muốn tìm hiểu thêm về Hàn-Tú-Anh, xin đọc "Mười Lăm Gương Phụ Nữ" của Marianne Monestier, do Nguyễn Hiến Lê lược dịch.

Trước khi mời bạn đọc bước vào "Đường về Trùng Khánh", tưởng cũng cần nói qua những trở ngại mà chúng tôi gặp phải: Vì không kiếm ra bản nguyên tác bằng Anh ngữ, nên chúng tôi đã phải chấp nhận dịch từ bản

Pháp ngữ của Daria Olivier(ấn bản Le Livre de Poche). Ngoài ra, chúng tôi cũng mạn phép lược bỏ những đoạn rườm rà có lẽ là đã được tác giả viết ra với chủ đích để cho độc giả Tây phương hơn là Đông phương, như tiết II và tiết III của Chương Hai nói về các cách thức xưng hô phức tạp của người Trung Hoa cùng những liên hệ họ hàng mà chúng ta đã quá quen thuộc. Cuối cùng chúng tôi cũng bỏ trọn Chương Mười ba tức chương cuối cùng có tính cách một bài tiểu luận chính trị không lấy gì làm đặc sắc lắm; nhằm đề cao vai trò của giới mà tác giả gọi là cu-li; không ăn nhập gì tới toàn bộ tác phẩm, nếu không nói là có vẻ rườm rà nặng nề. Mong bạn đọc thông cảm.

Sàigòn, ngày 29/7/71

T.D. & H.H.

# ĐƯỜNG VỀ TRÙNG KHÁNH

Han Suyin

[www.dtv-ebook.com](http://www.dtv-ebook.com)

## **Dịch Giả: Trùng Dương & Hồ Hải**

### **Tựa Của Tác Giả**

Người ta đã yêu cầu tôi viết bài tựa cho cuốn Destination Tchungking đã được xuất bản lần đầu tiên tại Anh vào năm 1942.

Bằng cả tâm hồn và thể xác, tôi đã sống lùi lại mười một năm về trước, hồi còn trẻ, tại Trùng Khánh, ngập mình trong binh lửa, và thấy lại trọn vẹn cảnh tượng lúc bấy giờ: những chữ ở đây đều có một nghĩa tuyệt đối; những mục tiêu tự nó tồn tại, chính đáng và đáng kính; đạo đức và niềm tin đã chống cự lại nạn đói kém, nỗi đau khổ và sự buồn nản. Chúng tôi đã tin tưởng rằng sẽ tồn tại để cất lên tiếng cười, để tận dụng cuộc sống, mặc trạng huống hiện hữu, mặc những điệp khúc vô tận của những trận mưa bom mỗi ngày khô ráo mỗi tái diễn. Rồi thì cuối cùng mọi sự đều đã được giải quyết ổn thỏa.

Tôi không có một mảy may ý định viết văn. Hồi đó tôi tập sự nghề cô đỡ tại một bảo sinh viện nhỏ dưới quyền điều khiển của Marian Manly, một nhà nữ truyền giáo Hoa Kỳ, ở Thành Đô thuộc tỉnh Tứ Xuyên. Pao, chồng tôi, đóng tại Tây Bắc, và trong thời gian chàng vắng nhà, tôi ở lại nhà thương với Marian.

Cha mẹ của Marian đã từng là những nhà truyền giáo tại Trung Hoa. Chị nàng cũng thế. Chính nàng ta, một y sĩ kiêm truyền giáo, đã trải qua phần lớn đời nàng tại Trung Hoa. Nàng đã vẽ kiểu và xây lấy ngôi bảo sinh viện này, và tại đây, nàng huấn luyện các cô đỡ Trung Hoa cho đến khi những người này tốt nghiệp, gửi họ về các vùng quê, hay đưa đến những đô thị bị

cô lập để làm cái việc cần thiết nhất tại Trung Hoa là giúp các sản phụ sinh nở dễ dàng và hợp vệ sinh.

Một đêm nọ, tôi ngồi với nàng trong phòng nàng, trước ngọn lửa được đốt bằng củi để sưởi ấm, và chúng tôi đã thảo luận về những cuốn sách đã đọc. Nàng nói với tôi là đã nhiều lần nàng hy vọng sẽ viết một cuốn sách về tất cả những kinh nghiệm đã trải qua ở Trung Hoa trong tình thương và thông cảm. Nàng đã viết nhiều truyện ngắn và thơ nhưng chưa có được cuốn sách nào cả.

Tôi đưa cho nàng xem những ghi chú và những đoạn văn mà tôi thường viết khi nhàn rỗi, cho những bạn bè ở Anh quốc muốn biết những gì đang xảy ra tại Trung Hoa. Nàng xem xong, bảo tôi: "Đây là những chất liệu quý giá có thể dùng để cấu tạo nên một cuốn truyện. Tại sao chị không viết nó thành cuốn sách nhỉ?"

Điều đó làm tôi run sợ. Anh văn của tôi, học từ hồi mười tuổi tại Bắc Kinh, và về sau này có được dồi dào thêm là nhờ đọc chứ chẳng phải nhờ thực tập, chắc đâu đủ để cho phép tôi viết thành một cuốn sách! Nhưng nhờ sự khích lệ nóng bỏng của Marian, tôi đã bắt tay vào việc hình thành cuốn Destination Tchowking.

Cuốn sách này đã được viết bằng những tờ rời, từng đoạn một, đôi khi vào buổi tối, dưới ánh đèn dầu trong những cái còn lại của một căn phòng sau trận oanh tạc vừa qua; đôi khi vào buổi trưa, trở về nhà sau một cuộc đỡ đờ kéo dài từ sáng tới tối; hoặc vào khoảng giữa công việc bấp bực nhà cửa và việc quan sát những dấu vết địch quân trên trời. Tôi đã từng đem theo bản thảo Destination Tchowking vào hầm trú ẩn trong quả đồi gần nhà, nhét giữa cái nôi thối cơm và con gái tôi.

Trong phần lớn thời gian viết cuốn sách này, Marian và tôi ở xa nhau. Tôi ở với Pao ở Trùng Khánh hoặc theo chàng xê dịch trong vùng Trung Hoa tự do. Nàng vẫn không rời bệnh viện của nàng ở Thành Đô. Tuy thế, sự hợp

tác giữa chúng tôi vẫn không bị đứt quãng, và điều này nói ra không khỏi tầm thường nhưng tôi vẫn cảm thấy phải nói, là nếu không nhờ có Marian sửa chữa, phê bình cùng tu bổ cho từng chương một, chắc chắn cuốn sách này đã không có dịp ra đời.

Ngay khi vừa hoàn tất một chương, tôi gửi bằng máy bay tới Marian liền. Bản thảo bay tới bay lui giữa tác giả và đồng tác giả(co-auteur) trên vòm trời Trùng Khánh, được đánh máy trên những tờ giấy thực mỏng với tất cả thận trọng và rõ ràng để có thể nhét vào phong thơ của bưu điện hàng không.

Rồi, một ngày đẹp trời nọ, nhà xuất bản nhận lời in.

Tuy nhiên, vào thời đó, chưa thể tiết lộ tên tác giả được vì một lý do kỳ khôi. Hồi đó, nhờ chồng tôi nên tôi tạm thời trở thành một nhân viên ngoại giao của xứ tôi. Các bà trong ngoại giao đoàn không được phép viết văn. Nơi chúng tôi sống, người ta coi viết văn như một nghề ít phụ nữ tính và độc hại, y như nghề kịch sĩ vậy. Ngay cả cuốn tự truyện đầy sinh động và duyên dáng, Huilan Koo, của bà Wellington Koo, phu nhân của ông đại sứ Trung Hoa tại Hoa Thịnh Đốn, đã đột nhiên bị cấm lưu hành một cách bất công. Cuốn sách của tôi không bị số phận đó, nhưng trong nhiều năm, tôi khá thấu đáo về vấn đề này.

Đó là câu chuyện đằng sau cuốn Destination Tchoungking của tôi.

Ngoài bài mở đầu này ra, kỳ dư tôi không hề sửa đổi chi tiết nào trong cuốn sách khả dĩ khác với lần xuất bản đầu tiên, trừ vài lỗi chính tả và văn phạm.

HÀN TÚ ANH

Tháng 2, 1953



# ĐƯỜNG VỀ TRÙNG KHÁNH

Han Suyin

[www.dtv-ebook.com](http://www.dtv-ebook.com)

## Dịch Giả: Trùng Dương & Hồ Hải

### Chương Một

Kể từ hôm Pao giặt sợi vải đỏ buộc chắc quanh ba bím tóc của tôi và đuổi tôi chạy trốn về phía mẹ tôi, chúng tôi không còn thể nào rời nhau được nữa.

Chúng tôi thường cãi nhau và chẳng ai chịu ai bao giờ, nên hễ có dịp là chúng tôi lại gây sự tái chiến nữa.

Hồi nhỏ, chúng tôi chơi đùa trên bờ sông, dưới hàng liễu xanh rì và đầy bụi của Bắc Kinh. Dĩ nhiên chúng tôi luôn chơi trò chiến tranh do Pao thủ xướng.

Lớn lên theo đúng phong tục Trung Hoa, chúng tôi bị tách rời nhau. Tôi không còn được phép chạy nhông và la ó âm ỉ ngoài đường nữa. Tôi phải cấm cung trong nhà, đi đứng cho mực thước và giữ vệ khuê các của một tiểu thư. Còn Pao, mới mười hai, đã phải cặm cụi học hành để sau này xứng đáng với gia thế nhà chàng. Chúng tôi không được phép gặp nhau nữa: con trai con gái không thể chơi chung với nhau như trẻ con được. Chúng tôi đã đổ bao nhiêu nước mắt, phẫn nộ, rồi viết những vần thơ bi thiết của những kẻ sắp tự tử vì tình, mang bỏ dưới gối, và tay nắm chặt, chúng tôi thiếp ngủ trong nỗi thảm sầu... và tôi gần như quên nó đi, tấn thảm kịch đó.

Nhà Pao và nhà tôi cũng ở trên một con đường nhỏ chạy dọc theo bờ sông trong Tử-Cấm Thành của Bắc Kinh. Một bên bờ đường là những dãy tường tro trọi bí hiểm, những cái cổng có mái ngói che mưa nắng, những con sư tử đá với những cái bờm xoắn tít đang há miệng nhả răng cười. Bên kia là

hàng liễu rủ và giòng sông. Ngôi nhà của Pao khá lớn: nhìn từ xa, nhà chàng có vẻ giàu sang nhất phố. Chiếc cổng vĩ đại mở ra trước một dãy sân rộng mênh mông và uy nghi. Những dãy nhà nối tiếp nhau, hàng cột sừng sững đỡ những mái ngói cong vút in đậm nét trên nền trời. Những câu đối sơn son thếp vàng, những hình trạm nổi làm cho các cánh cửa và hàng cột sáng rực rỡ, huy hoàng. Nhà tôi ở cuối đường và rất khiêm tốn so với nhà Pao, chỉ có một cái sân giữa những dãy nhà tầm thường.

Nhà Pao lúc nào cũng ồn ào rộn rịp khiến bọn trẻ con cùng phố đứa nào cũng lóa mắt thán phục. Chúng tôi thường tụ tập trước cổng nhà Pao để rình mò, nghe ngóng. Đây là trò chơi thú vị mà chẳng tốn kém của chúng tôi. Từ sáng sớm, chúng tôi đã chạy đi xem cảnh thân phụ Pao ra xe để đi đến Nha môn, nơi đặt các công sở của chính phủ. Đám kỵ binh hộ vệ sắp hàng thẳng tắp ngoài cổng đợi sẵn. Ngài bước ra, lên xe đi giữa những tiếng chân ngựa lộp cộp nện trên mặt đường.

Trưa đến, các tay lái buôn mới lũ lượt kéo tới. Đôi khi đó là một khách rao hàng, trẻ, gầy, có dáng trang nhã với một mớ những gói đồ quý giá; đôi khi chính ông chủ tiệm béo phệ, tay phe phẩy chiếc quạt, dẫn đám người làm tay xách nách mang, nào thúng nào mủng. Bởi vì các phu nhân, không muốn bần chân đi ra phố. Các bà thường sống riêng rẽ trong từng căn nhà riêng với một chiếc sân riêng và mỗi khi muốn mua sắm thứ gì- từ cái bút, bình hoa, vải vóc cho đến đồ trang sức bằng vàng ngọc- người ta mang đến hàng tá tùy các bà lựa chọn. Ít khi người ta thấy các bà ở ngoài phố chỗ đông đúc và la liệt hàng hóa- từ cuốn tiểu thuyết Mỹ mới nhất, những bình hoa, quần áo, trái cây hộp đến một con khỉ hay một bộ kiến hiển vi.

Mùa đông, mỗi buổi trưa, chúng tôi nhìn hàng dãy người nghèo khổ, những kẻ ăn xin kéo đến trước nhà Pao, ngày nào cũng như ngày nào rất đúng giờ y như là được triệu đến. Họ đứng đợi trước cái cổng lớn, tay cầm những cái bát sứ mẻ để đựng thức ăn. Rồi các gia nhân mang những nồi cháo lớn ra. Họ múc cháo nóng hổi, bốc khói đổ vào từng chiếc bát dơ cao trên những

cánh tay gầy khăng khiu. Sau đó, đám người ăn xin vừa húp cháo sùm sụp, vừa hơ những ngón tay cóng lạnh trên thành bát.

Trong tất cả những cái tráng lệ của nhà Pao, dưới mắt bọn khán giả con nít chúng tôi, những đêm lễ lạc rập rìu ngựa xe cùng những kẻ hầu người hạ là những đêm huy hoàng nhất. Chúng tôi len lén mò vào tận dãy sân ngoài, mon men đến gần đám khách khứa tụ tập trên sân giữa để say sưa ngắm nghía, nghe ngóng- và ngửi nữa- trong khi những bà mệnh phụ trang điểm lộng lẫ và sức nức mùi hoa, mùi trầm đi lại ngay sát mũi chúng tôi.

Đám bồi bếp hấp tấp đi tới đi lui bưng hết bát này đĩa kia, thứ nào cũng nóng hổi bốc lên mùi thơm ngọt bay thốc vào mũi khiến chúng tôi thèm rỏ dãi.

Rồi chúng tôi sấn đến gần hơn nữa để xem đám nghệ sĩ giúp vui quan khách; họ đều là những nghệ sĩ thượng hạng của Bắc Kinh, nghĩa là nhất cả nước Trung Hoa. Giữa những tiếng chiêng, tiếng trống, giọng ca và bộ điệu của họ làm sống lại những vị anh hùng, những vị hoàng đế của các triều đại xa xưa. Chúng tôi thuộc lòng từng vở, từng truyện. Ngay từ lúc diễn viên bước ra chúng tôi đã biết ngay là nhân vật nào. Chúng tôi nhận ra ngay Tào-Tháo với cái mặt trắng bệch, xương xẩu, gian trá, Quan-Công trong lớp áo bào xanh với làn da mặt đỏ tía và lại cả những tên hề với các lỗ mũi trắng hếu nữa. Trước khi người dẫn tuồng lên tiếng, chúng tôi đã biết màn này là màn gì. Chúng tôi lóa mắt trước những bộ áo quần nạm bạc sáng lóng lánh, những chiếc mũ gắn lông trĩ dài cả thước và đối với chúng tôi, những đứa trẻ con, những màn hát kịch đó cũng có một ý nghĩa và một vẻ đẹp.

Những cuộc giao tranh quay cuồng với những cây giáo cây gươm bay vù vù, những cánh áo, những chiếc lông trĩ xoay tít giữa tiếng chiêng trống dồn dập, dưới muôn ánh đèn lấp lánh, rực rỡ lóa những màu vàng, đỏ, tím trên các xiêm y.

Pao thuộc vào cái đám huy hoàng tráng lệ đó, nhưng chàng lại đứng về phe chúng tôi. Chàng bỏ ngôi nhà lộng lẫy để chạy nhông ngoài phố chơi đùa cùng chúng tôi với một tinh thần rất dân chủ, bình đẳng tự nhiên của tuổi thơ. Chúng tôi tôn chàng làm thủ lĩnh không phải vì quyền uy và gia thế nhà chàng mà vì phản ứng tự nhiên. Trò chơi nào của chúng tôi cũng đều đánh nhau. Pao là đại tướng của chúng tôi. Chàng sắp chúng tôi thành một đạo quân và thường dẫn chúng tôi bày trận đánh lộn với lũ trẻ con phố bên cạnh. Tôi cố gắng hết sức để xứng với Pao, nhưng tôi không có vẻ thành công lắm. Là con gái, tôi không có cách gì ganh đua với tụi con trai trong các cuộc rượt bắt hay vật lộn. Nhưng mỗi khi cần đến "thương binh", tôi lại thành công đến mức xuất thần, tôi kêu thét lên những tiếng đau đớn giống đến nỗi mọi người đều phải ngừng tay để xem tôi có bị gì không?

Những đứa trẻ thuộc lứa tuổi tôi đều đã sớm biết thế nào là chiến tranh, là hỗn loạn và chém giết. Không có đứa nào trong đám chúng tôi lại không bị xâu xé với những kinh nghiệm bản thân về cuộc nội chiến. Ngay tại con đường bình yên, với hàng liễu rủ trên dòng kinh nhỏ của chúng tôi, chiến tranh vẫn là một nỗi đe dọa kinh hoàng thường trực. Các đạo quân của xứ quân thay phiên nhau đánh chiếm miền Bắc và Bắc-Kinh. Người ta long trọng đón tiếp những vị Xứ-quân nào nổi tiếng là nhân đức, không đánh thuế nặng và biết kiềm chế quân sỹ. Mỗi lần như vậy, người ta treo cờ trước cửa nhà, pháo được dịp đua nhau nổ tan trong làn khói xanh khét lẹt. Những công trào sắc sỡ mọc lên khắp phố trong khi cả tỉnh trang hoàng và ăn mừng đón tiếp vị chủ mới. Ngược lại, nếu vị Xứ-quân thắng trận không có lý tưởng, chỉ hành động vì lòng tham và quyền lực, khi ông thường thả lỏng cho đám quân sỹ đối rách và vô kỷ luật di cướp bóc thả cửa trong ba ngày đầu, tất cả lẫn vào trong nhà, cửa đóng then cài, cả tỉnh chìm trong một màn yên lặng phập phồng. Đám trẻ con chúng tôi thường nhòm qua kẽ cửa để nhìn cảnh đạo quân thắng trận diễu hành qua các phố, hay lang thang từng đám đi cướp bóc. Ai mà hại chúng tôi? Chúng tôi chỉ là một lũ trẻ con. Lệnh giới nghiêm nhất các người lớn trong nhà, còn chúng tôi lên ra đường thám hiểm một cảnh tượng hỗn loạn và mang về nhà những câu

chuyện cướp bóc hay chém giết. Chúng tôi học để biết thế nào là chiến tranh!

Lớp trẻ cùng lứa tuổi với Pao và tôi đều sinh ra trong thời hỗn loạn. Chúng tôi đã sinh ra giữa thời chiến. Chiến tranh đã phủ một màn đen tang tóc lên tuổi thơ của chúng tôi. Từ ngày hiểu được ngôn ngữ của người lớn, chúng tôi toàn nghe những chuyện đánh nhau. Cuộc đời chúng tôi nối tiếp nhau trong dòng lịch sử. Sau này khi có một vài năm thanh bình, chúng tôi đã vồ lấy tất cả những gì chúng tôi có thể, với nỗi lo ngại về một cuộc xâm lăng lúc nào cũng canh cánh bên lòng. Thế rồi một cuộc thế chiến ác liệt đã bùng nổ, cuộc chiến tàn khốc hơn tất cả những gì mà chúng tôi đã trải qua. Chúng tôi chưa hề biết thế nào là một cuộc sống thanh thản, không bị đe dọa và không sợ hãi.

Thoạt tiên, gia đình tôi đã đến tị nạn tại Bắc-Kinh. Quê nội tôi là tỉnh Tứ-Xuyên xa xôi, ở bên kia dãy Tây Trường-Sơn, sát gần biên giới Tây-Tạng. Tôi chưa bao giờ thấy tỉnh Tứ-Xuyên. Tôi ra đời tại Hồ-Nam. Khi tôi lên năm hay sáu gì đó, gia đình tôi sống ở Sầm-Giang, cha tôi làm việc cho công ty xe lửa ở đó. Chúng tôi sống trong một ngôi nhà thật đẹp của công ty, chung quanh có vườn hoa và có cả chuồng nuôi gia súc. Chúng tôi nuôi gà, lợn và một hai con bò. Tôi được một con chiên nhỏ mà tôi yêu như một đứa em. Nó lảng nhảng theo tôi suốt ngày, vừa chạy vừa kêu "ma...a...a" và chúng tôi chẳng lúc nào rời nhau. Tôi không thể nào chịu được cái việc để một con chiên nhỏ dễ thương sống lẫn lộn với các thú vật khác trong chuồng, tôi mang chú chiên nhỏ của tôi vào phòng khách, nơi mà tôi thường tiếp khách khứa.

- Mang ngay con chiên này ra ngoài không nó bậy ra đây bây giờ!

- Nhưng nó bị lạnh mà, má! Sắp tối rồi, thế nào con chiên của con cũng bị lạnh.

- Chiên không bao giờ bị lạnh. Bộ con định mang nó vào giường ngủ với con nữa chắc? Mang nó ra vườn ngay lập tức!

Tôi biết là không thể cãi thêm gì được nữa. Tôi đành phải tuân lệnh má tôi. Tôi chạy tới chạy lui kiểm các áo len và áo lót cũ để mặc cho chú chiên rồi tôi cùng ra ngoài chuồng bò với nó. Chúng tôi nằm bên nhau, cùng đắp một tấm vải trải giường rách rồi ngủ thiếp. Đến tối, các gia nhân mới tìm thấy tôi và bế tôi vào giường ngủ. Sáng sớm, chú chiên con nhảy long tong đón tôi trước cửa nhà.

Trong vườn nhà tôi còn có một con nhím của lũ bạn tôi. Hàng ngày, tôi mang đồ ăn cho nó và đặt cho nó một cái tên. Con nhím luôn luôn nhận ra giọng tôi và chạy nhào tới y như một con sâu khổng lồ, lắc lư thân mình với những tiếng khua leng keng.

Ở Sầm-Giang gia đình chúng tôi được coi như khá giả. Bởi thế mỗi khi có sự thay đổi biên cương của các Xứ-quân, mỗi khi các đạo quân ào ào đổ vào Sầm-Giang- thật ra đây chỉ là những cuộc điều binh biểu dương hơn là một cuộc chiến- nhà tôi thường bị trưng dụng để làm bộ chỉ huy. Gia đình chúng tôi cũng chủ trương một chính sách hòa hoãn y như các thành phố thường bị chiếm đóng, nghĩa là tiếp đón những kẻ chiến thắng tử tế, nuôi họ ăn uống đàng hoàng rồi để mặc cho họ ra đi tự nhiên.

Chúng tôi cũng dành những cảm tình khác nhau cho từng vị xứ-quân, không phải vị nào cũng như vị nào. Có một lần, Sầm-Giang bị một xứ-quân khác tiến chiếm mà không đổ một giọt máu, chúng tôi đã mời ngài cùng toán vệ sĩ dùng bữa tại nhà... Đó là Phan-Vụ-Sanh, sứ giả của nông dân, nổi tiếng vì tính khiêm cung, vì tinh thần kỷ luật trong đạo quân của ông và nhất là vì thành tâm muốn đem lại hạnh phúc cho đám lê dân mà ông cai trị. Ngay cả đám trẻ con cũng biết đến tiếng tăm công binh của ông và không có đứa nào sợ đám binh sĩ của ông cả. Chúng tôi phân phát bánh, mứt cho đám vệ sĩ và họ cảm ơn rất lễ độ. Tất cả đều to lớn, chân đi ủng cao có gấn ngàm thúc ngựa, lưng đeo một lưỡi đao to bản cắm trong những

cái bao đỏ ửng: vậy mà chúng tôi không sợ hãi gì cả, trái lại họ còn làm cho chúng tôi khoái là khác. Ngày hôm sau, khi họ ra đi, chúng tôi không khỏi tiếc nhớ tuy rằng để tiếp đãi, gia đình tôi đã phải làm thịt hết cả gà vịt, lợn cùng một con bê. Những binh sĩ dù có kỷ luật cao đến đâu thì cũng phải ăn chứ!

Nhưng rồi cục diện thay đổi và một năm sau đó, đạo quân của Phan phải rút khỏi huyện tôi. Lợi dụng lúc tình hình trống rỗng, không có kỷ cương đó, một số các tiểu Xứ quân, không lý tưởng, không kỷ luật nổi dậy cướp bóc khắp nơi. Đám bộ hạ dã man, rách rưới, đói khát, vô kỷ luật, không lương bổng chỉ theo họ vì được thả lỏng đi cướp bóc. Thế là chúng tôi sống trong phập phồng lo âu suốt bốn tháng giao thời, hết nghe tin đồn cướp bóc lại đến tin đụng độ tại các vùng kề cận. Chúng tôi ngồi đợi đám quân ăn cướp ào vào Sầm-Giang như người ta ngồi nhìn đám châu chấu ào xuống ruộng đồng.

Một buổi chiều, chúng tôi ngồi ở ngoài vườn, không khí ẩm dễ chịu và thoáng mùi hăng hắc của các bông cúc. Tôi còn nhớ, má tôi ngồi trong căn nhà mát và đang thêu mấy tấm lụa màu thật tươi. Mấy chị em tôi chơi đùa bên cạnh bà. Côn trùng đua nhau kêu ran đón mừng những ngày nắng ấm cuối cùng của mùa thu trước khi mùa đông giá lạnh tới.

Hình như có tiếng kim khí khua kêu loong koong hay tiếng bụi cây bị xô dạt, bởi vì hốt nhiên, tất cả chúng tôi đều ngoảnh đầu nhìn về phía bờ dậu đầy những hoa trắng xóa và vàng ối; và một cái đầu người ghê tởm đang dương mắt nhìn chúng tôi. Chiếc mũ trận đen xám bẩn thỉu chụp trên khuôn mặt gớm ghiếc với nụ cười khinh nhờn và dễ ghét, nhất là cái mũi đã mất, chỉ còn lỗ đen sâu hoắm. Một chiếc đầu nữa nhô lên, rồi lại một chiếc nữa: khuôn mặt nào cũng gớm ghiếc. Má tôi đứng bật dậy. Bà vẫn chăm chú nhìn thẳng ba bộ mặt ghê tởm đó trong khi hai tay bà quơ ra kéo chúng tôi nép sát vào bên bà. Ba tên lính cười hô hố và hết cất lời trêu chọc lại

nhấn mặt dọa nạt chúng tôi. Tôi thấy tay bà hơi run run khi kéo sát đầu tôi vào lòng bà. Tất cả chúng tôi đều nín lặng, không ai thốt ra một tiếng gì.

Rồi chẳng nói chẳng rằng, má tôi lại thản nhiên ngồi xuống chỗ cũ, lượm cái khung thêu lên và chăm chú đưa đẩy các đường kim theo mẫu vẽ. Mấy tên lính vẫn buông ra những câu cợt nhả thô tục. Chiếc kim thêu trong tay má tôi vẫn lạnh lẽo xuyên qua đấm lại trên làn lụa mỏng, để lại từng vệt chỉ màu. Sự bình thản của bà đã làm nản chí ba tên lính và ba cái đầu biến mất. Chúng không còn đó nữa, chúng biến hẳn sau hàng dậu. Mấy chị em tôi, sau cơn hốt hoảng thoáng qua, lại tiếp tục chơi đùa. Sau hàng dậu, mấy tên lính đứng trù chừ một lát rồi bỏ đi. Đó mới chỉ là những tên đầu tiên. Còn nhiều, rất nhiều tên khác nữa sẽ đổ vào Sầm-Giang để ăn cướp, ăn cướp và để chém giết. Mẹ tôi đứng dậy và dẫn chúng tôi vào trong nhà. Cha tôi cũng vừa từ sở về, vẻ hốt hoảng:

- Chúng đã đến rồi...

- Mấy mẹ con tôi cũng vừa nhìn thấy.

Khi tối đến, chúng tôi bỏ nhà, chạy băng đồng đến nhà một người bạn, một người Ý-Đại-Lợi mà cha tôi quen. Hy vọng rằng, ít ra, họ cũng nể mà chừa những nhà người ngoại quốc. Chúng tôi mang theo những gì có thể bỏ trong mấy bọc, ít quần áo ấm. Trước khi khởi hành, má tôi cúi gỡ mấy chiếc hoa tai của tôi. Bà cũng tháo tất cả đồ trang sức của các em tôi và của chính bà nữa. Không những vì đồ đó đắt tiền mà còn vì nếu chẳng may gặp những tên lính cướp cạn, chúng có thể chụp lấy các đồ trang sức và dành giựt làm đứt tai hay gây thương tích.

Khi tôi biết chúng tôi sắp đi và lý do tại sao, tôi muốn chạy đi kiểm chú chiêm con của tôi, nhưng không được phép. Tôi bị kéo đi, nước mắt tuôn rơi.



Ông kỹ sư người Ý đã chữa chúng tôi trong suốt thời gian hỗn loạn. Khi ông chúa ăn cướp kéo đoàn quân của ông đi, chúng tôi trở về nhà để thấy toàn một cảnh đổ nát; tất cả những gì có thể lấy được đều đã biến cả, chỉ còn lại toàn là rác rưởi và cứt đá. Cánh cửa thì đổ nghiêng, còn các khung cửa sổ đều gãy hoặc lung lờ. Căn nhà trơ trọi trông còi cọc, mất hết vẻ quen thuộc thân yêu cũ.

Nhưng ngôi nhà thì có quan trọng gì! Tôi chạy băng vườn ra chuồng bò gọi tên chú chiên con rồi rít. Nhưng sau khi tìm kiếm khắp nơi chẳng thấy còn gì sống sót, tôi ngồi bệt xuống ngưỡng cửa, vùi mặt vào cánh tay mặc cho nước mắt trào ra và lòng tôi đau khổ biết chừng nào. Có tiếng động là lạ như tiếng lách cách giữa tiếng sào sạc của lá khô trên sân. Đó là chú nhím đang đi lục lọi đồ ăn mà đáng lẽ tôi phải mang ra hàng ngày. Lòng tôi chột rợn lên và tôi muốn vuốt ve nó, muốn nhặt nó lên, muốn ôm siết nó vào lòng. Tôi chạy vội đi kiếm thức ăn cho nó và lòng cũng vui bớt được phần nào.

Chúng tôi ở lại ngôi nhà hoang tàn đó mấy ngày cho đến khi ba má tôi quyết định lên ở Bắc-Kinh. Ở Sầm-Giang chẳng có lấy một chút hy vọng gì là yên ổn cả. Sáng sớm tinh mơ chúng tôi bị đánh thức dậy, được thay quần áo và kéo ra sân đương khi cơn buồn ngủ còn nặng chụp trên mí mắt để dẫn ra xe lửa. Tôi lại khóc tức tưởi. Tôi không có cả thì giờ để từ giả chú nhím thân mến nữa. Xe lửa đã mang chúng tôi về Bắc-Kinh. Thế là con đường của Pao và của tôi bỗng giao nhau.

Pao sinh ra giữa mùa xuân, mùa của các loại chim di cư và tên hồi nhỏ của chàng là Yến, tên của loài chim báo hiệu mùa xuân đó. Cái tên hợp với chàng lắm vì chàng có cái thông minh nhậm lệ như mũi tên bắn, chắc chắn và chùng mực như đường bay của chim én. Chàng sinh hạ trong một gia đình bao đời qua vẫn giữ nguyên nếp nho phong. Gia tộc nhà chàng đã sản xuất biết bao danh nho, những người đã chán cảnh phù hoa phú quý để lùi về vui thú điền viên cùng cầm kỳ thi họa với các bạn hữu. Chàng mang

giòng họ của biết bao vị quan danh tiếng và liêm chính đến nỗi khi chết mà vẫn còn bần hàn nhưng lại được dân chúng địa phương quý trọng và khóc thương cả năm. Cũng có cả những võ tướng, thề quyết trung thành với chúa, với một lý tưởng chứ không chịu bán rẻ lưỡi gươm của mình để đổi lấy lợi danh. Pao là đứa con xứng với danh giá của gia tộc nhà chàng. Cha chàng, người cha mà chàng ngưỡng phục, thường kể cho chàng nghe những điển xưa tích cũ của nước Trung Hoa: nào là quân sư kỳ tài Khổng-Minh, Quan-Công, người đã hiển thánh thành vị thần chiến tranh, Nhạc-Phi vĩ đại anh hùng cứu quốc đời Tống đã có công đẩy lui rợ Hung Nô mà sau lại bị triều đình hãm hại đến nỗi phải chết, chuyện các tay anh hùng cái thế đã dựng nghiệp tạo nên thời Tam-quốc, những tay dũng tướng đã từng dẹp tan các cuộc xâm lăng của rợ Hồ. Chàng thấm nhuần tư cách của bậc chính nhân nho giáo. Chàng đã học thuộc lòng các đoạn văn có mang ý nghĩa cao thâm và khó hiểu, chàng cũng được dạy bảo về lòng trung thực, căn tốt của tín nghĩa. Tất cả những điều đó, ngay từ lúc chàng chưa tròn mười tuổi. Chàng vẫn thường lắng tai nghe các câu chuyện của người lớn, nào chuyện cách mạng, lý tưởng, nào là quyền lợi, danh dự và tự do. Những cuộc chiến của các vị anh hùng xưa lại thể hiện ra trong lòng chàng dưới một hình thức mới và cha chàng chiếm giữ một vai trò quan trọng.

Người cha đó là một nhà cách mạng- không phải là một tên nổi loạn vô trách nhiệm ngu dốt mà là một nhà quân sự tài ba, đã gia nhập Quốc Dân đảng ngay từ trẻ để âm mưu lật đổ chế độ phong kiến thối nát Mãn-Thanh hầu thiết lập chế độ Cộng-hòa. Ông đã dâng hiến cả đời ông cho lý tưởng này và lòng trung thành của ông không bao giờ suy xuyên... Ông đã trực tiếp tham dự ngay từ ngày đầu tiên bùng nổ Cách-mạng, ngày mười tháng mười năm 1911 khi quân cách mạng chiếm được Vũ-Hán. Tên ông nằm trong bảng danh sách các nhà đại ái quốc mà nhân dân Trung-Hoa tôn kính hàng năm trong ngày kỷ niệm cách-mạng thành công.

Cuộc cách-mạng đã tiến được nhiều bước vượt bậc nhờ tài lãnh đạo của vị lãnh tụ, một y gia trung niên, đó là bác sỹ Tôn-Dật-Tiên. Triều đình Mãn

Thanh bị lật đổ, chính thể Cộng hòa được thiết lập với một vị tổng thống làm nguyên thủ. Bác sỹ Tôn-Dật-Tiên đã nhường cái vinh dự đó cho một chính sách quý quái còn giữ nhiều tư tưởng cổ hủ là Viên-Thế-Khải. Họ Viên đã âm mưu định tự tôn lên ngôi hoàng đế, nhưng may thay, ông ta bị bệnh và chết đúng ngày đen tối ấy. Trong khi đó, chính thể Cộng hòa còn chưa vững chắc, rơi vào tình trạng hỗn loạn và chia rẽ; thế là kỷ nguyên các xứ quân lại bắt đầu sống lại. Quân đội Cộng hòa đã phải đánh dẹp trong nhiều năm. Sau nhiều trận đụng độ liên tiếp mà không thu được chiến thắng nào vẻ vang cả; lực lượng cách mạng sau cùng đã tìm được một vị thủ lĩnh, một kẻ kế vị cho Tôn-Dật-Tiên đã nằm xuống... Các xứ quân đều bị đè bẹp và các tỉnh lại được lần lượt thu hồi. Cao trào chiến thắng và oai hùng đó đã đưa đến việc thống nhất nước Trung-Hoa.

Sáu mươi ba năm chiến đấu đen tối, cuộc Cách mạng đã hoàn thành được nhờ vào tài ba của một người độc nhật, một sĩ quan Trung-Hoa trẻ tuổi và khiêm tốn nhưng có một ý chí vững chắc như Vạn-Lý-Trường-Thành, quyết liệt như giòng cuồng lưu của các trường giang Trung Quốc. Bởi vì kế hoạch Bắc phạt vào năm 1928 đã được thiết lập và lãnh đạo bởi một người... Tưởng-Giới-Thạch.

Những bước thăng trầm của thân phụ Pao phản ảnh rõ rệt vào đời sống của gia đình chàng tại Bắc-Kinh. Sau khi chúng tôi đến định cư tại con đường bên giòng sông nhỏ tại Bắc-Kinh, sắc thái huy hoàng của nhà Pao giảm dần đi. Số khách khứa đông đảo, những buổi yến tiệc linh đình, những ngựa xe đi lại rầm rập từ sáng đến tối khuya chưa dứt, dần dần chìm vào yên lặng. Những toán quân kỵ với bầy ngựa đeo nhạc lung lẳng ở cổ, chân nện xuống đất cồm cộp không còn tới nữa. Đám gia nhân cũng thưa vãn dần. Cánh cửa khổng lồ lúc nào cũng đóng hé hờ hững. Gió bốc từng đám bụi mù trong dãy sân.

Những gia sản của gia đình Pao lần lượt được bán đi để lấy tiền nuôi quân cách mạng... Rất nhiều bạn bè, trước kia đã lợi dụng biết bao điều, bây giờ

đều phân tán đi cả, ai cũng cảm thấy sợ hãi và xấu hổ không muốn tên mình dính líu đến một tay cách mạng. Vì thấy sống ở Bắc-Kinh không còn được an ninh, cha Pao liền mang cả gia đình về Hồ-Bắc chỉ để mình Pao lại Bắc-Kinh tiếp tục học. Trong căn nhà rộng mênh mông trống trải với các phòng cửa đóng im lìm, mỗi tiếng động đều có tiếng vang dội lại như trong hang sâu, Pao, một thiếu niên mới mười hai tuổi, sống thui thủi một mình với một người chú họ già.

Tôi không biết nhiều về quãng đời này của Pao. Chúng tôi cũng không còn gặp nhau nữa, vì cả hai đã đến cái tuổi mà người ta coi như không còn là trẻ con nữa. Pao, trên một phương diện nào đó, quả thật đã mất tuổi thơ: Chàng đã tạo cho mình một nét mặt già dặn, chín chắn và tự chủ trong thời gian này. Chúng tôi gọi cái nét ấy là "xung", đôi mắt mở lớn, nhìn chăm chú, đôi môi mím, những thớ thịt hai bên hàm răng hằn lên, tất cả các đường nét trên mặt chàng đều khắc khổ và cứng cỏi. Nghĩa độc nhất của chữ "xung" là "dữ tợn", nhưng nó cũng còn hàm chứa điều khác nữa: cương quyết, nhiệt thành.

Là một học sinh chững trạc trong bộ đồng phục, chăm chú học địa lý, toán pháp và cổ văn. Nhưng Lịch sử mới là đam mê của chàng. Lịch sử, đó là công chuyện của cha chàng. Lịch sử của tương lai. Khi được mười bốn tuổi, chàng gia nhập một đảng cách mạng. Các tay cách mạng thường tuyển đảng viên trong các trường học. Chỉ có giới trẻ mới đủ máu nóng để biết lo lắng khi thấy tương lai và tự do của xứ sở bị bán rẻ. Những người lớn, nói chung, thường uốn mình sống nương theo các xứ quân, chẳng cần lo nghĩ là ngày nào quyền lợi của họ chưa bị đụng chạm tới. Viện Đại học Bắc-Kinh và viện Đại học Trung-Hoa là lò đào tạo của chủ nghĩa xã hội. Chỉ trừ một vài tay có tuổi- biên tập viên báo chí hay các nhà văn- cách mạng là một phong trào của sinh viên học sinh.

Chính phủ- nghĩa là các xứ quân- đều lo ngại và thù ghét phong trào này. Các đại học và trường trung học đều bị khám xét luôn luôn và tất cả các

hoạt động đều bị theo dõi ráo riết. Đây không phải là một cuộc khủng bố tàn bạo, nhưng tại Trung Hoa, mỗi khi có đàn áp là luôn có đổ máu và tàn sát. Các thuộc cấp, đôi khi hung tàn, luôn luôn sốt sắng thi hành bốn phận, khi nhận được một lệnh đại cương nhằm triệt hạ một phe cánh, thì việc muốn hiểu mệnh lệnh như thế nào và thi hành ra sao đều tùy họ.

Hàng tuần, vào một buổi chiều nắng ráo nào đó, dân chúng lại tụ họp tại một chỗ gọi là Tu-Ti-miếu, đền thờ thổ địa để xem cảnh xử giáo. Tôi nhớ một lần chính mắt tôi đã trông thấy đoàn xe bò lặc lư tiến về phía đó. Trên xe toàn là đàn ông và thanh niên cởi trần: đó là những tay cách mạng bị kết án đang đi thọ hình. Chung quanh họ là một đám đông náo nhiệt, đến nhìn họ chết như người ta đi xem xiếc. Không biết đó có phải là một nét tàn bạo của dòng giống chúng tôi không? Dù sao cũng thể hiện sự thản nhiên tàn nhẫn trước những đau khổ và chết chóc. Các nhà cách mạng cũng rất thản nhiên. Họ cười nụ cười khắc khổ và còn kêu gọi quần chúng cho đến phút cuối cùng của đời họ. Đôi khi họ đã làm hồi tâm được một vài người bằng cách này. Một buổi chiều, khi hoàng hôn vừa đổ xuống, Pao lách khỏi cửa, bước ra ngoài đường phố xám vắng. Chàng sẽ đi luôn không còn về nữa. Chàng bước khỏi nhà, bình thản với một cuốn sách toán dưới nách làm như định đi đến nhà bạn để cùng học thi. Ít ra chàng cũng đã nói với ông chú già như vậy.

Nhưng lần này chàng lại đi theo con đường của đám học trò, lách qua rẽ lại nhiều lần trước khi đi đến khu Tây của thành phố. Mặc dù là nằm trong vòng thành, nhưng khu này còn đang xây cất dang dở. Các phố xá trông giống như các con đường trên cánh đồng hoang. Pao đến một điểm hẹn của các tay cách mạng: một ngôi đền nhỏ nằm khuất trong bóng tối của một cây đại thụ và cách xa lề đường.

Chàng lầm lũi đi, giữa những bức tường đỏ chót. Ngay trước các bậc thềm thấp và rộng dẫn lên chánh điện là một cái đỉnh đồng thật lớn, trông giống như cái nồi ba chân khổng lồ. Ở hai bên đỉnh là một cái trống tròn to và

một cái chuông đồng. Vào giờ tụng kinh sáng hay chiều, ông thủ đèn đốt ba nén hương cắm trên cái đỉnh đồng, gõ mấy tiếng chuông và gióng lên một hồi trống, đốt mấy ngọn nến trước các tượng thần thánh trên bàn thờ. Trong cảnh tranh tối tranh sáng chỉ có các bức tượng là hiện rõ với những nụ cười nhẹ nhàng, xa vắng.

Pao và các đồng chí họp nhau trong một khoảng trống ở phía sau bàn thờ. Họ gặp nhau tại đây để nhận các chỉ thị mật cho chương trình hành động. Tiếng khua lách cách của chiếc máy in quay tay bị các bức tường và cây cối bưng bít. Chẳng có mấy nhà ở gần để có thể nghe thấy. Họ đã mua được ông thủ đèn. Cái công việc chính trị đối với ông chẳng có quan hệ gì. Họ đã xử dụng chỗ này làm chỗ họp mặt từ mấy tháng nay. Chẳng có gì đáng lo ngại.

Bóng tối đổ xuống dần dần. Từng đàn quạ bay về các đình chùa ở khu Tây kê lên quang quác rồi xà xuống cây đại thụ trước cổng đền, cất bổng lên, lững lờ bay nhiều vòng quanh cây rồi sau cùng, khi trời đột nhiên tối sầm lại, hạ xuống đậu cả trên cây. Đêm tối hoàn toàn yên lặng. Họ theo tiếng mõ nhịp nhàng, tiếng ông thủ đèn tụng kinh đều đều trước bàn thờ. Trong cái hộc phía sau các tượng thần thánh, một ngọn đèn mờ hắt lên tường bóng dáng các khuôn mặt trẻ măng, nhiệt thành, chăm chú. Tiếng lách cách từ chiếc máy in vẫn đều đều, từng tờ giấy đầy các lời đòi hỏi tự do nguy hiểm được in ra. Không có gì đáng ngại...

Sau các bức tường màu đỏ, đám binh sĩ của chính phủ đang lặng lẽ khép kín vòng vây. Một vài tên địch- hay tên phản bội nào đó đã tố cáo... Các tên lính đều không mang súng đạn, chúng chỉ cầm những chiếc mã tấu to bản, dài chừng một thước rưỡi đựng trong các bao màu đỏ thẫm. Người ta đã hạ lệnh cho họ hành động thật gọn, nhanh và yên lặng để không gây náo động. Tiếng ồn ào có thể khiến phải tổ chức các cuộc điều tra phiền phức, bởi vì trong đám đó có rất nhiều trẻ thuộc các gia đình có địa vị quyền thế.

Sau khi đã làm một vòng vây khép kín ngôi đền, các binh sĩ liền phá cửa. Dấu hiệu báo động chỉ báo trước có một giây đồng hồ: tiếng quạ bay vút lên khỏi đám lá cây, tiếng cánh cửa đập mạnh vào tường khi bị húc mạnh. Họ đã tấn công bất ngờ, đám trẻ con không tự vệ. Máy in, một băng cơ vô phương chối cãi nằm trong tay chúng. Nhưng ngay đúng lúc đó, vừa vượt qua bức tường ngoài, Pao lẫn vội vào bóng đêm của các lùm cây. Chàng tránh né các toán gác phía ngoài để bắt các kẻ chạy trốn- Chàng đã biết cách tránh né ngay trong bóng tối- và chẳng bao lâu chàng đã bỏ xa đám lính săn đuổi. Một vài đồng chí của chàng cũng chạy thoát được. Những người bị bắt đều bị quỳ giữa sân và bị xử chém ngay tại chỗ. Họ chất đầy củi trong cái đình đồng, rồi các đầu lâu và thân người đều bị đốt thành tro. Chẳng còn gì chứng tỏ sự hiện diện của những thanh niên chưa đến tuổi hai mươi, những quả cảm, đã lấy sinh mạng để trả giá cho những tư tưởng tiến bộ ấy. Nhiều năm sau, số mạng bi thảm của họ mới được khám phá ra.

Pao lẻ làng chạy khỏi nơi đó. Suốt đêm ấy, chàng đi lang thang trên các đường phố hay trốn tránh các toán tuần tiễu. Chàng không dám quay về nhà. Họ đã khám phá ra tên chàng, họ có thể đến bắt chàng ở đó. Chàng cũng không thể về trường. Nơi đây, mọi người đều biết rõ đồng chí và bạn bè của chàng. Nếu xuất hiện, thế nào họ cũng bị hạch hỏi. Tất cả những chỗ mà chàng quen biết, không chỗ nào có thể trốn tránh cả. Mới mười bốn tuổi, Pao đã phải tự lo lấy nỗi an nguy. Ông chú già không thể giúp chàng. Cha chàng lại ở xa, tận miền Nam. Chàng hoàn toàn đơn độc.

Sáng đến, chàng lẫn giữa đám đông náo nhiệt đang đợi mở cửa thành để bắt đầu một ngày sinh hoạt mới. Lẩn lộn trong đám đông, chàng vượt qua các trại lính gác vô sự. Có lẽ còn sớm quá nên lệnh truy nã chưa đến kịp. Thế là Pao ra khỏi Bắc-Kinh; từ đó, trong túi chỉ có 10 quan kim, chàng đi về Thiên-Tân, cách Bắc-Kinh hàng mấy trăm cây số. Chàng đi mãi cho đến khi gặp một đoàn xe lừa chở đầy hàng hóa cũng đang tiến về phía Tây. Pao đúng là một đứa trẻ của thành Bắc-Kinh, tâm trí thật nhậm nhẹ, đặc tính điển hình của vùng này. Chàng biết rất nhiều các mẫu điển tích thu thập qua

các bài học hay qua các lần xem kịch. Với cái miệng mau mắn, chàng đi đâu mà chẳng lọt. Chàng có thể là một bạn đồng hành vui tính và các người đánh xe lừa đều khoái chí mà cho chàng quá giang, ngồi ngất ngưỡng trên đồng hàng. Dọc đường, cũng với cái miệng mau mắn, chàng đã xin được tá túc qua đêm tại các nông trại. Sau bấy ngày lặn lội, chàng đã đến được Thiên-Tân, từ đây chàng đáp tàu thủy đi Thượng-Hải và bắt được liên lạc tại đó. Đây là câu chuyện Pao kể lại mỗi khi chàng muốn kể. Khắc khổ, chính xác, không lo nghĩ vẩn vơ về các nỗi sợ hãi, mệt nhọc, thương tiếc các đồng chí hay về các nỗi kinh hoàng, cô đơn và vô vọng. Chàng không hề cho cuộc hành trình đó có gì là phi thường cả.

Tuy nhiên, nhiều năm sau, tôi không khỏi thắt bụng mỗi lần nghĩ đến chàng thiếu niên tự tin đã quay gót từ bỏ ngôi nhà quen thuộc, từ bỏ những bức tường thành xám ngắt phong rêu của Bắc-Kinh, bước đi không hề một lần quay lại thương tiếc.

Đối với cả hai tôi, Bắc-Kinh là tổ ấm không nơi nào có thể thay thế được. Mặc dù những thảm cảnh diễn ra hàng ngày, không khí vẫn khoác một vẻ bình yên, một sự nhịp nhàng trầm lặng bất biến. Nơi đó phảng phất một vẻ đẹp, nổi bật trong cái dáng buồn trang trọng của thành phố. Chúng tôi đã khơi lại đống tro tàn lịch sử đầy dẫy các cuộc xung đột và hào quang, nhiều đến nỗi, chúng tôi đã đạt được tâm hồn chín chắn, một trí khôn trước tuổi.

Vẻ đẹp của Bắc-Kinh không phải chỉ là một thẳng cảnh dễ nhìn. Cần phải có một danh từ mới để diễn tả vẻ đẹp đó, bởi vì nó tỏa ra một sức mạnh, một hào khí, một vẻ trang nghiêm tôn kính, bầu trời xanh ngắt, một màu xanh cô đọng nhưng mỏng manh đến cái độ có thể bị rạn nứt như một chiếc bình sứ nếu như các tiếng động trong thành phố mà vang lớn hơn tiếng thì ào. Nhưng đám thị dân Bắc-Kinh lại có vẻ hiền lành và tiếng nói của họ nghe nhẹ và mơ hồ, tiếng bánh xe nghiền trên mặt đường bị tắt nghẹn trong đám bụi và các tiếng động trên đường phố đều nhịp nhàng, nỉ non, đến cái độ mà bầu trời cong vút trên đầu vẫn còn nguyên vẹn. Tại chân trời, rặng



núi Tây đứng sừng sững màu xám, xanh hay tím ngắt tùy theo từng lúc trong ngày. Buổi chiều, dãy núi biến sang màu đen xám che khuất ánh mặt trời đỏ rực màu lửa đỏ đang từ từ lặn. Những mái ngói của một triệu căn nhà, những mái ngói ánh màu vàng của các dinh thự duỗi ra như thể đang vươn tay ban phước lành cho mỗi người. Những tường thành xanh, xám vững chắc như những ghenh bao bọc lấy thành phố- đó là bức tường phòng vệ của quá khứ xa xưa, ngày nay nó trở thành vô vọng trước những thứ vũ khí tối tân của một cuộc xâm lăng mới, cũng tàn khốc như xưa, nhưng lại hữu hiệu hơn là mối đe dọa xâm lăng của các rợ Hồ miền Bắc.

Còn với tôi, các biến cố không xảy ra quá đột ngột như vậy. Khi lớn lên, tôi đã học các lớp trung học và đại học tại Bắc-Kinh. Những năm trưởng thành của tôi cũng là những năm mà quê hương được thống nhất và thanh bình, tất cả các phe nhóm sau cùng đã thỏa thuận được với nhau. Tuổi trẻ có nghĩa là ái quốc và yêu nước Trung-Hoa với tất cả nhiệt huyết. Tương lai chỉ là hứa hẹn và hy vọng... lứa tuổi chúng tôi được hưởng một thứ tự do mới. Chúng tôi đã thoát ra ngoài vòng kiểm tỏa của gia đình cổ hủ để tìm thấy một lẽ lối giải phóng và một hướng đi tại đại học. Đó là một phong cảnh tuyệt vời với những bãi cỏ láng mượt, những hàng cây lá lướn, với một dòng sông nhỏ lượn quanh, với mái chùa cong vút, với những dãy nhà còn đọng vẻ cổ xưa. Giáo sư của chúng tôi là những nhà bác học từ khắp thế giới và những học giả uyên bác nhất của Trung-Hoa. Thư viện của chúng tôi chứa đủ các tác phẩm Trung-Hoa cùng tất cả các loại sách ngoại ngữ. Trong những phòng học rộng mênh mông, chúng tôi đã say sưa tìm kiếm những kiến thức mới mẻ. Chúng tôi đã say mê bàn luận về triết học, chính trị và thần học. Cái gì cũng đều là mới mẻ. Không gì có vẻ khó đối với chúng tôi cả. Chúng tôi học làm quen với một thế giới mới, bác bỏ những tranh luận, những thiên kiến cổ hủ, và với lòng tự tin, với tuổi trẻ, công việc không có gì là khó.

Hàng rào truyền thống ngăn cách gái trai bị dẹp bỏ trong một không khí bằng hữu cởi mở. Chúng tôi học chung, bàn luận chung. Tối đến, chúng tôi

thường tụ họp trên các gác lửng của các dinh thự lớn ở Bắc-Kinh- khoảng một trăm hay hai trăm là nhiều- chỉ cần căn phòng đủ lớn thôi. Các cô mặc áo dài vẽ hoa, áo xường xám với thân áo mỏng và bó sát lấy người và trên đầu cài một vài bông hoa. Nếu có nhạc, con trai con gái nhảy với nhau theo các điệu vũ tây phương. Chúng tôi còn kéo nhau đi cắm trại trên thảm cỏ xanh, dọc dòng sông nhỏ lượn quanh khu đại học. Dưới ánh trăng thu vắng vặc(trăng Bắc-Kinh sao mà sáng thế), dưới rặng liễu uốn bên bờ hồ Bạch-Hà, chúng tôi ngâm những câu thơ Lý-Bạch. Đôi khi chúng tôi chèo thuyền cho trôi lơ lửng trên những dòng kinh, chui qua các dạ cầu, lướt qua những bông sen vươn lên trên đám lá xanh nổi lênh bênh trên mặt nước. Xa xa vọng lại một giọng sáo thì thầm hay một điệu đàn thập lục hoặc một lời ca tình ái.

Mặc dù có những điều mới mẻ đó, chúng tôi vẫn còn giữ một truyền thống căn bản từ ngàn xưa trong nghệ thuật sống hạnh phúc và tiện nghi. Không có nơi nào mà những thứ vui và đam mê lại được đẩy đến mức tuyệt trần như vậy. Các hàng ăn ở Bắc-Kinh luôn luôn là một đề tài được nhắc nhở và bàn cãi sôi nổi: ở khu Tây có đủ quán của người Hàn, người Hồi, người Thát-Đát. Tại các tiệm của người Hán, người ta sẽ bồi tiếp bạn hết đĩa này qua đĩa kia, toàn là những món ăn thượng hạng mà bạn không thể gặp ở đâu khác: rau tươi ngọt lịm, sốt ngon đứt lưỡi thịt, mềm tuyệt, cá ướp ngũ vị hương nướng thơm điếc mũi, vịt quay vàng ngậy cùng các món gia vị hiếm lạ; có thể nói đó là một sự hòa hợp các hương vị đến chỗ tuyệt hảo, đưa khẩu vị lên đến xứng đáng được liệt vào hàng ngũ các ý niệm mỹ thuật cao cả nhất. Trong các tiệm ăn của người Thát-Đát, người ta nướng cả con cừu trên ngọn lửa sáng rực giữa sân, theo đúng tập quán của những bộ lạc sống trên các cánh đồng cỏ heo hút ở xứ Mông-Cổ. Những miếng kính dài hàng thước treo lủng lẳng dưới các mái nhà uốn cong. Ánh lửa ấm, sáng đỏ, mùi khói khét của than củi, thịt chín đỏ bắn tung ra từng giọt mỡ cháy sèo sèo trên đám than hồng. Thực khách ăn uống phủ phê, ăn đến độ không còn ăn được nữa để khi ra đi, bụng đã vững hầu chống lại khi đêm rét mướt.

Cuốn lịch cũ tức là âm lịch, đầy những ngày lễ, tết; mỗi ngày lại có một cái có- nếu thực sự cần một cái có- để mời bạn bè thân thuộc đến thưởng thức các món ăn đặc biệt của từng mùa hay để đi từ nhà này sang nhà kia, từ bạn này sang bạn khác mà ăn mà uống; ăn, lúc nào cũng ăn. Ngày tết Đoan Ngọ với những cái bánh ú, tết Trung Thu với bánh dẻo bánh nướng, tết Nguyên Đán với bánh tét, bánh ngọt và các bánh"quế" mỏng như tờ giấy cùng những loại rau đầu mùa.

Mỗi khi nhớ đến Bắc-Kinh là lòng chúng tôi lại thấy trống rỗng và cô đơn. Nhà chúng tôi- căn nhà bé nhỏ ở đầu đường của gia đình tôi và cái dinh cơ đồ sộ với các dãy nhà nối đuôi nhau của gia đình Pao- đứng lặng lẽ và hoang tàn. Người giữ nhà chập chững bước ra khỏi phòng để hứng lấy ánh nắng mùa đông. Đây là sinh vật duy nhất còn qua lại trong dãy sân hiu quạnh... Chúng tôi nghĩ đến Bắc-Kinh với cái tên kiêu hùng như là"Kinh Đô Miền Bắc". Chính tại nơi đây, hai đứa chúng tôi đã cùng nhau thả bộ đi xem các dinh thự trong Hoàng thành- những bức tượng đỏ như son, những mái ngói vàng óng rực rỡ- khắp sân điện lót đá cẩm vân với những dãy hành lang trạm trổ đầy những sư tử cùng kỳ lân- hàng tảng đá bạch vân đã được hàng ngàn thớt voi chở từ các mỏ đá từ các vùng biên giới Miến-Điện, qua hàng ngàn cây số của nước Trung-Hoa rộng bao la. Đây, cái huy hoàng cùng cực của các vị hoàng đế từ hàng trăm năm qua ở cả đây. Máu, mồ hôi đã cất lên những dinh thự điện đài của Hoàng cung; đó là chưa kể những sưu cao thuế nặng đánh lên đầu đám dân nghèo. Đối với nhiều người trẻ tuổi Trung-Hoa, đó chỉ là những dinh thự của bạo lực độc tài.

Đúng lắm! Nhưng hãy im lặng mà ngắm cái vẻ hùng vĩ của nó dưới ánh nắng mặt trời. Mọi thứ đều cân bằng, chắc chắn, chính xác: các bãi sân im lìm, phẳng như mặt nước, kiến trúc đúng theo phương hướng và chuyển vận mặt trời đông, nam, tây, bắc. Các lớp sân trước nhà cứ cao dần làm nền cho các cung điện hùng vĩ với những lớp tường đỏ chót, rực rỡ óng ánh còn hơn ánh mặt trời chiều; với những cái cổng tò vò lớn; với những mái nhà vàng óng ánh uốn thành những vòng cung dũng mạnh. Đó là hình dạng mà

người ta tưởng tượng ra về nước Trung-Hoa. Bạo lực và độc tài đã dựng các khối đá cẩm thạch, đã đặt các cây xà trên các mái ngói. Đúng vậy. Nhưng những hình đồ chính, những tỷ lệ căn bản, chính xác, cái vẻ đồ sộ, những cái gì có thể giải phóng tâm hồn, đó mới chính là thần sắc của toàn thể nước Trung-Hoa. Cá nhân chỉ là một hạt cát, chỉ có quốc gia mới hiện lộ ra. Không có một vị hoàng đế nào xứng đáng với tất cả cái huy hoàng vĩ đại đó. Không một kiến trúc sư nào lại có thể tự mình ý niệm được một kiến trúc hùng vĩ, cùng những vẻ tráng lệ với những màu sắc, đường nét giản dị và dũng mạnh đến thế. Sắc thái vững chắc, sự yên tĩnh trầm thẳm, sự hòa hợp giữa trời với đất, tất cả những cái đó là một thực hữu rất rạo dưới hình thức của cái đẹp hiển hiện trong nhân sinh quan của người Trung-Hoa.

# ĐƯỜNG VỀ TRÙNG KHÁNH

Han Suyin

www.dtv-ebook.com

## Dịch Giả: Trùng Dương & Hồ Hải

### Chương Hai

Thứ mà chúng tôi thích nhất khi ở trên đất Anh là cỏ, những bãi cỏ được cắt tỉa, xanh mướt, mềm mại đã được trồng sỏi vun đắp hàng vài ba trăm năm nay. So với những cánh đồng cỏ khô cằn vàng úa màu bụi cát của miền Bắc Trung-Hoa, so với những mùa đông lạnh cắt thịt, những mùa hè nóng thiêu đốt, cái thảm cỏ xanh mướt ăng-lê này là một kỳ quan đầy hứng thú. Tôi nhớ lại kỷ niệm mùa hè đầu tiên sống ở miền quê, trong vùng Kent, khi tôi và Pao gặp nhau nơi xứ người, một nước Anh còn thanh bình, nguyên lành dưới ánh mặt trời dịu dịu hay những hạt mưa êm đềm. Không khí như thơm mùi mật. Mặt trời sắc óng như mật vàng, không bao giờ quá nóng. Ánh sáng trong suốt ôm ấp một hơi mát lạnh, giống như một thanh kiếm vừa nhẵn thín vừa sắc như nước.

Chúng tôi là những người được ưu đãi trong cái thế giới đó- chúng tôi, Pao và tôi đã nhận được nhiều thư nhà trong khoản thời gian này. Pao đã hai mươi tuổi, tôi còn trẻ hơn nữa. Chúng tôi được tự do, thứ tự do mà ít thanh niên Trung-Hoa được thưởng thức. Chúng tôi đã được đặc quyền xuất ngoại, học tại ngoại quốc. Trong cái không khí mới mẻ này, chúng tôi tạm quên đi những lo nghĩ quá nặng nề đối với số tuổi của chúng tôi, quên đi những xáo trộn bi thảm của thuở thiếu thời. Những cái tang mới cũng hình như xa lạ hơn và bớt đau nhức hơn. Chúng tôi là những kẻ được may và hơn thế nữa, nhờ vận may, hay đúng hơn là do định mệnh, cái định mệnh đã đưa đẩy chúng tôi vào hai con đường khác biệt để rồi lại kết hợp chúng tôi lại một cách hết sức kỳ lạ nơi đất khách quê người.

Khi Pao trốn khỏi Bắc-Kinh, chàng chạy về với gia đình tại Hán-Khẩu. Mười bảy tuổi, chàng được gửi đến Nam-Kinh theo học tại trường Võ-bị Trung-ương để trở thành một chiến sỹ. Trường này đã được các lãnh tụ cách mạng thiết lập để huấn luyện các sỹ quan trẻ theo một mẫu mực mới: hiểu biết, kỷ luật và trung tín. Những người trẻ tuổi đó đã được lựa chọn để tạo thành cái nhân cho các quân đoàn của Trung-Hoa, họ phải khác biệt với cái bản chất ngu dốt, ích kỷ của các xứ quân và đám bộ hạ. Họ được trao phó trọng trách tái lập trật tự và hòa bình, tái chinh phục các tỉnh miền Đông-Bắc đã rơi vào tay Nhật-Bản, tiêu diệt đế quốc ngoại bang dù đó là các đạo quân xâm lược hay là một thứ xâm lăng khôn ngoan hơn của tư bản quyền lực. Nói tóm lại, họ được trao phó trọng trách phải tái lập một nước Trung-Hoa độc lập và thống nhất.

Chỉ huy trưởng trường là Thống-tướng Tưởng-Giới-Thạch, người nổi tiếng như là vị lãnh tụ đã hướng dẫn cách mạng trên đường chiến thắng. Cứ mỗi sáng chúa nhật, ông lại cho tập hợp ba ngàn sinh viên sỹ quan trước thao diễn trường để nói chuyện liên tiếp ba bốn giờ liền.

Con đường học vấn của Pao tại trường Võ bị Trung ương lên đến tột đỉnh vinh quang, khi chàng được chọn làm một trong ba người được gửi đi theo học tại ngoại quốc. Tướng Bạch-Chung-Si, cục trưởng quân huấn đỡ đầu cho một số rất ít các sinh viên Trung-Hoa, được tuyển chọn hàng năm trong những người xuất sắc nhất để gửi theo học nghệ thuật quân sự với các sỹ quan nước bạn. Pao được gửi đi Sandhurst để theo học tại trường Võ bị Hoàng-gia và trường Pháo-binh, những trường Võ-bị nổi tiếng của Anh quốc. Chàng đến xứ Anh với tư cách là một sinh viên, nhưng đồng thời cũng là người đại diện cho quốc gia và giống nòi ở xứ người.

Dù vậy, điều vinh quang đó lại có một cái tang đau đớn đi kèm: thân phụ chàng mất. Người ngoại quốc khó có thể hiểu được cái cảm tình mà Pao dành cho cha chàng, nó vượt quá tình yêu thương và bốn phận thường tình. Nó mang nặng một ràng buộc chặt chẽ gần giống như trong tôn giáo, bởi

mối liên quan phụ tử là một trong bốn đức tính mà nho giáo coi như tối thượng.

Ngay từ thời thơ ấu, Pao đã coi cha chàng như một vị anh hùng và lý tưởng của ông là ngôi sao sáng hướng dẫn đời chàng.

Trong khi đang chơi bóng rổ, Pao được gọi lên văn phòng để nhận một điện tín. Bức điện chỉ vỏn vẹn có mấy chữ: "Con thân yêu, cha bị bệnh". Khi đọc xong, Pao biết rằng cha chàng sắp mất.

Không có lý do nào trọng hệ hơn có thể khiến cho người quân nhân khắc khổ đó phải nói về bệnh tật của mình. Pao quay gót, vội vã về phòng để được giam mình trong cô đơn. Chàng không thể làm nhục đến cha trong việc biểu lộ tình cảm trước mọi người.

Ngày hôm sau, chàng lên tàu về Hán-Khẩu. Khi chàng đặt chân lên thành phố thân yêu này, khi chàng về đến con phố cũ, tim chàng chết lặng. Những chiếc đèn lồng trắng đã được treo trên cửa ra vào. Mầu trắng! Mầu tang tóc! Chàng đã về quá muộn. Bước qua thềm, chàng nghe thấy tiếng kêu khóc, tiếng đàn bà than vãn. Họ kêu gào tên cha chàng, van xin người hãy trở lại. Pao băng qua sân, mặt dẫn đánh lại và xung lên, tiến về phía đại điện nơi đặt chiếc quan tài do một thân cây xẻ hai đã được đóng kín. Trước quan tài, thân mẫu Pao đang quỳ khóc và kể lể. Pao, người con trưởng, đứng thẳng tắp và cứng nhắc trong bộ quân phục nói lớn:

- Không một ai được khóc, nếu không tôi sẽ bước đi ngay!

Khi người ta khiêng quan tài ra ngoài ngoài ô để chôn, Pao đi giữa đám người khóc than, đầu ngừng cao. Trong khi đi đường, không một ai lớn tiếng kêu gào như thường lệ. Trước mộ, người ta cúng vái người chết bằng cách đốt tiền vàng, đốt pháo, lầm rầm khẩn vái và tấu nhạc cử ai với các loại đàn giây và chiếc cồng để tống tiễn linh hồn người ra đi. Mẹ Pao mặc cái áo sô, cuối thân sở tua đầu chít vành khăn tang trắng, đứng chết lặng

bên đồng đất mới đắp, người run lên trong cơn đau khổ thầm lặng. Những họ hàng thân quyến đều yên lặng không dám cất giọng khóc thương vì Pao, ông con trưởng và cũng là người cử ai chính đã cấm đoán. Và chàng, chàng đứng thật nghiêm và thật thẳng, mặt chàng đanh lại như được khắc trong đá.

Khi Pao rời gia đình để đi Anh quốc, chàng cũng chẳng hứa hôn với ai. Đó là một điều bất thường đối với cậu ấm của một danh gia, vốn có bốn phận phải nối tiếp tông môn. Chàng còn trẻ. Chàng chỉ rời quê hương mấy năm. Nếu chàng uốn mình theo cổ tục hay ý muốn của mẫu thân, chàng đã phải quỳ gối trước bàn thờ tổ tiên với một cô gái xinh đẹp do gia đình lựa chọn. Sau khi chàng xuất ngoại, vợ chàng sẽ ở lại nhà chàng và hiếu thuận hầu hạ mẹ chồng. Nếu mọi sự đều êm đẹp, cô nàng sẽ cho gia đình một đứa con trai. Nhưng sau bao nhiêu năm làm quen với tinh thần tự do của Âu tây, tâm hồn biến đổi cách tế nhị khi giao tiếp với một nền văn minh khác- thật là kỳ quặc, phải sống với người đàn bà xa lạ, với đứa con e dè, sợ sệt người cha nó chưa hề gặp mặt.

Gia đình Pao rất muốn có một nàng dâu. Ngay từ lúc mới sáu mươi, thân mẫu Pao đã lo chọn một vị hôn thê trong đám các gia đình quen thuộc cho chàng. Nhưng Pao không phải là hạng người khuất phục trước nghịch cảnh. Khi biết là gia đình đã nhắm được một cô dâu và việc mai mối sắp sửa bắt đầu, chàng bỏ nhà đi biệt tích hai tháng. Thân mẫu chàng chấp thuận hoãn cái công việc nhằm chán đó hai năm rồi lại bắt đầu đi tìm cô con dâu hoàn toàn khác. Nhưng Pao không còn để cho ai dễ dàng lần thứ hai nữa. Thân mẫu chàng đồng ý để thu xếp cho chàng gặp mặt với cô gái mà bà đã kén chọn, coi đó như là một hành động thật trái với lệ thường.

- Nó đẹp lắm, bà hứa hẹn. Rồi con sẽ thấy!

- Nhưng, Pao trả lời, làm sao còn có thể lấy một người mà con không quen biết? Làm sao còn có thể sống gần gũi với cô ta suốt ngày này qua ngày kia cả đời? Làm sao con có thể chia sẻ những tư tưởng, những ước vọng của



con với một người xa lạ? Việc cô ta có đẹp không đối với con không quan hệ bằng việc con cần biết tâm hồn cô ta ra sao. Và làm sao con có thể biết được trong một lần gặp mặt ngắn ngủi. Còn cần phải tự chọn lấy một người biết giữ được danh giá của gia đình, người vợ sẽ cho con những đứa con mà con sẽ hãnh diện. Giữa hai vợ chồng, cần có sự kính trọng và thông cảm lẫn nhau. Con không thích sau này sẽ bỏ rơi người vợ mà gia đình đã cưới cho lúc còn trẻ, để lấy một người vợ thông minh trẻ đẹp hơn như nhiều người khác vẫn làm. Con cũng không muốn có cảnh vì chán người vợ do gia đình lựa chọn mà lại đi cưới thêm thê thiếp. Hôn nhân phải là sợi dây ràng buộc vững chãi, một sự thỏa thuận dứt khoát cho cả hai người đàn ông lẫn đàn bà. Đó là một lời ưng thuận tự do chứ không phải vì ép buộc. Đây là lý do tại sao sau khi ý thức được trách nhiệm của mình, con muốn tự chọn lựa lấy. Không ai có thể chọn lựa hộ con được.

Thân mẫu chàng ngạc nhiên tột độ. Đúng là những tư tưởng tân thời và nguy hại của lớp trẻ. Nhưng từ xưa đến giờ Pao vẫn theo đúng truyền thống cũ cơ mà. Không phải chàng chỉ bắt chước rờm những phong cách của người Âu tây, mà chỉ vì chàng đã suy ngẫm và cân nhắc những lý tưởng của đời sống gia đình Trung Hoa và đặt lại vấn đề. Chàng có đủ tinh thần độc lập để suy nghĩ lấy, để chọn lấy những điều hay mà giữ, thấy điều dở mà sửa bỏ. Thân mẫu chàng vẫn chưa hiểu được thái độ của chàng. "Đó chỉ là một giai đoạn tạm thời, bà tự nhủ như vậy, hãy để vài năm nữa và Pao sẽ qua cái tuổi niên thiếu bướng bỉnh này đi."

Trước khi xuất ngoại, thân mẫu chàng đã van vì chàng hãy lấy vợ sau khi đã thăm dò một gia đình quen có một cô gái đến tuổi cập kê. Nhưng lần này Pao lại bướng bỉnh hơn bao giờ hết. Chàng từ chối không chịu nghe ngay cả cái tên của cô gái đã được chọn. Cái cô gái thứ ba được thân mẫu Pao chọn làm dâu này... chính là tôi...

Pao lên tàu đi Anh, tâm hồn hoàn toàn thanh thản, hoàn toàn tự do không vướng mắc với bất cứ sự kết ước nào của gia đình.

Vào dạo ấy tôi không biết rõ mấy về các cuộc mai mối đó. Tôi không lạ gì việc chú tôi (trở thành giám hộ của tôi khi song thân tôi qua đời trước đó vài năm) vẫn tiếp xúc với gia đình muốn ngấm ghé tôi. Nhưng tôi không tin tưởng gì vào hôn nhân, tôi đã quen với nếp sống tự do ở đại học. Tôi say mê trong việc học hỏi khoa học và tôi đã quyết định dâng hiến đời mình cho một nghề nghiệp. Nếu cứ chiếu theo bản chất tự nhiên, tôi sẽ theo ngành văn chương. Nhưng cũng giống như cả thế hệ của tôi, tôi hằng say mong muốn phục vụ xứ sở và thấy rằng các danh từ rỗng tuếch chẳng mang lại lợi ích và sức mạnh gì cả. Khoa học là vị thần, một vị thần vạn năng sẽ biến Trung-Hoa thành một nước giàu có và hạnh phúc. Võ trang bằng các ống nghiệm cùng các động cơ, chúng tôi sẽ mang lại thịnh vượng cho đất nước và ấm no cho hàng triệu dân, tiêu diệt bệnh tật và nghèo khổ. Đó là lý do tại sao tôi đã xếp xó tất cả những cuốn sách mà tôi yêu mến, những cuốn thơ, những vở kịch, những cuốn tiểu thuyết để suốt ngày chúm đầu trong các phòng thí nghiệm và cặm cụi trên các công thức cùng các biểu đồ.

Nhưng tôi không có khiếu trong việc nghiên cứu trừu tượng. Tôi cảm thấy cần ứng dụng tất cả những hiểu biết khoa học của mình như một công cụ phục vụ một mục đích thiết thực. Rồi bất ngờ, nhân một hôm đến bệnh viện thăm một người bạn gái vừa mới sinh, tôi đã tìm thấy công việc mà tôi có thể xử dụng đến mớ kiến thức về sinh vật học và hóa học của mình. Đó là nghề cô đỡ! Tôi liền tưởng ngay đến các bà "mụ quê" với những móng tay dài cái ghét, bẩn thỉu, với những lời phù chú lầm rầm nơi cửa miệng để xua đuổi tà ma định hãm hại sản phụ và hài nhi, thông thường là thiếu hiệu quả, vì tôi luôn thấy những chiếc đèn lồng trắng tang tóc treo trên cửa nhà, một cổ quan tài đen xám hay là một cái hòm gỗ thô kệch, đôi khi chỉ là một bó chiếu cũ rách được mang ra nghĩa địa. Nhưng nơi đây, tất cả đều sạch bóng, tinh khiết; nơi đây người ta tận dụng mọi khả năng của khoa học để giảm bớt cơn đau xé ruột của sản phụ, người ta chiến đấu với mọi nguy hiểm để cứu lấy sinh mạng non yếu của hài nhi. Đó chính là ý nguyện của tôi.

Tôi dẹp hết tất cả những dự định hôn nhân của chú tôi và thuyết phục được chú gửi tôi sang Anh quốc để học về nghề đỡ đẻ.

Những ngày dài trong lớp học và những ngày dài trong phòng thí nghiệm, quan sát các dung dịch biến từ màu này sang màu kia trước những tia nắng xuyên qua khung cửa sổ. Ở ngoài, trời mưa, những cơn mưa muôn thuở của xứ Anh; những mặt lộ sũng nước bóng loáng; những chiếc áo mưa chen lẫn nhau trên hè phố. Lại có những ngày dài trong phòng đẻ, cúi mình trên các sản phụ rên rỉ và quặn mình đau đớn; mùi ê-te hắc sộc lên mũi, mùi thơm ngọt của thuốc mê; những giây phút hồi hộp khi một sinh mạng mới chào đời. Nổi phập phồng trong giây phút đầu tiên của đứa bé trước khi cất tiếng khóc the thé chào đời; nỗi vui mừng hớn hờ khi mọi việc tiến hành tốt đẹp không trở ngại. Những ngày dài trong các phòng bà đẻ hay các phòng nuôi trẻ để nhìn ngắm sự sung sướng hau háu của những cái miệng tí hon nghiêng ngấu nơi vú mẹ, nỗi hân hoan hiện rõ trên nét mặt của bà mẹ; và khắp mọi nơi đều bao trùm màu trắng tinh khiết và mùi hương thơm của bó hoa. Cũng có những trường hợp bi thảm: Những giây phút kinh hoàng bất ngờ trước một trường hợp băng huyết hay những cơn đau cùng cực hay những hồi mê lim báo hiệu bóng dáng tử thần trên ngưỡng cửa của cuộc sống. Nhưng những trường hợp đó thật họa hiếm. Nơi đây thật không giống với quê hương tôi chút nào; tại đất nước tôi, các bà mẹ thường đợi chờ phút giây kinh hoàng ấy trong lo âu, thông thường một trăm vụ thì có hai ba vụ sẽ xảy ra thảm cảnh chết người khi lâm bồn và năm mươi phần trăm các đứa nhỏ không có hy vọng sống qua một năm. Mỗi khi tôi ôm những đứa trẻ mắt xanh biếc, đầu hói nhẵn hay lơ thơ một vài sợi tóc hung, tôi không khỏi nghĩ đến các đứa trẻ Trung-Hoa, cặp mắt và mái tóc đều đen và tôi mong muốn các đứa trẻ đó cùng các sản phụ đó cũng được săn sóc như thế này, cũng được chăm chút chống lại bàn tay tử thần như thế này.

Các ý niệm về sự thiêng liêng cao cả cùng nỗi kinh hoàng của các cuộc sinh nở đã khiến tôi càng ngày càng ý thức giá trị của cuộc sống, và cái giá

trị không thể vì của mỗi một sinh mạng mới chào đời qua tình yêu và đau đớn.

Vào hồi ấy, có điều gì đó đã thay đổi lẽ lối suy nghĩ của tôi. Tôi cần phải kể ra nơi đây, bởi vì khi viết cuốn sách này, tôi không muốn người ta coi đó là một cách tuyên truyền để mọi người ủng hộ lý tưởng của chúng tôi hay để nung nấu lòng hận thù đối với kẻ địch của chúng tôi. Tôi trở thành một tay chủ hòa. Mặc dù tình yêu quê hương nóng bỏng, dù kinh tởm trước sự dầy xéo của Nhật-Bản(đã chiếm cứ Mãn-Châu) và mất cả lòng yêu chuộng tự do của tôi, tôi tự cho rằng, chiến tranh là một điều sai lầm hoàn toàn và không gì có thể biện minh cho chiến tranh. Tôi đã đi đến tin tưởng trên bằng một sự suy tư, chiêm nghiệm lạ kỳ sau khi đọc Jeans và Eddington, các triết gia khoa học lớn của Anh\*.

Chưa chắc tôi có hiểu được lấy một nửa, nhưng khi đọc đến những điều mà tác giả này viết về thế giới khác, về các ngôi sao mặt trời, vàng chói hay trắng sáng, những ngọn lửa muôn sắc, tôi thấy rằng trái đất nhỏ nhoi của chúng ta chỉ là một điểm vô cùng nhỏ bé trong cái không gian bất tận của vũ trụ. Tôi để mặc cho trí mình tưởng tượng đến các thế giới khác trong đó các sinh vật đều thông minh siêu việt, vô cùng hạnh phúc, sống thanh bình trong các đô thị toàn bằng pha lê trong suốt, với những bồn nước và muôn loài hoa thơm cỏ lạ.

Nhưng, nếu trong vũ trụ có những thế giới khác có thể sống được như trái đất, chúng ta phải làm gì? Có một nơi nào khác có sự sống? Có một chỗ nào mà nhân loại có thể phát triển trong tự do và phẩm cách không? Tôi bị chặn đứng lại và trở về với trái đất. Tôi bắt đầu tìm kiếm một thế sống, một giá trị lý tưởng mà mọi người có thể chấp nhận. Tôi tìm kiếm lời giải đáp trong lịch sử Hy-Lạp, La-Mã, Ai-Cập, Trung-Hoa, Âu-Châu, tìm kiếm một nơi một thời đại mẫu mực hoàn toàn. Có rất nhiều ảo vọng về một thời đại hoàng kim- tôi biết được điều đó qua các truyền thuyết về các thời đại của vua Thang, vua Vũ cách đây bốn ngàn năm- nhưng luôn luôn đó chỉ là

những thời đại hoàng kim đã trôi, đã biến mất mà các điển tích đã phai mờ qua thế kỷ. Khi lịch sử cô đọng thành những niên kỷ, những biến cố nhất định, nó chỉ là một danh sách thảm hại kể lại các vụ thảm sát, các cuộc chiến tranh, các cuộc xâm lược với các thành phố và các nền móng văn minh bị hủy hoại cách vô lối, không có lý do. Tại Trung-Hoa cũng như tại các nước khác, lịch sử đã trải qua nhiều ảo giác cứu độ: sự khinh miệt quyền thế, của cải của các bậc hiền sĩ. Hoặc sự viên ngộ chánh quả của một vị Phật hay lòng khiếm ái sâu xa của Chúa Giê-su ảnh hưởng lên dù chỉ rất yếu ớt- giòng lịch sử thế giới, có một số người đã cách biệt khỏi trào lưu xiển dương những cuộc tàn phá, hỗn loạn, bi thảm, và tàn bạo của chiến tranh. Tôi theo cái đám người ít ỏi đó và thuộc hạng những người tự gọi là "chủ hòa". Hòa Bình không có thực, nếu không nói là chỉ có trong trí tưởng. Tất cả các thời đại hoàng kim cổ xưa đều chỉ là những thần thoại. Chúng tôi, thế hệ chúng tôi, những con người của tương lai, chúng tôi phải hình thành, trong cuộc sống thực, một thế giới khác, hòa bình và hợp tác chân thành giữa các quốc gia. Chúng ta phải từ bỏ chiến tranh, dù đó là một cuộc tự vệ. Bởi vì tất cả mọi cuộc chiến tranh đều có thể ẩn núp dưới chiêu bài đó và chỉ dẫn đến thù hận và bạo lực.

Vào thời gian này, tôi đã tìm thấy Thánh-kinh Thiên-chúa-giáo và đây là các lời thâu góp tất cả các lời mà tôi đã đọc đi đọc lại không ngừng và sự thật cao cả tiềm ẩn trong đó đã khiến mắt tôi rưng lệ: Sung Sướng thay những kẻ nghèo hèn, vì rằng họ sẽ thừa hưởng thế gian.

Cái điều tin tưởng minh bạch và vững chắc ngày nào của tôi bây giờ đã biến mất. Tôi đã biết rằng chiến tranh không phải là một sai lầm toàn diện, rằng còn có những thứ, cách dày dạn, hạ giá con người còn hơn cả hành động giết người kinh tởm. Đến lúc mà tôi dần dần hiểu được cái sức mạnh của tội ác có thể tác hại như thế nào cho một quốc gia bị xâm chiếm: tôi thường nghe đến các tiệm hút thuốc phiện, các ổ điểm ở Bắc-Kinh- tổ ấm của tôi. Tôi không thể bám riết vào lòng tin tưởng của một quan niệm chủ hòa tuyệt đối nữa. Với tấm lòng đau nhức, cũng giống như hàng triệu người

Trung-Hoa yêu hòa bình khác, tôi đành chấp nhận một cuộc chiến tranh tự vệ chống lại tình trạng ung thối về đầy đọa này.

Tôi đã gặp lại Pao trong thời gian tôi còn tin tưởng mãnh liệt vào quan niệm chủ hòa tuyệt đối- "có hoặc không". Chúng tôi cùng thuộc đám sinh viên người Anh và ngoại quốc được mời nghỉ hè tại một gia đình ở Kent. Cô bạn cùng phòng của tôi, một sinh viên Trung-Hoa giới thiệu chúng tôi:

- Đây là cô Hàn và đây là anh Tăng.

Chúng tôi chào nhau. Tên họ chẳng có nghĩa lý gì. Có hàng vạn ông Tăng và hàng triệu cô Hàn tại Trung-Hoa. Trong câu chuyện tầm phào đó, chúng tôi đã không khám phá ra rằng hai người đã từng quen biết nhau. Tôi cũng không biết rằng Pao được chính phủ gửi đến Anh để học Quân sự, bởi vì chàng không mặc quân phục. Do một nhận xét, tôi kết luận rằng chàng đang theo học kỹ sư. Hai hay ba ngày sau tôi mới biết rõ khi chúng tôi cùng tham dự một buổi diễn thuyết về Trung-Hoa. Diễn giả là một nhà tu hành và là một tay chủ hòa kỳ cựu nêu ra chủ đề: "Hãy yêu thương kẻ thù". Đôi mắt sáng rực sau làn kính, ông đòi hỏi chúng tôi phải yêu thương người Nhật.

Tôi cần phải nói rõ một điểm là chúng tôi không hề thù hận người Nhật, một thứ hận thù chủng tộc như tôi thường thấy giữa các quốc gia Âu Châu mỗi khi xảy ra xung đột... Không bao giờ chúng tôi lại cho là cần phải thù hận họ, dù họ đã gây ra bao nhiêu đau thương cho chúng tôi. Chúng tôi gọi người Nhật là những tên "quỷ lùn", đúng như vậy, nhưng chúng tôi không bao giờ giết tù binh như họ thường làm...

Thành ra đối với chúng tôi, những sinh viên Trung-Hoa, may mắn thoát khỏi sự tủi cực trong cuộc xâm lăng của Nhật-Bản từ bao nhiêu năm qua, những tư tưởng của vị tu hành khả kính đó chỉ là một lời trẻ con có hậu ý. Pao lắng nghe, mắt nhú lại, thầm lặng bác bỏ giả thuyết của diễn giả. Tôi cũng lắng nghe, tuy rằng đồng ý trên nguyên tắc, nhưng vẫn chưa thỏa mãn

và muốn phân tích sâu xa hơn những ý đại cương của diễn giả. Sau cuộc diễn thuyết, Pao và tôi đi dạo và chuyện trò thân mật. Chàng nói với tôi:

- Chúng ta có thể thương yêu kẻ thù, nhưng trước hết chúng ta phải đánh bại họ đã.

Tôi không chấp nhận cái định đề bắt buộc phải đánh nhau với Nhật-Bản. Tôi cực lực phản đối tất cả những biện pháp vũ lực. Pao trả lời(với giọng chua cay, tôi nghĩ thế):

- Nếu thế, tất cả những kẻ lương thiện sẽ bị giết hết và tội ác sẽ tự do hoành hành.

Câu trả lời của tôi nóng bỏng:

- Tôi thù ghét nhất là việc xiển dương vũ lực. Nếu ta cũng lại giết người thì ta hơn gì kẻ thù của ta? Tôi thà chết còn hơn phải bảo vệ lý tưởng của tôi bằng vũ lực! Tôi thù ghét cái tính cao ngạo vũ biên, thù ghét tất cả mọi sự xiển dương giết chóc. Người ta khoác lên mình nó bộ quân phục, người ta dựng cờ, treo bảng rồi người ta cho nó cái tên là ái quốc, là vinh quang, là danh dự quốc gia. Tôi cho những thứ đó là ngu xuẩn và nhớp nhúa. Bất cứ ai tán dương điều đó đều không thể suy nghĩ sáng suốt được.

Pao ném cho tôi một cái nhìn lạnh tanh, quay gót bỏ đi không nói một lời. Tôi hơi chột dạ, vừa giận hờn vừa bực tức...

- Anh bạn Tăng của chị bất lịch sự quá, tôi nói với cô bạn cùng phòng của tôi.

- Chuyện gì vậy?

Tôi kể lại câu chuyện, cô ta cười ngất trước sự bực dọc của tôi.

- Thế chị không biết là anh ta được chính phủ gửi sang đây học về Pháo-binh tại Sandhurst à? Những tư tưởng của chị chắc phải đổ lửa vào đồng thuốc nổ còn gì. Anh chàng này rất kiêu hãnh, rất yêu nước và rất trẻ. Anh ta là một quân nhân!

Cô ta nói đến thân phụ Pao. Tôi hết sức kinh ngạc:

- Sao? Thế ra anh ta thuộc gia đình Tăng này đấy à? Tôi kêu lên. Nếu thế thì tôi quen anh ta mà. Chúng tôi cùng sống ở Bắc-Kinh, cùng chơi đùa với nhau khi còn nhỏ mà!

Khi chúng tôi gặp lại nhau, Pao lạnh lùng băng giá, chẳng chào tôi lạnh nhạt. Nhưng tôi lại tìm thấy dưới vẻ nghiêm khắc vũ biên đó, hình ảnh của một cậu bé đã từng là lãnh tụ, là hoàng tử của lòng tôi khi chúng tôi chơi trò đánh nhau dưới rặng liễu trên hè phố Bắc-Kinh.

- Tăng-Yến, anh không nhận ra tôi hay sao, tôi gọi tên trẻ con của chàng. Anh không nhớ con kinh trong Tử-Cấm-Thành, những buổi đánh nhau của chúng ta trên bờ kinh hay sao? Hồi đó tôi đâu có chủ hòa!

Suốt mùa hè năm đó- hè năm 1937- chúng tôi đã gặp nhau nhiều lần, thường là với sự hiện diện của vài người khác, ít khi chúng tôi gặp nhau riêng. Không có bao nhiêu sinh viên Trung-Hoa tại Anh, bởi thế chúng tôi thường hội họp nhau và do đó tôi với Pao thỉnh thoảng lại gặp nhau. Lần nào chúng tôi cũng cãi nhau về đủ mọi thứ vấn đề. Trong tất cả các vấn đề bàn cãi, ngoại trừ các vấn đề thông thường, ý tưởng chúng tôi luôn luôn nghịch nhau. Tôi viết thư về nhà kể lại những liên lạc của tôi, đồng thời có nhắc đến tên Pao mà không chú ý đến điều đó lắm. Chú tôi trả lời như sau:

"Cách đây vài năm, thân mẫu của người này có tiếp xúc với gia đình ta, ý muốn xin con cho anh ta. Vì việc hôn nhân không có kết quả, tốt hơn là con không nên gặp anh ta nữa. Hai người không nên thân thiết nhau làm gì nữa."



Thật là quá buồn cười để tôi có thể giữ riêng điều đó cho tôi. Pao đã từng kể về ba lần cầu hôn hụt của thân mẫu chàng cho tôi nghe. Ngay khi có dịp, tôi liền nhắc lại việc hôn nhân. Pao bày tỏ ý kiến rất là đứng đắn và trịnh trọng. Tôi lắng nghe và sau cùng khẽ hỏi:

- Thế anh có biết tên người vợ hụt thứ ba của anh là gì không? Tên cô ta là Hàn-Tú-Anh.

Pao nhìn tôi trân trối, kinh ngạc ghê gớm:

- Trời ơi! Thế ra là cô à?

Tôi có cảm tưởng má tôi nóng bỏng và đỏ ửng:

- Đúng vậy, nhưng đừng nghĩ đến chuyện đó nữa, tôi đánh trống lảng. Chính tôi, tôi cũng không chịu nữa mà!

Tôi cố phá vỡ sự lúng túng bằng một giọng hấp tấp:

- Điều đó chẳng có gì quan hệ. Tôi cũng chẳng biết gì cho đến khi chú tôi vừa viết thư sang. Nhưng thực ra vào thời đó, tôi đã nhất quyết không lấy chồng. Vậy câu chuyện không có gì quan trọng cả.

Pao có vẻ yên tâm, chàng nói:

- Tôi cũng không tin tưởng vào việc hôn nhân gượng ép như vậy. Rồi với một giọng trịnh trọng và thẳng thắn, chàng tiếp, cũng may cho cả hai ta là việc mai mối chưa bắt đầu. Chúng ta không hợp nhau một tí nào cả. Chúng ta không đồng ý với nhau về bất cứ điều gì. Tôi cho rằng quyết định của chúng ta như vậy là khôn ngoan. Bởi vì, cô có biết không, cô thuộc vào hạng người khó tính nhất.

- Tính tôi cũng giống tính anh lắm mà. Tôi trả đũa.

- Chính bởi thế, Pao trả lời.

Suốt mùa hè năm đó, tôi đã sống trong một thế giới khác hẳn cái thế giới mà sau này chìm ngập trong khói lửa. Quê hương Trung-Quốc xa tít mù tận cả trong không gian lẫn thời gian. Tôi sống trong một xứ Anh thanh bình, một xứ từ sau vua Guillaume le Conquéran, chưa hề có kẻ xâm lăng nào đặt được chân lên, cũng như khi hạm đội Armada Y-Pha-Nho bị bão bể đập tan, không còn một đe dọa xâm lăng nào để làm xáo trộn nếp sống thanh thản. Đó là một xứ rất dễ thương với các vườn hồng, các thảm cỏ xanh mướt, với thừa mứa thực phẩm, với những đứa bé hồng hào, với những cô gái trẻ trung đẹp đẽ, với những mệnh phụ quý phái hiếu khách. Tôi có bạn bè, có một công việc thích thú để giải khuây. Tôi đã nếm qua một quãng thời gian yên ổn hạnh phúc và ngày nay, nó đã thuộc vào lớp quá khứ không bao giờ phai mờ; mỗi lần nghĩ lại, nó càng đẹp hơn và thân thiết hơn.

Vào tháng bảy, các báo đều đăng vắn tắt tin một cuộc đụng độ nhỏ xảy ra tại ngoại ô Bắc-Kinh: các binh sĩ Trung-Hoa và Nhật-Bản đã bắn nhau trong khi binh sĩ Nhật đang thao dợt mà không có phép(chiếu theo một bản hòa ước đã lỗi thời, có nhiều cường quốc được phép đồn quân tại miền Bắc để giữ con đường từ Bắc-Kinh ăn thông ra biển. Người Nhật đã lợi dụng điều khoản đó để biện minh cho việc họ đã đồn trú hàng vạn quân tại các tỉnh ở miền Bắc. Đây không phải là lần đầu tiên đạo quân xâm lược của họ đụng chạm với người Trung-Hoa, những người cư ngụ hợp pháp trên đất đó).

Đối với tôi, đó cũng chỉ là một cuộc rắc rối khác không hơn không kém. Không biết có phải tôi mù quáng đến cái độ không nhận ra những dấu hiệu báo trước cơn bão táp sắp nổi lên ở phương Đông? Không khí thanh bình trùm bọc quanh tôi đã khiến tôi mù đi, mất hết cả trực giác. Tôi đã quên hết cái không khí căng thẳng, bất an ở Trung-Hoa. Nhưng Pao biết ngay rằng cuộc chiến tranh nhen nhúm từ lâu đã bùng nổ. Chàng liên lạc với sứ quán Trung-Hoa tại Luân-Đôn xin phép hồi hương ngay lập tức. Sứ quán đánh điện hỏi ý kiến của cục quân huấn và tướng Bạch-Chung-Si trả lời:

- Học xong mới về.

Những tuần lễ hòa đàm tiếp theo cuộc đụng độ, hai bên trao đổi kháng thư cùng cố gắng phân định rõ những rắc rối. Nhưng càng ngày vấn đề càng rõ ra là nếu Trung-Hoa không chịu khuất phục và cắt nhượng địa, Nhật sẽ ra tay hành động. Thế rồi tai họa đã xảy ra vào tháng tám năm 1938; dưới cái cố thiếu vững chắc của một cuộc rắc rối xảy ra sau khi các tàu chiến của Nhật đã rời căn cứ và đang trên đường tiến đến Thượng-Hải. Chiến tranh bùng nổ.

Tên Trung-Hoa hiện trên khắp mặt báo chí. Những tuần lễ trôi qua và Thượng-Hải vẫn đứng vững, chúng tôi đều hy vọng như điên. Xứ sở tôi, thiếu chuẩn bị, vừa thoát khỏi cuộc nội chiến tương tàn đã chống giữ Thượng-Hải hơn ba tháng, đối đầu với một hạm đội hùng hậu vào hạng nhất thế giới, đối đầu với một đạo quân trang bị với tất cả các loại vũ khí tối tân. Những đơn vị thiện chiến nhất của chúng tôi được tung vào trận chiến trong một tinh thần hy sinh vô vọng, cao cả mà mọi người cho là không tốt trên phương diện chiến lược. Trung-Hoa đã mang hết cả lực lượng dồn vào một cuộc kháng chiến độc đáo và tuyệt vời, đã cầm chân được quân xâm lăng và đã khiến cho cả thế giới phải thán phục.

Pao rất bức tức với cái lệnh giữ chằng ở lại trên đất Anh trong khi trên chiến trường quanh Thượng-Bắc, bạn bè và đồng chí của chàng ngã xuống như rạ. Mỗi lá thư gửi sang là một bản danh sách các người chết. Càng ngày chàng càng buồn bã và câm lặng. Tôi quen dần với cái vẻ đăm chiêu, xung, phản ánh những suy tư thầm kín của chàng. Chúng tôi cũng ngồi trong một rạp chiếu bóng khi một cuốn phim thời sự chiếu lên màn bạc những cuộn khói đen cuộn cuộn bốc lên từ những mái nhà đang bốc lửa của Thượng-Bắc(khu vực phía Bắc Thượng-Hải, phía bên kia khu thương mại quốc tế). Màn ảnh đổi sang cảnh khác. Chúng tôi thấy những dãy tường gạch đổ nát của nhà ga xe lửa khu Nam ở Nam-Đảo và những đồng bầy nhầy không hình thù: những xác chết tan nát. Rồi chúng tôi thấy một con

đường đầy những người chạy tản cư. Chúng tôi thấy những đồng bào của chúng tôi, gầy mòn, rách rưới, phải bỏ nhà cửa ruộng đồng ra đi. Một nông dân da đen sạm, lưng còng xuống dưới chiếc đòn gánh cong vòng vì sức nặng của mớ hành trang lủng lẳng ở hai đầu đòn; một bé gái nhỏ chân đi đất, tóc rối tung, bím tóc xơ rã rời đang kéo vạt áo người nông dân. Hai người bước ngang qua màn ảnh, hướng cặp mắt cam chịu nhìn chúng tôi. Chúng tôi không thể chịu đựng hơn nữa. Pao thì thào:

- Đi ra thôi!

Chúng tôi đi lang thang trên đường phố giữa đám sương mù mùa đông giá lạnh ở Luân-Đôn.

Chiến tranh đã kéo dài được một năm. Thượng-Hải bị hạ, rồi đến Nam-Kinh và mọi người đều đoán là Trung-Hoa sắp sửa đầu hàng. Nhưng tuy lùi chúng tôi vẫn chiến đấu. Chúng tôi dùng du kích đánh phá các đường liên lạc tiếp vận của địch quân, chúng tôi dựa trên nguồn nhân lực khổng lồ và vào tinh thần trường tồn của chúng tôi. Chúng tôi bước sang giai đoạn hai của cuộc kháng chiến: sự chịu đựng của chúng tôi dẻo dai hơn địch quân. Mùa xuân đến, với chiến thắng vẻ vang ở Đài-Di-Trang, hy vọng lại sống lại... Lòng đầy can trường, chúng tôi bước sang năm thứ hai của cuộc chiến.

Những lá thư rời rạc gửi từ Bắc-Kinh qua không cho chúng tôi bao nhiêu tin tức. Người Nhật kiểm soát thư từ gắt gao. Cuộc sống vẫn tiếp tục, nhưng mọi điều, mọi thứ đều bị gò bó và hạn hẹp. Lớp thanh niên thấy một tương lai thật vô vọng. Tất cả các đại học đều bị đóng cửa, trừ lại có hai trường: hai trường này bị kiểm soát gắt gao, các sinh viên luôn luôn bị nghi ngờ và bị đe dọa bắt bớ. Rất nhiều bạn thân và bạn học của tôi đã phải di cư sang vùng Trung-Hoa Tự-Do; những người khác vùng lên chống lại sự áp chế của người Nhật bằng cách trốn đi theo các đoàn kháng chiến quân. Chúng tôi nhận được ít thư từ của bạn hữu trốn khỏi Bắc-Kinh, mô tả cuộc sống thật tàn tệ, một cuộc sống không đáng gọi là cuộc sống nữa: đối với

những kẻ ở lại, hay những người nào không thể trốn được, cuộc sống của họ là cuộc sống chết. Những bức thư đó có nói với tôi về những trường hợp của cô bạn này hay anh bạn kia đã tìm cách giải thoát trong vòng tay nàng phu dung hay trong các cuộc truy hoan miệt mài. Với sự bảo trợ của quân Nhật, các ổ điểm, các tiệm hút, mọc lên như nấm khắp mọi nơi. Thoạt tiên chỉ là sự buồn nản và tuyệt vọng, tất cả các nguồn sinh lực đều bị tù hãm, tự do: truy lạc và bại hoại.

Khi đọc những thứ này tôi hiểu ra rằng, sự thống trị của ngoại bang chỉ nhằm khai thác xứ sở chúng tôi, tôi không còn thể nào giữ nguyên lập trường chủ hòa được nữa. Chúng tôi cần phải kháng cự, cũng y như chúng ta phải chống lại bệnh tật, điều đó có nghĩa là chống lại một cuộc xâm lăng dữ dội hơn, ác hại hơn, chống lại cái nọc độc đang tàn phá sức lực của ta, tái tạo sức lực và giúp cho các cơ phận đã bị tàn phá hoạt động trở lại. Tôi không còn thể nào ngồi nhìn xuống được nữa, tôi phải tham dự vào cuộc chiến, tôi phải tham gia vào công cuộc kháng chiến của dân Trung-Hoa. Tôi phải về nước. Dù không làm được gì quan trọng, tôi cũng phải về, tôi cần hiện diện tại đó để chia sẻ những khổ cực và gian nguy. Tôi là người Trung-Hoa mà!

Bởi thế khi Pao báo cho tôi biết khóa học của chàng đã mãn, chàng có thể về và chàng sẽ lên tàu về nước vào tháng chín, tôi nói với chàng là tôi cũng về.

Lúc này, chúng tôi đã khá thân nhau. Chúng tôi khám phá ra rằng tuy hay cãi nhau dữ dội, chúng tôi vẫn đến với nhau để tìm thấy trong nhau một khích động, một nguồn cảm hứng và một sự thông cảm sâu xa.

Vào một buổi tối mưa dầm tháng tám, Pao đến tìm tôi tại căn nhà trọ ở South Kensington. Chúng tôi đi xem kịch. Cả hai chúng tôi đều rất ham mê kịch nghệ. Chúng tôi đi xuống thang gác và bước ra đường, im lặng. Chúng tôi đi và cứ im lặng đi mãi như thế cho đến khi vào đến trung tâm Luân-Đôn. Chúng tôi cần có mưa để thoa dịu giúp chúng tôi chịu đựng sự dẫn dắt

của tư tưởng. Những chiếc xe hơi vụt qua; những cặp đèn sáng loáng dội thành những vệt dài trên mặt nhựa sũng nước, vết xe lăn qua bị nước mưa xóa nhòa, ngay tức khắc. Đèn đường mù mờ như những vầng trăng ẩn trong sương mù. Chúng tôi cứ tiếp tục bước, tay thọc trong túi áo, mắt nhìn thẳng.

Sau cùng Pao lên tiếng:

- Tú-Anh, cô chẳng nên về làm gì. Cô đã nghiên ngẫm đủ thứ ý tưởng về tình yêu quê hương, về sự hy sinh cho lý tưởng. Nhưng chiến tranh không phải như vậy đâu, nó không đẹp và lãng mạn như vậy. Chiến tranh là một việc khủng khiếp. Chính cô đã nói rằng chiến tranh là một cuộc tàn phá gồm ghieếc và tàn bạo. Ngay việc nhìn tấm hình trên báo hay trên màn ảnh cũng làm cô không chịu được nữa là! Cô phải ở lại xứ người: đi xem hát, nghe nhạc hay đọc sách. Một thiếu nữ trẻ măng và đơn coi như cô có thể làm gì khi về đến Trung-Hoa? Cô định làm gì khi từ bỏ chỗ sống để lao đầu vào chỗ chết?

- Pao, anh không phải là một người bạn chân tình. Anh không nên khuyên tôi như vậy. Tôi cũng là người Trung-Hoa như anh. Làm sao tôi có thể sống vui sướng thanh thoi ở xứ người trong khi đồng bào tôi đang lâm than đói khổ?

Chúng tôi nói với nhau bằng tiếng Trung-Hoa. Lẫn lộn giữa đám bộ hành, nhưng hai chúng tôi tách riêng ra trong thế giới ngôn ngữ của chúng tôi.

- Cái gì đã khiến cô đổi ý như vậy? Pao kêu lên. Cô, người từng bai bài chửi rủa chiến tranh, bây giờ bất ngờ cô lại muốn cầm súng và mộ lính đàn bà để đánh giặc!

- Tôi không về nước để đánh nhau, tôi trả lời. Chưa chắc là tôi có giúp săn sóc các thương binh. Cứu chữa các thương binh làm gì để sau đó lại đẩy họ ra trước họng súng đại bác và mưa bom? Nếu quả nước Nhật mang đến cho

ta một nền văn minh tiến bộ hơn nền văn minh của chúng ta, tôi thấy việc Nhật chinh phục Trung-Hoa cũng không khiến tôi phải băn khoăn, rất có thể như vậy. Chỉ trong vòng một trăm năm là ta sẽ đồng hóa họ. Nhưng nước Nhật không mang đến điều gì lợi ích, tốt đẹp cả. Họ không có cả lấy một nền văn hóa riêng; thoát tiên họ mượn của chúng ta, bây giờ họ mượn của tây phương. Nước Nhật chỉ có thể dạy ta những điều tai hại. Họ sẽ lợi dụng chúng ta. Họ sẽ tàn phá lớp thanh niên của chúng ta, tất cả những kẻ đã được đào luyện để sau này sẽ là những người hướng đạo của dân tộc ta. Họ sẽ biến dần ta thành một đám nông nô và cu-li (\*) một công cụ để phục vụ họ. Trước một cuộc xâm lăng như vậy, nước Trung-Hoa có lý do chính đáng để chống cự lại. Tôi còn trẻ và tôi muốn có mặt nơi đó, muốn tham dự vào cuộc kháng chiến do.

\* Theo nguyên tác (ND)

Pao tiếp tục lặng lẽ bước. Rồi bất ngờ chàng quay sang tôi:

- Cô là một cô gái cứng đầu lắm! Sẽ chẳng có ai hiểu cô. Sẽ chẳng có ai cảm ơn cô. Với những người đang ra sức ở Trung-Hoa chỉ có cực nhọc, đọa đày đắng cay và có lẽ một ánh hòa quang rộng tuếch sau khi chết. Ngày như cả với Tôn-Dật-Tiên cũng thế mà thôi!

- Tôi biết, nhưng đó là nước tôi. Tôi phải về.

- Nhưng Tú-Anh! Ai sẽ chăm sóc cô? Chiến tranh không phải là việc của đàn bà. Tôi chợt nghĩ tới mẹ tôi- bà hiện đang sống trong vùng bị chiếm đóng, không chạy được. Bà mẹ già và đứa em nhỏ của tôi không ai chăm sóc cả. Còn cô, ngoài gia đình ở tân Tứ-Xuyên ra, cô còn có ai để nương tựa?

- Tôi không cần ai hết, tôi trả lời. Tôi là thân gái nhưng tôi cũng là một người lớn. Tôi sẽ tự lo cho thân tôi.

- Nếu quả thực Tú-Anh phải về, tốt hơn là chúng ta đi cùng. Liệu chúng ta có thể đi cùng tàu không? Tôi muốn chăm sóc cô. Tú-Anh! Ta hãy là bạn tốt của nhau suốt đời nhe!

- Tôi không cần ai chăm sóc hết. Pao, lúc nào anh cũng khinh rẻ đàn bà vì anh chỉ nghĩ đến việc bảo vệ thôi.

- Tú-Anh! Cô khó tính thật, có không thể nào nhìn vấn đề một cách khách quan được! Cô không thể nào bàn luận mà không nổi đóa. Cô không thể nào tử tế với tôi được hay sao?

Chàng đọc một bài thơ của Lý-Bạch:

- "Giữa cơn mưa gió, còn thú nào bằng được cùng nhau chung một thuyền. Nâng bát rượu lên vầng trăng, chúng ta tìm cuộc sống..." Tú-Anh à! Nếu tôi không bao bọc cô quá lỗ, nếu tôi chỉ muốn được gần gũi cô mãi mãi... Cô có muốn lấy tôi không? Có lẽ cũng chẳng được bao lâu. Chắc thế nào rồi tôi cũng chết sớm. Pao làm ra vẻ bi thảm.

- Không, tôi mong rằng anh sẽ không chết sớm như vậy!

Mắt chàng rạng rỡ trở lại:

- Nếu vậy, có muốn kéo dài thật lâu năm? Suốt đời? Không ai biết được sẽ dài bao lâu. Tú-Anh, chúng ta lấy nhau nhé?

Nước mưa lóng lánh trên nóc dù của khách bộ hành, trên áo mưa của người cảnh sát đứng ở góc đường, trên nóc xe, trên hè phố. Cơn mưa ngớt đi, trời như mù sương hơn là mưa. Chúng tôi đứng giữa hè phố nhìn nhau, tay thủ trong túi áo. Không hôn nhau, đến cả hai bàn tay cũng không chạm nhau, chúng tôi đã trao lời đính ước với nhau. Có lẽ vì là dân Trung-Hoa nên chúng tôi đã hơi cúi mình chào nhau. Cả hai đều rất trang trọng. Thế là Pao và tôi đã hứa hôn. Cả hai đưa đều ngỡ ngàng trước sự việc vừa xảy ra. Chúng tôi đều có ý tưởng chống báng hôn nhân vì cho rằng nó sẽ trở ngại



công việc phục vụ của chúng tôi. Nhưng đứng giữa một góc phố Luân-Đôn, dưới ánh sáng mờ nhạt của cơn mưa, chúng tôi nhận ra rằng đũa này thiếu đũa kia sẽ khiến cho cuộc sống của chúng tôi thành trống rỗng và vô nghĩa.

Mặc dù đã hứa hôn mà không cần hỏi ý kiến gia đình, chúng tôi đều cảm thấy nên đợi chờ hai gia đình chấp thuận rồi hãy cưới nhau. Phong tục của chúng tôi rất kỵ việc cưới xin vội vàng. Và lại tôi có ý tưởng, có lẽ là lãng mạn, nên đợi khi về đến quê hương rồi hãy bắt đầu cuộc sống mới, với Pao.

Hai hay ba tuần sau đó, chúng tôi lên đường về Phương Đông trên một chiếc tàu chiến của Pháp. Đồ ăn tẻ không thể tả. Tuy vậy, trong những ngày đầu tiên, điều đó không có gì là quan trọng đối với tôi. Rồi tôi bị một cơn say sóng gớm ghiếc. Đến ngày thứ ba, tôi chỉ còn nằm dài trên chiếc giường gấp. Pao không tìm được cho tôi thứ gì hơn mấy trái táo xanh mà chàng đã để dành trong bữa ăn sáng. Vì kiêu ngạo, tôi đã cố nuốt hết để sau đó lãnh lấy những hậu quả thảm hại.

Sau lưng chúng tôi, Âu-Châu cũng đang bị cuốn vào cơn lốc chiến tranh. Hít-Le đã chiếm nước Áo và đang tiến đến Thụy-Điển. Nền Tự-Do mới mẻ và tốn phí bao nhiêu công của mới thu được của Tiệp-Khắc và Ba-Lan bị đe dọa. Tại Anh-Quốc, bạn bè của chúng tôi đều được trang bị các mặt nạ chống hơi độc.

Chúng tôi cảm thấy sung sướng trên đường trở về quê hương xứ sở, trong lúc tàu bè còn được đi lại tự do trên mặt trùng dương.

Chú thích:

\* Sir James JEANS, 1877-1945, nhà toán học và thiên văn Anh, nổi tiếng như là một trong những nhà bác học đầu tiên nêu ra thuyết tương đối và quang tử Quanta.

- Sir Arthur Stanley EDDINGTON, 1882-1944, vật lý kiêm thiên văn gia Anh, nổi tiếng vì đã tính ra được trọng lượng, nhiệt độ và thể chất của

nhiều vì sao. (N.D.)

# ĐƯỜNG VỀ TRÙNG KHÁNH

Han Suyin

[www.dtv-ebook.com](http://www.dtv-ebook.com)

## Dịch Giả: Trùng Dương & Hồ Hải

### Chương Ba

Những đám mây màu xám tro khổng lồ và bần thiêu che kín cả trời lẫn biển. Không khí đông đặc và ngọt ngào, mặt nước đục lờ lờ phản chiếu một khung trời vừa thấp vừa nặng nề. Về hướng tây bắc, nhưng dãy đồi ở lục địa đứng sừng sững trên mặt nước: những dãy đồi Trung-Quốc. Hồng-Kông giống như cái tổ kiến khổng lồ với những đường phố chật hẹp, những căn nhà nghèo khổ, trải ra dưới chân núi trong khi đỉnh núi mất hút trong mây.

Hôm đó là ngày 30 tháng chín và là sinh nhật của tôi. Tôi đã được hai mươi mốt. Với tôi điều này mang một ý nghĩa đặc biệt. Tôi đã trưởng thành; tôi đã trở về với quê hương xứ sở, không phải như một cô gái mơ mộng mà là một phụ nữ trưởng thành, sẵn sàng nhận lãnh vai trò của mình trong cơn hoạn nạn của đất nước.

Tàu chúng tôi cập bến ở gần khu Cửu-Long, đối diện với thành phố hải đảo của Hồng-Kông. Nơi đây là lục địa Trung-Hoa, tuy đã nhượng lại cho người Anh, nhưng dù sao vẫn là đất Trung-Hoa. Từ Cửu-Long, đường xe lửa chạy về phía tây, xuyên qua dãy đồi đá trọc bao quanh hải cảng. Hai con đường sắt mỏng manh, con đường dẫn đến Quãng-Châu và Hán-Khẩu.

Chúng tôi rời tàu và đặt chân lên lục địa Trung-Hoa. Ước mong của chúng tôi là được bay vào trong nội địa. Nhưng chúng tôi đành quay lưng lại phía các ngọn đồi cùng con đường sắt để xuống phà sang Hồng-Kông.

Ước mong của chúng tôi là bay vào trong nội địa! Chúng tôi đã trở về, nhưng đây chưa phải là quê hương của chúng tôi. Nếp sống ồn ào náo nhiệt, những dấu hiệu của Trung-Hoa bao quanh chúng tôi đầy đặc: những khuôn mặt rám nắng, những thân áo dài yếu điệu của các cô gái, những bảng hiệu với các chữ Hán tuyệt vời và đám dân tị nạn- những người đầu tiên mà chúng tôi gặp. Nhà cầm quyền Anh đã thiết lập một vòng đai bất khả xâm phạm tại đây. Đây là khu trung lập. Ở đây có nghĩa là an ninh nhưng chúng tôi không tìm kiếm an ninh. Chúng tôi trở về để đảm nhận vai trò của chúng tôi trong một nước Trung-Hoa khói lửa. Đối với chúng tôi, Hồng-Kông chỉ là một trạm ngừng.

Lòng nôn nóng và lo nghĩ vẫn vơ, chúng tôi ngẫu nhiên đọc báo để dò tin tức Hán-Khẩu, tin tức tiền tuyến. Hán-Khẩu là mục tiêu của chúng tôi, là thủ phủ của chiến tranh... Một cuộc giao phong quyết định đang xảy ra, thế mà chúng tôi lại không được tham dự. Chúng tôi phải đi Hán-Khẩu... ngay lập tức, bởi vì nếu không, mọi sự sẽ quá trễ và mọi đường giao thông sẽ bị cắt đứt.

Ngay lúc này con đường đã đầy khó khăn. Quảng-Châu, cửa ngõ của Trung-Hoa tự do bị các phi cơ địch nhòm ngó hàng ngày; trong khi Hồng-Kông lại hoàn toàn an ninh vô sự, thật là khó tưởng tượng. Nhà ga đã bị phá hư đến nỗi hơn một tháng nay không có một chiếc xe lửa nào rời ga cả. Các loại quân dụng cần thiết và đạn dược vẫn được đưa đến các khu vực nào có đường sắt rời từ đó người ta sẽ chuyển đi bằng xe lửa, nhưng xe chở hành khách thì lại rất bất thường và rất mạo hiểm nên ít ai dám liều và cũng chẳng có ai là tay mơ.

Chúng tôi dò hỏi những phương tiện khác, nhưng cũng không có gì khá hơn. Các chuyến xe đò đều bị ngưng cả vì con đường gần như không còn đi được nữa. Không có cách gì lấy được vé máy bay. Các hãng hàng không China National Airways và Eurasia đều giảm bớt các chuyến bay và thời khắc biểu các chuyến bay cũng rất thất thường kể từ ngày một phi cơ của

họ bị bắn hạ và tất cả hành khách đều bị giết. Dù vậy, tất cả các chỗ đều được giữ từ hàng tháng trước.

Chúng tôi ngược nhìn dãy đồi trầm lặng mà lòng những nghẹn ngào. Lâm vào ngõ bí, chúng tôi đành quay sang cứu tinh đầu tiên và cuối cùng của mọi người Trung-Hoa khi gặp khó khăn: đó là những bạn bè và thân quyến. Lúc nào cũng có thể xuất hiện vài bạn bè, chú bác, anh em họ hay bạn của bạn ta. Bạn của Pao rải rác khắp nước, có đến hàng trăm. Có lẽ tôi nên giải thích cái quy chế bằng hữu lạ lùng trong quan niệm của chúng tôi.

Không có nơi nào trên thế giới mà những sợi dây liên hệ cá nhân lại quan trọng và chặt chẽ như vậy. Điều đó có thể hay, có thể dở, nhưng đó là sự thật: tình họ hàng và bằng hữu là hai nền móng của xã hội Trung-Hoa. Tình bằng hữu nảy nở trong bất cứ cuộc gặp gỡ vô tình nào và tình họ hàng liên kết đến cả các bà con có họ xa nhất.

Tại Trung-Hoa, Đại-Gia-Đình là trọng tâm. Cả gia tộc sống quây quần một chỗ, dưới các mái nhà lớp lớp kề nhau với những dãy sân thông suốt, bao quanh nhà từ đường, nơi thờ cúng bái vị ông bà. Ngay cả khi Đại-Gia-Đình bị phân tán vì chiến tranh, vì di cư, vì công việc, con trai, con gái, cho đến đời thứ ba vẫn gọi nơi sinh quán tổ tiên là "nhà", có thể về đó và được đón tiếp nồng hậu hơn bất cứ lúc nào. Đó là lý do mà nhà tôi thì ở Phí-Tiên, một thị trấn của Tứ-Xuyên, mặc dù tôi ra đời tại Hồ-Nam, sống ở Bắc-Kinh và nếu không có cuộc chiến tranh đuổi tôi đến tận miền Tây, tôi sẽ chẳng bao giờ biết mặt Tứ-Xuyên.

Dưới mái nhà Đại-Gia-Đình luôn luôn có những người được coi như khách. Họ có thể là những bà con xa- thí dụ như một "ông chú", vốn là anh em họ ba đời của bà vợ thứ hai của cha chồng hay vợ ta. Lại còn những anh chị nuôi vốn là con của những gia đình khác đã quỳ lạy và cúng vái trước bàn thờ tổ tiên gia đình mình, nhờ vào cuộc lễ đó mà họ được thu nhận vào Đại-Gia-Đình. Từ đó trở đi, họ cũng có những đặc quyền như các con cháu huyết hệ vậy. Cũng có thể đó chỉ là những người bạn hay người lạ nhưng

có mang thư giới thiệu của một người bạn khác quen với gia đình. Tất cả những người đó đều được gia đình lưu dưỡng và họ sẽ ở lại nhà cho đến khi họ hết còn thấy cần thiết.

Người ta nhận bạn cũng gần tự nhiên như nhận bà con và sợi giây ràng buộc cũng chặt chẽ như vậy. Ta gia nhập một hội đoàn, vào một nghề gì, đi du học ngoại quốc, giữ một nhiệm vụ gì đó: bất cứ ai ở chung quanh ta đều là bạn cả. Mỗi giây đó hết sức chặt chẽ đối với những người cùng học một trường; họ coi nhau như anh em ruột thịt. Tất cả những sinh viên sỹ quan của trường Võ-bị Trung-ương đều là anh em kết nghĩa của Pao cả.

Luật tắc của tình bạn rất khắc khe. Không bao giờ được phụ bạn bè. Trong mọi trường hợp luôn luôn có một giải pháp nhờ vào tình bạn hữu đó. Đó là cái hệ thống bạn bè phức tạp của chúng tôi, nó chịu trách nhiệm một phần lớn những gì là tốt đẹp và một phần những tệ trạng trong tổ chức xã hội của chúng tôi...

Chúng tôi đặt chân đến Hồng-Kông như hai người ngoại quốc trong một thành phố xa lạ, rồi bạn bè xuất hiện từ khắp mọi nơi cứ như là ảo thuật. Có những người quen không gặp mặt đã hàng năm bỗng gọi tên chúng tôi ời ới ở ngoài đường. Họ nhất định mời chúng tôi đến dùng cơm, tuy chúng tôi biết rõ rằng điều đó sẽ làm quỹ gia đình ít ỏi của họ thiếu hụt. Mọi người ai cũng sẵn lòng hy sinh thì giờ và sẵn lòng lưu dưỡng chúng tôi không tính toán. Chiến tranh đã đưa đẩy họ trôi dạt đến đây; người này là dân tị nạn, kẻ kia là công chức. Chúng tôi đã gặp họ lần chót ở Bắc-Kinh hay ở Thiên-Tân gì đó. Chúng tôi đã từng ở trong những dinh cơ rộng rãi và sang trọng của họ, chia sẻ nếp sống an vui nhàn hạ của họ. Chúng tôi lại gặp họ, hết cả đất đai của cải, sống chui rúc trong những căn phòng bé tí xíu ở Hồng Kông; dầu vậy, họ vẫn giữ lấy cái tính khí và cái triết lý nhân sinh sâu xa của nòi giống, cái triết lý nó giúp chúng tôi biết vui hưởng những gì tốt lành nhất trong bất kỳ trường hợp khốn khổ nào.

Thần hộ mạng và cứu tinh của chúng tôi là một người đàn ông to béo và rất cởi mở dưới cái tên Phu-Chính-Sán, bà con của một người bạn của Pao vốn là chủ một nhà xuất nhập cảng giàu có. Nay tài sản bị phân tán vì chiến tranh, đã hy sinh hết cả mọi thứ cho Tổ quốc, ông đến Hồng-Kông làm nghề dạy học. Cùng với vợ và năm con, ông sống trong một căn nhà hai phòng nằm cao tít trên sườn núi. Ông tiếp đón chúng tôi y như là hai đứa con hoang trở về, lo sắp xếp các thùng hành lý to tướng của chúng tôi và rất tiếc không thể cho chúng tôi lưu ngụ vì chỗ ở quá chật và chỉ cho chúng tôi một khách sạn vừa túi tiền của chúng tôi.

Với những lá thư giới thiệu của ông ta, chúng tôi tới thăm các bạn hữu của ông xem có ai giúp gì được không? Chúng tôi qua hết văn phòng này đến văn phòng khác, từ bạn này qua bạn kia, theo dò mỗi chút hy vọng và luôn luôn được tiếp đón lịch sự thông cảm. Chúng tôi uống không biết bao nhiêu tách nước trà, nhắm không biết bao nhiêu bánh và quen được nhiều người rất dễ mến, nhưng chẳng thu lượm được kết quả mong muốn. Ngày hết, một bã người sau những cuộc tìm kiếm như vậy, chúng tôi đến nhà hàng Hoàng Long trễ hẹn với gia đình Phu-Chính-Sán bốn giờ đồng hồ. Sắp nhỏ chắc đợi gần muốn xỉu nhưng vẫn không để lộ ra ngoài. Phu xua tay gạt lời xin lỗi của chúng tôi về sự trễ hẹn và nói câu nói lịch sự thông thường:

- Nhưng còn sớm, rất sớm mà!

Mặc dù suốt ngày hôm đó chúng tôi không có lấy một chút thì giờ nghỉ ngơi tôi cũng không thể nào cưỡng được việc đi mua sắm. Các cửa hàng của Hồng-Kông bày bán đủ các loại hàng của cả thế giới và chúng tôi sắp đi vào nội địa, cắt đứt hẳn với cái kho hàng tuyệt diệu đó. Những gian hàng của nhà Vĩnh-An rất là mỹ lệ với những cái tháp kỳ dị, những tủ kính bày đầy những hàng vải thêu tay, sản phẩm của Sơn-Đầu và Ninh-Ba. Pao lúng túng đứng cạnh tôi trong khi tôi chọn một vài món đồ. Có lẽ đây là lần đầu tiên chàng đi mua sắm với một phụ nữ. Trong khi chọn hàng, tôi hay hỏi ý

kiến của Pao nhưng chàng chẳng giúp gì được. Chàng lấy tay sờ mấy sấp hàng nhiều và thì thầm:

- Liệu mặc hàng này em có bị lạnh không? Vả lại nó có vẻ không được bền.

Rồi chàng lảng ra chỗ khác và chăm chú xem tủ đồng hồ. Khi tôi lại gần, chàng đang xem xét một chiếc nhỏ xíu bằng bạch kim với sợi dây đeo bằng kim khí.

- Em có thích cái này không? Chàng hỏi.

Cái đồng hồ quả là đẹp, đẹp nhất trong quầy. Chàng đeo vào cổ tay tôi.

- Quà sinh nhật cho em.

Đó cũng là kỷ vật đính hôn của chúng tôi, bởi vì quá nôn nóng rời nước Anh, chúng tôi quên cả nghĩ đến việc trao đổi kỷ vật theo phong tục nữa. Nếu chúng tôi đính hôn theo sự dàn xếp của gia đình, theo đúng phong tục cổ hàng bao thế kỷ xưa của người Trung-Hoa, hai bên giòng họ sẽ trao đổi đủ thứ quà, nhiều và quý giá hết mức mà hai gia đình có thể đài thọ- các cây lụa, vòng vàng, khăn thêu, bình, chóc, các đồ sơn mài- tất cả sẽ được chất trên những cái khay sặc sỡ do hai người khiêng, đi dài theo các đường phố, trong tiếng kèn, sáo chập chóc dẫn đầu.

Nhưng cái cách Pao tặng tôi món quà của chàng là lúc chàng khóa sợi dây vào tay tôi, chứa một vẻ thành khẩn trang trọng gấp ngàn lần các cuộc lễ lạc có tính cách phô trương kia.

Sau khi chạy quanh Hồng-Kông ba ngày, thành phố này đã trở thành quen thuộc. Khu thương mại phủ một màu xám và có vẻ cũ kỹ như thế được xây từ thế kỷ 19, các ngôi nhà gạch đầy bụi, những chiếc lan can, những cửa tò vò. San sát trên những đường hẻm tạp sặc, đông đúc là những ngôi nhà hai tầng mỏng manh, cái nọ nối tiếp cái kia kéo dài hàng cây số. Các xe kéo chạy ào ào trong tiếng kèn kêu toe toe, các xe điện khập khiễng lăn trên hai



đường sắt hẹp và khắp chỗ, đâu đâu cũng toàn những người miền Nam nhỏ nhắn và ngăm đen.

Tiếng Quảng-Đông là căn bản cho một thứ ngôn ngữ tạp nham đủ loại. Người ta thấy đủ các thứ thổ âm miền bể bắc: Ninh-Ba, Hưng-Hóa, Phúc-Châu- lẫn với ngôn ngữ chính của miền Bắc, nhịp nhàng, chững chạc hơn cùng với đủ thứ tiếng ngoại quốc. Tất cả tạo nên giọng điệu phức tạp của Hồng-Kông. Thành phố lại cuồn cuộn thêm người: những người giàu có chạy sang khu trung lập để giữ của; những kẻ chạy loạn cốt chạy lấy mạng sống; những công chức chuyên lo về nghiệp vụ và liên lạc; các tay gián điệp đủ quốc tịch; những người có món gì muốn bán hay những kẻ đi tìm thứ gì có thể mua. Cuộc chiến trong nội địa, gần đó, ở phía sau dãy đồi trong khu Cửu-Long đã ảnh hưởng lên nhịp sống của Hồng-Kông, nó giống như một chiếc đầu máy phì phò kéo một đoàn xe quá nặng.

Mặc cái vẻ vội vàng và căng thẳng khác lạ biết bao với nhịp sống sang cả của Bắc-Kinh, đây vẫn là Trung-Hoa. Với chuyến trở về(mặc dù chúng tôi mới ở ngưỡng cửa), hòa mình vào lối sống Trung-Hoa, thời gian chúng tôi ở bên Anh trở thành một kỷ niệm mờ ảo như hình ảnh của giấc mơ nhạt nhòa vào lúc buổi sáng thức dậy. Thật giống y như là những năm dài đã bị xóa đi. Với tư tưởng và tình cảm lúc đó, chúng tôi gần gũi với cái thời niên thiếu sống ở miền Bắc hơn. Phải chăng mới hôm qua đây chúng tôi vừa đi dạo dọc theo con kinh, dưới rặng liễu xanh, oằn mình dưới sức nóng thiêu đốt của mặt trời. Chúng tôi lại trở nên náo nức, nhiệt thành như những đứa trẻ khôn trước tuổi, lòng đầy can đảm và lý tưởng, tin chắc vào vinh quang của xứ sở và thiện chí của mọi người; tổ quốc cần chúng tôi và thế hệ chúng tôi để xây dựng lại những gì đã đổ vỡ ngả nghiêng.

Chúng tôi mất ba ngày ở Hồng-Kông mà không tìm được cách nào giải quyết vấn đề di chuyển. Hình như có cái gì trục trặc, nhằm lẫn trong hoàn cảnh oái oăm muốn giữ chân không cho chúng tôi đi Hán-Khẩu. Sự giải cứu tới vào lúc không ai ngờ... Tiếng Phu-Chính-Sán trong điện thoại:

- Có một chuyến xe lửa đi Quảng-Châu khởi hành vào lúc bốn giờ rưỡi chiều nay; nó sẽ đi qua Hán-Khẩu. Không chừng đây là chuyến chót.

Chúng tôi vội vàng cảm ơn và chạy ra nhà ga mà vẫn không dám tin là thật. Chúng tôi đã bị thất vọng bao nhiêu lần. Đó chỉ là một tin vịt, không nên quá tin tưởng. Vậy mà nó lại đúng sự thật. Người bán vé cho chúng tôi hai vé hạng nhất đi Hán-Khẩu y như thể đó là chuyện thông thường nhất trên đời. Đúng mười sáu giờ, chuyến tốc hành màu xanh, một chiếc xe tốt đây.

Chúng tôi chạy về khách sạn sửa soạn va-li. Chúng tôi chỉ có thể mang những đồ xách tay và quơ vội một vài thứ cần thiết. Phu-Chính-Sán đến và tỏ ý muốn giúp đỡ. Chúng tôi nhờ ông ta giữ hộ những hành lý còn lại cho đến khi nào có thể gửi theo sau. Chúng tôi qua phà với mấy chiếc va-li và chạy đến nhà ga. Phu-Chính-Sán đi tiễn chúng tôi, mang theo bánh và ít trái cây làm quà tiễn biệt.

Xe lửa đã nằm chờ sẵn trong sân. Chúng tôi lên tàu. Trên sân ga, Phu-Chính-Sán nhất định đứng đợi cho đến khi tàu khởi hành. Phải đợi một thời gian lâu và chúng tôi vừa nóng ruột vừa lo lắng thấy như dài vô tận. Tôi nhìn đồng hồ, đã bốn giờ rưỡi. Tôi nhìn vài cành cây lác đác chung quanh nhà ga. Hải đảo Hồng-Kông ở về phía bên kia eo biển, quang cảnh đã thành quen thuộc. Những giờ phút chờ đợi kéo dài. Gần năm giờ. Chúng tôi đã quá lạc quan! Chẳng mấy chốc họ sẽ đến báo rằng:"Hôm nay không đi! Ngày mai cũng vậy! Con đường đã bị cắt. Oanh tạc". Mệt mỏi, chúng tôi sẽ lại quay về khách sạn với những va-li hành lý. Một lát sau khuôn mặt dễ thương của Phu-Chính-Sán lui dần lại phía sau. Chúng tôi nghiêng người khoa tay chào ông, đồng thời từ giả cả nhà ga, cả vịnh nước và hải đảo. Rồi chúng tôi ngồi vật xuống ghế, thở ra khoan khoái lúc xe bắt đầu tăng tốc độ.

Chúng tôi đang tiến về dãy đồi. Mặt biển xanh như ngọc rời lại phía sau. Dãy đồi mở ra cho chúng tôi băng qua rồi lại khép lại che lấp hình ảnh của

Hồng-Kông trong tầm mắt của chúng tôi. Chúng tôi đang trên đường đến Hán-Khẩu.

Buổi tối thứ hai, chúng tôi đến Dương-Châu, ngã ba đường sắt quan trọng, nơi con đường Quảng-Châu- Hán-Khẩu gặp con đường đi về Quế-Lâm ở phương Nam. Vào thời bình đi từ Dương-Châu đến Hán-Khẩu chỉ mất vài tiếng đồng hồ. Chúng tôi phải đi trong bốn ngày.

# ĐƯỜNG VỀ TRÙNG KHÁNH

Han Suyin

[www.dtv-ebook.com](http://www.dtv-ebook.com)

## Dịch Giả: Trùng Dương & Hồ Hải

### Chương Bốn

Nhà ga Dương-Châu, buổi chiều xám ngắt; binh lính tràn ngập trên các đường phố, trên những cánh đồng lân cận. Chỗ nào cũng toàn lính là lính, người đi dọc theo đường sắt, kẻ cười đùa ngả ngớn sau khung cửa kính, tốp nằm dài trên sân ga hay trên mặt ruộng, toán ngồi bệt xuống đất hay ngồi chồm hổm, đầu gục trên hai đầu gối. Họ chờ đợi với sự bình thản lạ lùng... Pao tiến lại gần một đám sỹ quan đứng chuyện trò riêng một chỗ; chàng hỏi họ từ đâu đến, Hán-Khẩu! Tiền tuyến! Họ đã chiến đấu ở đó một tháng ròng. Đúng, chiến trường khá sôi động. Quân Nhật tiến sát đến Hán-Khẩu. Chúng có đủ thứ, chiến xa, trọng pháo, toàn là những chiến cụ thượng hạng. Nhưng chúng tôi đã cầm chân họ trong mười tháng. Những người này lại trở ra mặt trận sau thời gian nghỉ xả hơi.

Một đại úy trẻ, gầy nhom với đôi mắt sắc như điều hâu hỏi lại:

- Còn quý vị từ đâu đến?
- Chúng tôi từ ngoại quốc về.
- Thế hai người định đi đâu?
- Đi Hán-Khẩu nhận nhiệm sở.
- Hai người về để đi Hán-Khẩu, trong khi có thể ở lại ngoại quốc? Quý vị can đảm thật! Tôi rất hân hạnh được làm quen.

Nếu anh ta nói với giọng mỉa mai, chúng tôi còn có thể chịu được. Nhưng đấng này, sự ngưỡng phục thành thật của anh ta làm chúng tôi đâm ngượng. Chúng tôi chưa làm được gì cả.

Người ta tháo rời đầu máy xe lửa của chúng tôi. Chúng tôi bị bỏ lại trên sân ga. Chúng tôi không thể đi Hán-Khẩu ngay đêm đó. Lúc trời mờ sáng, chúng tôi bị tiếng kèn báo thức cùng với tiếng gà gáy đánh thức dậy. Không giống với những tiếng kèn rõ, đồng dục khác, đây là những điệu kèn đồng trầm bổng, chiếc nọ nối đuôi chiếc kia, rồi đồng loạt trỗi lên hỗn loạn không chiếc nào ăn nhịp với chiếc nào. Mọi chiếc đều găng ngàn tiếng kèn của mình, rồi tất cả đồng loạt cất lên một hợp khúc ni non và buồn thảm. Những cây kèn nhỏ thì cất giọng ngay từ lúc trời chưa sáng để tập dượt. Đó là giờ của họ. Cần mẫn là đức tính duy nhất của họ.

Bình mình xám nhạt; cái đám người bình thân đóng đô ngay trong nhà ga và các khu lân cận vẫn còn đó. Từng cùn xé cơm nóng bốc khói được mang ra; đám lính ào đến bu quanh múc đầy bát, rồi vội vàng ăn. Mặt trời lên cao. Các cửa hiệu bắt đầu mở. Vào khoảng mười giờ có báo động. Các cửa hàng lại đóng lại vội vã. Đám binh sĩ lượm súng và túi đeo lưng lên, sắp thành hàng ngũ và di tản ra ngoài thành phố. Đầu máy xe lửa của chúng tôi chạy ra kéo chúng tôi đi tìm chỗ trú ẩn. Đoàn tàu chạy đến một nhà chứa xe ở đồng quê. Hành khách ẩn núp dưới các bóng cây hay các bụi dậm. Khi Pao và tôi đi chung với nhau, chúng tôi không sợ hãi gì cả, nhưng những người khác đều nhìn lên trời lo lắng. Họ núp dưới các bờ đường và ngụy trang dưới các cành lá xanh. Họ đã từng ném mùi oanh tạc tại Quảng-Châu. Hành động của họ khiến chúng tôi ngạc nhiên, nhưng sau những lần bị dội bom ở Quế-Lâm và Trùng-Khánh, chúng tôi mới hiểu. Thời gian trôi qua và không có chiếc máy bay nào xuất hiện cả. Chúng tôi kéo nhau về phía xe lửa. Không có cơm cho hành khách. Nước uống cũng hết. Chúng tôi sống qua suốt cuộc hành trình nhờ những bánh kẹo và trái cây của Phu-Chính-Sán cho còn sót lại.

Lại trở về Dương-Châu. Đó là đêm thứ ba sau khi chúng tôi khởi hành từ Cửu-Long. Đám binh sĩ lại từ các cánh đồng trở về đợi chuyến xe lửa của họ. Sáng ra, lại những tiếng kèn đồng mệt mỏi đó. Những chuyến xe chở dân tản cư về phía nam chạy qua Dương-Châu suốt ngày. Những toa xe chở súc vật bây giờ đầy ních những người chạy trốn, nét mặt rã rời, gầy ốm, bần thủ, rách rưới, tay khư khư ôm chút gia sản nghèo nàn buộc chặt trong một gói. Mệt mỏi mặt trở không còn chút cảm xúc, trông họ giống như những con vật đau khổ, câm lặng. Lời nói và cử động trở thành thật khó khăn. Họ đã đến mức cuối cùng của xúc cảm, họ chỉ còn tập trung vào một nỗ lực ghê gớm duy nhất là chịu đựng. Đó là hình ảnh thật, sống động không thấy nói đến trong những tin tức mà chúng tôi nhận được khi còn ở Anh quốc và Hồng-Kông. Chúng tôi không thốt nên lời, chỉ biết nắm chặt tay nhìn đồng bào của chúng tôi lớp lớp trốn chạy khỏi làng mạc và ruộng vườn. Môi Pao mím chặt. Mặt chàng hiện rõ nét hung hãn. Những nét nhăn nhú hằn quanh mắt chàng.

Hai ngày đêm chờ đợi ở Dương-Châu đối với chúng tôi như một cuộc đợi chờ bất tận. Nhưng chúng tôi lại có riêng một toa hạng nhất với những chiếc ghế nệm êm ái và tránh được cơn mưa bắt đầu đổ xuống từ trưa ngày thứ hai. Chúng tôi thấy xấu hổ về sự nóng lòng của mình vì so với hoàn cảnh của đám dân tản cư chất đống trong các toa súc vật và đám lính màn trời chiếu đất, hoàn cảnh của chúng tôi thật quá mức tiện nghi...

Chúng tôi đã mất hai mươi giờ để đi hết quãng đường ngắn từ Dương-Châu đến Hán-Khẩu. Xe lửa chạy chậm như đi bộ vì phải chạy trên các đường phụ; đường chính dành cho các xe chở dân tị nạn đi về hướng Nam hay các xe chở binh lính lên mạn Bắc. Lâu lâu lại còn phải ngưng vì báo động. Nhưng vào buổi chiều nắng chang chang của ngày thứ năm kể từ khi rời Cửu-Long, chúng tôi cũng đến được Vũ-Xương.

Nơi đây sông Hán-Giang gặp sông Dương-tử tách Vũ-Hán, trung tâm kỹ nghệ của Trung-nguyên thành ba thành phố Vũ-Xương, Hán-Khẩu và Hán-

Dương. Sông Dương-tử- hay là Lam-Giang- rộng không thể tưởng được. Nơi đây, cách bờ biển một ngàn rưỡi cây số, "đứa con của biển cả" đó uốn éo giữa ba thành phố của Vũ-Hán. Dòng nước đỏ quạch, chứa đầy phù sa đất đỏ của miền Tây. Vũ-Xương nằm trên bờ phía nam chỉ còn là đồng gạch đổ nát sau những trận mưa bom, nhưng chúng tôi thấy Hán-Khẩu hầu như còn nguyên vẹn. Những bin-đình cao lớn nằm san sát bên nhau dọc theo các bến tàu không chừa một lỗ hổng. Những chiếc tàu đậu trên bến vẫn lên xuống hàng như thường lệ. Những tòa lãnh sự ngoại quốc trên đại lộ Bund- những dinh thự đồ sộ kiểu cổ nằm giữa những khu vườn rộng- hình như không hề biết gì đến cuộc chiến.

Trên đường phố, dưới ánh nắng dịu của mùa thu, các bà mẹ và trẻ em đua nhau mua bánh dẻo và bánh nướng bởi vì hôm nay là ngày tám tháng mười dương lịch và là ngày rằm tháng tám âm lịch, ngày tết Trung-Thu. Tối nay, mọi nhà đều bày cỗ ăn uống. Những nhà giàu sẽ bày tiệc tùng và mời bạn bè đến tham dự. Những người nghèo mà một năm chỉ được ăn thịt có ba lần, sẽ ăn thịt vào ngày hôm nay. Mọi nhà sẽ đốt nhang, đốt nến trên bàn thờ tổ tiên. Người ta sẽ đi diễu ngoài đường, trên các công viên hay trên đường phố hát hồng vui vẻ theo nhịp điệu của những tiếng sáo. Họ là những kẻ thường trắng. Trong một đêm nay, họ tạm quên đi nỗi kinh hoàng của các đêm trăng sáng soi đường cho máy bay địch.

Chúng tôi đi lang thang lẫn với đám đông. Nơi đây, người ta không thấy cái vui sô bồ hỗn độn của những thành phố bị đe dọa mà là một hạnh phúc an nhàn. Người ta đồn đãi rằng thành phố sẽ phải di tản, nhưng trên đại lộ Bund- con đường lớn chạy dọc theo bến tàu- là một dòng người chuyển động, vừa đi vừa ngắm nhìn những ánh đèn trên các con tàu hay ánh trăng loang loáng trên mặt nước.

Ngày hôm sau, Pao đi trình diện tại Bộ Tổng-tư-lệnh. Chàng được mang lon sỹ-quan và biệt phái đến Bộ Tư-lệnh Quân-đoàn. Điều đó có nghĩa là tại hậu tuyến chứ không phải tiền tuyến. Pao rất thất vọng về chuyện này.

Chàng mong sẽ được ra mặt trận ngay. Nhưng vì khả năng sinh ngữ và hiểu biết chuyên môn của chàng nên người ta cho rằng chàng sẽ giúp ích nhiều hơn khi ở Bộ Tư-lệnh.

- Một thứ công việc cạo giấy, Pao than phiền.

Nhưng tôi thấy hài lòng rằng chàng không phải ra mặt trận ngay tuy rằng thực tình tôi không mong như vậy. Chúng tôi sẽ sống chung với nhau ở Hán-Khẩu, chúng tôi sẽ làm lễ thành hôn! Trong khi Pao còn đang cầu nhàu hậm hực, tôi đã tính vội trong đầu chương trình cho buổi lễ cưới của chúng tôi.

Trong những ngày trên đường về nước, nếu tôi có nghĩ đến cuộc hôn nhân của chúng tôi, tôi cũng không thể nào hình dung ra với những chi tiết rõ ràng hoặc đại khái mọi việc sẽ phải như thế nào. Tưởng tượng ra cuộc sống chung, làm vợ Pao ở quê nhà, sống một cuộc đời thích thú và mới mẻ, đối với tôi không có gì là khó khăn cả. Nhưng cả hai đứa, không ai nghĩ đến một chương trình lễ lạc rõ rệt nào hết. Tôi đã nghĩ đến Bắc-Kinh. Luôn luôn vẫn là Bắc-Kinh! Tôi không thể nào ngờ được rằng bối cảnh của cuộc lễ lại là cái thành phố Hán-Khẩu đông đúc này. Chúng tôi sẽ lại trở về ngôi nhà ở bên bờ kinh trong Tử-Cấm-thành, chúng tôi sẽ an hưởng cuộc đời bình lặng, trọn vẹn tại thủ phủ miền Bắc đó. Nhưng Pao có vẻ nghi ngại: Bắc-Kinh hiện đang bị chiếm đóng!

Chàng bảo:

- Còn lâu mới tái chiếm được Bắc-Kinh!

Tôi trả lời:

- Ở Quảng-Châu hay Hán-Khẩu, ở đâu đối với em cũng vậy mà thôi. Đâu cũng là nhà ta cả!



Tôi nghĩ đến những đám cưới mà tôi được xem hồi nhỏ: tiếng pháo, tiếng chập choẽ, tiếng trống, tiếng kèn the thé; những giải lụa hồng giăng quanh nhà; những tiệc tùng; những khách khứa, những bộ quần áo thêu thùa lộng lẫy. Không bao giờ tôi nghĩ là tôi và Pao lại lấy nhau theo cái cung cách ấy cả. Dĩ nhiên tôi không thể đóng vai một cô dâu theo kiểu cổ truyền: Một cô gái lạ hoặc được gia đình chấp ước, hết sức e lệ sau lớp vải che mặt màu đỏ- màu đỏ, màu vui tươi- và được khiêng trên chiếc kiệu nhiều màu sắc sỡ đến tận cửa nhà Pao. Tôi cũng không tưởng tượng ra cảnh mình sẽ làm một cô dâu đài các kiểu Thượng-Hải với chiếc áo nhung thêu có sáu cô bétóc bím, áo hồng nâng chiếc đuôi dài hàng chục thước.

Có thể chúng tôi sẽ cưới nhau trong một đám cưới tập thể dưới sự bảo trợ của chính phủ? Chúng tôi sẽ sắp thành hàng dài đi theo tiếng nhạc hùng của đội kèn đồng. Chúng tôi sẽ cùng nói "con bằng lòng" đồng loạt với ba bốn chục cặp khác; chúng tôi sẽ cùng khách khứa của tất cả các cặp tham dự bữa tiệc đã được đặt trước. Không! Kiểu đó có thể biểu dương tinh thần ái quốc và hợp với các lý thuyết kinh tế, nhưng lễ cưới của chúng tôi không thể như thế được.

Tôi mong mọi nó phải làm sao để tôi có thể nhớ đến, phải có một ý nghĩa, một vẻ đẹp sâu kín. Tôi muốn... Pao không theo đạo Thiên-Chúa, nhưng khi tôi nói điều tôi mong muốn, chàng bằng lòng ngay. Chúng tôi sẽ làm lễ cưới theo kiểu Thiên-Chúa giáo tại nhà Truyền giáo Hán-Khẩu; thật giản dị, thật khiêm tốn. Sẽ chỉ có hai tôi, vài ba người bạn và vị mục sư mà thôi.

Tôi nói cho Pao nghe về công việc mới của tôi. Trong khi chàng lo đi trình diện, tôi đã tình nguyện làm việc cho một nhà thương chuyên săn sóc cho các thương binh. Nhà thương này trước kia ở ngoại ô Hán-Khẩu, bị dội bom tan nát, nay phải dọn tạm về một nhà ngân hàng trong thành phố. Nhà thương rất thiếu nhân viên bởi vì một số lớn đã cùng gia đình đi tị nạn hay đã gia nhập tổ chức Hồng-thập-tự. Chỉ còn lại vài y sĩ ngoại quốc. Công việc săn sóc thương binh và cứu cấp những nạn nhân bị oanh tạc gia tăng

gấp bội; bởi thế, mọi sự tình nguyện giúp đỡ đều được chấp nhận. Y tá trưởng là một người Anh, cô James, một phụ nữ với tầm vóc dễ nể và cao đến thước tám. Đứng trước cô ta, tôi có cảm tưởng mình như là một đứa bé con. Tôi nói cho cô ta biết về khả năng và ý nguyện của tôi. Không cần qua thủ tục gì khác, tôi bắt tay ngay vào việc...

Ngày 10 tháng 10. Hội hè đình đám. Màn đêm buông xuống. Mặt trăng sáng len lỏi qua những cụm mây trắng, vân đều, trông giống như những lớp vẩy cá. Một nỗi hân hoan từng bừng phảng phất trong không khí trái hẳn với nỗi vui mừng nhẹ nhàng, sự yên tĩnh khoan hòa của ngày tết Trung-thu. Tiếng cười the thé âm vang và sự bạo tợn của nó làm ta ngỡ ngàng. Hôm nay không có giọng nhạc rên rỉ của tiếng sáo lúc chiều tà mà là tiếng trống, tiếng kèn, tiếng hoan hô và những khúc nhạc quân hành. Những đám rước đuốc, rước đèn. Đám học sinh trung học diễn hành qua, vừa đi vừa hô lớn các khẩu hiệu: "Chiến đấu đến cùng", "Quyết bảo vệ Vũ-Hán", "Đã đảo quân xâm lược".

Đám đông hòa theo và hô thành tiếng âm vang khắp thành phố. Lại có những đơn vị từ tiền tuyến trở về, có những đơn vị trở ra để thay thế; tất cả đều đi ngang qua đại lộ Chương-Hán, trục lộ chính của Hán-Khẩu... Tất cả các nghiệp đoàn đều đi diễn hành, nghề nào mang theo dụng cụ nấy: những người bán hàng mang theo đòn gánh, thợ mộc mang theo cửa và búa, thợ nề mang theo bay và thước. Những biểu ngữ khổng lồ với những mô hình chiến xa, tàu bay và các hình ảnh tượng trưng Hòa-Bình, Chiến Thắng và một bức tượng của Thống tướng Tưởng cao đến hai mươi thước diễn qua. Mọi người bừng lên một nỗi hân hoan phấn khởi. Họ reo hò tỏ mở và tin chắc vào chiến thắng.

Đây không phải là nước Trung-Hoa mà tôi được biết, một xứ mà dân chúng đều chùng mực, chững chạc, khó bị kích động và khinh thị cảm xúc. Đây cũng không phải là những học giả thoát tục, những con buôn thực tiễn, sẵn sàng chấp nhận bất cứ chính phủ nào, dù tồi tệ đến đâu cũng mặc. Những

người dân Hán-Khầu này bị kích động mãnh liệt, cực kỳ sống động căng thẳng. Chiến tranh đã biến đổi dân tộc tôi như vậy. Chúng tôi đoàn kết chặt chẽ và nhất chí tưởng như chưa bao giờ có. Ý chí muốn sống tự do của chúng tôi bùng dậy.

Trong khi chúng tôi đang đứng xem những đám diễn hành, một chiếc xe hơi dừng lại trước nhà Ngân hàng Trung-Hoa đối diện với chúng tôi, nơi có đặt nhiều cơ sở hành chánh. Một người mảnh khảnh, mặc quân phục ra khỏi xe hơi, bước lên các bậc thềm, quay lại nhìn, đám đông chưa nhận rõ ra là ai. Ánh trăng ánh đuốc phản chiếu một khuôn mặt trang nghiêm, khuôn mặt mà mọi người đều ghi nhớ với chiếc cằm rất đặc biệt, dài và sắc nét, vàng trán cao, nhẵn, hai mắt sâu. Pao nhận ra ngay: đó là vị Tổng-tư-lệnh của chúng tôi.

Tướng-Giới-Thạch đang đứng trên bậc thềm cao. Khi đám đông nhận ra ông, tiếng rì rào nổi lên rồi im bật, sau cùng tiếng reo hò tỏ mở bộc phát như tiếng gió gào trong rừng hoang: "Tướng-Giới-Thạch vạn tuế! Tướng-Giới-Thạch vạn tuế! Tướng-Giới-Thạch muôn năm!" Ông đứng nghiêm như tượng đá, chào lại đám đông, miệng điểm nụ cười nhẹ và trang trọng. Rồi ông cúi mình và đi khuất vào trong nhà ngân hàng.

Chúng tôi hòa theo không khí tò mò của đám đông và khi đã mệt, chúng tôi vào một rạp hát coi tuồng "Quyết giữ Vũ-Hán". Các diễn viên diễn xuất không lấy gì làm khá như ở Bắc-Kinh, cốt truyện thì lung củng không đầu vào đầu khiến chúng tôi thất vọng. Nhưng khán giả luôn vỗ tay tán thưởng những đoạn nêu cao gương ái quốc âm ỉ đến cái độ mà không còn ai nghe thấy gì khác. Giữa vở hát, người ta báo tin một chiến thắng mới ngoài tiền tuyến. Khán giả điên lên vì vui mừng. Hán-Khầu sẽ được cứu thoát. Vũ-Hán sẽ đứng vững.

Chúng tôi ra khỏi rạp hát. Trên trời mặt trăng vàng lớn vành vạnh. Những đám mây trắng bạc làm mờ khuất cả đường chân trời cong vút. Thật là một điều sung sướng được sống nơi đây, trên mảnh đất Trung-Hoa tự do, được

hòa mình vào trong cơn sốt lan truyền này. Sau cùng chúng tôi đã hòa mình vào với dân tộc, kết hợp thành một khối với một mục đích duy nhất. Pao và tôi cạnh nhau, giữa lòng dân tộc- Trung-Hoa, và chúng tôi hóa thành một trong tấn thảm kịch, trong niềm hy sinh, trong vinh quang, trong những dòng máu tuôn ra để bảo vệ Tự-Do cho xứ sở. Tối nay, nỗi sợ hãi của chúng tôi biến mất. Chúng tôi đã từng lo âu, mất tin tưởng khi nhìn vào tương lai, từng kinh hoàng trước những bất trắc đang đợi chờ. Nhưng chúng tôi không còn sợ nữa. Một sức mạnh tiềm tàng vùng lên giống như một tia nước bất ngờ vọt ra, dũng mãnh, thẳng tắp và cao ngạo. Đây là phút giây mặc khải, lúc mà nền móng của quá khứ kết tụ thành sức mạnh. Chúng tôi đã tìm được niềm tin vào định mệnh của xứ sở. Nó giúp chúng tôi mạnh dần tiến lên. không lo âu sợ hãi.

Trong ba ngày, Pao và tôi bị lôi cuốn vào một nhịp sống mới mẻ và nhọc nhằn. Ngày nào chúng tôi cũng phải làm việc. Nhưng chúng tôi được nghỉ buổi tối và sống chung với nhau. Chúng tôi không còn là những kẻ lạ mặt tại Hán-Khâu nữa. Trên đường phố, trong rạp hát, thế nào chúng tôi cũng gặp những người quen từ bốn góc trời Trung-Hoa đó về đây, Hán-Khâu. Một tối, Pao dẫn tôi ra mắt chú chàng, Tướng Tăng, để ông coi mắt tôi và chấp thuận cho cuộc hôn nhân. Từ khi cha Pao mất, ông là gia trưởng trong nhà.

Hồi đó ông coi một phân bộ quan trọng trong Bộ Tổng-Tham-Mưu và là một trong những người bận nhất nước. Dáng người nhỏ bé, điệu bộ bình tĩnh hẳn lên một nét trang nghiêm tự nhiên. Ông gầy đi vì làm việc quá độ. Đến gần ông, người ta cảm thấy ngay hoàn cảnh bận rộn trong nếp sống của ông. Ông tiếp chúng tôi thật đặc biệt: dè dặt nhưng thành thật.

Tôi đã rùng mình lo ngại khi nghĩ đến cuộc hội kiến này, nhưng sự lịch thiệp cởi mở của ông làm cho tôi được tự nhiên.

Ông nheo mắt nhìn chúng tôi, miệng mỉm cười và cho chúng tôi thêm vài tin tức chiến sự. Hai ngày qua, chúng tôi đã nhất quyết chiến đấu và gạt hái

những kết quả khả quan, nhưng có lẽ chúng ta không cần phải giữ Vũ-Hán!

Chúng tôi chết lặng! Không thể nào hiểu được điều đó, chúng tôi không thể nghĩ đến một sự việc như vậy được. Với riêng tôi, tôi cho rằng có những địa phận nào đó mà chúng tôi phải bảo vệ với bất cứ giá nào; bởi vì nếu mất, nó sẽ là một tai họa kéo theo sự sụp đổ toàn diện. Tướng Tăng tiếp tục nói, giọng bình thản:

- Chiến tranh sẽ kéo dài lâu lắm. Chúng ta chưa nắm vững được chiến lược thích nghi mà chúng ta phải theo. Chúng ta có khối thì giờ, với một địa thế mệnh mông và rất nhiều nhân lực. Rất nhiều!

Lại một lần nữa, nụ cười nửa miệng của ông khiến chúng tôi kinh ngạc. Rồi ông hướng câu chuyện qua đề tài khác và nhận lời làm nhân chứng chính cho hôn lễ của chúng tôi.

Còn lại vấn đề nhân chứng thứ hai nữa. Pao được biết một người bạn tên là An-Phương hiện đang sống ở Hán-Khẩu. Chúng tôi đi tìm anh ta. Đó là một người gốc Quảng-Đông, đẻ và sinh trưởng tại Gia-Nã-Đại. Khi chiến tranh bùng nổ, anh đã bỏ một địa vị khá tốt- kỹ sư trong một xưởng máy bay- và bỏ tiền túi ra để mua vé tàu thủy về nước. Lúc này, anh ta thiết lập những xưởng sửa chữa máy bay gần phi trường. Chúng tôi tìm ra anh chàng đang nằm rên khừ khừ dưới hai lớp chăn dày cộm vì đang lên cơn sốt rét. Răng đánh vào nhau cồm cộp nhưng anh ta cũng vui vẻ tiếp chúng tôi:

- Chèng đéc ơi! Còn kẻ nào đến đây nữa không nào? Cậu về đây từ hồi nào?

Anh không chấp nhận sự thông cảm của chúng tôi.

- Chỉ là vấn đề ký ninh thôi mà! Một tuần lễ nữa là tôi sẽ đâu vào đó ngay.

Chúng tôi rất buồn. Một tuần lễ nữa thì đã quá muộn.

- Ngày nào? Ngày 15? Coi nào... (Anh ta đếm đầu ngón tay). Hôm nay tôi lên cơn, ngày mai không, ngày mốt có, ngày sau đó không. Xong rồi!

Nhưng liệu việc đi như vậy có làm cho anh ta mệt lắm không, lại chưa kể đến bữa tiệc.

- Không sao! Vả lại, cứ hai ngày tôi lại phải dậy ra xưởng một lần mà. Thế nào tôi cũng tới, cứ tin tôi đi.

Bạn hữu đã giới thiệu chúng tôi với mục sư Kent thuộc nhà truyền giáo. Chúng tôi đến thăm ông để xin ông làm phép cưới và ấn định giờ giấc. Chúng tôi gặp ông, một người rất gầy, còn rất trẻ với khuôn mặt xương xương, nghiêm nghị dưới cặp mắt màu xám. Giọng nói chậm rãi, thông cảm và tốt bụng. Chúng tôi hẹn trưa ngày mốt vào lúc ba giờ rưỡi. Khi đến bệnh viện, tôi báo cho cô James biết là tôi sẽ phải nghỉ một ngày. Dưới cặp mắt soi mói của cô, chắc mặt tôi phải đỏ hồng. Cặp mắt của cô như muốn nói với tôi: "Có phải đó chỉ là một cái cớ? Cả cô, cô cũng bỏ chúng tôi ư?"

Tôi ấp úng nói rằng tôi sẽ có mặt vào sáng hôm sau đó. Tôi không biết rằng cô ta có tin tôi không, bởi vì lúc này không có gì là chắc chắn và ta không thể trông cậy vào bất cứ ai. Dưới quyền cô là một đám tạp nham. Một vài y tá có bằng cấp phần lớn là không và đều phải đảm trách những công việc quá khả năng chuyên nghiệp của họ. Những người khác đều là những kẻ tình nguyện, có người biết, có người không có lấy một chút căn bản gì về nghề thuốc cả. Với một toán nhân viên như vậy, cô James phải lo điều hành nhà thương và lo sao cho các bệnh nhận được săn sóc chu đáo!

Người ta truyền nhau những tin đồn. Các y tá gặp nhau ngoài hành lang và kháo nhau về những điều đồn đại, những tin hoang đường nhất. Thế là một làn sóng kinh sợ ào đến và họ biến mất không thông báo gì cả. Những người khác tiếp tục công việc, miệng mím chặt, khinh bỉ những kẻ hèn nhát. Lại những lời đồn đãi khác và trong hai ngày, ngay cả những người đó cũng lẫn lộn.

Ban ngày, những lời đồn đãi biến mất; Hán-Khẩu sẽ vững như thành đồng!... Nhưng khi tối đến, khi mà ánh sáng được che khuất để cho bệnh nhân có thể yên ngủ, nỗi kinh sợ lại chạy luồn giữa các phòng và gọi cho chúng tôi những hình ảnh, những câu chuyện khủng khiếp mà đám đàn bà con gái đã trải qua ở Nam-Kinh. Vòng vây của địch quân cứ siết chặt quanh ba mặt và hình như càng chặt hơn vào buổi chiều ta và chúng tôi nghĩ đến các điều có thể xảy ra- khi- Hán-Khẩu bị thất thủ và nếu chúng tôi quá chậm chân chạy trốn.

Công việc của Pao khiến chàng phải đi khắp mọi nơi và chàng mang về nhà những tin tức chưa được phổ biến trên báo.

- Quân Nhật đã đổ bộ lên vịnh Bias. Chúng đang tiến về Quảng-Châu, chàng nói với tôi, giọng không cảm xúc.

Gần như là một câu nói vô nghĩa, nhưng có điều tiếng chàng phát ra rất chậm chạp và khó khăn. Chàng luôn luôn như vậy mỗi khi nói đến thất bại hay rút lui... "Hệ thống phòng thủ Thượng-Hải đã bị chọc thủng, Nam-Kinh đã thất thủ." Người ta nói tới điều đó càng ngắn càng tốt, người ta nhìn sự thật với giáng vẻ hết sức lạnh lùng. Chỉ có một tin chiến thắng mới mở toang được xúc động trong lòng chúng tôi. Chúng tôi đồng đứng bật dậy và reo hò mừng rỡ khi được tin đã chiếm lại được một vài ngôi làng không quan trọng hay một vài điểm chiến lược thứ yếu...

Quảng-Châu! Cửa ngõ của Trung-Hoa tự do!

Pao chưa nói hết:

- Bộ Tổng-tham-mưu dự định rời Hán-Khẩu.

Tôi chết lặng người dưới cái tin đó.

- Tại sao? Nhưng tại sao? Các chiến tuyến không đứng vững? Chúng ta không thể giữ Vũ-Hán hay sao?

Pao giải thích với một giọng cộc lốc và khô khan:

- Chúng ta không bị đánh bại, chúng ta không rút lui. Nhưng việc bảo vệ Vũ-Hán tổn hại quá mức. Hơn lúc nào hết, chúng ta phải tiết kiệm lực lượng. Bộ Chỉ-Huy tối cao đã quyết định một cuộc lui quân chiến lược. Tất cả các kế hoạch đã được nghiên cứu, các căn cứ mới đã được thiết lập. Tất cả các công sở đều ở lại để hoàn tất cuộc rút lui.

- Nhưng không ai hay cả; mọi người đều tuyệt đối tin tưởng là thành phố sẽ đứng vững. Chính phủ không thể bỏ rơi họ mà không báo động gì cả.

- Họ sẽ được thông báo. Đã có những lệnh báo động rồi. Chính phủ đã ra lệnh di tản dân chúng từ lâu. Nhưng nếu họ không tin, nếu họ không tuân lệnh, liệu đó có phải là lỗi chính phủ? Các nhà máy, các cơ sở kỹ nghệ và công nhân đều đã di tản hết. Chính phủ hết sức giúp đỡ những người nào muốn đi. Nhưng một cuộc xáo trộn vào lúc này sẽ ngăn trở cuộc chuyển quân và làm lộ ý định của ta cho địch quân...

- Pao, chừng nào?

- Anh không biết. Rất gần đây!

Nhưng chẳng có gì thay đổi hết. Những tấm bích chương "Bảo vệ Vũ-Hán đến cùng" vẫn chói lọi tin tưởng trên các mảnh tường và các bản thông tin. Dân chúng vẫn tấp nập đi lại trên đại lộ Bund dưới ánh nắng thu ấm áp, vẫn thản nhiên nhìn những con tàu lên xuống hàng như thường lệ. Thành phố vẫn vui tươi và vẫn làm ăn tấp nập. Đàn bà, trẻ con, các chủ tiệm vẫn đứng trước cửa hàng, tất cả mọi người vẫn còn ở đây. Và chẳng bao lâu nữa... "Gần đây", Pao đã nói mà. Hàng tuần? Vài ngày?

Biết một điều mà không ai biết thật là khó chịu. Gánh nặng của cái tin mật đó nặng nề đến cái độ mà trí óc tôi không thể chấp nhận được. Chỉ trừ khi tôi có Pao bên cạnh, khi tôi nói với chàng, nếu không, nó lặn sâu vào lớp



sương mù của một cơn mơ kinh dị, quá hoang đường để có thể thành sự thật.

Buổi sáng ngày đám cưới của tôi, mặt trời vàng chói lấp lánh trên mặt nước. Đây là thời gian tốt cho các cuộc oanh tạc. Chỉ là những cuộc oanh tạc... đó là điều khó hiểu mà tôi chưa được biết.

Buổi sáng hôm đó là của tôi, bình thản và tự do. Tôi đi dạo trên đại lộ Bund, khoan khoái đắm mình vào cuộc sống; những hàng cây bóng mát bên rìa công viên; giọng hò của đám phu khuân vác đang bốc rờ hàng trên một chiếc tàu: Hấy à! Hấy à! Một dòng xe hơi vun vút chạy qua; những chiếc xe kéo; tất cả cái cuộc sống nhộn nhịp và thân thuộc của thành phố này. Ta không thể tưởng được là thành phố đang bị đe dọa và vây khốn. Gặp người bán hoa, tôi mua vài bông hồng bạch và mấy nhánh thủy tiên có mùi hương thoang thoảng rồi trở về phòng khách sạn để sắp thành một bó. Chiếc áo dài màu xanh dương kín đáo trải trên giường. Tôi đặt bó hoa trên nền màu tươi của chiếc áo. Màu trắng ngà và trong ngọc trên nền xanh dương, thật là tuyệt. Tôi gài lên búi tóc một bó thủy tiên nhỏ, sau cùng tôi vứt hết chỉ giữ lại hai bông. Tôi rất sợ vẻ dỏm dáng lẻo lẻo vì các bà, các cô trong gia đình Pao không bao giờ dỏm dáng phô trương cả.

Suốt cả buổi sáng, Pao bận rộn với công việc tại Bộ Tổng-Tham-Mưu. Tôi còn nhiều thì giờ trước khi gặp lại chàng vào bữa cơm trưa. Tôi gọi chú nhỏ bồi phòng kiểm đôi giày cao ống của Pao vì tôi không lạ gì với cái cung cách cầu thả của khách sạn này. Tôi say sưa chà lớp dầu đánh bóng màu nâu và dù không còn vẻ bóng bẩy của những ngày ở Sandhurst, đôi giày vẫn còn đẹp lắm.

Đến một giờ, Pao về nhà và chúng tôi đi ăn trưa. Tự nhiên giữa chúng tôi lại có một sự e dè kỳ cục. Hình như thể chúng tôi bị mắc cở với nhau. Cả hai chúng tôi đều cố giữ vẻ thản nhiên và nói chuyện nhát gừng. Tôi hỏi chàng về các công chuyện sáng nay, chàng xuýt xoa khen những cành hoa trên tóc tôi và cho rằng nếu tôi thêm vài bông nữa sẽ nổi hơn. Nhưng khi

chúng tôi nhìn thẳng mặt nhau, chúng tôi quên ngay lời đang nói, chúng tôi bất chợt im lặng giữa một câu nói.

Gần đến ba giờ, giờ hẹn để đi đến nhà truyền giáo. Tôi đã chuẩn bị sẵn sàng để đối phó với sự kiểm soát chặt chẽ của gia đình Pao mà hiện chú chàng, Tướng Tăng sẽ đại diện. Một chút phấn hồng và son trên má trên môi, nhưng đừng nhiều quá. Một chiếc áo dài rất cổ. Tôi cài thêm vài bông hoa lên đầu, nhưng vẫn không quá nhiều. An-Phương đến tìm và tôi chạy xuống đón anh, hai bàn tay vẫn cầm bó hoa. Pao bước ra với bộ lễ phục, dây lưng to bản, giày cao cổ cùng tất cả các phù hiệu cùng cấp bậc mới của chàng nhưng đầu lại để trần. Chàng cầm chiếc mũ nơi tay, giọng chê bai:

- Cái mũ này! Đâu có thể như thế này được. Xanh mới khổ người ta chứ. Nó không hợp với bộ ka-ki này chút nào cả, chẳng khác nào cỏ mà đi với lúa.

Tại Trung-Hoa không có màu sắc bắt buộc cho các loại sắc phục. Chúng tôi luôn luôn ghét sự đồng hóa, vì thế các món quân phục được tha hồ chọn màu, từ màu vàng nhạt qua các màu cá vàng, màu cứt ngựa và màu xanh lá lúa cho đến màu đỏ xẫm. Chiếc mũ của Pao không hợp với màu của bộ lễ phục chàng đang mặc.

- Thế còn chiếc mũ cũ của anh! Tôi đề nghị cách yếu ớt.

- Khổ cái là kiểu đó đã có lệnh thay. Vả lại nó vàng quá và cũng chẳng hơn gì cái này. Đó là lý do khiến anh đã phải đặt làm một cái khác. Anh đã chỉ dẫn cho tên thợ may. Hẳn bảo đảm và vào giờ chót hẳn đưa cho anh cái của nợ này.

Vấn đề khá quan trọng. Một sỹ quan không thể đi ra đường mà để đầu trần. Điều này coi không được. Cần phải có một cái mũ và Pao không phải hạ người sao cũng được. Không có điều gì sai chạy được chấp nhận trong buổi lễ này.

Chàng nói với tôi:

- Em hãy đi với anh An-Phương trước đi. Anh sẽ đến sau và trong khi đi đường anh sẽ mua một cái mũ mới. Thế nào chẳng có hiệu có.

Thế là Pao chạy đi kiếm chiếc mũ mới. An-Phương và tôi gọi một chiếc xe kéo và chúng tôi đến nhà truyền giáo. Mục sư Kent ra tiếp chúng tôi và ông tưởng An-Phương là Pao. lát sau, ông có vẻ hoảng khi nhận ra rằng chàng trai đang đứng cạnh tôi không phải là người đã cùng đi với tôi bữa trước. Tôi giải thích cho ông và giới thiệu An-Phương.

- Hôn phu của tôi còn đang đi tìm mua chiếc mũ mới.

- À, đúng vậy. Dĩ nhiên!

Ông trả lời, coi như đó là việc tự nhiên nhất đời và mời chúng tôi lên văn phòng.

Chúng tôi vào nhà chưa được bao lâu thì có báo động. Tôi chưa quen với tiếng còi hụ, chưa quen với cảnh người ta xô nhau chạy kiếm chỗ trú ẩn và sau đó mọi hoạt động đều ngưng đọng với một màn yên lặng kỳ dị bao trùm trên những đường phố vắng lặng dưới ánh nắng. Tôi bước đến bên cửa sổ nhìn xuống đường. Những bông hồng bạch hơi rũ xuống. Tay tôi nóng quá. Tôi đặt bó hoa trên một chiếc ghế. Giờ cử hành hôn lễ đến rồi qua đi. Mặc dù tôi không lo ngại gì- các nhượng địa ở Hán-Khẩu chưa bị ném bom bao giờ- nhưng tôi cũng cảm thấy hơi bồn chồn.

Một giờ nữa trôi qua. Tôi đã thuộc hết các chi tiết của văn phòng với những bức vách quét vôi trắng, chiếc ghế dựa màu xanh, hai chiếc ghế bành, chiếc bàn làm việc với cái bát đựng đầy hoa hồng, chiếc đồng hồ treo trên tường-phải, nhất là cái đồng hồ với cặp kim hình như không bao giờ nhúc nhích! - giữa hai cái bình đầy hoa trắng. Tôi ngừng nhìn bóng cái cửa vườn hoa và bức tường ngả dài trên hè phố.

Cái ngày mừng vui ấy đã lững lờ trôi qua hoàn toàn phẳng lặng, nhịp theo tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ và nhịp đập của tim tôi. Năm giờ, lệnh dứt báo động. Còi hụ lại rúc lên xuyên thủng làn không khí yên lặng ngọt ngào. Trước khi còi hụ dứt tiếng, đường phố đã đầy ngập những người chen lấn nhau. Chỉ một lát sau, tất cả mọi thứ lại trở lại bình thường, ồn ào và thoải mái.

Tướng Tăng đến nơi và xin lỗi về sự chậm trễ bắt buộc. Hình như mọi người đều chăm chú nhìn tôi với một vẻ mặt hơi kỳ. Ánh mắt của họ có vẻ lúng túng gần như là thương hại. Chắc chắn là họ đang nghĩ rằng Pao sẽ không đến, chàng đã đổi ý. Nhưng điều này không làm tôi lo ngại chút nào, bởi vì lòng tin tưởng vào nhau là căn bản của tình thân giữa chúng tôi.

Lúc đồng hồ điểm sáu giờ- Chỉ chậm có hai giờ rưỡi thôi- một chiếc xe kéo queo gập ở đầu đường rồi ngưng lại trước cửa nhà truyền giáo. Trước tiên, người ta thấy cái chớp của một cái mũ ka-ki mới tinh. Rồi Pao ngừng đầu lên nhìn và mặt chàng rạng rỡ khi thấy chúng tôi trên cửa sổ. Vị mục sư chạy vội xuống thang gác để đón chàng, An-Phương theo sau. Tiếng giầy boots bước lên thang gác cồm cộp. Chỉ có tướng Tăng và tôi ngồi nguyên chỗ cũ đợi. (Ngay như nếu tôi có muốn đến đón Pao, tôi cũng không thể vì chân tôi đang run.) Pao bước vào, không có vẻ gì là lúng túng cả. Bằng ánh mắt tinh quái, chàng cùng tôi cười thú vị trước cái vẻ mừng rỡ như trút được gánh nặng của mọi người. Màn đêm buông xuống, chúng tôi phải thắp nến lên, rồi vị mục sư mở cuốn thánh kinh ra.

Hôn lễ của chúng tôi đã diễn ra như vậy đó. Dưới ánh nến mục sư Kent đọc những lời thánh tôn kính, đầy ý nghĩa bằng một giọng trầm và bình thản. Pao và tôi đứng trước mặt ông, cố thẳng người và im như tượng nhưng lòng chúng tôi đều vô cùng xúc động, chỉ muốn ôm chầm lấy nhau (điều này được coi như không đàng hoàng). Tim chúng tôi đành thành thịch như muốn làm chúng tôi nghẹn thở khiến phải khó khăn lắm chúng tôi mới nói được câu trả lời: "Con bằng lòng". (Pao thì thầm thêm: "Dĩ nhiên" và mặt

chàng đánh lại về thật xung.) Khi chàng lồng chiếc nhẫn vàng vào ngón tay tôi, tay chúng tôi mơn man nhau và run khẽ.

Mục sư Kent tặng chúng tôi hai cuốn thánh kinh nhờ có khắc tên cả hai đứa và ngỏ lời chúc mừng hạnh phúc cho chúng tôi. Tôi có ý định sẽ giữ cuốn thánh kinh này mãi mãi như là một chiếc bùa, nhưng tôi đã mất nó vào mùa xuân năm sau trong một trận dội bom tại Trùng-Khánh. Tướng Tăng trải lên bàn hai tờ chứng thư hôn phối. Chúng tôi phải đóng dấu ấn riêng của chúng tôi và ký tên lên đó. Tôi đã quên mất chi tiết này, nhưng Pao đã sức nhớ ra vào phút cuối cùng và đã dùng hai giờ báo động trong một tiệm khắc dấu. Chàng lấy ra hai con dấu gỗ, một khắc tên chàng còn một khắc tên tôi. Sau chúng tôi, các nhân chứng cùng đóng dấu và ký tên trên giấy chứng thư. Khi tướng Tăng cuộn hai tờ giấy lại và trao cho chúng tôi, tôi cầm tờ của tôi trong hai tay- cái tờ giấy già đầu, ngang với cả nền văn minh Trung-Hoa này- tôi biết rằng kể từ nay tôi chính thức là vợ của Pao và được gia đình chàng công nhận.

Trên đường, đêm như sinh động bởi hàng ngàn bóng đèn điện sáng lóng lánh như những viên ngọc cùng những ánh sáng trắng toát của các ống đèn nê-ông. Chúng tôi cùng với đám khách- tướng Tăng, mục sư Kent, An-Phương và vài ba người bạn đến trễ- kéo nhau đến nhà hàng Quảng-Xuân-Yên, nơi đãi tiệc gần như bắt buộc của các đám cưới dù giàu dù nghèo. Chú của Pao là một tay sành ăn nên đã đến đặt tiệc trước. Nếu gọi là bữa tiệc thì bữa ăn hơi khiêm nhường nhưng chúng tôi cũng ngồi được hơn một giờ, ăn hết đĩa này qua đĩa khác. Tôi đói ngất ngư và chẳng theo đúng kiểu cô dâu chính hiệu tí nào, bởi vì phong tục muốn rằng nàng không được đụng đến món ăn trong ba ngày liền. Chúng tôi còn đang ngồi ăn thì Pao có điện thoại. Chàng trở lại bàn nét mặt nghiêm trọng, lông mày nhíu lại. Chàng đã nhận được lệnh phải trình diện Thống-chế Bạch-Chung-Si vào lúc chín giờ sáng.

An-Phương kêu lên:

- Nhưng Bộ Chỉ-Huy của ông ta ở tận bên kia sông Dương-Tử. Làm sao cậu có thể đến đó vào lúc chín giờ sáng mai, trừ khi vượt sông đi Vũ-Xương ngay từ tối nay.

- Tối nay! Chúng tôi nhìn nhau sững sờ.

- Được rồi, tôi sẽ đi vào lúc sáng sớm vậy! Pao nói.

Chuyến phà đầu tiên sẽ khởi hành vào lúc bốn giờ rưỡi sáng. Chúng tôi từ giã mọi người và trở về khách sạn. Lúc ghé qua phòng khách, chúng tôi dặn nhân viên khách sạn đánh thức chúng tôi vào lúc bốn giờ.

Căn phòng của chúng tôi khá kỳ dị, rộng lớn như một phòng tiệc với ba cái bàn, mười sáu cái ghế, một cái giường khoảng bốn người béo mập nằm cũng còn vừa, một tá ghế dài, cửa sổ và muỗi. Phòng kia giống như phòng thường nhưng lại đầy đồ đạc đủ cách đủ kiểu. Lại thêm ống dẫn nước trong phòng tắm kêu ùng ục suốt đêm.

Cửa sổ phòng chúng tôi trông ra đường Chương-Hán. Phía xa là con sông. Đêm đến lại còn náo nhiệt và bụi bặm hơn cả ban ngày. Tiếng động của thành phố âm vang đến tận phòng chúng tôi: tiếng la hét, tiếng máy hát, tiếng máy thu thanh, tiếng chuông xe, tiếng la tiếng cười, tiếng dép bước đều nhịp của các toán lính khác biệt với các tiếng cồm cộp của các đế giày da. Xa xa, tiếng còi the thé của một chiếc tàu đang rẽ sóng nhằm đến các bến bờ trên thượng lưu sông Dương-Tử.

Tôi gấp chiếc áo cưới bằng lụa xanh lại. Trên bàn, hai con dấu bằng gỗ, chiếc đồng hồ nhỏ mà Pao mua tặng tôi tại Hồng-Kông, những nhánh thủy tiên sắp trong một cái đĩa đầy nước, hai tờ chứng thư cho tôi biết rằng mọi thứ đều là thực cả.

- Mười năm nữa, Pao nói, khi chiến tranh chấm dứt, anh sẽ lại cưới em lần nữa và còn sống thì lâu lâu chúng mình lại cưới nhau một lần. Cưới xin là

một phong tục dễ thương nhất. Anh nghĩ chúng mình nên mang cả con cho chúng nó dự lễ luôn.

Chúng tôi cùng cười. Không biết sung sướng đến thế có là bất thường không?

Tiếng xe cộ lưu thông, tiếng người cười nói hòa lẫn trong một thứ ồn ào chói tai lùa qua cửa sổ dội vào phòng suốt đêm.

Tôi không biết là mình đã ngủ thiếp đi, vì tiếng ồn ào cứ kéo dài vô tận trong một cơn mơ nặng nề. Tôi bị đánh thức dậy cách rất khó chịu vì tiếng đập cửa và vì ánh đèn điện chói vào mắt. Pao đã dậy và đang mặc quần áo. Tôi bước ra khỏi giường và quyết định mặc quần áo đi tiễn Pao ra tận bến phà. Tôi lạnh run, hai hàm răng đánh vào nhau kêu lộp cộp. Cơn lạnh chiếm ngập hồn tôi hơn là thể xác. Bình mình vẫn chưa ló dạng. Ánh đèn vàng, đỏ chiếu hắt lên nền trời một màn sương đỏ hồng y như thể thành phố đang bốc lửa.

- Hãy vào giường ngủ đi, Tú-Anh, Pao ra lệnh cho tôi bằng một giọng nghiêm nghị.

Chàng âu yếm kéo chăn đắp cho tôi, cúi xuống hôn tôi rồi biến mất. Tôi nằm dài trên giường, người vẫn còn rung động trong khi những tiếng động buổi ban mai lại bắt đầu ngập đường phố, màn sương đỏ tan biến dần, trong khi qua khung cửa sổ, buổi sáng xám ngắt và buồn tẻ vừa hiện.

Tôi thấy cô đơn.

# ĐƯỜNG VỀ TRÙNG KHÁNH

Han Suyin

www.dtv-ebook.com

## Dịch Giả: Trùng Dương & Hồ Hải

### Chương Năm

Hôm đó, khí trời mát lạnh, gió bắc lạnh lẽo đã thổi. Cơn nóng tháng mười của mùa hạ đã dứt. Giờ đã nhuộm khí lạnh của tiết đông. Với lại ngoài cái chuyện thay đổi khí trời, tôi vẫn có một điều gì đó canh cánh bên lòng, mang máng như một hung tin và một nỗi lo âu vợ vẫn. Không phải chỉ vì cái tin Hán-Khẩu sẽ mất lẫn quân trong trí tôi. Dân chúng cũng dần dần biết điều đó, họ thì thảo bàn tán với nhau. Nhiều người khác cũng đã biết rõ như tôi. Những cửa hàng bớt tập nập; nhiều hàng đã đóng cửa, những tấm ván đóng ngang cửa chìa bộ mặt trống trơn ra đường phố. Từ trên cửa sổ bệnh viện tôi theo dõi cuộc di cư: người người đi qua, mang theo cái gia sản nghèo nàn gói ghém trong mấy cái bọc hay trên hai cái thúng lủng lẳng trên hai đầu đòn gánh. Họ ra đi, lầm lũi tiến về phía Tây, trốn tránh quân xâm lăng. Từng dãy người đứng chờ trước những con tàu đi về phía các bến trên thượng lưu sông Dương-Tử. Các chuyến xe lửa đi về phía Nam đều đã chật ních những người từ mấy tuần lễ nay. Những ai chần chừ không sớm quyết định đều hết phương tiện chuyên chở. Tất cả mọi thứ đều đã được đặt thuê từ hàng tháng trước. Họ đành dắt díu, bồng bế con cái đi bộ nguyên cuộc hành trình về phía Tây. Tim tôi thắt lại trước cái quang cảnh đã thành quen mắt ấy. Khi tôi còn bé, lúc đói kém xảy ra ở miền Bắc, cũng đã có những cảnh như vậy. Ba năm liền không có một giọt mưa. Những kho chứa lúa đều cạn trơn. Người ta đã ăn hết đủ các thứ, kể cả vỏ cây. Những con vật trung tín cũng đã bị giết để làm thực phẩm. Người ta đã uống đến máu sống của con trâu cuối cùng. Sau chót, trước cái viễn ảnh khủng khiếp người ăn thịt người, những ai còn có thể đi được đều cố đứng dậy để ra đi, lê lét trên hai bàn chân mỏi, còng mình dưới đồng đồ đạc chất trên hai đầu đòn gánh



chịu nặng đôi vai gầy. Họ rời bỏ đất đai, ra đi kiếm việc làm và miếng ăn tại những miền mà mây mưa còn nhớ đến, chưa nỡ quên. Nhưng nơi đây, cơn hoạn nạn còn khủng khiếp hơn nữa, bởi vì nó không phải là một thiên tai của định mệnh mà là một hành động có ý thức của con người. Chính chiến tranh đã giáng họa lên đầu đám người vô tội, đám trẻ con khốn khổ này.

Tôi quay về với công việc của tôi.

Ngày 17 tháng mười.

Nửa đêm. Pao đã đi. Chàng đã đi và tôi đã để chàng đi một mình. Kia trên mặt bàn, những nhánh thủy tiên còn đượm mùi hương tuy đã hơi úa vàng, chiếc đồng hồ quà tặng của Pao và con dấu gỗ với cái tên không còn là của tôi nữa. Hà-Tú-Anh. Tôi không còn là Hà-Tú-Anh nữa mà đã là bà Tăng-Phu-Yến. Tôi và Pao đã lấy nhau được hai ngày.

Chiều đến, sau khi đã hết việc, tôi trở lại căn nhà kỳ cục được coi như là "nhà" của chúng tôi. Pao vẫn chưa về. Tôi lại ra đường hy vọng sẽ gặp chàng. Màn đêm buông xuống. Tôi cố chống đỡ với cơn gió lạnh đang bốc tung đám bụi mù trên hè phố. Dọc theo đường Chương-Hán, hàng đèn nê-ông sáng chực của các cửa tiệm và quầy hàng bị cắt quãng bởi những hũn đen thâm đậm: những căn đóng kín và bỏ trống. Chưa đi xa lắm tôi chợt thấy một linh cảm kỳ lạ. Tôi quay ngược lại đường cũ, gần như chạy đua với cơn gió, tim đập rộn ràng vì một nỗi sợ hãi băng quơ. Có ánh đèn trong phòng ngủ của chúng tôi. Tôi đẩy cửa bước vào, Pao đang cúi người trên chiếc va-li. Chàng ngừng lên:

- Tú-Anh, anh phải đi. Tàu sẽ khởi hành vào lúc tám giờ.

Tất cả mọi thứ đã được đột ngột quyết định trong một vài giờ. Bộ Tổng-Tham-Mưu phải đi ngay tối nay. Tàu đang đợi ngoài bến. Tàu sẽ đi qua hồ Đông-Kinh để đến Trường-Sa, rồi từ đó Bộ Tổng-Tham-Mưu sẽ đáp xe lửa

đi Hàng-Châu trong tỉnh Hồ-Nam và sau cùng sẽ băng đồng để đến một ngôi làng có tên là Nam-Ninh. Pao nói cho tôi nghe về những điều đó bằng một giọng nhát gừng trong khi tôi gấp quần áo cho chàng. Sau cơn xúc động vì sự ngạc nhiên lúc đầu, sự việc xảy ra như thế chúng tôi đã biết và đã chờ đợi nó từ lâu nay. Giọng bình thản không mấy may xúc động, chúng tôi nói với nhau những chuyện thông thường.

"Tiệm giặt chưa mang áo sơ-mi đến trả. Em sẽ gửi cho anh sau. Cuộc hành trình sẽ dài bao lâu? Khi đến Trường-Sa hãy viết thư để em yên chí là anh đã đến nơi vô sự. Phải mất bao lâu mới hy vọng nhận được thư? Em sẽ viết cho anh theo địa chỉ nào? Em sẽ rời đây vào ở trong cư xá y tá của bệnh viện. Như thế tiện hơn."

Cả hai đứa, không ai nghĩ là tôi có thể đi cùng với Pao ngay đêm hôm đó. Tôi còn công việc của tôi. Bệnh viện có quá nhiều việc trong khi nhân viên lại quá thiếu. Các trận chiến vẫn tiếp diễn. Các thương binh được gửi từ các chiến tuyến về đây suốt ngày đêm. Tôi vẫn còn cần thiết ở Hán-Khẩu. Tôi từ Anh trở về với mục đích giúp ích. Tôi sẽ ở lại đây cho đến khi các đơn vị chiến đấu thực sự rút lui và các công cuộc phòng thủ hoàn toàn bị bỏ hẳn. Nhưng điều đó có vẻ xa xôi và mơ hồ quá.

Chúng tôi coi như nó chỉ kéo dài đôi ba tuần, vài tháng là cùng! Pao sẽ trở lại đón tôi khi tình hình thực sự nguy kịch. Hay có thể- như chúng tôi vẫn tin tưởng mặc tất cả những dấu hiệu báo động- cuộc trường kỳ kháng chiến ở Vũ-Hán sẽ đạt thắng lợi và quân Nhật sẽ bị đẩy lui... Tôi sẽ đợi Pao ở Hán-Khẩu. Chính phủ sẽ lại quay về đây.

Chúng tôi gọi xe kéo đến đại lộ Bund. Tôi đi theo tiễn chàng. Tại bến tàu, dưới ánh sáng chói lòa của các ngọn đèn pha hay dưới ánh đèn mờ đục, lung linh các ngọn đèn dầu, người ta đua chen nhau lên tàu trong cảnh hỗn loạn. Những chiếc xe kéo hồng hộc chạy tới; những chiếc xe hơi bấm còi inh ỏi cắt ngang đám đông; các sỹ quan dưới lớp quân phục, các viên chức mặc âu phục hay chiếc áo dài cổ truyền đang tấp nập lo đưa gia đình hay

canh chừng việc chuyển mớ đồ đạc tom góp vội vàng lên tàu. Có những mệnh phụ mảnh khảnh và sang trọng dưới lớp áo dài bóng bẩy, môi tô son, lông mày kẻ chì. Những người làm với tiếng la hét cộc cằn. Những đứa trẻ mặt còn chiu nặng cơn buồn ngủ. Những đứa bé khóc the thé và những chị vú thân nhiên trật vú cho chúng bú. Những phu khuân vác còng mình dưới những kiện hàng khổng lồ.

Tôi và Pao cố gắng băng ngang qua boong chiếc tàu đặt giữa cầu tàu và chiếc tàu nhỏ chở các sỹ quan của Bộ Tổng-Tham-Mưu cùng gia đình. Mảnh gỗ kê vội thay cho chiếc cầu sắt chũng xuống, đong đưa kéo kẹt dưới chân chúng tôi. Một người đàn bà có đôi chân bó nhỏ đã trượt chân rơi xuống nước ngay giữa khoảng trống của hai chiếc tàu; người ta vớt bà ta lên giữa những tiếng la hét và thích thú của những người đứng xem. Nhiều phu khuân vác thi nhau ăn trộm đồ đạc, hành lý và cả bàn ghế.

Chúng tôi bước chân lên chiếc tàu chở Bộ Tổng-Tham-Mưu. Boong tàu đầy những hành lý đặt bừa bãi và những đồng quân dụng chất thành núi. Dưới ánh đèn dầu mờ mờ chiếu hắt lên những bóng người ngồi tựa lưng vào các đồng hồ. Chỉ có điện khi máy chạy thôi. Người ta xô đẩy, chen lấn nhau: tiếng ồn ào chửi rủa hoặc kêu réo nhau ới ới. Những chiếc nồi rơi từ các bọc đồ kê lên loãng xoãng hoặc những gói hành lý xô giấy đổ tung tóe. Người ta dẫm cả lên những chiếc chăn trải vội trên sàn tàu. Trong những hành lang tối tăm, nhiều khi người ta bước cả lên những người bệnh hoạn nằm co ro dưới sàn tàu. Chúng tôi len lỏi qua đám đông và lên boong tàu, chú Pao, tướng Tăng đã giữ cho chúng tôi một chỗ: một chiếc chăn trải dưới sàn.

Một nỗi buồn góm ghiếc bao lấy chúng tôi. Vai kề vai, chúng tôi ngồi im lặng bên nhau. Phía dưới, người ta vẫn tiếp tục chất chứa lên tàu. Đã chín giờ rưỡi mà vẫn chưa có lệnh lạc gì cả. Giọng hò của đám phu khuân vác: Hấy à! Hấy à! át cả cái nhịp hoạt động náo nhiệt của họ.

Tàu sẽ rời bến sau khi người ta đã chất lên tàu những thứ cần thiết.

- Đợi ở đây đến phút chót cũng chẳng có ích gì, Pao kêu lên. Có lẽ đến nửa đêm tàu mới chạy và ngày mai em còn phải làm việc ở nhà thương nữa. Giã từ lúc nào cũng thế mà thôi. Tốt hơn hết chúng ta hãy tạm biệt nhau để em còn về ngủ lấy một chút.

Chúng tôi từ biệt nhau. Nước mắt mặn thấm trên môi hôn chúng tôi. Rồi boong tàu, chúng tôi phải xô đẩy để chen xuống một chiếc cầu thang vừa hẹp vừa dốc đứng, rồi lại phải xô đẩy giữa đám đông lộn nhốn trên boong dưới để ra cầu. Xuống đến đất chúng tôi mua vài cái bánh bích quy và mấy chiếc bánh mè bởi vì cả hai tôi đều chưa ăn tối. Sau khi ăn xong, Pao vẫy cho tôi một chiếc xe.

- Thôi em về đi.

- Anh đi.

Chỉ có thế. Ánh đèn pha sáng chói và những người qua lại tấp nập khiến chúng tôi không có thể làm gì hơn. Chiếc xe kéo tôi chạy băng băng. Pao quay người đi, mất hút vào trong đám đông.

Tôi trở về căn phòng lạnh lẽo, căn "nhà" của chúng tôi. Chúng tôi đã cùng nhau cười vì cái vẻ kỳ cục của nó. Tối hôm nay nó trở thành gớm ghiếc với mớ đồ cổ, với những tấm tranh tời tộ trong những cái khung lớn quá khổ treo nghiêng ngả trên tường, với ngọn đèn điện chói mắt dưới cái chụp thủy tinh màu hồng nhạt. Vì gió cuốn nên bụi phủ khắp nơi và sờ nơi đâu cũng đều thấy nhám bụi.

Tôi đi lại như người mộng du, đầu óc còn choáng váng về sự đột biến của các biến cố. Đây chỉ là một cơn mơ, một cơn mơ! Pao đâu có đi thật. Tôi sẽ thức dậy trên cái giường rộng thênh thang và sẽ thấy chàng bên cạnh. Hình như tôi đã nằm trong bóng đêm đen một giờ không chớp mắt, quá đau khổ để có thể khóc.

Rồi bất thần như bừng tỉnh sau cơn ác mộng, tất cả những ý thức về bốn phận, chịu đựng tan biến hết. Tôi sẽ làm gì ở Hán-Khẩu trong khi Pao đang trên đường đi Trường-Sa. Dễ thường trong khắp cả xứ Trung-Hoa tôi chỉ có thể làm việc ở Hán-Khẩu được thôi sao? Có gì đáng kể, không, không có gì đáng kể ngoài việc chúng tôi phải được gần nhau! Tại sao tôi lại không đi cùng với chàng? Tại sao tôi lại để cho Pao đi một mình như vậy?

Tôi nhảy ra khỏi giường- chưa đến nửa đêm- mặc quần áo, vút vọt vàng một vài thứ vào trong va-ly, với lấy cái sắc tay rồi chạy như bay ra đường. Tôi gọi một chiếc xe kéo và dục:

- Mau lên, mau lên.

Chiếc xe phóng vụt về phía đại lộ Bund, chồm tới chân cầu tàu. Chiếc tàu chở Bộ Tham-Mưu đã ra khơi, mang theo cả Pao đi rồi.

Chẳng còn gì ngoài mặt nước loang loáng ánh đèn phản chiếu trên mặt sông.

Sáng ngày hôm sau, từ khung cửa sổ của dãy nhà dành cho y tá, tôi đã chứng kiến một cuộc dội bom. Tại Thượng-Hải, tại Quảng-Châu cũng như tại Hán-Khẩu, quân Nhật luôn luôn tránh xa các nhượng địa quốc tế. Chỉ trừ lý do tai nạn, nếu không chúng tôi có thể nhìn ngắm cuộc chiến từ các khung cửa sổ hay từ trên nóc nhà mà không sợ nguy hiểm gì; chiến cuộc thật là gần gũi, đôi khi xảy ra ngay sát cạnh mình, chỉ cách vài dãy nhà. Người ta sẽ có cảm giác lạ lùng khi thấy mình ở kề cận nỗi nguy hiểm nhưng vẫn tách ra riêng biệt, như những người ngoại quốc ở Thượng-Hải thường bình thản nhìn Thương-Bắc bị dội bom và bốc cháy bên kia vịnh Tô-Châu, đôi khi họ mở dạ tiệc trên nóc nhà để tìm những cảm giác mạnh khi nhìn những ngọn lửa liếm từ đường này sang đường khác trong thành Nam-Đảo, họ có gì khác biệt với những người Trung-Hoa vẫn thường tụ họp tại miếu ông địa để xem hành hình các tử tội? Chỉ có điều ở đây, người ta không nhìn thấy máu; đó là sự khác biệt độc nhất.

Buổi chiều, sau khi làm việc, tôi thấy chán nản, trống rỗng thay vì nôn nóng về với Pao như mọi khi. Nhưng Pao đã đi rồi. Tôi đi dạo một mình trên đại lộ Bund, để mặc cho đôi chân mang tôi đến cầu tàu chỗ tôi đã nhìn Pao lần cuối cùng. Lại vẫn cảnh cũ, một đám người đông lố nhố trên cầu tàu, những chiếc xe hơi, những xe kéo, những phu khuân vác, những bà mẹ ôm con, tất cả cái ồn ào náo nhiệt của một cuộc lên tàu; lại cảnh ngày hôm qua tái diễn. Thật là khó tưởng được rằng Pao không có ở đây như ngày hôm qua.

Tôi gặp An-Phương đứng giữa một đồng máy móc trên cầu tàu. Anh cười với tôi:

- Dọn nhà chị ơi!

Tàu của anh sẽ rời bến tối nay. Anh hỏi thăm Pao. Tôi kể cho anh nghe. Anh ta nhìn tôi soi mói và bảo:

- Chèng đéc! Có lẽ hai người biết đang làm gì đấy chứ! Nếu tôi có vợ, tôi sẽ mang cô ta theo, Hán-Khẩu sẽ thất thủ nay mai.

Sáng hôm sau, tôi thức dậy giữa một tiếng âm âm khó chịu, một tiếng gầm nhỏ như nhuộm màu kính hãi.

Bây giờ dân chúng mới rõ cái tin tệ hại.

Đây hẳn là một cuộc rút lui nhưng không hỗn loạn và kinh hoàng. Tiếng người lao xao, tiếng giầy dép khua rào rào đã đánh thức tôi dậy. Tôi nhìn dòng người qua cửa sổ. Họ sẽ băng qua hàng trăm cây số để đi đến Ích-Châu, đến Tứ-Xuyên. Mùa đông giá buốt sẽ đón chờ họ.

Đường phố ngập nắng. Gió thổi lồng lộng trên nền trời xanh, lao qua những ngôi nhà với tiếng gào hú lạnh lạnh, gió lạnh biểu hiệu của mùa đông giá buốt thổi tốc lên thân hình của hàng vạn người đang lang thang trên các nẻo đường xa lạ.

Tôi ra phố mua một tờ báo. Không còn báo bán nữa. Tờ Đại-Quang-Báo là tờ báo chính đã ra số cuối cùng ở Hán-Khẩu với lời hiệu triệu quân sỹ nơi trang nhất và một cái tin di tản nhà in về Trùng-Khánh nơi trang trong. Có nhiều tin đồn về Quảng-Châu. Không ai biết rõ gì cả, nhưng mọi người đều xì xào đến việc phản bội. Có lẽ Quảng-Châu cũng đã bị thất thủ rồi chăng?

Hán-Khẩu khoác một vẻ buồn nản khác thường. Bất ngờ người ta cảm thấy lạnh khi đứng trong bóng mát và nóng nực ở ngoài nắng. Đường phố mới hôm qua còn nhộn nhịp bán buôn, hôm nay trở mặt xa lạ với những cửa hàng trống vắng. Một vài tiệm khác đang rục rịch đóng cửa. Người ta thấy những ông chủ đang loay hoay đóng ván chặn cửa, khóa chặt các ống khóa và đút chìa khóa vào túi rồi ra đi, tay vung vẩy chiếc quạt vẻ thản nhiên.

Tất cả mọi người đều đã được thông báo. Mọi người đều ra đi. Dù vậy vẫn không có sự kinh hoàng nào cả. Đâu đâu cũng là trật tự và kỷ luật. Mọi người đều yên lặng, bình thản, chỉ có tiếng gió và tiếng giày dép khua rào rào trên mặt đường.

Không còn cần phải giữ bí mật những tin tức mà Pao cho tôi hay mấy bữa trước nữa, vì mọi người đều đã biết và tại bệnh viện, tuy vẫn giữ vẻ bình tĩnh như thường lệ, chúng tôi không khỏi bàn với nhau về việc dân chúng tản cư ào ào ở dưới đường; tôi nói với cô James, y tá trưởng của bệnh viện rằng Hán-Khẩu có thể thất thủ bất cứ lúc nào. Mặt đỏ bừng lên dưới lớp da mỏng của người dân Anh, cô nói với tôi giọng trịnh trọng:

- Cô không nên để ý đến những tin đồn bậy bạ đó. Ngay ngày hôm qua, khi dự một buổi tiếp của phu nhân Thống tướng Tưởng-Giới-Thạch, bà còn hứa chắc với chúng tôi là bà và Thống tướng chỉ rời Hán-Khẩu vào phút chót. Họ còn ở cả đây, vẫn không có điều gì nguy hiểm gấp rút cả.

("Không đâu cô James ơi! Cô lầm lớn rồi! Cô không hiểu rõ Thống tướng và phu nhân đấy thôi! Sự hiện diện của hai ông bà không bảo đảm một sự an ninh tuyệt đối đâu, trái lại là khác... Phải, hai ông bà sẽ ở lại đến phút

cuối cùng... Họ sẽ ở lại để giám sát, canh chừng việc rút lui. Rồi sau khi đã chắc chắn rằng mọi thứ gì có thể mang đi đã được mang đi, mọi thứ gì có thể phá hủy đã được phá hủy, để không cho rơi vào tay địch bất cứ thứ gì hữu ích hay giá trị cả, họ sẽ lên tàu bay và ra đi, yên trí vì đã hoàn tất một việc lớn.")

Tôi giữ riêng những điều đó cho tôi, chỉ có thời gian và sự kiện mới có thể thuyết phục được cô James. Tuy nhiên, trong khi các tư tưởng của tôi đang quay cuồng chung quanh đề tài ấy, đột nhiên sự thực bừng sáng lên trong đầu tôi: "Hán-Khẩu sắp thất thủ". Cơn khủng hoảng, nó đây, rất kề cận! Người ta đang rút quân. Chính phủ đã ra đi. Hán-Khẩu đã bị bỏ...

Lần đầu tiên, không nông nổi mà cũng không quá bình thản đến cái độ khác thường, tôi nhìn thấy rõ viễn ảnh thất thủ của Hán-Khẩu. Cũng giống như ở Thượng-Hải, người ta có thể xin ty nạn trong các nhượng địa: nhưng dù không bị đe dọa thể chất tôi cũng vẫn sẽ đau khổ khi không được hút thở không khí trong lành của nước Trung-Hoa tự do. Tôi sẽ bị phân cách với Pao, người chồng thân yêu mới cưới có hai ngày của tôi. Có thể, tôi sẽ bị cuốn hút vào trong cơn lốc vô vọng và ma túy như vài người bạn ở Bắc-Kinh của tôi. Phải chịu đựng một cuộc sống buồn nản, không mục đích, sống trong sự hàng phục, phải cúi đầu kính cẩn chào mấy tên lính Nhật đứng gác ngoài đường phố, phải lo sợ không được tự do ăn nói, ta sẽ không còn làm chủ được mình nữa, không còn sáng suốt nữa. Không có gì dễ cho bằng việc buông thả du mình vào cái mông lung bay bổng của thuốc phiện, nó không còn nguyên vẹn là cuộc sống nữa. Khi tôi còn làm tại Hán-Khẩu, tôi đã không tiên liệu cục diện lại có thể thay đổi nhanh chóng như thế. Khi tự kiểm chứng, hình như tôi đã nghĩ đến việc ở lại cho đến phút chót chỉ vì phách lối. Cái phút chót đó đã đến sớm hơn tôi dự liệu nhiều. Tôi đã bị mắc bẫy! Không còn cách nào mua được một vé xe lửa hay tàu thủy. Tôi không còn đủ sức vác ba-lô lên vai và đi bộ hàng trăm cây số để đến Trường-Sa hay Trưng-Khánh như những người khác. Tôi đã hết cách. Không còn ai để cầu mong giúp đỡ: tất cả bạn bè của Pao đã đi cả rồi.



Hốt nhiên khuôn mặt gầy gò của mục sư Kent hiện ra trong trí tôi. Tôi không quen ông nhiều. Tôi chỉ là một trong hàng ngàn người mà ông đã gặp trong các buổi lễ, nhưng nghĩ đến giọng nói hòa nhã nghiêm trang của ông, tôi tin chắc rằng ông sẽ giúp được tôi... Tôi đến tìm và ông đã tỏ ra hết lòng như tôi đã kỳ vọng. Ông có nhiều manh mối, tuy rằng điều đó sẽ làm ông mệt nhọc hết cả ngày đi gặp người này người kia trước khi đạt được một chút hy vọng. Nhưng đêm đó tôi có thể ngủ thật yên lành, biết rằng mục sư Kent đã kiếm được cho tôi một chỗ trên chiếc tàu Hồng-Thập-Tự Quốc-Tế sẽ đi Trường-Sa trong vòng ba ngày nữa, ngày 22 tháng 10.

Những người bị thương vẫn ùn ùn chờ tới. Trận chiến vừa chưa chấm dứt, nhưng những giới thẩm quyền đã tới để giám sát việc di tản các thương binh có thể chuyên chở đi được. Cuộc rút lui đã diễn ra trong trật tự hoàn toàn đến nỗi không ai có thể nhận biết được, nhưng không còn gì nghi ngờ nữa. Khi tôi đến gặp cô James báo cho cô biết tôi sắp đi, cô không nói gì cả. Cô ta đã hiểu ra rằng có việc xảy ra mà cô ta không biết. Tôi có cảm tưởng như mình đang đào ngũ, khi mà công việc vẫn còn, nhưng tất cả các công việc sẽ trì trệ ngay khi quân Nhật ào vào Hán-Khẩu. Cô James sẽ ở lại, tôi chắc chắn như vậy, dù rằng cô ta có phải làm việc một mình đi nữa. Quân Nhật có thể đến và bốn phận của cô ta phải ở lại với nhà thương. Cô ta biết cách đối phó với bất cứ tình thế nào.

Khi dự tính của tôi đã rõ ràng, tôi có thể tập trung hết vào công việc, gắng thực hiện công việc của cả tháng trong hai ngày cuối cùng này. Ngoài đường, tiếng giầy khua trong đám bụi mù không lúc nào ngưng. Những tiếng động khác của thành phố thành khan hiếm hẳn... Đêm đến, tôi ngã dài trên giường, mệt bã người.

Đây là đêm cuối cùng. Ngày mai ra đi! Chấm dứt công việc ở đây.

Tôi bị khua dậy trước khi trời sáng vì tiếng gõ cửa và tiếng léo nhéo của chị bồi phòng. Hình như chị ta nói: "Điện tín". Tiếng Trung-Hoa gọi là chinh páo. Tôi lão đảo bước ra cửa, người còn ngây ngất vì mệt, lòng quặn lại vì

sợ hãi. Tôi bật đèn, kéo chốt cửa, Ngoài hành lang mờ tối, tôi nhìn chị bồi phòng đang khập khiễng bước đi. Chị ta chẳng để cái bì thư đen tối nào trước phòng tôi cả.

- Tú-Anh.

Pao đứng tựa sát tường, khuất trong bóng tối. Mặt chàng quay về phía tôi, tái xanh, cặp mắt sáng, long lanh và hai môi mím chặt. Tôi dụi mắt xem có phải mình nhìn thấy một bóng ma không.

- Trời ơi! Pao, có phải anh đấy không? Tôi kêu lên thảng thốt.

Thế rồi tôi nắm gọn trong tay Pao. Tôi khóc tức tưởi, người tôi run lên trong niềm sung sướng cùng độ y như cảm giác tê buốt của một cơn đau. Chàng ôm vòng quanh vai tôi. Áo chàng còn đượm hương vị của đường phố, của màn đêm. Pao hỏi tôi có lạnh lắm không vì tôi đang run lập cập. Tôi lạnh cóng cả người mà không biết. Tôi chịu vào giường và níu chàng ngã theo với nguyên cả quần áo, giày vớ và chúng tôi ghì siết lấy nhau.

Cơn xúc động lúc đầu nguôi dần. Chúng tôi thì thầm nói cho nhau về bốn ngày vừa qua, bốn ngày mà dài đằng đẵng như hàng năm.

- Anh đến kiểm em. Pao nói. Người ta sắp đóng cửa sông để ngăn tàu chiến quân Nhật. Người ta nói rằng kể từ mai trở đi sẽ không còn tàu bè nào đi lại nữa. Hán-Khẩu thế là chấm dứt.

- Tất cả mọi người đều biết là Hán-Khẩu sẽ thất thủ, tôi trả lời. Tất cả mọi người đều ra đi từ bốn ngày nay.

Khi trở lên tàu, sau khi đã đưa tôi lên xe chiều hôm đó(một buổi chiều xa xăm như đã trôi qua hàng tháng nay), nhọc nhằn lắm chàng mới trở lên boong trên được. Vẫn chưa có gì tỏ ra là công việc lên hàng sắp chấm dứt cả. Pao gặp chú chàng đang đứng nói chuyện với mấy người bạn. Chàng đứng riêng ra xa không tham dự vào câu chuyện. Khoảng chừng hai mươi

phút trôi qua. Những tiếng hò của đám phu khuân vác im bật. Bất thần đèn điện bật sáng. Boong tàu rung theo nhịp máy chạy. Tướng Tăng quay sang Pao:

- Sao? Anh chị đã chiếm được chỗ rồi chứ? Cốt sao cho tiện là được, anh thấy mọi người không?

Pao trả lời:

- Cháu thì xong rồi, nhưng nhà cháu không đi theo. Nàng ở lại Hán-Khẩu.

Mặt tướng Tăng cau và tối sầm lại:

- Sao? Anh để cho chị ấy ở lại à?

- Vâng, nàng ở lại tiếp tục làm cho bệnh viện.

- Cả hai người đều điên hết cả, tướng Tăng kêu lên. Bộ anh không biết là Hán-Khẩu sắp mất hay sao? Đây là một cuộc rút lui.

- Đúng vậy, nhưng...

- Hán-Khẩu sẽ mất đến nơi, chỉ nội một tuần nữa quân Nhật sẽ chiếm được thành phố.

Pao tái xanh mặt. Chàng thú thật với tôi là quả thật lúc đó chàng như bị điện giật trúng ngay tim. Chàng nhảy phóc tới bên phòng lái, chọt xuống chiếc thang hẹp, nhào qua đám đông đen nghệt trên boong dưới, cố rẽ đường tiến ra phía cầu tàu. Nhưng máy tàu đã quay, người ta đã kéo neo. Đúng lúc chàng đặt chân lên bậc thang đầu tiên của boong tàu, tàu rùng mình và tách khỏi bến. Lúc chàng chạy ra đến thành tàu, nước đã ngăn đôi tàu và bến. Khoảng cách càng ngày càng xa, không thể nào nhảy lên bến được. Pao quay lại chạy băng qua đám người và đổ đạc vào phòng máy.

- Quay lại, chàng van nài, quay đầu lại.

Nhưng người ta không thể quay tàu lại chỉ vì một cá nhân. Đó là điều không thể được. Pao hiểu rằng không thể làm gì được nữa. Chàng thần thờ trở lên boong tàu. Ánh đèn Hán-Khẩu đan trên mặt nước những chuỗi sáng lấp lánh dài đặc. Chàng nhìn mãi đường sáng cong vòng của bờ sông cho đến khi nó chỉ còn là một màn sáng mờ hắt lên trời như một lớp sương mù đỏ và vàng của một thành phố bốc cháy.

Những ngày và đêm kể đó chỉ là một nỗi lo buồn ghê sợ đối với Pao, bởi vì khoảng cách giữa chàng và tôi càng ngày càng lớn. Chàng nghe các sỹ quan trong Bộ Tham-Mưu trên tàu xì xào những tin đồn, tin thì đúng, tin thì thất thiệt khiến cho không còn biết đâu là chân đâu là giả nữa... Bây giờ quân Nhật chỉ việc tiến vào Hán-Khẩu. Chẳng còn gì cản bước họ nữa, cũng giống như khi họ chiếm Quảng-Châu vậy. Lối vào cửa Bạch-Giang sẽ bị cắt đứt. Người ta đang sửa soạn lưới ngăn. Người ta sẽ chặn hẳn con đường đó để ngăn không cho quân Nhật tiến về Trường-Sa.

Buổi trưa ngày hôm sau, tàu bay địch bắt gặp chiếc tàu. Đám hành khách vội ào đi kiểm chỗ núp. Tàu không mang một lá cờ, một dấu hiệu nào khả dĩ có thể xác định nó. Từ trên trời, người ta chỉ thấy một chiếc tàu bé xíu không có hộ tống. Có lẽ quân Nhật đã cho rằng chiếc tàu quá vô danh để chở những nhân vật quan trọng. Tàu bay đảo vòng trên trời rồi bay đi. (Sau này chúng tôi được tin họ đã bắn phá và đánh đắm một chiếc tàu chở hơn năm ngàn dân tản cư mà phần lớn là đàn bà và trẻ con. Bộ Tổng-Tham-Mưu và gia đình các sỹ quan đã phải trả cái giá quá đắt như vậy để thoát hiểm.)

Ngay khi lên bờ, Pao lập tức xin nghỉ phép ba ngày, sau khi dò biết chàng sẽ phải tìm Bộ Tổng-Tham-Mưu ở đâu, chàng leo lên một chiếc tàu Anh đi Trường-Sa về Hán-Khẩu. Sự yên tĩnh và vắng vẻ khiến chàng bờ ngỡ so với cảnh náo loạn của con tàu mà chàng vừa rời. Chàng lang thang trên tàu, lòng nóng như lửa đốt. Chàng chạy xuống phòng máy hàng chục lần để thúc cho tàu chạy nhanh hơn với cái ý nghĩ thủy lộ sắp bị đóng luôn ám ảnh

chàng... Đêm thứ tư sau khi ra đi, chàng lại quay lại Hán-Khẩu. Dãy nhà xám hiện ra trên nền trời dọc theo bờ sông mập mờ đôi ba ngọn đèn. Tàu cập bến. Pao nhảy xuống đất. Một sự yên lặng bất thường trùm lên thành phố gần như bỏ hoang. Lúc đó là ba giờ sáng ngày 22 tháng mười.

Pao chấm dứt câu chuyện:

- Chắc chắn từ ngày mai không còn ai có thể ra khỏi thành phố nữa. Lưới ngăn sẽ đóng thủy lộ lại.

Tôi kể cho chàng nghe về việc tôi đã dành được một chỗ trên tàu Hồng-thập-tự quốc tế. Chàng nói có vẻ hơi dằn dỗi:

- Thế còn anh thì sao?

Tôi chần tẫn chàng rằng với sự quen biết trong Bộ Tổng-Tham-Mưu, chàng có thể kiếm được một chỗ.

- Thêm một người cũng chẳng làm đắm tàu được. Ngay sáng mai mình em sẽ đi lo vụ đó. Bây giờ anh nên đi kiểm chỗ và ráng ngủ một chút. Em không thể để anh ngủ trong này được. Luật lệ ở đây cấm.

- Nếu anh có thể kiếm được một phòng khách sạn?

- Anh có thể giữ nguyên cả khách sạn! Mọi người đều đã đi hết rồi.

Tám giờ sáng, tôi đi kiểm chàng. Cả chàng lẫn tôi đều không ngủ được trong mấy giờ xa cách qua. Một người bạn gặp ngoài hành lang đã chung phòng với chàng. Mới từ Hồng-Kông đến chiều qua, anh ta tưởng sẽ gặp được những nhân vật quan trọng mà anh ta cần gặp. Anh ta chỉ thấy một thành phố trống rỗng. Anh ta không biết gì về cuộc rút lui cả, điều đó tỏ rõ là cuộc di tản đã diễn ra nhanh chóng và rất kín.

Đường phố hoàn toàn trống vắng. Không có xe cộ lưu thông. Dòng người chạy tản cư chỉ còn thưa thớt, cơn thác lũ đã qua rồi. Tất cả các cửa hàng đều đóng cửa. Chỉ còn những người bán quà rong với cái lò nhỏ bán mì nóng, trứng luộc hay bánh bao. Chúng tôi mua bữa ăn sáng trên đường đi đến trụ sở Hồng-thập-tự. Tòa nhà này còn chứa nhiều cơ sở của các hội từ thiện khác, trong đó có cả phân đàn phụ nữ của hội Tam-Dân-Chủ-Nghĩa. Chúng tôi đợi sự quyết định về cái vé của Pao trong một căn phòng lớn có hàng trăm thiếu nữ đang ăn sáng. Họ mới may xong nửa triệu áo trấn thủ cuối cùng cho các binh sỹ ngoài tiền tuyến vào chiều ngày hôm qua. Hàng ngàn áo khoác xám dày cộm chất đống và buộc chặt thành từng bó chất đầy góc phòng.

Trong khi Pao và tôi đang đợi, một người đàn bà dáng còn trẻ, mảnh khảnh bước vào. Mớ tóc đen bóng được cuộn thành búi sau gáy. Da mặt trắng xanh và không dôi phấn. Tôi tin rằng cặp mắt đen của bà là cặp mắt đẹp nhất mà tôi từng thấy. Nó long lanh sáng rực một sức sống mãnh liệt. Đó là phu nhân Thống tướng Tưởng-Giới-Thạch.

Bà nói với đám thiếu nữ, ra lệnh cho họ cột núi áo chất đống thành bó. Rồi nhìn thấy tôi, bà quay sang tôi ân cần hỏi han:

- Mọi sự đều tốt đẹp cả đấy chứ? Có ai lo cho cô không? Tôi có thể thu xếp để cô đi cùng với đám thiếu nữ này.

Tôi nói với bà là chiều nay tôi sẽ đi với nhà tôi. Bà tỏ vẻ hài lòng.

Tự nhiên tôi bật lên nói với bà sự ngưỡng phục của tôi. Bà nói vài câu bằng tiếng Trung-Hoa thoái thác tất cả những lời khen tặng.

Chiều tà trên dòng Dương-tử. Hán-Khẩu mờ khuất vào dĩ vãng. Lớp sương mù vàng úa quanh mặt trời làm dịu bớt chân trời sáng chói. Lòng trống vắng không cảm giác, chúng tôi sẽ mặc cho giòng nước cuốn rời xa những tàn bạo, rời xa thực tế- của tấn thảm kịch của nước tôi- chúng tôi lặng ngẫm

thành phố mà mai này sẽ rơi vào cõi chết và kinh hoàng. Đột nhiên tâm tình thụ động của chúng tôi tan biến đi như sương mù trước ánh nắng. Một ý chí quyết liệt dậy trong lòng chúng tôi, vì kì, cao lớn, xạm đen, kiêu kỳ nổi bật trên nền trời sáng sủa mặt trời ta là đài kỷ niệm Vũ-Hán, được dựng lên để kỷ niệm những anh hùng liệt sỹ đã bỏ mình vào năm 1911 để giải thoát dân tộc khỏi ách độc tài phong kiến. Vũ-Hán đã bị thất thủ nhưng pháo đài Trung-Hoa tự do thì bất khả xâm phạm, vì nó đã được dựng lên trong lòng của hàng triệu người Trung-Hoa say mê Tự-Do.

Chúng tôi ra khơi vào lúc bốn giờ chiều ngày 22 tháng mười. Pao ở cùng phòng với tôi. Một người nào đó ở ghế trước đã lịch sự tự ý rút lui nhường chỗ cho chàng. Chúng tôi có giường, có khăn trắng, có phòng tắm, có nước, có đồ ăn, có muống nia. Một điều xa xỉ không thể tưởng tượng được. Chỗ nào cũng có vẻ tiện nghi tuy rằng tàu chở nhiều người... Tàu đã vượt lưới chắn ngay trước khi nó đóng lại...

# ĐƯỜNG VỀ TRÙNG KHÁNH

Han Suyin

www.dtv-ebook.com

## Dịch Giả: Trùng Dương & Hồ Hải

### Chương Sáu

Chiếc tàu lênh đênh trên mặt nước là một thế giới riêng, giống như là một hành tinh di chuyển trong không gian. Ta cảm thấy ở ngoài thời gian và chỉ hiện diện nơi đây, ngay "lúc này". Gió thổi hây hây trên mặt hồ Đông-Kinh với những đợt sóng nâu xẫm ánh lên màu bạc. Trên trời chim biển bay lè tẻ hay sắp thành từng đàn như những đội hình máy bay. Tỳ tay trên thành tàu, chúng tôi nhìn mặt nước sủi bọt thành một đường dài, mở rộng ra về phía Vũ-Hán. Vũ-Hán thân yêu đã mất. Chúng tôi không nói gì với nhau, chỉ có đôi vai kề nhau và tay Pao nắm lấy tay tôi trên thành tàu. Gần bên nhau, lòng thanh thản trên mặt nước mong mênh, không bến bờ, nâu xẫm một màu đen tận chân trời. Dần dần, những vòng đồi núi lấp ló ra khỏi đám sương mù rực sáng trên nền trời.

Chúng tôi đã ra khơi vào một ngày thứ bảy. Chúng tôi lại bắt đầu cuộc sống thực vào ngày thứ hai. Chúng tôi xuống Trường-Sa để thấy một thành phố náo loạn y như một đàn kiến vỡ tổ. Người qua kẻ lại tấp nập, nào thúng, nào mủng, nào trẻ con, nào đàn bà, tất cả đều loạn lên trong sự vội vàng hốt hoảng, đúng là một cuộc chạy trốn điên cuồng! Tin Hán-Khẩu thất thủ đã giáng xuống Trường-Sa như tiếng sét nổ và mọi người đua nhau chạy.

Cả ngày hôm đó và ngày hôm sau, chúng tôi chạy tới lui đủ mọi chỗ để tìm một phương tiện di chuyển. Chuyển xe lửa đặc biệt cho Bộ Tổng-Tham-Mưu đã khởi hành từ ba ngày qua. Pao đã lỡ tàu khi quay về Hán-Khẩu đón tôi. Ấy vậy mà chàng lại phải có mặt tại Bộ Tổng-Tham-Mưu để tiếp tục công việc. Chúng tôi đã lý luận như vậy hy vọng thuyết phục được viên xếp



ga dành cho chúng tôi một đặc ân trên chuyến xe lửa sẽ khởi hành ngay chiều nay, nhưng không thành công.

Nửa đêm. Chúng tôi thả dãi theo sân ga, len lỏi giữa những đống hành lý và đám dân tản cư, tuyệt vọng và mệt mỏi hơn cả chúng tôi nữa. Tối nay không có chuyến xe lửa nào.

Tuy nhiên chúng tôi cũng còn may mắn. Chúng tôi kiếm được một người bạn của Pao. Anh ta cho chúng tôi địa chỉ và thư giới thiệu đến một người bạn của anh có trách nhiệm sắp xếp các chuyến xe quân vận. (Lại vẫn cái lẽ lối bạn bè quen thuộc! Ta chỉ cần tìm ra được một người bạn quen biết nhiều và từ đó, ta sẽ lần từ người này qua người khác, cùng khắp nước Tàu.) Chúng tôi đến khu động bạn của anh bạn chúng tôi dậy. Anh ta cho chúng tôi hay quả là có một chuyến xe cam nhông chở quân dụng sẽ khởi hành đi Hàng-Châu sáng mai. Lộ trình có băng qua Nam-Ninh. Nếu chúng tôi có thể co rút vào một lỗ trống nhỏ- bởi vì xe đã chật cứng- anh ta sẵn sàng để chúng tôi quá giang.

Chúng tôi cố ngủ được vài giờ trước khi tiếng còi kêu oang oang trước cửa. Chiếc cam nhông phủ một tấm bạt xám xanh, trải trên mấy khung sắt. Người tài xế mở tấm bạt phía sau và ra dấu cho chúng tôi leo lên. Hấp! Hình như chỗ nào cũng đầy những thùng và hộp cùng đạn dược, quân trang, yên ngựa. Chúng tôi thấy tít cao trên đỉnh núi đồi, ngay sát tấm bạt còn một chỗ trống. Trong khi leo lên, tôi nhận thấy trong cái hốc chật hẹp và tối đen đó đã có ít ra là bốn người. Bốn người to lớn và không còn cách nào có người vào được nữa. Tôi tưởng như hết cách nào mà chui vào cái hốc đó được. Nhưng tình thế bắt buộc nên rồi cũng phải chui vào.

Một trong đám bốn người lúi vào trong một cái kẹt giữa hai thùng đồ. Một người khác, đầu gục trên hai gối xê vào sát trong một xó. Người thứ ba ngả dãi người trong một cái kẹt chừng ba chục phân và mũi vừa đụng lên tấm bạt. Tôi và Pao lên sau cùng nên được xếp ngồi phía sau xe, ngay trên hai bánh sau, chỉ vừa đủ che bởi tấm bạt. Chúng tôi được lợi hơn về không khí

mát, nhưng ngược lại bị sốc và bụi hơn. Vả lại, khoảng trống dành cho chúng tôi không đủ chỗ cho chúng tôi nằm hay ngồi bệt xuống. Chúng tôi ngồi chồm hổm, hai chân gập lại, lưng còng, cầm gục xuống trước ngực, hai tay bám lấy tấm bạt trên đầu. Chiếc xe vận mình phóng đi.

Giữa kẽ hở của hai tấm bạt, chúng tôi nhìn thấy một thế giới đầy bụi; toàn bụi là bụi, một thứ bụi dày đặc, lổm đổm điểm một vài bóng cây mờ mịt hay một vài nóc nhà vụt qua, khuất mờ sau đám bụi mù. Mỗi khi xe chạy chậm lại, bụi lại lùa vào trong và bay cùng khắp chỗ. Sau chừng nửa giờ, mặt, mũi, tai, miệng, đầu tóc chúng tôi toàn bụi là bụi. Sau một giờ, bụi xuyên qua cả quần áo, bám vào da thịt. Bụi len cả vào trong giày vớ và đóng cục trong các kẽ chân. Chúng tôi chỉ cảm thấy toàn bụi. Bụi chất đồng quanh chúng tôi và phủ lên chúng tôi, vùi chúng tôi, chôn cả chiếc xe dưới một nấm mồ khổng lồ. Vài ba chục năm sau, người ta sẽ đào chúng tôi lên như người ta đã khai quật thành Pompei: Sĩ quan Trung-Hoa và vợ, 1938, tìm ra giữa Trường-Sa và Nam-Ninh.

Sau một thời gian dài như vô tận, hay đúng hơn vào lúc năm giờ rưỡi, xe đậu lại, toàn thân rung chuyển, phì phì phun một đám hơi nước sặc mùi dầu nhớt giữa đám bụi đỏ bốc lên mù mịt bốn chung quanh. Người tôi tê dại không còn cảm giác gì cả. Một bóng người ho sù sụ cố quạt bụi và mở tấm bạt sau ra. Pao lay tôi:

- Người tài xế bảo chúng ta xuống. Đã đến rồi!

Chàng tuột xuống và tôi rơi tọt vào trong tay chàng. Chúng tôi gập mình xuống khạc, nhổ. Chúng tôi lảo đảo vài bước, chân căng chúng tôi hình như không thuộc chúng tôi nữa, rồi chúng tôi lại khạc ra toàn bùn đỏ lẫn với cát.

Ai đó đặt va-ly của chúng tôi xuống vệ đường và tôi sung sướng để rơi mình xuống như là người không xương, rồi tôi tỉnh lại dần vì Pao đang cảm ơn và xin lỗi mọi người về sự quấy rầy của chúng tôi bằng những lời lẽ thật lịch sử và những cái chào gập người. Tôi cũng đứng dậy và nói vài lời vì

tôi thực tình cảm ơn- hay ít ra tôi cũng cảm ơn về việc cuộc hành trình đã dứt. Nhưng nếp sống của chúng tôi không cho phép kéo dài các cuộc chào hỏi lâu lắc! Chiếc cam nhong chỉ còn là một cơn lốc, biến mất trên con đường dẫn đến Hàng-Châu và chúng tôi ngồi trên đống hành lý, chiếc khăn tay lau lớp bụi đóng kết, đầy hàng phân tay trên mặt chúng tôi, chẳng còn là chiếc khăn tay nữa.

Ta sẽ không tìm thấy Nam-Ninh trên bản đồ Trung-Hoa vì làng này quá nhỏ. Nhưng nếu ta xem kỹ một bản đồ chi tiết của tỉnh Hồ-Nam, ta sẽ thấy nó ngay: một chấm nhỏ với hai chữ Hán bên cạnh.

Lúc Bộ Tổng-Tham-Mưu di chuyển tới, ngôi làng vẫn còn giữ nguyên vẻ cũ kỹ hàng ngàn năm xưa. Nam-Ninh, ngôi làng dưới chân dãy núi thiêng của Hàng-Châu, nơi hành hương, nơi mọi người vẫn đến chiêm bái. Đây là một trong năm linh động của núi rừng Trung-Quốc.

Dãy đồi bọc quanh làng như chiếc cung, những khu rừng mọc trên sườn đồi lẫn xuống làng đến nỗi cây cối um tùm tạo thành cái mái xanh che khuất cả con đường duy nhất của làng và đám lá cây không ngừng lượn sóng theo nhịp gió núi thổi về. Những dòng suối chảy ngang qua kêu róc rách, nước trong vắt, chùi nhẵn những phiến đá xanh và rải một lớp rong rêu cùng những đám cỏ hoang trên bờ. Ngay đầu làng một con đường đất sỏi đá ngoằn ngoèo dẫn ta qua những lối gồ ghề, vượt suối băng rừng để đến từng ngôi chùa nằm chênh vênh trên bờ vực hay trên sườn đồi.

Với con đường chính dài- năm trăm thước, Nam-Ninh chỉ như là một thân cây mềm, lẻ loi, cũ kỹ và tuyệt vời. Cuộc đổ bộ của chúng tôi đã phá tan vẻ thanh thản cổ hữu, đảo lộn nếp sinh hoạt và tập quán cổ xưa từ hàng thế kỷ nay, nhấn những tiếng chuông chùa, những lời kinh trầm bổng vào trong một âm thanh rộn ràng âm ì và chưa đến một tháng, chúng tôi đã kéo theo thảm họa bom đạn đập vỡ cái không khí thanh bình và cái vẻ muôn đời của cảnh sắc.

Chúng tôi được đưa đến trước cửa Văn phòng Du lịch Trung-Hoa, cách làng chừng một cây số rưỡi. Đó là một ngôi nhà thấp, sơn trắng với những mái cong thật lớn, nằm giữa một vườn hoa đủ màu. Một dàn cây leo uốn quanh cửa chính và hai hàng cây chè chạy dọc theo con đường dẫn vào nhà. Một chú nhỏ trong bộ áo trắng tinh chạy ra đỡ đỡ hành lý của chúng tôi. Chúng tôi được mời trà để rửa lớp bụi còn đọng trong miệng, những cánh hoa nổi lênh bênh trên mặt nước trà nâu sáng trong, mùi hoa thơm quện với mùi trà ngát ngậy. Người ta dọn cho chúng tôi mấy thau nước và khăn mặt. Rồi, đứng ngay giữa phòng khách của khách sạn, chúng tôi bắt đầu rửa mặt, lau tai, lau cổ, chú bồi phải tiếp tế lên cho tụi tôi nhiều chậu nước nóng nữa.

Chiếc khăn mặt không còn màu sắc của một chiếc khăn mặt nữa và khi tôi vừa lau xong thì chú Pao, tướng Tăng, hiện ra trước mặt. Ông làm như bất thần hiện ra, nhưng rõ ràng là ông, với nụ cười nhẹ nhàng kín đáo và với cặp mắt như cười đón chúng tôi. Không còn chỗ cho chúng tôi ở đây. Tất cả các phòng đều được giữ từ khi Bộ Tổng-Tham-Mưu rời về đây. Chính ông cũng chỉ được giữ một cái gác xép với một cái cửa sổ cao nhìn lên trời xanh qua dãy đồi tím xẫm. Một hành keo lò xo xà ngay trước khung cửa. Ngồi dài dài trên thành giường hẹp của tướng Tăng, chúng tôi bàn tính kế hoạch. Chúng tôi cần phải kiếm một chỗ ở ngay trong làng. Tướng Tăng cho chúng tôi mượn một binh sỹ hậu cận để phụ giúp chúng tôi trong việc tìm chỗ ở.

Con đường ngoằn ngoèo chạy về phía Nam-Ninh, băng qua những thửa ruộng hoang xếp thành từng lớp, cắt ngang những bờ ruộng thấp um tùm cây cỏ. Dù đất bụi vẫn đỏ, không khí vẫn khô ran, nhưng con đường không có mang dấu vết của cuộc hành trình mệt nhọc vừa qua và chúng tôi thoải mái như đi dạo trong cái khí mát của buổi chiều tà. Mặt trời từ từ hạ xuống dưới đường chân trời sáng rực một màu vàng tía và màu hồng thắm. Không khí thật là nhẹ và mát, khí núi lạnh quện lẫn với hương thơm của muôn loài hoa mang một sắc vị thật kỳ thú. Tiếng một con chim hót trên hàng đậu -

tiếng hót thánh thót ngân dài. Dưới chân cầu, nước chảy siết và trong suốt như pha lê, mơn man mấy cây cột đá khắc hình mấy con rồng đang trườn mình về phía thượng lưu. Phía bên kia cầu, giữa những hàng keo, con đường dẫn vào xóm nhà đầu tiên. Cây cỏ, đường xá, nhà cửa, tất cả đều nhuộm một màu vàng óng, trơn mượt và ta có cảm tưởng như muốn vượt ve mơn trớn.

Chúng tôi vào trong làng. Con đường duy nhất lát đá, từng ô vuông nhẵn thín một màu xanh, bóng lên và lồm xuống dưới muôn ngàn bàn chân và giày cỏ của những người hành hương qua bao đời. Những ngôi nhà gỗ nhỏ nằm san sát hai bên đường trông giống như hai hàng phong sơn khấu với những lớp trang hoàng và cảnh trí đặc biệt. Phảng phất trong không khí mùi trầm hương và mùi hăng hắc của lá và cành cây khô. Những lọn khói bốc thẳng lên trời như những giải lụa trắng. Ánh nắng cuối cùng của mặt trời xuyên qua lớp lá cây tạo thành những vệt sáng đỏ. Bóng dâm trông như xanh xẫm và mờ sương.

Dân làng thản nhiên ngồi ngoài cửa nghỉ ngơi như tổ tiên họ đã từng ngồi từ hàng trăm năm nay. Da họ đều nâu xạm vì râm nắng, quần áo toàn một màu xanh đậm, những bàn tay đen đúa và trai san đặt thành thoi trên đùi. Họ có vẻ hơi khó chịu nhìn cái đám người mặc đồ lính đi đi lại lại, hỏi han lảng xãng. Cho đến nay, chiến tranh vẫn còn xa lạ, vẫn còn quá xa vời đối với ngôi làng thanh bình này. Cuộc chiến kéo dài hơn một năm qua, cuộc chiến đã tàn phá một phần lớn xứ sở của chúng tôi vẫn chưa héo lánh đến nếp sống của làng Nam-Ninh này. Một vài lệnh tòng quân gọi bớt đám thanh niên trong làng đi lính chỉ khiến cho nó càng thêm yên tĩnh và trầm lặng. Trên các bàn thờ, khói hương vẫn tỏa lên nghi ngút trước các tượng Phật sơn son thếp vàng, các nhà sư vẫn lầm rầm đọc kinh theo nhịp mõ, buổi chiều dân làng vẫn ngồi trên ngưỡng cửa và tất cả mọi chuyện vẫn bình thản trôi qua như nó vẫn luôn luôn bình thản như vậy.

Chúng tôi đi vào làng và hỏi thăm để thuê một chỗ ở, nhưng tất cả các nhà, tất cả các phòng, tất cả các giường, tất cả các gốc kẹt đều đã có người chiếm ngụ... Không còn chỗ nào cho hai tôi cả.

Ở đầu đường một con suối uốn éo bằng ngang dưới ba cây cầu nhỏ và xa hơn tí nữa là bức tường đỏ chót của một ngôi chùa. Những cây thông, cây bách in thành những vết đen xậm trong bóng chiều. Những nóc chùa vàng chói chiếu hắt những vệt sáng lên đám lá tối đen. Đúng lúc ấy, người lính hầu cận chạy tới báo cho biết anh đã tìm được cho chúng tôi một căn phòng trong Đại Khách Sạn Nam-Ninh. Chúng tôi miễn cưỡng rời cái phong cảnh u nhã đó để đi theo anh ta. Khách sạn, khiêm tốn lắm mới có thể gọi là "đại", là một kiểu nhà mới xây bằng gỗ và vừa trên một cái sân rộng, phía ngoài có cái cổng thật vĩ đại với hàng chữ cao đến cả thước. Tất cả tổng cộng có mười tám phòng. Những phòng dưới nằm ngay sát mặt sân, có khi còn thấp hơn là khác. Nền nhà là đất nện và tất cả cửa lớn, cửa sổ đều mở ra sân. Tầng trên cùng y như vậy, chỉ khác là nó có một hành lang bao quanh. Sân cũng là chỗ để xe luôn. Hơn một chục chiếc xe đầy bụi và bùn, dáng tả tơi mệt mỏi, đậu thành hàng dài trên sân. Không có con đường lót đá hoặc gạch nào dẫn qua sân cả, trái lại ngay cả giữa mùa nắng ta cũng phải dọ dẫm, cẩn thận tránh vũng bùn nằm chình ình thường trực giữa sân. Nguyên nhân của vũng bùn này rất dễ hiểu: Đại Khách Sạn Nam-Ninh không có cống rãnh gì cả. Những người ở tầng trên đã hắt đại những chậu nước bắn lên mui đám xe đậu dưới sân trong khi những người ở tầng dưới thản nhiên hắt vào giữa các bánh xe.

Với tất cả những sự thiếu tiện nghi như vậy, Đại Khách Sạn Nam-Ninh vẫn không thiếu khách. Ít ra nó có một mái nhà, bốn bức vách. Điều đó có nghĩa là một chỗ trú thân, một chỗ để ngủ và đã đầy những sĩ quan là sỹ quan. Căn phòng mà người lính kiếm được thực ra không trống khi chúng tôi đến lấy. Một người độc thân, bạn của tướng Tăng đã ở đó, nhưng sau khi biết rõ hoàn cảnh của chúng tôi, ông sẵn sàng nhường lại và đi ở với hai người bạn độc thân khác.

Đó là một căn phòng nhỏ ở trên lầu. Một thang gác nhỏ và thẳng đứng mà ta nên gọi nó là một cái thang thường mới đúng, bắc lên hành lang chạy quanh các phòng. Căn phòng chỉ có một cửa sổ và không có cửa kính. Lớp vữa mỏng trát trên vách gỗ tách ra thành những vết nứt lớn để ánh nắng và gió lạnh có thể lùa vào trong phòng. Chúng tôi cũng có thể thông thương với dưới nhà nhờ những kẽ hở bằng ngón tay dưới sàn nhà. Đồ đạc độc nhất là một cái giường bằng ván, một cái ghế và một cái bàn mà bốn chân không chân nào bằng chân nào. Chúng tôi khám phá ra rằng lợi điểm của căn phòng mình là chú bé bồi phòng. Chú bé này rất tinh khôn, nghệ thuật duy nhất của hắn là bắt những chậu nước thật xa và xúi thật nhiều bọt. Chúng tôi phải chỉ bảo thêm cho nó. Chúng tôi nhồi vào óc nó là chúng tôi ghét ruồi, muỗi và thịt mỡ. Từ đó mỗi khi mang thức ăn lên cho chúng tôi, nó luôn luôn thổi phù phù xua đuổi cả những con sâu bọ vô hình và lo sao để không bao giờ chúng tôi thấy một miếng thịt mỡ. Tôi không thể đoán chắc là nhà bếp có dọn một miếng thịt mỡ ngon lành nào trong món ăn không, nhưng mỗi khi thức ăn mang lên đến nơi, tất cả các miếng thịt mỡ đều biến mất cách giản dị và tự nhiên nhất.

Chúng tôi cũng bảo cho nó biết là chúng tôi cần nước, rất nhiều nước nóng để lau rửa và để tắm, nhất là mỗi khi đi công chuyện trở về, mình đầy cát bụi và mệt mỏi. Sau khi đã biết như vậy, chúng tôi không còn cách nào ra khỏi phòng, dù chỉ năm ba phút, lúc trở về mà khỏi gặp nó, mặt mày rạng rỡ với một thau nước nóng. Dù không cần lau rửa nhiều lần như vậy, chúng tôi cũng không lộ ra để làm rối trí và phụ cái lòng sốt sắng của nó. Nó chỉ mong làm vừa lòng chúng tôi. Khi nó khám phá ra là Pao cần trứng như người nghiện cần thuốc, nó sục sạo khắp làng để kiếm cho ra, mỗi ngày mang về hàng tá đến nỗi riết rồi phòng chúng tôi đầy trứng và chúng tôi phải phát bột cho trẻ con.

Chúng tôi dạy cho nó về vệ sinh thường thức. Chúng tôi cũng dạy cho nó cách quét nhà sao cho đừng trút bụi và rác lên đầu những người ở phòng dưới, công việc không phải dễ! Lâu lâu nó lại quét dọn một lần và thế là

bao nhiêu màng nhện trong phòng đều biến hết. Nó cũng giặt rũ quần áo cho chúng tôi, kể cũng tạm được, tuy nó thường hay pha đồ trắng với các màu khác khiến cho sơ mi của Pao đều vẫn vẹn các vệt xanh thối ở áo vải của tôi ra.

Càng ngày bộ mặt của Nam-Ninh càng thay đổi. Nhiều toán lính làm việc ngày đêm để mắc các đường giây điện thoại và điện báo chạy đi khắp hướng, trong y như cái mạng nhện. Nam-Ninh đã thành đầu não của nước Trung-Hoa. Những "ông lớn" của quân đội đều có mặt ở đây cả, các ông bộ trưởng chiến tranh, các ông tướng và các vị tư lệnh, Thống tướng Tưởng cùng với một đám những thuộc cấp- như chúng tôi. Nhưng mỗi chúng tôi đều là một cái vẩy trong guồng máy công quyền trung ương vẫn còn sống và hoạt động, trong khi quân Nhật cứ đình ninh rằng là đã phá tan khi chiếm Nam-Kinh rồi Hán-Khâu. Các tướng trong Bộ Tổng Tư Lệnh đều đóng đại bản doanh trong các ngôi chùa trên sườn đồi. Những kẻ khác ở rải rác khắp nơi, xâm chiếm hết cả làng, lan ra ngoài bốn chung quanh trăm ngàn cây số... Người ta xây cất nhà mới. Làm vôi vàng trong vài ba ngày, nhưng đều đã được đặt thuê ngay đến phần cuối cùng ngay từ lúc mới cất nền nhà. Người ta vẫn tiếp tục đổ ào ào vào trong làng vốn đã quá đông, chất có cả sáu bảy người vào trong một phòng bé tí xíu chỉ dành cho hai người là nhiều. Tôi và Pao cảm thấy gần như có tội khi sống trong một khung cảnh sang cả như vậy.

Ngay cả các vùng lân cận, các sỹ quan tham mưu cùng các nhân viên dân chính khác cũng tranh nhau từng phòng trong những ngôi nhà tranh vách đất. Vợ con họ bắt đầu học sống cuộc đời thôn dã. Ta thường gặp những thiếu phụ mảnh dẻ, những tiểu thư đài các kiêu kỳ trên những con đường hẹp giữa nương ruộng. Họ đều mặc một thứ hàng vải xanh thô, nhưng luôn luôn giữ vẻ sang cả với những mái tóc trái bóng mượt, những cánh hoa cài sau vành tai, má và môi đều thắm đỏ, mắt sáng rực một sức sống tươi vui hạnh phúc.



Thế giới bên ngoài và chiến tranh ào vào Nam-Ninh. Những toán lính ủa đến đóng rải rác chung quanh làng trong các lều cỏ hay các lều vải. Họ đào hầm hố và thiết lập một hệ thống phòng không. Họ vừa đi vừa ca hát...

Nhiều người đến rồi lại nhiều người khác nữa đến, con buôn, đầu bếp, thợ thủ công, công nhân, dân tản cư... Họ đến đây bằng đủ cách, xe hơi, xe kéo, xe bò hay đi bộ. Họ dựng nhà, dựng quán, dựng tiệm trang hoàng bằng những bảng hiệu xôm trò mang các tên của các cửa hàng nổi tiếng ở Thượng-Hải hay Hán-Khẩu. Nhiều nhất và phổ thông nhất là các hàng ăn và các tiệm may. Chiến tranh hay không chiến tranh, đàn ông vẫn cần ăn và đàn bà vẫn cần may mặc.

Tiếng máy may Singer chạy rào rào suốt đêm dưới ánh đèn dầu. Trên các cái kệ, đám thợ thủ công đang khéo léo tết các khuy bằng sợi, hàng dãy dài quần áo đủ màu cắt sẵn treo kín trên các cây sào bắc ngang nhà. Chúng tôi thích những hàng có in hoa màu, nhưng màu xanh đậm được chuộng nhất với cái hoàn cảnh mới mẻ này.

Tất cả mọi hàng ăn đều phát đạt. Có những người bán mì rong, thường lấy hai miếng tre gõ vào nhau côm cốp để rao hàng, và lủng lẳng trên hai đầu đòn gánh chỉ có một cái lò và một cái tủ kính nhỏ. Một ông chủ hàng ăn nổi tiếng ở Nam-Kinh đã trốn đi với cái gia sản độc nhất: một bản thực đơn mà ông giữ trong đầu, lại mở cửa tiệm trong một căn nhà nhỏ và lại đầy khách. Suốt từ sáng cho đến nửa đêm, người ta chen lấn nhau trong nhà hàng này. Công việc buôn bán thật là tốt đẹp, nhất là vào buổi tối khi hàng đám người đổ dồn về con đường độc nhất của Nam-Ninh. Các tiệm ăn lúc nào cũng có người chen lấn. Người này đến để nói cười, ăn uống, người khác kéo đến chỉ vì tiếng ồn ào và mùi vị- lửa cháy hồng và nổ lộp bộp trong lò dưới các vỉ sắt nướng. Mùi cơm chín thơm nức bốc ra từ các nồi lớn dưới cái vung gỗ. Các món sào kêu xèo xèo thơm lừng mùi hành, mùi tỏi và mùi gia vị. Ta có thể thấy cái quang cảnh đó, cái cảnh tấp nập ngoài đường phố, cái vẻ giản dị, cái không khí vui vẻ cởi mở đó hầu hết trên các quận lỵ Trung-

Hoa. Có những người đã từng sống lâu năm tại ngoại quốc, đã từng thưởng thức những món ăn ngon tại các tiệm tiếng tăm nhất Âu-Châu, giờ đây cũng vui thú hòa mình vào nếp sống ban đêm của Nam-Ninh.

Sau hết, khi những chiếc lò cuối cùng đã tắt lửa và các miếng ván đã hạ xuống đóng cửa tiệm lại, công việc vẫn tiếp tục không ngừng. Xe hơi và xe cam nhông chạy xình xịch trên các ngã đường và các ngọn đèn pha chọc thủng màn đêm, quét thành những vệt sáng dài. Tiếng chân bước thình thịch, tiếng sắt chạm nhau kêu rổn rảng: các đoàn quân di chuyển đêm. Việc đắp đường liên tục hai mươi bốn giờ một ngày. Lâu lâu một tiếng nổ lại làm chúng tôi giật bản mình, tiếng nổ bùm rung chuyển cả mặt đất và nhắc cho hầu hết chúng tôi đến cảnh bị dội bom.

Đường xá chạy ra tứ phía, các hệ thống liên lạc, báo chí(cho đến ngày chúng tôi đến, không có) càng ngày càng nhiều. Những báo cáo từ khắp nơi trên lãnh thổ đều đổ về Bộ Tổng-Tham-Mưu ở Nam-Ninh, các tin tức chiến trường của khắp các mặt trận, các điện tín báo tin thắng trận và thất bại, các tin tức từ ngoại quốc do máy thu thanh... Bởi vì nơi đây, Nam-Ninh là trung tâm não bộ của nước Trung-Hoa. Cái chí cương quyết cất dấu nơi đây đã huy động được cả nước, buộc toàn dân phải bưng tỉnh cơn mê, đã in vào tâm trí mọi người cái vinh quang của quá khứ; cái khí phách hào hùng và tương lai rực rỡ.

Chúng tôi đã mất những thành phố kiêu hùng và vĩ đại. Khói đen đã bốc lên từ những căn nhà bị thiêu rụi. Đất đã uống biết bao nhiêu máu đỏ đồng bào chúng tôi. Nhưng lịch sử không chấm dứt với những đô thị bị chiếm, những thành phố bị đốt. Nước Trung-Hoa vẫn chưa mất tuy rằng đất đai đã mất. Đâu đâu mà còn một trái tim bất khuất nước Trung-Hoa sẽ ở đó, không bao giờ khuất phục. Chân lý này mang lại cho chúng tôi một sức mạnh vô hình, vững chắc hơn cả thép súng hay đất đã xây công sự pháo đài. Cái sức mạnh bí mật ấy hiện diện đâu đó: nó không buộc liền với một thành phố, một hải cảng, một dãy núi, một con sông nào. Bao lâu mà còn một người Trung-

Hoa biết nói như Tưởng-Giới-Thạch: "Chúng tôi sẽ không khuất phục dưới sức mạnh vũ lực, bởi vì chúng tôi không chấp nhận quyền lực của nó, và dù sự hy sinh và đau khổ có lớn đến chừng nào, không gì có thể chinh phục được linh hồn", nước Trung-Hoa sẽ còn tự do.

Nam-Ninh, ngôi làng quạnh hiu dưới rặng Tô-Vân-Phong mờ nhạt, dưới khói hương của đám khách hành hương từ hàng ngàn năm qua. Nam-Ninh, chỉ trong vòng ba tuần lễ ngắn ngủi vào mùa thu năm 1938, đã vang lên tiếng quân hành, tiếng búa nện đê, tiếng nổ phá đường và đã trở thành trọng yếu hơn cả Thượng-Hải, hơn cả Nam-Kinh và Hán-Khẩu, nó chứa trái tim sống động của nước Trung-Hoa chinh chiến.

# ĐƯỜNG VỀ TRÙNG KHÁNH

Han Suyin

[www.dtv-ebook.com](http://www.dtv-ebook.com)

## Dịch Giả: Trùng Dương & Hồ Hải

### Chương Bảy

Tháng giêng đã đến, nhưng ở sâu dưới phía nam, chúng tôi thấy ngày vẫn ấm tuy ban đêm có lạnh. Buổi sáng, chúng tôi thức dậy ngay từ lúc bình minh ló dạng. Dưới màn sương trắng đục, chúng tôi đi dạo trên những đường phố còn im ngủ, các cửa hàng còn đóng chặt sau những cánh ván. Chúng tôi đi vượt qua ngôi chùa có bức tường màu đỏ, rời làng và leo lên đồi theo một con đường dốc dẫn đến ngọn suối mà chúng tôi thường tắm. Tất cả mọi vật đều bị sương mù che khuất. Sương bám vào sườn núi như thể núi mặc áo khoác. Dọc theo con suối, hàng thông im lìm khuất sau lớp sương. Một dòng thác nhỏ phóng vào khoảng không rồi rơi xuống vỡ tan, sỏi bọt trắng ngầu trên ghềnh đá ngay trước mặt chúng tôi. Chúng tôi lội ngược dòng nước lạnh như đá. Bàn chân chúng tôi cũng nhạy cảm như hai tay, nó bám chặt lấy những phiến đá bị nước mài tròn nhẵn thín, nó dọ dẫm trên lớp rêu trơn trượt của các ghềnh đá...

Mặt trời lên cao. Dọc theo đường nước, những đám sương mù còn sót lại tan dần trong ánh nắng mai. Thấp dưới chân đồi, chúng tôi thấy những mái nhà lẫn trong vòm lá lớn, những trại quân rải rác chung quanh. Cả Nam-Ninh hãy còn yên ngủ, chỉ trừ những đọt khói bốc lên, lờn lờ giữa đám lá cây. Từ các trại luyện quân, tiếng lệnh hô vang lên với tiếng đáp của hàng trăm giọng một lượt. Các toán quân đã bắt đầu tập dượt. Xa hơn, cảnh vật khoác một màu trắng mờ: những màu xanh lá cây, xanh lam, xám chìm lẫn trong một màu trắng đục như hơi nước, những dãy đồi uốn khúc hướng tây đông cứ nhạt dần, biến từ xanh sang trắng.

Đôi khi, vào buổi tối, chúng tôi đùa nghịch đuổi nhau như những trẻ con khắp chung quanh làng, rồi cùng chạy vụt ra con đường cái, cùng cười ngất. Thế nào người ta cũng cho là hai đứa chúng tôi hơi khùng và thiếu tư cách. Ngoài tiếng ồn ào cười nói, tiếng rao hàng, ta còn nghe tiếng nước chảy róc rách dưới chân cầu. Ta còn nghe thấy cả tiếng chuông chùa, tiếng trống vắng vắng trong các tuần cúng trăng. Cũng có cả cái giọng the thé của các cây kèn đồng vào lúc chiều tà...

Vào những ngày trăng đầy, ta nghe thấy tiếng chuông chùa đổ vào lúc nửa đêm và lúc bình minh- chậm rãi, thật chậm rãi. Rồi, bắt nhịp với tiếng trống, tiếng chuông đổ liên hồi lẫn với giọng tụng kinh lầm rầm của hàng trăm người. Các người đi lễ, đàn ông, đàn bà đi từ bàn thờ này sang bàn thờ kia để khấn khứa. Trước mỗi bức tượng họ lại cắm hai ba cây nhang nghi ngút cháy. Cửa chùa rộng mở chào đón tất cả mọi người. Pao và tôi thường tản bộ hàng giờ trên các sân chùa.

Ngày nào chùa cũng đầy người cúng vái hoặc ngắm cảnh. Tại Trung-Hoa chùa chiềng vừa là nơi thờ phượng vừa là nơi giải trí. Trên đại điện, khói hương mờ mịn, các nhà sư đang ê a đọc và giảng các quẻ sâm cho các thiện nam tín nữ, người khác đang quỳ trước các tượng Phật đốt nhang, lẩn tràng. Phía ngoài, những người đi ngắm cảnh dạo trên những dãy sàn lát đá vàn, ngắm nhía hàng lan can trạm trổ. Mỗi cây cột được đặt trên cái bệ hình bông sen trắng muốt và những phiến đá ngăn đều được trạm trổ đủ các hình thù: mây, nước, đá, cây, hổ báo, những chú nai hiền lành sợ sệt, những chú ngựa đang khom chân dậm, những con kỳ lân đang phì lửa, thôi thì đủ loại muông thú như trong một cuốn sách hình.

Chúng tôi đã thành tín đồ trung thành của cái vẻ đẹp và không khí yên tịnh của ngôi chùa này. Trước khi bình minh ló dạng, chúng tôi thường đến đây, ngồi xếp bằng trên sân đá trước đại điện, dăm mình suy tưởng...

Đó là giờ tụng kinh buổi sáng, các nhà sư mặc áo cà sa xám, xếp hàng một đi dọc theo dãy cửa tò vò. Hàng nển bập bùng trên các bàn thờ, trước các

bức tượng Phật uy nghi trên tòa sen, bao mắt lim dim, môi hé nụ cười an hòa trong bóng tối, tay bắt ấn chữ nhất chỉ thẳng lên trời. Các nhà sư ngồi thành hàng ngay ngắn trước bàn thờ, lầm rầm đọc kinh theo nhịp mõ đều đặn và chắc nịch như tiếng tim đập. Những dãy sân trải dài vào tận bóng đêm đầy khí mát. Những thân cây thông, cây bá thẵng tắp đứng sừng sững như hàng cột. Những ngọn cây cao và mái chùa, đều vàng rực lên màu mặt trời mọc. Trên nóc chùa những con rồng vàng uốn khúc, hàng thú nối đuôi nhau kéo xuống tận mép ngói. Dưới mái hiên những chiếc chuông treo lủng lẳng, im lặng trong bầu không khí yên tĩnh của buổi mai.

Trên chiếc lư đồng to đặt ngoài sân giữa, khói hương bốc lên nghi ngút giữa những nhánh cây trắc bá thành những cột trắng mỏng, tách ra rồi tỏa rộng, tan biến vào cõi vô hình. Tâm hồn chúng tôi cũng thế, trong khi chúng tôi ngồi đây, đắm mình trong giây phút mặc định: thế giới lùi xa, cái "ngã" biến mất hòa lẫn và nhập vào với cái yên bình đang bao trùm mọi vật.

Một tối sau giờ tụng kinh chiều, nán lại chùa mặc dù những người khác đã về hết, chúng tôi đi dạo quanh trên các con đường lát đá lấp loáng ánh trắng. Khi đi qua cửa của gian đại điện, nhìn vào trong, chúng tôi thấy một ngọn đèn cháy leo lét trước bàn thờ Phật. Một nhà sư ngồi xếp chân vòng tròn, tay đang lần tràng hạt miệng lầm rầm đọc kinh. Như bị thúc đẩy bởi một sức mạnh vô hình, chúng tôi cùng bước vào, nghiêm trang đứng trước bàn thờ, mắt ngược nhìn khuôn mặt vàng mờ ảo, cân đối của bức tượng Phật ngồi chính giữa. Cả Pao lẫn tôi đều không theo đạo Phật, nhưng tâm linh chúng tôi không khỏi rung động trước những lời tụng niệm từ bao thế kỷ qua và trước cái cảnh toàn thiện toàn mỹ, hoàn toàn yên bình này. Pao thốt lên:

- Nếu ngài là hiện thân của lý tưởng công bình bác ái mà chúng con tôn sùng, xin ngài hãy che chở cho chúng con, vì lòng chúng con đều trong sạch.

Chúng tôi cũng long trọng nghiêng mình chào như chào một vị hoàng đế.

Trên bước đường chông gai, chúng tôi tận hưởng quãng thời gian tuyệt vời ở Nam-Ninh này, và coi đó như là thời gian ngưng đọng tạm thời của định mệnh. Nhưng cũng trong cuộc nghỉ chân này, chúng tôi đã thu lượm lấy cái sức mạnh để đối phó với những đau khổ trong tương lai. Chúng tôi đặt những ngày tuyệt vời đó sang bên làm trừ bị- nhẫn nại và sáng láng như những hạt ngọc lấp lánh trên một sợi giây- để có thể triệu dụng trong ngày phân ly. Ngay trong quãng thời gian ngắn ngủi đó, khi chúng tôi chỉ cần có nhau là đủ sung sướng, chúng tôi cũng không thể nào tránh được việc nối lại các mối giây quen biết cũ và tiếp nhận thêm những người quen mới. Chúng tôi cố hết sức tránh những bữa ăn buồn nản hay những buổi mặt chược dài dặc và ngu xuẩn, nhưng đôi khi cùng với hai ba người bạn, chúng tôi cùng leo lên ngọn Tô-Vân-Phong khi đẹp trời.

Pao được nghỉ phép hai ngày. Chúng tôi có thể bỏ ra một ngày để leo cho hết con đường dốc, lên đến tận ngôi chùa trên đỉnh núi, ngủ tại đó một đêm và trở về vào sáng hôm sau... Hai người bạn Vũ-Quế-Phan và Vương-Vũ-Liên đến kiếm chúng tôi. Sau này Vũ-Quế-Phan phải trải qua một cuộc thử thách cam go với chúng tôi, một người hoàn toàn tin cậy và luôn luôn vui vẻ... Định mệnh cũng an bài để Vương-Vũ-Liên sẽ cùng chung với chúng tôi một cuộc phiêu lưu khác cực nhọc hơn gấp bội phần. Đó là một cô gái nhỏ thó và mảnh dẻ với những lọn tóc uốn quăn giống như kiểu mới nhất của những minh tinh điện ảnh Hoa-Kỳ, trái ngược hẳn với cái "sường sám", thẳng và giản dị bằng hàng vải xanh thô đang mặc trên người. Hôn phu của Liên là Phu-Quang-Tỷ, cùng làm việc một chỗ với Pao. Nhẽ ra anh ta cũng đi chơi với chúng tôi nhưng lại đổi ý vào phút chót cho rằng cuộc leo núi này quá mệt và có hại cho thần kinh. Anh ta có dáng vẻ của một chàng công tử bột với cái vẻ lá lướn, mớ tóc dài chải tём ra sau và lòng can trường của anh ta thì đáng nghi lắm.

Chúng tôi rời Đại khách sạn Nam-Ninh vào lúc bảy giờ sáng và đi bằng qua cây cầu ở đầu đường. Trên cầu và trước cửa ngôi chùa đều có lính bông súng đứng gác. Họ phải gác từ sáng cho đến tối vì hiện đang có một vài đơn vị đang đóng quân tạm thời tại đó.

Chúng tôi leo lên dốc núi, có lúc mặt trời rọi thẳng vào lưng sưởi ấm chúng tôi, đôi khi chúng tôi lại chìm vào bóng dâm thật mát và lạnh như nước suối... Khi đến khoảng trống trên lưng chừng một ngọn đồi, chúng tôi tạm ngừng để thấy cảnh vật như trải rộng ra ở phía sau lưng và trước mặt, vách đá càng ngày càng dốc thẳng khi chúng tôi càng tiến đến gần đỉnh.

Buổi trưa chúng tôi nghỉ trong một cái quán nhỏ bên đường để ăn cơm. Một cái kiệu đang ì ạch tiến lên phía chúng tôi. Người ngồi trong kiệu ngả dài ra phía sau, đầu thấp hơn hai chân thòng ra hai bên thành kiệu, thoát nhìn, chúng tôi chỉ thấy sau đôi vai của người phu kiệu là một chiếc quần kiếu để đánh gôn và đôi dây cao su đung đưa qua lại. Chiếc xe dừng lại cạnh chúng tôi. Người lữ khách mệt mỏi ngồi dậy nói với chúng tôi:

- Một ngày đẹp quá há! Tôi chán mấy người làm và công việc trong văn phòng thì lại đây ứ. Tôi cũng nghĩ, thuê chiếc kiệu này và tôi cũng đến đây vậy.

Đó là Phu-Quang-Tỷ, hôn phu của Liên, Anh ta đội chiếc nón cối, mang kính mát, mặc áo vét và chiếc quần đánh gôn mà lúc này tôi có nói đến. Anh ta còn mang thêm một đôi giày phòng hồ, một bình thủy, một chiếc gậy lớn, một sợi dây thừng như thể đi leo núi vậy. Anh ta liếc mắt kiểm điểm đồ đạc hành trang nghèo nàn của chúng tôi với vẻ khinh rẻ. Chúng tôi chẳng có gậy gộc cũng chẳng mũ mào gì cả. Pao chỉ mang theo có cái túi đeo lưng. Chàng mặc quần soóc, áo sơ mi ngắn tay và một chiếc áo len buộc lỏng nơi cổ. Vũ-Liên và tôi mặc như thường ngày: một chiếc xường xám bằng vải xanh dài, xẻ dọc từ đùi xuống chân, tiện lợi và không rườm rà. Vũ-Quế-Phan vì không tập thể dục nên mồ hôi chảy ướt cả bộ quần phục bằng hàng len.



Hai người phu đặt chiếc kiệu xuống đất, tìm chỗ nghỉ ngơi ăn uống và hút thuốc. Phu-Quang-Tỷ từ chối dùng bữa với chúng tôi. Anh chàng mang theo đầy đủ thức ăn và đang bắt đầu ăn, bữa ăn thường nhật quá nặng như thể sắp sửa phải tận dụng những bắp thịt của anh. Rồi anh ta đứng lên trước, tay múa tít cây gậy như sợ chúng tôi đuổi kịp...

Chúng tôi trả tiền và lại bắt đầu đi. Đến khúc rẽ thứ hai chúng tôi bắt gặp anh chàng nằm ngả dài bên vệ đường:

- Kiệu của tôi đâu rồi? Anh ta nhăn nhó với giọng thảm hại. Mấy người không thể ăn lên được một chút hay sao?

Rồi như tìm lại được phép lịch sự, anh ta quyết định hy sinh và nhường chiếc kiệu cho hôn thê. Nhưng Vũ-Liên lại thích đi với chúng tôi và Vũ-Quế-Phan. Chúng tôi bỏ mặc anh chàng đó lẻo đẻo phía sau theo đúng cái cách không có hại đến thần kinh của anh ta.

Hết còn những bước cheo leo hay những ghềnh đá ngạo nghễ trên đầu chúng tôi. Chúng tôi đã lên tới đỉnh núi. Con đường chấm dứt nơi đây, ngay trên ngưỡng cửa của ngôi chùa...

Bằng qua nhiều chiếc sân, chúng tôi tiến ngang qua những bước tượng ông Thiện; ông Ác dễ sợ, những thần lục định lục giáp đang trợn mắt múa tít binh khí trên lưng voi, lưng ngựa, ngang qua tượng Phật Di Lặc béo tròn với cái bụng phệ hay tượng Phật Bà Quan-Âm một trăm tay, Phật Bà Quan-Âm toàn nhân ái.

Những vị ni cô mặc áo cà sa xám rộng thùng thình trông như những con dơi bước ra vây quanh lấy chúng tôi tiếp đón. Những người đi lễ đang xì xụp vái lạy trước các bàn thờ. Tiếng chuông, tiếng trống âm vang nhẹ. Gió lộng qua các phòng, thổi những ngọn cờ, lá phướn bay lất phất và làm lung linh mấy ngọn nến. Tất cả những điều này đều quá thân thuộc với tôi và xa vời với cảnh tao loạn, chiến tranh biết bao...

Chúng tôi ngồi trên những cái đôn trạm trở tinh vi và một chú tiểu bưng trà ra mời chúng tôi.

Sư cụ trụ trì hiện ra trong khung cửa ngập ánh trăng. Sư cụ là một người lùn, thấp bé, mắt sáng và linh động như mắt con chim sẻ. Hai bàn tay gầy và nhỏ, những ngón tay cong và dài như những cái vuốt của chim ưng. Sư cụ như chìm hẳn vào trong cái áo cà sa rộng thùng thình, trong chiếc mũ ni với hai cái dải thắt dưới cằm và vắt ngang qua vai ra phía sau như một cái vạt áo. Sư cụ bước lại gần chúng tôi, dáng nghiêng qua ngã lại, vừa đi vừa cúi chào và chúng tôi cũng phải cúi thấp mình chào trả lại. Cụ phóng người lên một chiếc ghế dựa cao, ngồi vắt vẻo thõng hai chân với đôi giầy da rộng quá khổ đong đưa trong không khí.

Câu chuyện mở đầu bằng những lời chào hỏi thông thường, nhưng sau đó, gia chủ chúng tôi liền kể liên tu hết chuyện này đến chuyện kia, đến nỗi Vũ-Quế-Phan cũng không xen vào lấy được một lời. Sư cụ kể cho chúng tôi nghe về lịch sử của ngôi chùa...

Sư cụ nói, nói mãi. Gió lùa những bóng tối vào trong phòng. Lễ giáo không cho phép chúng tôi ngắt ngang lời dù rằng chúng tôi vừa đói vừa rét cóng cả người và trời đã tối đen... Chúng tôi mừng rỡ vô hạn khi các ni cô hiện ra, đi chầm đềm rồi bưng cơm: thịt thì bị cấm hẳn đi rồi- vì các phật tử cho rằng mọi sự sống đều là cao trọng cả- nhưng mỗi khi chùa thết cơm chay, những món đậu phụ, nấm, những món sốt, dầu thảo mộc được nấu nướng thành nhiều món ăn tuyệt khẩu và nổi tiếng là ngon. Các ni cô dọn và sôi cơm ra từng bát và mời:

- Cơm đã dọn xong.

Trong khi đó, mặc dù tay thì vẽ một cử chỉ mơ hồ như mời chúng tôi, sư cụ vẫn chưa dứt tiếng nói. Thế diện buộc chúng tôi phải làm ra như thể không để ý đến các món ăn thơm phức đang trêu chọc khẩu vị của chúng tôi và nghe nốt câu chuyện cho đến hết. Khoảng một khắc sau, sư cụ vẫn giữ

chúng tôi nguyên chỗ với đôi mắt tinh anh và với câu chuyện tràng giang. Lợi dụng một lúc cụ ngừng để lấy giọng, Vũ-Quế-Phan ngắt:

- Chúng tôi không dám giữ thầy lâu hơn nữa! Thầy đã tiếp đãi chúng tôi quá niềm nở. Xin thầy hãy thứ lỗi vì chúng tôi đã làm phí thì giờ quý báu của thầy. Chúng tôi không dám giữ thầy lâu hơn nữa.

Vừa nói, anh vừa đẩy nhẹ sư cụ ra phía ngoài cửa y như ta đẩy một con chiên bướng bỉnh. Còn chúng tôi thì không thể nào tìm được nữa. Vồ lấy bát, đĩa, chúng tôi bắt đầu ăn ngấu nghiến. Sư cụ lẫn vào trong bóng tối mất dạng.

Về khuya, gió dịu đi nhưng lại trở thành lạnh giá và cóng buốt. Chúng tôi trần trọc dưới những chiếc khăn cổ, nặng và cứng như gỗ. Trước khi trời sáng, Vũ-Quế-Phan đã gõ cửa khua chúng tôi dậy.

- Mặt trời mọc, dậy đi thôi!

Mới bốn giờ rưỡi sáng. Tiếng tụng kinh trầm trầm và đều của các nhà sư vọng vào phòng như tiếng sóng nước rì rào vỗ vào bờ. Người rét run và đờ đẫn vì cơn buồn ngủ, các bắp thịt nhừ như dãn sau một ngày vận động quá độ, tôi bước chập choạng đến bên cửa sổ. Trời tối và trong suốt, những vì sao lạnh băng và mờ nhạt, biến dần sang vẻ lóng lánh không màu như những viên ngọc. Pao khoác lên vai tôi một chiếc khăn ấm chiếc ít cứng nhất rồi chúng tôi cùng đi ra ngoài đỉnh núi với các bạn khác. Khi chúng tôi bước trên đám cỏ cứng, long lanh những giọt sương, ánh sáng đã trắng lóa cả mọi vật và trên nền trời chỉ còn một vì sao cô độc. Chúng tôi đã có thể nhìn rõ mặt nhau trong tia nắng ban mai đầu tiên của ngày.

Ngọn Tô-Vân-Phong đứng sừng sững đơn độc giữa một thế giới chìm đắm, đỉnh núi nhô lên trên mặt lớp mây như một hải đảo, chung quanh các mỏm đá mây trôi triền miên y như nước đại dương. Một màn trắng lẹ làng trải

dài về phía những đỉnh núi một màu xám kỳ ảo nhanh hơn cả những đợt mây trôi.

Trên đầu chúng tôi, vòm trời xanh muốt và nhạt dần về phía đông. Mặt trời, từ từ hiện ra sau một đám mây, uy nghi, lẫm liệt. Mặt trời hiện ra giữa buổi sáng như vị hoàng đế hiện ra giữa triều đường. Ngay sau đó, các đường mây trắng đứt đoạn thành những rợn sáng và những đụn mây trắng dồn tụ, ùn lên che khuất vùng dương. Thật khó có thể tưởng được rằng mỗi buổi sáng, trong khi chúng tôi lội bì bõm trong một màn sương mù ướt sũng dưới chân đồi, trên đầu chúng tôi lại có cái cảnh sáng đẹp tuyệt vời như thế này.

Sau khi đã dùng điểm tâm và dâng một chút tiền cúng quả cho nhà chùa (lệ chỉ cho phép nhận cái gì mọi người cúng quả mà không được phép đòi hỏi xin thêm gì khác). Chúng tôi kiếu từ các ni cô. Sự cụ bận việc chỗ khác, cũng may vì chúng tôi có ý định trở về nhà vào buổi trưa. Chúng tôi gửi lời cảm ơn sự cụ và bắt đầu xuống núi. Đường xuống không khó như lúc lên, nhưng tôi và Vũ-Liên lết chằm chằm, hơi thấm mệt vì những cố gắng chiều hôm qua. Phu-Quang-Tỷ cùng đi với chúng tôi buổi sáng đó, đây về cường tráng và chịu đựng, và chúng tôi luân phiên nhau leo lên kiệu của anh ta vì khuyến khích tính lười biếng của mấy người phu khiêng kiệu thì quả thật là đáng tội.

Chúng tôi đi vòng quanh một nhánh núi. Nam-Ninh hiện ra- những mái nhà cái xám cái vàng, những thân cây đen ngòm, những con đường đất đỏ rục và vàng ánh tỏa đi tứ phía- và phía bên kia dãy đồi, cánh đồng trải ra dưới chân núi, sáng bóng như một giải sa tanh.

- Nghe này!

Vũ-Liên ra hiệu cho chúng tôi yên lặng. Chúng tôi đứng im. Chỉ có tiếng lá cây rì rào trong gió, chỉ có tiếng nước chảy róc rách trong ghènh. Nhưng không! Có tiếng ù ù như tiếng sấm dội xa xăm, tiếng lóc bóc như pháo nổ nhưng thật nhỏ, thật xa. Kế tiếp là những tiếng nổ long trời, rung động cả

không khí. Một cột khói bốc cao khỏi lớp sương mù ở về mạn Hàng-Châu. Phi cơ oanh tạc.

Mấy chiếc máy bay đang bay về phía chúng tôi. Tiếng ù ù của động cơ to dần, trở thành một tiếng gầm, như từ khắp nơi dội lại. Chúng tôi cố nheo mắt xem chừng ở đâu. Có lẽ chúng đã lẫn vào khoảng không sáng chói của vòm trời.

- Kìa.

Chúng tôi nhìn xuống đám cỏ cao mọc hai bên vệ đường. Tiếng gầm kinh hồn ào tới, vây bọc lấy chúng tôi. Các súng phòng không của chúng tôi bắt đầu càn cạch nhả đạn, tiếng nghe thật gần và rõ ràng. Rồi có tiếng một vật gì rít lên trong không khí. Chúng tôi cảm thấy mặt đất rung động. Tiếng gầm rú của máy bay càng ngày càng dữ dội và trở thành tiếng động duy nhất: nó đập lên trên da thịt tưởng chừng như người điếc cũng phải nghe. Pao và tôi nằm dài bên nhau trong đám cỏ cao, mặt ngẩng nhìn trời, kinh ngạc nhiều hơn là sợ hãi. Những máy bay Nhật bay ngay trên đầu chúng tôi theo đội hình từng mười chiếc: ba, bốn, ba. Chúng bay tới, thật đều đặn, thật nhanh, dũng mãnh, nhẹ nhàng với vẻ chững chạc uy nghi và lạnh lùng, thân mình lóng lánh như ngọn lửa bạc dưới ánh mặt trời, tuyệt đẹp. Chúng tôi nhìn chúng bay bổng trên đỉnh núi rồi biến mất.

Chúng tôi đứng dậy, mặt còn hơi tái và phủi những cọng cỏ còn bám vào quần áo.

Pao nói giọng trầm ngâm:

- Thế là chúng đã biết là Thống tướng Tưởng hiện ở đây.

Chúng tôi nhìn quanh kiếm mấy người bạn đường. Vương-Vũ-Liên lóp ngóp chui từ dưới một tảng đá ra, vẻ hơi tiều tụy, cỏ và cành cây khô còn vướng trên tóc. Vũ-Quế-Phan núp trong một bụi gai và khó nhọc lắm chàng ta mới chui ra được. Anh uốn qua éo lại gỡ tránh mấy cành gai đang giữ dịt

anh ta. Không thấy Phu-Quang-Tỷ đâu. Lúc này Vũ-Liên thấy anh ta chạy trên con đường đất, lúi húi như một chú thỏ nhát nhúa. Chúng tôi vừa tiến theo phía ấy vừa gọi tên anh ta. Ở góc đường có một căn chòi vách đất mái lá, chắc do mấy người dân ở đây dựng lên cho khách thập phương trú mưa nắng. Trước khi tới nơi, chúng tôi đã thấy gió thổi vù vù, đúng là cái lý do hiển nhiên để dựng căn chòi này. Phu-Quang-Tỷ hiện ra nơi cửa, mặt mày xanh lét như tàu lá và đang cầm chiếc khăn tay bằng lụa trắng bịt mũi. Anh ta dọ dẫm đi về hướng chúng tôi. Chúng tôi phá lên cười. Anh ta bỏ chiếc khăn tay xuống lờm chúng tôi giận dữ:

- Tôi không thấy gì đáng cười cả. Trước một vấn đề sống chết mà còn làm bộ làm tịch là ngu xuẩn. Nếu chúng ta bị dội bom, những ngọn cỏ cao kia không ngăn được miếng bom, trong khi bức vách dày của căn chòi này... Và mấy người cũng không cần phải gào tên tôi lên như thế. Tôi nghe thấy mấy người ngay từ đầu, nhưng vì chưa chắc là cuộc oanh tạc đã dứt nên tôi chưa trả lời. Không khí trong đó cũng có phần... ngột.

Chúng tôi cười muốn xỉu được. Đã hẳn đây không phải là cái cười tế nhị; nhưng khi ta vừa thấy tử thần bay ngang đầu dưới ánh sáng lấp lánh của mấy cánh kim khí, cảm tình của chúng ta thế nào cũng có phần bị lệch lạc và dễ bị xúc động vì một lý do không đâu. Đột nhiên chúng tôi cùng trở lại nghiêm trọng.

Từ tuốt trên cao như chỗ chúng tôi đang đứng, không thể nào ước lượng được tầm mức quan trọng của cuộc oanh tạc. Khói và bụi bốc lên mù mịt từ lúc bom nổ cho đến bây giờ chưa đến mười phút- che khuất hết mọi vật. Chúng tôi vội vàng xuống núi không kịp dừng lại để mà thở nữa và một giờ sau, chúng tôi đã xuống đến sườn đồi ngay trên đầu làng. Tiếng người ồn ào huyên náo hơn một đàn ông võ tổ bay lên tận chỗ chúng tôi và lẫn trong đó là tiếng kêu gào thảm thiết thê lương. Chúng tôi nhìn sững vào làng.

- Không! Tôi thảng thốt kêu lên! Không! Không!

Ngôi chùa đầu làng bị trúng bom! Ngôi chùa của chúng tôi, nơi linh thiêng ngàn năm yên tĩnh ấy! Mái ngói vàng trên chính điện thủng một lỗ lớn và sàn đá trước chùa bị nát vụn tan tành, một lỗ bom to lớn ngoác miệng thay thế cho chiếc lư đồng ở giữa sân.

Chui qua một lỗ hổng trên bức tường đó, chúng tôi len lỏi giữa đám người hỗn độn len vào chùa. Những cây bá mảnh dẻ trong sân đều bị chém nát, gãy đổ, những cánh ngói cong vồng với những chiếc chuông và những con thú quen thuộc năm chình ình giữa đồng bụi cát. Những lan can đá trạm trổ hươu nai, cầm thú đều bị phá nát hết. Các toán cấp cứu đang bó luyệt giữa đồng gạch ngói tan nát dưới những cặp mắt kinh hoàng của những kẻ hiếu kỳ.

Trong một lúc, tôi tưởng chừng như không thể chịu đựng hơn được nữa. Nhưng thế chưa phải là hết. Pao cú xuống lượm một mảnh kim khí có cạnh sắc như nước. Trên ngón tay chàng, một vết máu tím bầm đọng lại. Chàng rùng mình vứt miếng sắt đi. Trên nền đá trắng, loang lổ vết quần áo rách nát, miếng bom và... một cánh tay bị chặt ngang vai. Tôi nhắm mắt, khùng khiếp muốn phát nôn và vội vàng quay gót chạy khỏi nơi này. Khi chúng tôi bước xuống đến sân dưới, một toán người mang huy hiệu hồng-thập-tự lệ làng băng ngang qua. Họ khiêng một xác người lưng bụng và tay chân đứt tiện. Họ đặt cái xác nằm ngay ngắn trên mặt đất, bên cạnh những khối thịt bất động và lấy một miếng vải đỏ, nguyên là các cây cờ hay phướn trong chùa phủ lên trên. Một đôi giày sỡ quan lộ ra ngoài. Dưới lớp vải của đồng thịt bên cạnh là cặp chân của một binh sỹ với đôi dép gai; và giữa đám xác còn lại là một đôi giày vải với cái đế thật dày của một nhà sư.

Các ni cô chạy tới chạy lui và cánh áo cà sa bay phồng lên theo sự di chuyển. Tiếng nức nở, tiếng lầm rầm cầu nguyện của họ thống thiết như một điệu cử ai, át cả những tiếng rên rỉ của những người bị thương, họ mang ra một mớ nhang và nến đang cháy, gấn xuống nền đất ngay dưới chân của mỗi xác người một cây. Một trong các sỹ quan chỉ huy các toán

cấp cứu kêu các ni cô đi lấy rơm, chiếu và chăn nệm cho những người bị thương. Họ vội vàng chạy đi, hoảng hốt như một bầy chim đang ngủ bỗng bị quật dậy vì ánh lửa thiêu đốt.

Chiến tranh đã kéo đến. Nó đã tàn phá cả cái bình an muôn thuở của ngôi chùa. Lăn lộn với đồng gạch vụn trên chính điện, chiếc đầu của một tượng Phật nằm chổng chờ giữa đám tàn nhang rải vung vãi, miệng vẫn luôn điểm nụ cười ánh sắc vàng và trầm tư. Một trong những bàn tay to lớn của bức tượng văng ra hơn hai chục thước, nằm giữa vườn hoa dập nát, chỉ một ngón tay thẳng lên trời như một lời cảnh tỉnh nghiêm trọng.



# ĐƯỜNG VỀ TRÙNG KHÁNH

Han Suyin

www.dtv-ebook.com

## Dịch Giả: Trùng Dương & Hồ Hải

### Chương Tám

Sau đó mọi vật đều thay đổi một cách lạ lùng. Công việc thường bị trắc trở vì các cuộc bạo động hàng ngày. Nó đã thành quen thuộc đến cái độ mỗi sáng, không cần đợi còi báo động, mọi người đều đã đóng cửa tiệm, chặn cửa, lên đồi tìm chỗ trú ẩn cho đến tối. Đêm đêm họ len lén về nhà để ngủ. Những con buôn và đám dân chạy bám theo các cơ sở hành chánh với hy vọng kiếm công ăn việc làm đều bỏ nhà, bỏ cửa, dọn hàng hóa đồ đạc đến những vùng an toàn hơn. Tên thợ may biến mất cùng với hai chiếc áo dài của tôi và không thấy chường mặt ra nữa. Trong khoảng ba ngày, Pao và tôi gần như là chủ nhân độc nhất của Đại Khách Sạn Nam-Ninh. Tất cả mọi người đều bỏ làng lên sống trong các trại hẻo lánh trên đồi.

Các hoạt động hàng ngày diễn ra đều đặn như các đợt thủy triều. Sáng sớm bảnh mắt người ta thấy cảnh nhốn nháo dọn dẹp, tiếng kêu, tiếng chân người lao xao trên đường phố. Đàn ông, đàn bà, trẻ con lũ lượt kéo nhau ra khỏi làng, gói ghém những đồ vật quý giá trong cái túi vải, vì có ai biết chắc được lúc trở về còn thấy nhà mình nguyên vẹn. Cuối chót của dòng người là những hàng quà rong bán cam, bánh... Tám giờ sáng, đường phố trải dài vắng ngắt, hai bên đường, các cửa tiệm đều trống rỗng và một màn yên lặng trùm phủ trên làng. Ta có thể đi từ đầu làng đến cuối làng mà không gặp một mạng trù mấy người lính đang đi tuần. Tại khu chợ trời, trước kia ồn ào huyên náo tiếng người mua, kẻ bán, tiếng rao hàng, tiếng mời mọc, những gánh rau(cà dái dê nhẵn thín, cà-rốt đỏ ngậy, đậu xanh) bây giờ hoàn toàn vắng vẻ và im lặng, chỉ còn mấy con chó hoang đang sục

sạo trong đống rác. Nam-Ninh giống như địa điểm một chợ phiên vừa dứt với những gian hàng bụi bặm, trống rỗng và hoang phế.

Vào lúc hoàng hôn, thủy triều lại dâng về. Dân cư Nam-Ninh lại trở về nhà, thắp đèn, mở cửa hàng. Tất cả các sỹ quan, các công chức làm việc trong Bộ Tư Lệnh lại lũ lượt kéo nhau từ các nông trại trên đồi cao trở về, thèm nghe những tiếng động, thèm bẹn bẹn. Các hàng ăn còn ở lại thắp đèn lên và bắt đầu buôn bán nhộn nhịp, thu vào những số lời nhẽ ra phải làm cả một ngày trong vài tiếng đồng hồ. Tiếng cười, tiếng hát, tiếng đi lại kéo dài đến tận khuya. Rồi bất thần, tiếng huyền não im bặt vì chúng tôi đang có lệnh giới nghiêm và giờ giới nghiêm là mười một giờ.

Dĩ nhiên Pao vẫn tiếp tục đi làm tuy rằng công việc thường bị đình hoãn luôn. Chúng tôi vẫn sống trong căn phòng khách sạn cũ, bám riết lấy cái tiện nghi và cái vẻ riêng tư tương đối của nó, hơn là một chỗ trú chân tạm thời mà chúng tôi có thể có- cũng có thể không- tìm được nơi nào đó. Đúng như vậy, bởi vì cho đến lúc nào khách sạn còn giữ được cái mái nhà là chúng tôi vẫn còn được sống sang trọng chán so với những túp lều tranh giữa đồng, chẳng có ngay lấy cả chút xíu hy vọng có được căn buồng riêng.

Chú bồi nhỏ cũng ở lại với chúng tôi. Tôi không hiểu vì lý do gì hẳn lại ăn ở quá mức đôn hậu như thế. Dĩ nhiên những món tiền "nhậm sà" của chúng tôi đâu có đủ để đòi hỏi một thiện chí như vậy. Nó vẫn tiếp tục mang nước nóng cho chúng tôi suốt từ sáng cho đến chiều. Nó lo quét nhà mặc dù không ai bảo. Chúng tôi không còn ngại chuyện bụi rác lọt qua kẽ hở dưới sàn nhà nữa. Khi còi báo động rú lên, mặc dù rất sợ hãi, không bao giờ nó chạy trước chúng tôi cả. Nó có nhiệm vụ cài then cửa. Nó rất không bằng lòng việc chúng tôi ngồi dưới gốc cây đa ngay đầu làng trong suốt thời gian báo động. Ngay cả lúc này, nó cũng không muốn rời chúng tôi và giải quyết sự sợ hãi của nó bằng cách nấp trong một cái rãnh khô cạnh chúng tôi. Không lần nào nó không lăn quay ra ngủ, nhưng khi dứt báo động, chúng tôi lay nó dậy ráo rác, và nó chạy đi kiếm được đồ ăn cho chúng tôi một

cách rất có hiệu quả. Tôi có cảm tưởng như nó có ma thuật trong cái việc cung cấp thức ăn nóng hổi và rất hợp mùa của nó, trong khi dù đi khắp cả làng, ta cũng chưa chắc mua được lấy một cái trứng hay một bát cơm khô nếu trời chưa tối. Chúng tôi rất mến nó và rất buồn phải bỏ nó khi chúng tôi rời Nam-Ninh. Pao tặng nó một cái vợt đánh bóng để tỏ tình yêu mến của chúng tôi. Chiếc vợt đã hư, cần phải rút giây lại, nhưng chú bồi của chúng tôi cũng khoái nó lắm, coi đó như một biểu tượng của phẩm cách và rất hài lòng với món quà đó.

Chúng tôi rời Nam-Ninh vào ngày 12 tháng chạp. Ngày 12 Trường-Sa bị thiêu rụi... Quân địch đã đến Dương-Châu.

Nam-Ninh đã bị bỏ rơi trong một sáng một chiều. Tuy không hề bị quân Nhật chiếm đóng bao giờ, nhưng sau cơn kinh hoàng ở Trường-Sa và sau khi Dương-Châu bị thất thủ, Nam-Ninh trở thành quá nguy hiểm. Bộ Tư Lệnh liền hợp và quyết định di chuyển đến Trùng-Khánh, thủ phủ hiện thời của chính phủ. Nhưng con đường thẳng đến Trùng-Khánh đầy bất trắc, rất gần với các trận tuyến và có thể bị cắt đứt bất cứ lúc nào. Bởi thế mới có quyết định đi sâu về hướng Nam, về phía Quế-Lâm, đại bản doanh tạm thời của Bộ Tư Lệnh, trong khi đợi được di tản bằng đường bộ đến tận Trùng-Khánh...

Hồi tưởng lại dĩ vãng, tôi thấy rõ một điều: mặc cơn ác mộng của mười ngày đường, mặc nỗi thất vọng ê chề, những đêm không ngủ, bữa thiu, cảnh người chen lấn ồn ào, không một ai nổi nóng, không một ai than vãn. Chỉ trừ có tôi(vì hầu hết thời gian đi đường, tôi ở trong tình trạng thật thảm nã và không có che dấu được bao nhiêu), hàng trăm những kẻ đồng hành của tôi đã đối phó với tất cả những cái gian nan trong cuộc di tản đến Quế-Lâm, không phải bằng một sự can đảm chịu đựng mà bằng một lòng hăng hái vui vẻ. Tính khôi hài có lẽ là nét độc đáo và tuyệt nhất trong tính khí của người Trung Hoa... Tinh thần hài hước giúp chúng tôi chấp nhận sự vật. Tính khí vui vẻ giúp chúng tôi cười được ngay cả trong những trường hợp

bất lợi, tính bình dị của chúng tôi giúp chúng tôi chịu đựng được những điều khó chịu nhất. Với cung cách đó chúng tôi khó tiến bộ, thiếu hiệu quả hơn là nếu chúng tôi quan niệm công việc cách nghiêm trọng hơn; nhưng thế này, chúng tôi lại sung sướng hơn. Chúng tôi biết cách thích hợp với hoàn cảnh. Ngày hôm nay chúng tôi có thể là những vị khách trong một thửa vườn đầy hoa ở Nam-Kinh, ngày mai lại là những dân chạy loạn, chất hàng tá đống trong một căn phòng tồi tệ; nhưng chúng tôi vẫn cứ cười được như thường. Đó là cái cười tự nhiên, khoáng khoáng...

Chúng tôi cùng sửa soạn với hàng trăm người khác để rời Nam-Ninh vào một ngày mưa dầm... Thời kỳ nắng ấm và đẹp đã nhường cho những đám mưa phùn buồn nản và những đợt gió buốt lạnh. Các lễ đường đều ẩm ướt và nhầy nhụa. Nước mưa ào qua máng sôi chảy ào ào lên đầu chúng tôi. Giữa trưa, bóng tối chụp xuống, nhưng không có nhà nào thắp đèn. Bộ mặt của Nam-Ninh biến đổi như khuôn mặt của một phụ nữ đột nhiên già khòm và nhăn nhúm... Mọi thứ đều thay đổi. Từ cái vẻ thanh bình khó tả của những ngày đầu tiên đến những ngày ồn ào vui vẻ kế tiếp, không có gì giống với cái đám vải ba nóc nhà xám ngắt, buồn tẻ dưới cơn mưa dầm này.

Người ta đã cho lệnh chúng tôi sẵn sàng di chuyển vào giữa trưa. Hàng trăm sỹ quan và gia đình cùng với các quân dụng và giấy tờ của các cơ quan sẽ phải băng qua hàng trăm cây số trên một đường xe lửa độc nhất, đang bị kẹt cứng vì các đoàn tàu chuyển quân và dân tản cư. Lại còn vấn đề phải di chuyển tới đường sắt đã. Hầu như không còn chiếc xe hơi đặc biệt nào cả. Các xe cam nhông của quân đội được dùng để di tản những trại sách. Người ta đã chỉ định mười xe cho hành khách để chuyên chở nhân viên Bộ Tổng Tư Lệnh cùng gia đình đến Hán-Dương hay một vài nhà ga và xe lửa nào đó, để từ đó, họ có thể tiếp tục đến Quế-Lâm bằng đường xe lửa. Mười chiếc xe hơi cổ lỗ và què quặt để chạy không ngừng quãng đường từ Nam-Ninh đến đường sắt.

Chúng tôi đều mệt mỏi và thất vọng. Chúng tôi đã đứng đợi dưới cơn mưa hai giờ, hành lý ngay bên cạnh, hy vọng kiếm được một chỗ trên xe. Đến mười một giờ đêm mà đám người đứng đợi cùng những núi đồ đạc cũng vẫn không thấy vơi bớt chút nào. Không ai có quyền ưu tiên. Mọi người kéo đến, đặt hành trang ngay bên vệ đường và ngồi lên trên chờ đợi. Không có lấy cả nhà ga lẫn chỗ ẩn núp... Mỗi chiếc xe đến là một cuộc tranh dành... Pao và tôi để mặc mọi người, không chen đua vào cái cuộc chen chúc đó, không muốn chen lấn, xô đẩy để chiếm lấy một chỗ ngồi như vậy. Không phải là tôi kiên nhẫn hay lịch sự gì. Một nỗi ù lì tự nhiên xâm chiếm chúng tôi. Không có một lợi lộc gì đáng để cho ta phải tranh dành cách điên cuồng đến thế.

Gần nửa đêm! Mưa càng rơi nặng hạt hơn. Một dòng nước nâu đục chảy dài theo các đường rãnh hai bên đường... Những phút trôi qua, những giờ trôi qua, những đêm tối và cơn mưa là ngoại lệ, kéo dài không dứt và việc đợi chờ không mang lại cho chúng tôi chút hy vọng nào cả. Sau cùng chúng tôi cũng tạo được một thứ trật tự. Một người nào đó có tài chỉ huy đã thuyết phục được đám đông rằng công việc lên xe và khởi hành nhanh hơn nếu chúng tôi biết sắp hàng theo thứ tự và đợi đến lượt mình. Không có vấn đề ưu tiên cấp bậc. Có nói đến cũng vô ích vì chúng tôi đều đã đứng đợi được nửa ngày và nửa đêm rồi.

Các chuyến xe cứ thưa dần. Chiếc xe quay trở lại, dính đầy bùn đỏ khi rơi vào những bùn sâu đến tận trục xe trên các con đường mới phá mà chưa được san phẳng. Cứ sau mỗi lần đi như vậy khi về đến nơi, miệng phì phò và mình lắc lư, chúng long lơ và già đi trông thấy. Có khi chúng không thèm quay về; đâu đó trên đường, chúng nằm ì tuyệt vọng: bệnh tật trong bụng hay lạc đường đâm xuống hố. Chờ đợi nơi đây với tấm áo che mưa, có lẽ chúng tôi còn may mắn hơn những kẻ sau khi đã tranh dành vật lộn để kiếm được một chỗ ngồi, lại phải qua đêm với đồng hành lý chết dí trong một chiếc xe hư máy nằm chình ình giữa đường dưới cơn mưa. Mặc dù

không biết, chúng tôi cũng chẳng thiết thòi gì hơn những người đã đến được đường sắt.

Trong vòng một hai giờ gì đó, chúng tôi cũng dần dần leo lên được hàng đầu. Chúng tôi đã bắt đầu thấy hy vọng chấm dứt cơn đợi chờ. Chuyến xe tới sẽ là của chúng tôi.

Không có xe nào đến cả. Mười một giờ rưỡi; trong khi mưa rơi lộp độp trên áo mưa của chúng tôi và dưới đường các suối nước bùn chảy cuồn cuộn dọc lề đường, người ta chính thức loan báo: không còn xe! Thời tiết xấu, sự lưu thông tạm ngưng cho đến mai. Không còn gì cho đêm nay. Gần như thể trút được gánh nặng, chúng tôi bỏ đi tìm một chỗ ngủ qua đêm. Đúng là một nỗi thất vọng vì hy vọng cứ giảm dần theo thời gian.

Chúng tôi trú tạm trong ngôi trường trước kia được dùng làm văn phòng của Bộ Tổng Tư Lệnh...

Sáng hôm sau. Phía ngoài khung cửa kính, trời lạnh và xám ngắt sau lớp sương mù. Không khí im phất và lạnh ngắt. Cơn mưa đã dứt. Có những đứa trẻ con khóc ré lên khi thức dậy. Nhưng đứa nhỏ được ấn vội cái vú vào mồm...

Tôi thức giấc, không khoẻ ra được bao nhiêu và người lại hực sốt. Tôi không đói cồn cào như Pao, nhưng tôi cũng đi ra phố kiếm cái gì ăn cùng với chàng. Chúng tôi đi dọc theo con đường làng, băng qua trước những căn lều tranh trước kia đã từng là những quán ăn phồn thịnh, nuôi sống cả trăm người mỗi ngày. Những ụ bếp bị phá, những chảo chiên bị gỡ đi. Chúng tôi đi qua những quán nước cửa đóng im lìm và đến trước Đại Khách Sạn Nam-Ninh. Nó đã trở thành kỳ cục và xa lạ. Sân trước vắng hoe, cửa phòng đều mở toang hoác. Trước căn phòng của chúng tôi, mấy nhánh cúc trụ lá xác sơ vì có ai đã vặt hết cả hoa. Chúng tôi đi rảo quanh khắp nơi mà chẳng có gì ngăn cản trừ một người hầu độc nhất và người gác cửa thân nhiên coi chúng tôi như là không có. Bếp trụ không lửa và tran đồ

ăn trống rỗng. Các đầu bếp đều đã đi cả. Chúng tôi có cảm tưởng như mình là những bóng ma trở về ám quẻ nơi đây sau nhiều năm xa cách. Chúng tôi tưởng như là mình vô hình. Nam-Ninh đã quên hẳn chúng tôi.

Chúng tôi trở về trường. Vẫn không có xe. Sương mù đã tan và mặt trời đã lên cao, sáng chói lọi, tròn xoe và nhỏ như một khuôn trăng. Còi báo động buổi sáng thường lệ rú lên. Mọi người tản mát ra ngoài đồng. Pao và tôi trèo lên lưng đồi và chúng tôi nằm ngã trên cỏ ướt, dưới bóng cây. Chúng tôi giải khát bằng nước suối. Đến trưa mới sưởi ấm đôi chút. Chúng tôi ngủ được một lát. Tất cả những điều đó rồi tung trong đầu tôi, lẫn lộn với các cơn mê bởi vì tôi thấy đúng là mình bị bệnh và hơi mê sảng. Đến khoảng giữa trưa, còi dứt báo động hú lên. Chúng tôi lại trở lại vệ đường. Đến ba giờ mới có một chuyến xe và người ta bán cho chúng tôi hai chỗ. Đó là một chiếc xe biến chế bằng gỗ đặt trên một cái sườn đã quá cũ và hư nát. Động cơ phì phò như bị bệnh đau tim, nấc lên từng chập. Chạy với vận tốc ba mươi cây số một giờ mà nó rên rỉ, các khớp nối kêu rảng rặc như sắp sửa tung ra thành hàng ngàn mảnh đến nơi. Trên cái đoạn đường gồ ghề và sóc tung người này, nó di chuyển khó nhọc chẳng khác chi một chiếc thuyền buồm bất động giữa cơn cuồng phong. Chúng tôi bị lắc qua trao lại, bắn tung lên khỏi ghế, có khi đầu va cả vào mui xe.

Hàng ghế phía trước có một gia đình sỹ quan gồm vợ chồng và hai đứa con nhỏ. Người chồng cố hết sức che chở cho người vợ đỡ bị dằn sóc. Người đàn bà búi chặt hai tay lên thành cửa sổ trụ lũi. Tôi biết ngay là bà ta đang mang thai đã sắp tới ngày sinh. Đột nhiên mặt bà ta xám xanh lại, vịn người trong cơn đau cực độ. Bà ta hỗn hển nói:

- Nếu cứ tiếp tục như thế này mãi thì chẳng bao lâu nữa đâu!

Dù vậy chúng tôi vẫn tiếp tục chạy như thế khoảng nửa giờ nữa. Rồi xe tấp vào lề đường và ngừng lại. Trong màn yên tĩnh bất thường đó, chúng tôi nghe thấy tiếng máy bay ù ù ở đằng xa.

Người tài xế vừa lao mình vào bụi cây gần nhất vừa la lên:

- Chạy đi! Máy bay oanh tạc!

Chúng tôi túa ra bằng mọi ngã. Người đàn bà chữa cũng cố chạy, hay nói đúng ra cố nhảy từng bước một cách vụng về, người như gập đôi lại và miệng thì suýt xoa đau đớn. Người chồng hai tay hai đứa con nên không thể giúp gì cho vợ. Tôi những muốn giúp họ một tay, nhưng đất dưới chân tôi cơ hồ như nghiêng ngã, cảnh vật trước mắt tôi như mờ đi dưới một màn sương. Tôi không biết tiếng ù ù trong đầu tôi là tiếng máy bay hay tiếng tim, tiếng máu tôi quẫy lộn. Chúng tôi chạy đến một nông trại cách lộ khá xa và ẩn dưới vòm tre. Tiếng chó tru lên giận dữ. Những người trong trại ù ra vây quanh chúng tôi ở giữa sân, quần áo họ đều thêu vàng bạc cả. Tiếng họ đập vào tai tôi như một giọng lầu bầu không rõ nghĩa. Mặt trời đảo lộn và tôi nghe thấy tiếng gầm hét của một cơn lốc đen ngòm phủ chụp lên đầu tôi, lôi tôi vào cơn hỗn mang đen tối.

Khi tôi tỉnh dậy, tôi thấy mình nằm trên một lớp rơm ngay phía dưới cái ống máng và Pao đang lau mặt tôi bằng cái khăn tay nhúng trong nước trà nguội. Kế ngay đó, người đàn bà chữa cũng nằm bẹp trên nền sàn lát đá, quần quai dưới cơn đau. Những chiếc máy bay oanh tạc bay thật cao trên đầu chúng tôi, cao đến cái độ ta không còn thể nào phân biệt chúng dưới nền trời xanh biếc. Khi những tiếng máy bay cuối cùng vừa dứt, tiếng kèn rú lên gọi chúng tôi trở về xe. Nếu chúng tôi không ra, xe sẽ chạy và bỏ mặc chúng tôi. Cuộc hành trình sóc nầy lại bắt đầu và nửa giờ sau chúng tôi đến Sơn-Đầu, bên đường sắt.

Sơn-Đầu không còn gì hơn một cái tên. Nơi đây là ngã tư quốc lộ cắt ngang đường sắt và chỉ có một nhà ga. Một vài hàng quán nghèo nàn nằm rải rác trên hai lề đường. Tại đây ta chỉ thấy những món ăn thô sơ nhất. Chúng tôi chưa ăn gì từ chiều hôm qua. Chúng tôi được dọn cho mấy bát cơm, đậu phụ trắng và mấy trái ớt đỏ. Có lẽ cơn bệnh của tôi một phần cũng do cơn đói mà ra, bởi vì sau khi ăn xong, tôi thấy khá hơn một chút. Chúng tôi đi



bộ đến nhà ga và đi qua những túp lều tranh đầy những thương binh được sắp thành hàng ngay ngắn, đang nằm đợi xe lửa đến chở họ về những nhà thương nơi hậu tuyến.

Có giọng thân mật và oang oang kêu chúng tôi: Vũ-Quế-Phan, anh ta đã đến đây trước.

- Đừng đợi tàu làm gì mất công! Cái nào cũng chạy về hướng Bắc chở quân ra tiền tuyến cả. Người ta bảo rằng chuyến tàu của mình còn nằm đợi trong một nhà chứa xe nào đó đợi đường trống. Chiều nay không có gì đâu. Ngày mai, có thể... Hay ngày mốt không biết chừng. Tất cả còn tùy thuộc cuộc đụng độ quanh Dương-Châu. Không có hy vọng gì trước khi tình hình ngã ngũ. Trong khi chờ đợi, anh chị sẽ ngủ đâu?

Chúng tôi lo lắng ngó quanh. Ngủ đâu bây giờ? Tất cả những chỗ có thể ngả lưng đều đã được giữ trước. Vũ-Quế-Phan đã để ý và tụ tập một đám nhỏ và bây giờ anh giới thiệu từng người.

- Cả Vương-Quế-Liên nữa. Cô ta chẳng biết hôn phu đang ở đâu và không ai lo cho cô ta cả. Đây là đại tá Hoàng và phu nhân(một cặp vợ chồng trung niên, ông chồng rất cao lớn và gầy, còn bà vợ lại nhỏ bé, tròn như hạt mít và rất thân thiện). Cô Hàn và hôn phu, đại úy Lô.

Hai người sau này tôi có biết sơ sơ. Vị đại úy là một người bạn của Pao. Cô gái là một người rất gầy còm bệnh hoạn, cô ta bị lao phổi rất trầm trọng. Họ ngồi dựa lưng trên đồng hành lý xếp dọc theo tường. Cô ta ngồi nép mình trong vòng tay của hôn phu, cả hai đều như mơ màng bất cần đến những sự việc chung quanh, thu mình trong bàn tay định mệnh. Cô ta ho nức lên như xé phổi, nhổ cục đờm vào trong khăn tay rồi nằm vật ra mặt lả, hai mắt nhắm nghiền. Mặc dù biết bệnh truyền nhiễm nguy hiểm họ cũng không muốn rời nhau.(Theo quan niệm của người Trung Hoa, các cuộc đính hôn cũng có tính cách dứt khoát và bó buộc như các cuộc cưới hỏi. Trong ngôn ngữ chính thức, chữ hôn thê và hôn phu có nghĩa là: "vợ chưa cưới"

và "chồng chưa cưới".) Cô Hàn nhất định không chịu rời hôn phu, cô ta đã đi từ Hán-Khẩu tới Nam-Ninh, từ Nam-Ninh đến Quế-Lâm để rồi rút cục chết ở Trùng-Khánh; quả là một việc điên khùng... Lý trí có thể lên án cái hành động ngu xuẩn đó, nhưng dù vậy, cái tình quyến luyến đó vẫn chứa nặng một cái gì cảm động và tuyệt vời. Khi Vũ-Quế-Phan giục chúng tôi mau đi kiếm lấy một chỗ, đại úy Lô nhẹ lắc đầu và ra hiệu cho chúng tôi cứ việc đi để mặc họ. Cô Hàn nằm dài bất động, quá mệt mỏi để cử động.

Rời Sơn-Đầu, chúng tôi tiến về phía đồng quê để tìm chỗ tạm trú trong các nông trại. Trời chiều và một cơn mưa bụi nhẹ, xám mờ- người Trung Hoa gọi là "mưa vũ" - che phủ cảnh vật. Không còn thấy núi non nhấp nhô trên đường chân trời nữa; chúng đã biến hết vào trong nền trời xám xẫm. Bóng tối cứ dày đặc dần, cánh đồng trải dài mênh mông, loáng thoáng một vài ngôi nhà nhấp nhô hay một vài căn nhà vách đất. Chúng tôi kéo nhau một hàng dọc trên con đường đất hẹp, đàn ông phải xách va ly hay các túi hành lý. Cơn mệt và sự nản chí đè bẹp chúng tôi vào trong yên lặng, chỉ trừ có Vũ-Quế-Phan vẫn vui tươi như không. Anh dẫn đầu, vừa đi vừa hát các điệu ca cổ. Khi chúng tôi bị đuổi hết từ nhà này sang nhà kia vì nhà nào cũng đầy những khách trọ tạm thời cả. Vũ vẫn không chịu thua, anh khuyến khích chúng tôi tiếp tục đi nữa, chắc chắn thế nào cũng tìm được một mái nhà và sẵn lòng mang hộ hành lý của những người nào cảm thấy quá mệt để tiếp tục.

Chúng tôi tiến sâu vào đồng quê. Trời đã tối hẳn. Tôi không mang gì cả. Hai bàn tay không mà tôi còn cảm thấy mệt đờ người, lết đi không muốn nói, mắt chỉ lơ mờ thấy con đường trước mặt. Trước khi kiệt sức, tôi thấy trong bụng nhói đau cách mơ hồ và hốt nhiên tôi phát hoảng. Mới đầu cơn đau không rõ rệt nhưng sau nó trở nên dữ dội hơn, đau buốt hơn và quặn lên từng cơn. Tôi nghiêng chặt răng để khỏi bật ra tiếng khóc kinh hãi đang dâng lên trong lòng. Đã từ hai tuần nay, tôi vẫn ôm ấp một mối hy vọng nhen nhúm, một nỗi nhiệm mầu bí ẩn. Tôi chưa nói gì với Pao trước khi chắc chắn hơn. Nhưng lúc này, những điều học hỏi được bên Anh báo cho

tôi biết chuyện gì đã xảy ra. CƠN SỐT NÓNG HÙNG HỰC, cuộc hành trình lắc lư liên tục trên xe, cuộc báo động, cơn đau dữ dội trên sàn của căn lều tranh! Tôi biết nếu không được nghỉ ngơi tĩnh dưỡng tôi sẽ mất hẳn hy vọng có con. Mà lúc này tôi không thể nào nghỉ được.

Người tôi run lên vì nỗi thất vọng đắng cay hòa lẫn với cơn đau. Trong đêm tối, tôi để mặc nước mắt trào ra pha lẫn với nước mưa trên mặt. Tôi để mặc chẳng buồn lau. Tôi tiếp tục bước đi chệnh choạng, giữ nguyên vị trí trong hàng người. Chúng tôi đã băng qua đèo bẫy dậm- khoảng hơn bốn cây số- và cuối cùng đến trước một căn nhà đóng kín. Mấy con chó tủa ra sủa vang rân và lập tức thối lui trước ánh đèn bấm của đại tá Hoàng. Căn nhà nằm im lìm, chìm trong bóng đêm, cửa đóng then cài. Vũ-Quế-Phan lấy tay đập cửa và gọi âm âm. Mấy con chó chạy vòng quanh chúng tôi và sủa lên oăng oăng dữ tợn hơn trước. Một lúc lâu, cánh cửa mới từ từ kêu ken két, hé mở đủ lọt ra một cái đầu. Ánh đèn bấm cho chúng tôi thấy khuôn mặt một bà già quê, cặp mắt đỏ hoe lom lom nhìn chúng tôi vẻ nghi kỵ. Vành môi dưới trễ xuống để lộ hai ba chiếc răng nanh độc nhất và làn da nhăn nheo xếp thành hai nếp kéo từ hai bên hàm xuống tận cái cổ gầy khẳng khiu. Trước khi chúng tôi kịp nói một lời, mụ đã ra hiệu xua đuổi, nhưng Vũ-Quế-Phan đâu có chịu để cho thiên hạ từ chối như vậy. Anh nài nỉ: nhất định thế nào cũng còn chỗ. Nó sẽ giúp chúng tôi trú qua đêm. Bằng một cử chỉ quyết liệt, anh rút phăng một tấm danh thiếp in tên với đủ các cấp bậc và chức vị của anh khua khua trước mặt mụ già. Anh là một nhân vật quan trọng- đến đây, anh phưỡn ngực cách oai vệ và nói với giọng trịnh trọng và thản nhiên- và nếu mụ không nhận cho chúng tôi trọ, ngày mai anh sẽ trở lại đây với một đám lính và thế nào cũng có chuyện.

Mụ già thụt đầu vào trong, bàn luận, rồi bước ra, tay cầm một chiếc đèn dầu.

- Đi theo tôi, mụ nói, giọng nhăn nhó và dẫn chúng tôi ra phía sau nhà đến một cái kho đầy những bao lúa, bao đỗ và đậu. Bên trái lối đi là một hố

phân. Trên bức tường phía bên phải dẫn lên căn buồng mà cụ già và mười người trong gia đình đang ngủ. Phía bên kia có một mái hiên che nào cào, nào bừa, cùng những nông cụ khác.

- Đấy! Chỗ này đấy, nếu các người muốn! Mười quan kim.

- Chỗ này là tốt lắm rồi. Vũ-Quế-Phan xoa tay trả lời. Chúng tôi sẽ xếp những bao này về một phía dựa theo bức tường trong kia, rồi chúng tôi sẽ trải rơm- rất nhiều rơm- dưới nền nhà và trải đồ ngủ lên trên. Nhưng chúng tôi sẽ chỉ trả năm quan kim thôi.

Những người đàn ông đã bắt tay vào việc, lấy những nạm rơm khô trên các đụn rơm sau nhà. Cụ già la lên phản đối. Rẻ qua. Chúng tôi lại sắp phá hết mấy đụn rơm. Cụ muốn đuổi chúng tôi đi không cho thuê cái kho nữa. Nhưng chúng tôi đã chiếm hết các chỗ. Chúng tôi tiếp tục sửa soạn chỗ ngủ, giả điếc mặc cho cụ già la lối và ngay cả lúc thêm một người đàn ông, một người đàn bà, hai đứa con trai, hai đứa trẻ nhỏ nữa xuống tiếp tay với cụ để la lối phản đối, chúng tôi cũng mặc. Tôi không biết đây có phải là màn hài kịch cốt để "nặn" thêm chút tiền thuê "nhà" hay quả thật họ sợ chúng tôi có ý gì khác với đồng thóc đậu dự trữ của họ.

Ngay lúc đó, tiếng chó sủa vang rân cùng tiếng kêu cửa ở ngoài đường đã đánh lạc hướng của họ. Chắc lại là một vài người muộn màng, cùng đi theo con đường này, cũng đã bị đuổi từ nhà này sang nhà kia và lại đâm đầu vào cái nhà thiếu thân thiên này. Họ sẽ phải đi xa hơn nữa. Ở đây không còn chỗ nào khác hơn chỗ chúng tôi đang chiếm; còn chúng tôi sáu mạng, đồ ngủ trải ra sát nhau là vừa đủ không còn lấy một kẻ trống lọt chân nữa.

Cụ già quỳ quả đi ra phía trước. Chúng tôi nghe thấy tiếng một người đàn ông đang hết sức năn nỉ, tiếng cụ già tru tréo từ chối; rồi giữa lúc mấy con chó bặt tiếng sủa, chúng tôi nghe thấy một tiếng kêu thảm thiết, không còn ra tiếng người nữa, tiếng kêu xé ruột biến thành tiếng gào rú đau đớn. Tôi

nhận ra ngay tiếng kêu đó. Đó là tiếng kêu của một người đàn bà đau đẻ, một tiếng kêu không giống tiếng kêu nào khác.

Tôi nói với Pao và Vũ-Quế-Phan:

- Nhanh lên đi! Đúng là người đàn bà chữa trên xe. Hãy bắt họ phải cho bà ta ở đây.

Quả nhiên chúng tôi nghe thấy tiếng mụ già phản đối dữ dội:

- Đi đi! Không có chỗ. Mấy người dơ và xui xẻo lắm. Không! Dù là có tiền cũng không. Đi lên!

Điều này có vẻ phi nhân quá nhưng thật ra nó không hẳn như vậy. Tính dị đoan đã khoác lên hành động chữa đẻ một hào quang đầy bí hiểm và ghê sợ. Mặc dù người Trung-Hoa rất ham thích có con, mặc dù họ rất yêu mến con cái, nhưng chính cái hành động sinh nở lại được coi như là xấu xa và ghê tởm. Sau khi sinh nở, người ta phải làm các phép tẩy uế, phải đốt các nhánh trầm diệp, phải thắp hương, phải đốt pháo. Trong ba mươi ngày kể đó, người ta phải liên tục bói các điềm lành dở. Khi tuần trăng chưa qua, người đàn bà đẻ không được phép bước qua thềm cửa hay ngõ vào, sợ sẽ mang tai họa đến cho những người sống trong nhà. Trước những điều đe dọa ghê gớm như vậy, không có gì là lạ đối với việc các người như đám dân quê ngu tối này từ chối rước lấy tai họa của một khách qua đường.

Nhưng tôi, tôi không thể chấp nhận cái lòng dị đoan của họ được. Tôi không để cho người ta đuổi người đàn bà khốn khổ kia đi để rơi đẻ vãi ngoài ruộng trống được. Tất cả bản năng nghề nghiệp của tôi nổi dậy. Tôi chả là một cô đỡ là gì.

- Để bà ta ở dưới mái hiên, tôi la lên. Họ sẽ trú tạm ở đó và bà ta sẽ chẳng bước qua ngưỡng cửa nào cả.

Vũ-Quế-Phan đi kiểm mục già. Chúng tôi nghe thấy tiếng anh ta vui vẻ át những tiếng phản đối. Tôi lấy một cây đèn cầy và bước ra ngoài hàng hiên. Pao và đại tá Hoàng xếp gọn các nông cụ và đi lấy rơm trải xuống đất.

Vũ-Quế-Phan dẫn mấy người mới đến vào. Đúng như tôi đoán, đây là gia đình đã đi chung với chúng tôi trên xe. Người chồng đỡ ngang lưng vợ, mấy đứa bé chập chững phía sau, mắt đờ đi vì buồn ngủ.

Đứa bé chào đời khoảng năm phút sau đó. Trong suốt thời gian du học ở bên Anh, tôi không bao giờ ngờ được rằng chuyện đỡ đẻ đầu tiên của tôi tại quê nhà lại như thế này. Gắn trên một cây đà ngang, cây nển tỏa ra một vùng ánh sáng mù mờ, đặc khổi. Người đàn bà nằm dài trên một cái chần trải dưới đất. Tôi quỳ lom khom trên mớ rơm cạnh bà ta. Mấy đứa trẻ khoanh tròn như mấy con chó nhỏ đã ngủ khì. Người chồng ngồi xồm bên cạnh, siết chặt lấy tay vợ khi người đàn bà la lớn lên, thu hết sức lực để đẩy đứa bé ra chào đời. Tôi không có một tí dụng cụ gì, không có cả lấy một chút lửa để sưởi ấm cho sản phụ, không có lấy một chút nước để lau cho bà ta. Tôi chả làm gì được hơn ngoài việc tiếp nhận đứa bé khi nó lọt lòng và cột núm rốn nó bằng một sợi dây nhúng trong thuốc i-ốt. Tiếng gào của người mẹ ngưng bật và người ta nghe thấy tiếng oe oe yếu ớt của một đứa trẻ sơ sinh. Tôi đặt nó nằm trên hai bàn tay. Đó là một đứa con trai, một đứa trẻ đẻ thiếu tháng, nhỏ xíu, chưa sẵn sàng để đón nhận cuộc sống. Khuôn mặt nhỏ nhắn nhúm như cau lại trong một niềm đau, cái cổ họng bé tí cổ vươn ra để hút không khí; chân tay khẳng khiu như chân nhện, co quắp như đang bị rơi hẫng trong cơn kinh hoàng. Tôi cuộn nó vào trong cái áo cũ mà bố nó vừa lôi từ trong bọc ra và đặt bên cạnh mẹ nó.

Tôi đứng dậy và cái hàng hiên mờ tối bóng đêm đảo lộn quanh tôi. Mùi i-ốt hắc nồng hòa với mùi hôi thối của hố phân bên cạnh, mùi tanh máu tươi và mùi thơm nồng nặc của chút nước hoa mà tôi đã dùng để rửa tay vì không có rượu cồn. Bất thần, tôi lợm giọng muốn buồn nôn. Tôi quờ quạng băng qua sân tiến về chỗ trú của chúng tôi và buông mình nằm vật trên chiếc

chăn bên cạnh Pao. Toàn thân đau nhức và tôi khóc mướt cho đến khi ngủ thiếp. Tôi cố chặn tiếng nức và cố giữ cho người đừng run để Pao khỏi thấy.

Tôi ngủ thiếp cho tới tận sáng ngày hôm sau, người như lặng đi trong một thứ kinh dị. Khi tôi tỉnh dậy, Vương-Vũ-Liên đang ngồi cạnh bên tôi. Những người khác đều đã đi hết cả. Họ đi bộ về Sơn-Đầu để thăm dò tin tức xe lửa. Vũ-Liên đi kiếm cho tôi thứ gì ăn. Ngồi bệt dưới đất, tôi ngược nhìn lên mái nhà tranh, không hồn. Cơn đau tấy đã rút đi khiến cho người tôi mệt mỏi nhức nhối. Tôi biết rằng tai nạn đã qua khỏi, nhưng đứa con mà tôi hy vọng đã không thành hình. Phải biết là tôi sẽ vui mừng thế nào, dù phải sinh nó ra trong một ngôi nhà nghèo hèn, như là người đàn bà tôi giúp đỡ tối qua.

Vũ-Liên mang đến cho tôi một vắt cơm và khi ăn xong tôi đứng dậy. Chúng tôi có thể tiếp tục cuộc hành trình bất cứ lúc nào và tôi không dám để cho mình bị bệnh nữa. Tôi sắp xếp đồ ngủ lại. Tí nữa tôi sẽ đi thăm con bệnh nằm dưới mái hiên của tôi. Khi đầu gối hết run, tôi sẽ đi. Tôi nhìn vào phía sân trong; người chồng vừa từ dưới hàng hiên bước ra. Ông ta mang một bó nhỏ, dài chừng ba mươi phân, bỏ trong một miếng vải xanh dương và gói bằng sợi dây lạt. Trên vai, ông ta vác một cái quốc. Hai đứa bé đi theo sau. Họ đi về phía sau một bụi tre trên bờ một thửa ruộng trống. Người đàn ông đặt cái gói vải xuống đất và đào một cái lỗ nhỏ. Hai đứa nhỏ dương đôi mắt tò mò kinh ngạc nhìn, chẳng hiểu gì cả. Người chồng đặt đứa bé con xuống dưới lỗ và lấp đất lên, đắp thành một cái gò con con rồi lê chân trở về chỗ trú. Lát sau khi tôi đến thăm, cả sản phụ lẫn tôi đều không ai đá động đến đứa bé bất hạnh. Bà ta chấp nhận việc nó sinh ra cũng như việc nó chết cách thản nhiên. Tôi không biết bà ta có đau khổ chút nào không. Có lẽ bà ta cho rằng nó chết như vậy lại hơn.

Vương-Vũ-Liên đang cố nhóm lửa bằng mấy cành cây trước nhà và chúng tôi sửa soạn nấu ăn. Chúng tôi mượn được chiếc bàn lung liêng cùng vài

chiếc ghế đầu và một chiếc ghế dài. Pao, Vũ-Quế-Phan và bà Hoàng đã trở về. Họ cho biết là hôm nay không có chuyến xe nào cả.

Chúng tôi sắp đặt một cuộc sống tạm. Đàn ông vác cào cuốc ra đồng với các nông dân. Chúng tôi sống bằng mấy trái ớt, đậu phụ và củ cải bới trong vườn. Ngày đầu tiên tôi chỉ nuốt được chút đường và nhân sâm hòa trong nước cơm. Tôi vẫn còn thấy người rất yếu và đau nhức, nhưng tôi không muốn chịu thua cơn bệnh. Tôi lê đôi chân chậm chạp, tránh không để cho cơn đau ngấm ngấm đang rình rập có dịp tái phát. Vương-Vũ-Liên và bà Hoàng lo việc cơm nước. Ban đêm chúng tôi thắp ngọn đèn dầu có hình dáng giống như cái ấm chè với cái bắc nơi vôi. Chúng tôi chung nhau cái chậu duy nhất, thay phiên nhau rửa ráy rồi chui vào trong chăn. Chúng tôi nằm thành một hàng ngang theo tường, chỉ có Quế Phan nằm dọc chắn ngay cửa để canh chừng. Mấy tên cướp có thể dẫm lên mình anh ta cũng chẳng lo đánh thức anh ta dậy. Khi ánh sáng vừa tắt, các tiếng động ban đêm bắt đầu nổi dậy: có cái gì lột xột trên mái tranh! Nó cào nó nhấm gậy thành tiếng sồn sột, chìn chít. Chuột! Chúng nhấm hết lớp da của mấy chiếc va-ly của chúng tôi, chúng chạy cả lên người khi chúng tôi ngủ. Tôi lo sợ hết hồn mỗi khi nghĩ chúng sẽ cắn tôi trong lúc ngủ.

Ngày hôm sau, ngày hôm sau nữa cũng không có xe lửa. Ban ngày chúng tôi vật lộn với ruồi(sinh sôi trong cái hố phân) và ban đêm với chuột. Mấy người đàn ông kéo nhau ra đồng làm việc coi như tập thể thao. Sau một thời gian, đám người nhà quê đã tỏ ra thân thiện hơn, chỉ trừ mục già vẫn tiếp tục rình mò chúng tôi xin chút nước nóng, ít củi, một miếng dẻ lau, mục im lặng giả điếc. Vì vậy Vũ-Quế-Phan phải đảm trách công tác đặc biệt là thu phục mục già và thành công trong việc chấn tĩnh mục ta được phần nào.

- Coi nào má, anh ta thuyết. Trông má đầy vẻ phúc đức, nhân từ. Hãy tử tế với tụi con, rồi má sẽ đầy dẫy con cháu, tử tôn và sẽ giàu có. Má sẽ là bà già phúc đức tiếng tăm nhất vùng này!

Thế là mục ta toác miệng ra nhả một nụ cười méo mó...



Đến sáng ngày thứ tư người ta báo cho chúng tôi biết là chuyến tàu sẽ khởi hành vào lúc bốn giờ chiều. Tin giải thoát này được đón mừng y như là ngọn gió đối với chiếc thuyền buồm bị chặn đứng vì kẹt cứng trong đám rong trên biển Sagasse(\*). Nó thổi tan cái cảm tưởng lạc lõng, vô công rồi nghề đã ám ảnh chúng tôi suốt mấy ngày chờ đợi. Chúng tôi cuốn mừng mền, sắp xếp hành trang và từ giả chuột, từ giả ớt, từ giả hổ phân.

Chúng tôi nối đuôi nhau đi dọc theo bờ ruộng. Từ xa chúng tôi đã thấy đám người lỗ nhổ chật ních cả làng, trông giống như một đàn bọ đen hung nhúc, một đàn kiến, đàn ong. Không phải chỉ có các bạn đồng hành trong Bộ Tham Mưu không thôi, chúng tôi còn có cả đám dân tản cư ở Trường-Sa hay ở các vùng bị chiếm đóng khác xa hơn về phía Bắc...

Chúng tôi cũng đến được toa tàu của chúng tôi, một toa hạng nhì với các hàng ghế gỗ dài xếp đối diện nhau từng đôi một. Khi toa tàu đã chật ních không còn ghế nào trống nữa và khi đám trẻ con được dồn vào một đồng tại những chỗ không có ghế, người ta mới chắt hành lý lên, nào dưới sàn, nào trên đầu và các bọc hành trang lớn tướng, lủng lẳng trong màn lưới ngăn ngay trên đầu chúng tôi cách dễ sợ... Sau khi phía trong toa xe đã chắt đầy người và hành lý, đám dân chạy tản cư ùa lên xe, trèo lên nóc toa, tràn vào đầy cả lối đi, đứng chen chúc trên các bậc thang lên xuống làm thành một khối chật cứng đến nỗi không còn cách gì để mà nhúc nhích nữa. Chẳng có thứ tự, hàng lối gì cả. Thực ra thì chính viên sỹ quan lo việc chuyển vận cũng phải đi tìm lấy một chỗ vào phút chót. Bởi chẳng còn chỗ nào, anh ta đành phải đi hết cuộc hành trình cho tới Quế-Lâm trong phòng máy với tài công.

Chúng tôi ngồi chịu trận suốt từ bốn giờ cho đến nửa đêm. Mặt trời đã rơi xuống nóc xe suốt ngày và phía trong đúng là một cái lò lửa. Khi trời đổ tối người ta treo một cái đèn dầu lên. Đám trẻ con khóc dấm dứ, mệt mỏi và đói khát hay nằm vắt ngang trên đồng hành lý ngủ vùi. Gia đình ở hàng hiên lại đi chung toa với chúng tôi. Người mẹ vạch áo chìa vú cho một đứa

bé, rồi đến đứa kia, thế là chúng dụi đi rồi ngủ ngay trên tay bà ta. Không ai dám rời xe đi kiếm thức ăn hay đồ uống bởi vì tàu có thể chạy bất cứ lúc nào. Tàu lăn bánh đúng vào lúc nửa đêm. Lập tức không khí trở thành mát rồi lạnh, rất lạnh. Người ta đóng sập các cửa sổ xuống. Không khí không còn lưu chuyển được trở thành nặng nề, ngọt ngào. Chúng tôi mở cửa sổ ra một lát nhưng những người ở phía sau vì có con trẻ, phản đối dữ dội, nên lại phải đóng lại.

Cuộc hành trình kéo dài trong năm ngày, gần như một cuộc sống riêng biệt, khác hẳn với những gì chúng tôi đã sống qua và những gì sắp tới. Trong toa chúng tôi có cả thảy tám mươi bảy người, chưa kể số người tản cư phụ trội. Mỗi người chỉ có đủ chỗ đặt đít ngồi, không hơn không kém và chúng tôi đã phải sống năm ngày liền trong cái khoảng không gian đó. Mỗi khi tàu ghé vào một nhà ga, đôi khi chúng tôi có dịp ra khỏi tàu để mua nước rửa ráy và nuốt vội vã một bữa cơm. Nhưng trên lối đi cũng như trên các bậc thang lên xuống đều đầy những thùng mùng, bao, bọc và người tản cư khiến cho mỗi lần lên xuống là y như đánh vật mới lách ra được một lối đi. Hơn nữa, chẳng bao giờ chúng tôi biết được tàu sẽ đỗ lại trong bao lâu. Một lần, cả một đám hành khách bị bỏ lại trên sân ga. Tàu đã bất thần chuyển bánh chẳng báo trước và đám người đó chạy dọc theo đường sắt, vừa la oí oí vừa vẫy gọi. Bởi vì họ quá đông nên tàu phải đỗ lại cách đó hai cây số để đợi. Rất nhiều khi họ đậu lại hàng giờ liên tiếp hay hàng nửa ngày ở giữa đồng khiến chúng tôi không còn cách gì kiếm đâu ra thức ăn uống. Thế là chúng tôi đành gặm bánh lát rắc mè. Ban ngày trời rất nóng, ban đêm trời lại rất lạnh; thế là khi trời vừa tối, chúng tôi chắt thêm thật nhiều áo quần lên người. Không có chỗ để trải mền, đến ngay cả việc cuộn mền chung quanh người cũng không thể được, vì các ghế đều quá thật không thể chứa chúng tôi nếu lại cuộn thêm mền chung quanh...

Kể từ ngày thứ hai của cuộc hành trình, sân tàu đầy ứ rác đến tận mắt cá chân: vỏ cam, giấy, vỏ lạc, bã mía... Không có ai quét cả. Rồi, dần dần, không khí trở thành hôi thối thêm vào với mùi hơi người đông đúc và bản

thiu. Chỉ có một phòng vệ sinh cho tám mươi bảy người. Bệnh ỉa chảy lan tràn- có lẽ vì ớt, vì ruồi và vì sự ăn uống thiếu tiết độ- và người ta sắp hàng chờ suốt ngày đêm. Chẳng bao lâu, các cầu đều nghẹt và trào cả ra ngoài. Cửa bị kẹt nên không thể đóng kín lại được. Không có nước xối hay lau rửa. Mùi hôi thối trở thành kinh khủng không thể nào chịu nổi nhưng công việc tiêu hóa vẫn không ngừng...

Chúng tôi sống hơn tám mươi mạng chung nhau như vậy trong vòng năm ngày, chật chội nhưng vẫn giữ lễ với nhau, vẫn vui đùa với nhau; nói chung, chúng tôi cư xử với nhau như thể đây là một cuộc du hành. Đối với tôi lễ độ là một trong những đức tính cao trọng nhất trong cơn hoạn nạn, cái phong cách đó là tất cả nền móng của tập tục Trung-Hoa. Cái vẻ lịch sự bên ngoài đã xóa bỏ được những cuộc xung đột. Chúng tôi cười với nhau, cúi người chào nhau, nói với nhau những lời thăm hỏi thông thường và tuyệt diệu thay, cả ngàn điều bất bình quanh chúng tôi đều biến hết.

Chúng tôi không có sách vở, báo chí gì hết. Chúng tôi giải trí và giúp vui người khác bằng các câu chuyện, các bài thơ, các mẫu chuyện xã giao với người này, người kia khắp tàu. Dĩ nhiên chúng tôi nói đến chiến tranh, nhưng tuyệt nhiên không hề nghe thấy ai nguyền rủa hay oán trách người Nhật về cái hoàn cảnh khốn khổ hiện tại. Tất cả đám hành khách này hầu như đều đã mất cả sản nghiệp và nhà cửa vì cuộc xâm lăng. Hầu hết đều từ Nam-Kinh. Nhưng họ không thèm lý đến việc mất của cải vật chất. Chỉ có một điều khiến họ ấp ủ một nỗi căm hờn ngấm ngấm là việc hiếp dâm tập thể các phụ nữ Trung-Hoa. Đó là một điều không thể tha thứ được. Tuy vậy, ngay cả trên vấn đề này, họ cũng không hề có ý báo thù hay thù hận truyền kiếp mà chỉ bày tỏ lòng tin tưởng chắc chắn rằng những điều tàn nhẫn dã man đó chỉ là một khía cạnh của tính khí người Nhật trong cái căn bản phi đạo đức của họ. Chính vì cái điều thiếu tác phong đó mà người Nhật đã bị lên án phải thua. Họ không thể thắng được cuộc chiến tranh này, họ không thể giữ được. Họ thiếu cái căn bản vững vàng nội tại của truyền thống gia đình Trung-Hoa. Người Nhật không có căn bản đạo đức- đó là

điều kết luận của đám hành khách đồng hành với chúng tôi- Họ vô đạo đức, do đó họ và xứ sở của họ đều bị lên án. Rất có thể nó sẽ kéo dài một trăm năm, có thể hơn, nhưng không ai lại có thể nghi ngờ cái kết quả sau cùng. Người Nhật phải bị hạ!

Chuyến xe của chúng tôi lê lết qua những cánh đồng của tỉnh Hồ-Nam với hai đám hành khách: nhân viên Bộ Tổng-Tham-Mưu ở trong xe và đám dân tản cư ở trên nóc... Sáng ngày thứ ba, xe phải ngừng lại tại một ngôi làng để sửa chữa. Càng ngày cuộc hành trình của chúng tôi càng quắt quéo và trực trặc. Sáng hôm đó, vì cần sửa một cơ phận quan trọng trong đầu máy, chúng tôi biết là phải đợi ít ra là một giờ hay hơn nữa. Thế là lập tức tất cả mọi người, dân tản cư lẫn Bộ Tham-Mưu đều tủa vào làng hay các cánh đồng chung quanh. Quang cảnh chỗ nào cũng là một đám người đang rửa ráy, kỳ cọ, gãi ngứa, cởi quần áo lụng chấy rận hãy lo làm những công việc khác mà thông thường ra phải làm cách kín đáo hơn. Sau một vài kinh nghiệm sống tập thể, tôi nhận thấy đàn ông thường hay mất phong cách và ý hướng thuần phong mỹ tục hơn là phụ nữ.

Pao và tôi vợ lấy chiếc chậu và chạy vào trong làng kiếm nước nóng. Hàng trăm hành khách khác cũng có ý định đó. Đến trước hàng nước thứ nhất chúng tôi thấy toàn những nồi trống và có cả chục người đang đứng xúm xít quanh chiếc lò đợi nước sôi. Quán thứ hai cũng cùng một cảnh như vậy. Người ta đứng xin nước trước tất cả mọi quán ăn, quán nước nào có lò lửa. Họ tràn cả vào bếp tư gia, khua chậu, múa khăn và tiền để đổi một chút nước nóng. Chúng tôi cũng ùa theo. Chúng tôi bước vào một chiếc sân và gặp mấy người đi từ trong sân ra, tay khư khư chậu nước đầy, nhưng khi chúng tôi vào đến lò, người ta đã vét giọt nước nóng cuối cùng và bà chủ nhà đang định đổ vào nồi một thùng nước lạnh khác. Bằng một cử chỉ quyết liệt, Pao giằng lấy thùng nước và đẩy tôi vào trong một khung cửa:

- Tú-Anh, vào đi!

Chàng cài then và đứng ngoài canh gác. Tôi thấy mình đang đứng trong một căn phòng ngủ tối mờ. Tôi đổ nước vào trong chậu, cởi hết quần áo và bắt đầu lau mình mấy. Nước lạnh và sạch thấm vào người nhưng lại thật là tuyệt vời. Tôi lau chùi cho đến khi da tôi đỏ ửng như chín lên và bóng loáng rồi tôi mặc quần áo và đến lượt Pao. Những người ở trong phòng phản đối âm ỉ. Tôi chống trả với họ trong khi Pao lại loay hoay lau rửa, nhưng họ vẫn tiếp tục càu nhàu ngay cả lúc chúng tôi bỏ đi. Dù sao cũng đỡ cau có hơn vì họ đã kiểm soát thấy rằng chúng tôi không đánh cắp gì của họ cả.

Còi tàu rú lên gọi chúng tôi về thật bất ngờ. Chúng tôi leo qua cửa sổ để về chỗ. Pao đỡ tôi lên rồi chàng chuỗi mình vào. Nó đã trở thành cách ra vào thông thường của chúng tôi vì hầu như không có cách gì rẽ được một lối đi giữa đám người tản cư đứng chật cứng ngoài cửa. Chúng tôi sáng rỡ lên vì sạch sẽ và hứng chí. Chung quanh tôi, không khí thơm mùi nước hoa vì tôi đã trút chất cả chỗ còn lại vào trong chậu nước. Chúng tôi có vẻ như vừa mới tắm xong. Trong khi những người khác chỉ lo đến bữa ăn sáng, chúng tôi lo rửa ráy. Một sự yên lặng kỳ lạ trùm lên quanh chúng tôi. Thèm thường? Kinh ngạc? Tôi không biết nữa. Một cuộc tắm gội chẳng giữ được bao lâu. Còn hai ngày trong cái căn buồng di động bẩn thỉu này nữa. Chúng tôi hực lên vì nóng, vì mồ hôi và vì ngứa ngáy. Quần áo bám dính vào người chúng tôi, bốc mùi hôi khó chịu. Tóc chúng tôi nhờn nhờn với mồ hôi, bụi và khói. Cổ chúng tôi khô cứng vì khát, mắt chúng tôi nhức nhối vì gió và bụi. Dù vậy, thật ra, tất cả những điều đó cũng chưa thấm gì.

Sau này, khi chúng tôi gặp những người bạn ở Bắc-Kinh, các câu chuyện về các điều gian nan cực nhọc trên đường của họ phá kỷ lục về những điều chúng tôi có thể chịu đựng được. Một trong những người bạn của chúng tôi cùng với bốn đứa con đã phải đi từ Hán-Khẩu đến Ích-Trang trên một chiếc tàu thủy chất đầy những người, đến nỗi mọi người chỉ có đủ chỗ để đứng. Bị dồn sát vào thành tàu, cả năm bố con đã đứng như vậy suốt hai ngày hai đêm và ngay cả những đứa trẻ cũng không hề cất lời than vãn. Một cô bạn-

đồng khóa tại đại học- một đêm kia đã lúi ra khỏi Bắc-Kinh và đã lộ bộ cho đến tận vùng Trung-Hoa tự do. Một ngàn cây số, băng qua những thành phố đổ nát, các chiến tuyến của quân Nhật và các mật khu của kháng chiến.

Không! Những điều chúng tôi chịu đựng chẳng đáng gì.

Năm ngày. Chân trời Hồ-Nam lượn khúc, con sông rộng, những cánh đồng phì nhiêu nhường chỗ cho một thế đất lạ và hoang vu. Thoạt đầu những tảng đá trời lên giữa cánh đồng thẳng tắp và xanh rì báo hiệu trước, rồi khung cảnh bằng phẳng thay đổi hẳn. Cánh đồng thẳng tắp như mặt nước bề đột nhiên bị những ngọn đồi chọc vỡ, chơ vơ giữa đồng như một ghềnh đá thẳng đứng hay những mũi tên nhọn hoắt chọc trời. Trước kia, nước biển ngập chỗ này, bao quanh các kè đá đó, bây giờ nước bề để lại một dãy toàn sỏi và cuội tròn nhẵn vì nước. Những rặng núi tiến lại gần, những hình thù kỳ dị, quái đản nhô ra dưới ánh nắng chói chang của buổi trưa. Trông các ngọn núi giống như những con quái vật sống động, chồm đến trước chúng tôi, băng qua với những tiếng gầm, tiếng hét. Đó chỉ là tiếng xe nghiêng trên đường sắt mà dãy đá ghê gớm kia dội lại. Nhưng trong cái cảnh dữ dội và siêu thực này, tiếng vang hình như vọng ra từ một cuộc sống tối tăm ngay trong lòng đá. Những dãy đồi ở hai bên chồm đến chúng tôi như nhe nanh múa vuốt. Có những đoạn hình như chúng đuổi theo xe từng bước một, những con mãnh thú đang rình rập và sẵn đuổi chúng tôi. Trên đường chân trời, chúng thu hình lại, dọa nạt.

Mặt trời lan tỏa khắp nơi một ánh lửa đỏ chói. Những ghềnh đá khép lại quanh chúng tôi, càng ngày càng hoang dã, cao lớn và ghê khiếp một màu máu và lửa. Chừng như đè lên chúng tôi khiến cho chúng tôi ngộp thở, sợ hãi. Xe lửa cứ tiếp tục chạy trong ánh chiều tà, băng qua những bóng xẫm đen. Tiếng còi hú lên dài đằng và náo nề như xuyên thủng dãy đồi hoang dại; đỉnh đồi vẫn còn vương sót một thứ ánh sáng đỏ tía. Những màu sắc trên trời xin dần; biến thành màu xám tro. Bất ngờ xe lửa đứng dừng lại hất chúng tôi văng khỏi ghế. Chúng tôi đã đến Quế-Lâm.

Chú thích:

(\*) Miền biển phía Bắc Đại Tây Dương có đầy rong.

# ĐƯỜNG VỀ TRÙNG KHÁNH

Han Suyin

www.dtv-ebook.com

## Dịch Giả: Trùng Dương & Hồ Hải

### Chương Chín

Cứ kể mãi cái việc chúng tôi đến một nơi nào đó, đi kiếm một chỗ ở và dĩ nhiên chẳng còn chỗ nào trống, riết rồi cũng nhàm. Dù vậy, trong một cuộc sống đã mất hết các điều căn bản để sống, có được một căn phòng, một mái ấm dù tạm thời cách mấy đi nữa cũng là một hạnh phúc đáng kể. Quế-Lâm đã đây ắp những người là người. Từ nhiều tháng nay, hàng lũ người kéo đến đây, chạy trốn khỏi những vùng bị đe dọa hay bị chiếm đóng...

Một cái cửa đen nhỏ với cái bảng hiệu: Khách Sạn Cửa Đông. Một chiếc sân thật ra chỉ là một giải đất hẹp. Một người hầu, một xạ phang ngái ngủ mời chúng tôi bước vào và dẫn đi thăm khắp lượt. Nơi đây người ta sống chen chúc bảy tám người một phòng, người nọ nằm kề người kia như một bầy cừu hay như trong một chuồng heo. Chỉ có bóng tối và nói thì thảo với nhau là cách độc nhất để có một chút riêng tư. Dù sao nó vẫn là một chỗ trú, một chỗ ở. Đó là tổ ấm của chúng tôi trong suốt khoảng thời gian gần hai chục ngày...

Ngày đầu tiên của chúng tôi ở Quế-Lâm hoàn toàn yên tĩnh và vô sự. Pao đi nhận lệnh tại Bộ Tham Mưu đặt trong các văn phòng rất đều đặn của một ngôi chùa cổ. Đã lâu người ta không còn thấy bóng dáng những nhà sư trong lớp áo cà sa xám, người ta không còn cúng vái những bức tượng Phật ở đây nữa.

Các phòng sở của Bộ Tổng-Tham-Mưu đặt ở gần cửa Tây của thành phố. Người ta xì xào với nhau rằng nhiều kho đạn dược lớn được chôn dấu quanh vùng này. Ngôi nhà của chúng tôi ở sát ngay cửa Đông. Từ đó con



đường băng qua một chiếc cầu nhỏ và dẫn về các dãy đồi cùng những hang động lớn, có thể tránh bom tốt hơn bội phần bất cứ chiếc hầm hố nhân tạo nào.

Các hang động của Quế-Lâm là một thắng cảnh thiên nhiên rất tiếng tăm, được rất nhiều du khách đến thăm viếng. Những ngày đầu tiên đến đây khi cuộc chiến chưa kịp đuổi theo, chúng tôi đã đi thăm một vòng Thất Tinh Thạch Động, một dọc các đường hang thông nhau chằng chịt, rộng lớn y như một thành phố ngầm dưới đất... Đó là những hầm trú bom của Quế-Lâm; nó có thể chứa được toàn thể dân chúng vùng này. Trước khi chúng tôi đến, nơi đây không bao giờ bị dội bom. Nhưng các tổ chức gián điệp Nhật dọ biết những việc di tản của chúng tôi, nhận ra nhiều lãnh tụ quan trọng và thế là bom lại rơi xuống bắt đầu tư tuần lễ thứ hai của tháng chạp.

Ngày đầu tiên bị dội bom, Pao và tôi đang đi mua đồ tại ngã tư của hai con đường chính. Quế-Lâm chẳng có gì nhiều để mua vì vùng này rất nghèo. Chúng tôi lục tung các hàng sách, tiêu tiền vào sách vở quá cả cái mức mà túi tiền chúng tôi cho phép. Pao thích các chủ đề chính trị, còn tôi thích tiểu thuyết, nhưng tôi không tìm ra được cuốn nào cả, vì dân ở đây toàn là những người khô khan chững chạc. Cuốn khá nhất mà tôi tìm được là bộ Tam-quốc-chí, một bộ sách cổ viết cách đây tối thiểu hơn ngàn năm. Tôi cũng cần vài chiếc áo ấm vì tên thợ may ở Nam-Ninh đã chạy trốn với cả áo của tôi. Chúng tôi ngừng lại trước một tiệm vải ngay chính giữa trung tâm thành phố. Còi báo động hú lên.

Khi tiếng còi hắc ám vang lên át hẳn cả những tiếng động khác, mặt người bán hàng đang tiếp chúng tôi xám ngắt, đứng chết trân như bị tê liệt vì kinh hoàng. Sau cùng, hắt cuốn vải vóc thành bịch để mang đi. Ngay lập tức, tiếng vôn cửa rào rào: người ta đóng cửa tiệm. Pao và tôi đi bộ về phía nhà chúng tôi, chậm rãi và không sợ hãi gì cả. Chúng tôi đã biết quá nhiều các cuộc báo động, nhưng chỉ biết có một cuộc oanh tạc và ngay cả lần đó,

sự việc cũng hầu như xa vời, giống như một chuyện hoang đường hơn là một tai nạn đã thực sự sống qua.

Về đến quán, tên xạ phang đón chúng tôi, đầu đội một cái mũ nhựa sơn đen, dấu hiệu của một chuyên viên cứu hỏa tình nguyện. Hắn nói với chúng tôi là sẽ ở lại và khuyên chúng tôi nên giao đồ đạc cho hắn, chỉ nên mang theo những gì quý giá nhất. Khi chúng tôi ló ra đường, một dòng người mãnh liệt cuốn chúng tôi ra phía cửa thành. Chúng tôi vừa ra khỏi cửa được mười bước thì hồi còi thứ hai hụ lên. Máy bay đang bay đến gần! Chúng đến thẳng Quế-Lâm! Chúng tôi sẽ bị oanh tạc! Thế là một nỗi khiếp sợ ghê gớm bùng lên, một nỗi kinh hoàng mà tôi chỉ gặp lại ở Trùng-Khánh.

Cuộc dội bom này đã phá hủy trung tâm buôn bán của Quế-Lâm khá chính xác. Sáng ngày hôm sau, khi đi chơi, chúng tôi chợt đi ngang qua cái nền nhà của cái cửa hàng cách đây hai mươi bốn giờ chúng tôi còn đứng mua vải. Trong khi chúng tôi còn đang đứng tại đó, giống y như là một tiếng vọng từ chiều hôm qua- cũng đúng ngay một giờ- còi báo động lại hụ lên.

Sự kinh hoàng ngày hôm qua không xảy ra nữa. Trước đó hàng giờ, người ta đã bỗng bẻ kéo nhau ra khỏi thành phố, chặn mền cuộn tròn trên vai, tay chất đầy những bao, bịch. Không hấp tấp vội vàng gì cả, chúng tôi quay về quán trọ, lấy gói đồ quý, giao chìa khóa cho tên xạ phang và ra khỏi thành phố. Chúng tôi băng qua cây cầu cùng với một nhóm người khác, cũng bình tĩnh, không hấp tấp, vừa đi vừa nói chuyện với nhau cách thản nhiên. Mặc dù còn xa mới đến các hang động trú bom, Pao và tôi đi tách về phía ruộng. Chúng tôi không sợ, bởi vì chúng tôi chưa bao giờ bị sợ hãi đủ lâu để biết lo nghĩ chín chắn. Nhìn một cuộc oanh tạc từ xa là một chuyện, nhưng vội vã chạy trốn một trái bom xé không khí rơi lên đầu lại là một chuyện khác. Sau khi đã kinh nghiệm điều này một lần, lòng tin vào phép tính xác suất may rủi sẽ bất di dịch và ta không còn ngại gì nguy hiểm nữa. Nhưng vào thời đó, chúng tôi không có kinh nghiệm gì cả và lòng khinh rẻ đám đông của chúng tôi mạnh hơn là ý thức về các điều nguy

hiếm. Chúng tôi đi lang thang giữa các vườn cây và các vòm cây keo, hái vài ba cánh hoa đồng. Chúng tôi có mang theo cả sách. Trong khi chờ đợi máy bay- không đến- chúng tôi nằm dài dưới gốc cây đọc Tam-quốc-chí và các bài thuyết chính trị của Bạch-Chung-Si.

Chúng tôi rời Quế-Lâm vào một trong những buổi sáng bị máy bay tới viếng, vì trời hôm đó rất thấp, một lớp mây xám đã phủ ngang khắp vùng. Những dãy đồi bọc theo đường chân trời hiện ra như một khung cảnh huyền hoặc. Giữa đám sương xám ngắt, nó có vẻ nổi lên như được khắc trên bìa cứng. Với một ngày như vậy, không còn thấy ánh mặt trời chói chang, ta biết rằng trời đã sang đông...

Hai ngày đầu chúng tôi được toàn xe tốt và tài xế giỏi, nhưng sau đó toàn là xe cũ nát: đèn bể, nắp xe nhăn nheo và sét, thùng nước rỉ chảy, động cơ cũng chẳng tốt gì hơn... Những tên lái cái đồng sắt di động đó chỉ một ý niệm tối sơ đẳng về vấn đề cơ khí. Sau khi đã qua khu vực từ Quảng-Tây đến Quế-Châu, chúng tôi giao phó sinh mạng cho những tên tài xế hoàn toàn ấu tả.

Dù vậy, so với cuộc hành trình đến Quế-Lâm, lần này có thể coi như thú vị được. Đến giờ ăn, chúng tôi ngừng lại để kiếm đồ ăn nóng. Chúng tôi dừng lại mỗi đêm để ngủ và đôi khi tại những chỗ đến lạ kỳ cục. Trên đường, quả có nhiều chỗ làm chúng tôi thích thú, chỉ trừ những cua queo gắt, những đường vòng vèo hay những khi xe phóng như bay trên các ghềnh đá và vực thẳm, tính mạng giao vào tay những tên khùng không hề biết thắng là cái gì.

Chiều tối hôm Giáng-Sinh, chúng tôi được nằm đất trong phòng tiếp tân lớn của tòa thị chính Y-Trang, trên cái nền cao được dùng để trình diễn văn nghệ. Ngày hôm sau chúng tôi tiến vào Quế-Châu, vùng rừng núi hoang vu gần như không có ai tới, cho tới mấy ngàn năm gần đây vẫn cách biệt hoàn toàn với thế giới bên ngoài.

Trong các khu đồng bằng và ven núi có nhiều bộ lạc người Thượng sinh sống: đàn ông có dáng cao lớn, da ngăm đen, mặc những áo rộng màu đỏ, vàng hay tím có lót da thú, đàn bà thì trang sức bằng nhiều vòng đeo tay nặng, những khoen tai và các chuỗi bằng bạc nạm ngọc hay san hô. Chúng tôi thấy họ trong các thị trấn khi họ đến đây đổi các giá rổ, đồ sành và các loại da thú. Họ đi giữa đám người Trung-Hoa với dáng đi nhẹ nhàng, hai con mắt nhỏ nhanh và e dè như cặp mắt một con báo.

Không có những thành phố quan trọng trong vùng Quế-Châu, nhưng khắp nơi chỗ nào chúng tôi cũng nghe thấy những giọng quen thuộc: "Coi kìa! Đó là giọng Hồ-Bắc! Đây là Nam-Kinh! Ninh-Ba! Hán-Khẩu!"

Nơi đây, khu Trung-Hoa tự do tụ tập hàng triệu người không muốn sống trong tù hãm dưới gót giày quân Nhật.

Tại một vài vùng ở Quế-Châu, Vân-Nam và Tứ-Xuyên vẫn còn những nhà hút thuốc phiện, bất hợp pháp nhưng rất được ưa chuộng, giống như những quán rượu lậu bên Mỹ thời cấm rượu...

Chúng tôi đã chạy trong đêm tối được một lúc lâu, không có đèn. Một cơn mưa nhẹ và lạnh bắt đầu rơi xuống. Con đường vốn chỉ là một giải xám mù mờ, nay trở thành vô hình trong cái cảnh tối tăm mờ mịt này. Thế là chắc chắn chúng tôi không thể đến thành phố đã dự định và đến chín giờ tối, chúng tôi ngừng lại tại thôn xóm đầu tiên hiện ra. Đó là một ngôi làng kỳ dị với khoảng vài chục căn lều vách đất xiêu vẹo, nằm chìm trong bóng đêm trên sườn đồi trọc lốc.

Chúng tôi tràn vào trong cái quán độc nhất xin trú qua đêm. Một mùi vị ấm êm xông thốc vô mũi như mùi vỏ cảm cháy, một mùi vị khó quên sau khi đã ngửi qua một lần, tràn ngập không khí. Chính tôi cũng chưa biết là mùi gì, phải một lát sau, khi tôi làm một vòng quan sát chung quanh, tôi mới đoán ra: đó là mùi khói thuốc phiện. Những tấm nệm cỏ xếp dài theo tường, ở giữa là những ngọn đèn mù mờ, hình thù kỳ lạ và đám đàn ông

nằm dài trên nệm, không thức cũng không ngủ mà như thể đang đắm mình trong một nghi lễ kỳ bí. Những bàn tay cử động nhanh nhẹn trên các ánh lửa lập lòe phóng ra nhiều bóng in trên tường. Những khuôn mặt đồ dờn về hướng các ngọn đèn, trông giống như những cái khuôn đúc trong ngà, lớp da nhão nheo bọc lấy xương. Đôi môi khô và nhợt nhạt, mắt lơ đãng như bị che dưới một cái màng màu vàng. Khi chúng tôi vào, họ chẳng động mình cũng chẳng thèm ngoái cổ nhìn. Mất cả thiên tính tò mò, họ mù đi. Mụ vợ ông chủ quán đi từ người này sang người kia, đưa cho họ những công thuốc phiện sống. Đó là một mụ đàn bà xấu xí, đầu tóc bù xù, da mặt vàng ửng; tròn quay và có những nét tinh quái. Những người nghiện dùng một dụng cụ mỏng như cái kim đan để lấy thuốc. Họ xoay đi, xoay lại viên thuốc trên ngọn lửa làm cho nó phồng lên trong khi mắt mơ màng không ngừng nhìn nó chăm chú. Họ ấn viên thuốc trên một miếng đá nhẵn, ve cho nó thành hình, nhét nó vào trong cái lỗ tẩu bằng đồng rồi nằm hít lấy khói thuốc. Kế đó lại nướng viên thuốc khác. Mặc dù họ chỉ đông khoảng hơn một tá, nhưng hình như phòng có vẻ đông hơn vì những cái bóng chiếu hắt lên tường và trên trần của họ.

Tất cả hành khách đều lên trên lầu bằng một cầu thang hẹp, nhưng Pao và tôi chiếm cái phòng tiếp khách và chúng tôi kê hai cái bàn sát nhau để làm giường rồi trải mền ra. Chiếc đèn dầu đặt trên cái ghế đầu, ánh đèn trở trời tạo thành một vùng sáng úa. Mùi thuốc phiện đầy phòng y như ở phòng bên. Nó khiến chúng tôi hơi bị váng vất, khiến cho tôi có cái cảm giác như những chiếc bóng chung quanh tôi đều mọc cánh cả. Chúng tôi sửa soạn sơ qua để ngủ. Tôi lau mặt bằng cái khăn ướt, cởi áo ngoài và ngả mình nằm xuống. Pao ngồi xuống bên cạnh bàn, mặt chàng rục lên dưới cái áo len màu đỏ xẫm. Ánh sáng yếu ớt của ngọn đèn làm nổi lên mớ tóc đen, cặp mắt sáng và sâu như hai vết đen trên khuôn mặt bằng ngà với những nét chân thành và cởi mở, đôi môi cong và dọ thám. Chàng cúi xuống trên tôi và tôi chìa tay về phía chàng... Cánh cửa kêu ken két và một giọng đàn bà cười rú lên the thé phá tan giây phút êm đềm đó. Pao nhảy phắt xuống đất, mở toang cánh cửa. Mụ vợ ông chủ thân nhiên bước vào. Mụ cười khẩy và

nói một câu thật thô tục rồi đứng trôn ra đó cười, ý đợi chúng tôi cùng cười theo. Tôi không hiểu hết nghĩa câu nói nhưng Pao chẳng nói một tiếng năm vai mụ đẩy ra ngoài, đóng sập cửa lại và chặn bằng một chiếc ghế. Chàng quay về phía tôi, vẻ mặt hung hãn, tức giận và cau có. Chàng thối tắt ngọn đèn nhảy phóc lên giường và quay lưng về phía tôi...

Một buổi chiều đông buồn tẻ, chúng tôi đến trước dòng Dương-Tử, đũa con kiêu hùng của biển cả mà chúng tôi đã từ giả ở Hán-Khẩu. Nơi đây là Trùng-Khánh, cách bờ bể ba ngàn cây số mà nó vẫn còn là vua các dòng sông, sóng nước đỏ ngầu và đầy bùn ào ào xô đuổi nhau với một sức mạnh trùng trùng. Bên bờ phía Bắc là dãy đồi xếp thẳng một hàng, tối mờ đi vì rừng thông. Dòng nước lao vào một ghềnh đá trơ trọi nằm song song với bờ sông, vô tận và sủi những đợt sóng trắng xóa. Đứng từ bờ sông bên này, cách biệt bởi một mặt nước mênh mông, rộng hàng cây số, chúng tôi ngắm nghía cái kè đá khổng lồ có tên là Trùng-Khánh.

Xám mờ trong sương chiều, Trùng-Khánh trông giống như cái mũi tàu nhọn hoắt của một chiếc tàu đang rẽ sóng giữa dòng sông Gia-Lâm và sông Dương-Tử. Những tòa nhà đồ sộ, tầng này chắt trên tầng kia, đứng sừng sững trên ghềnh đá. Khói mù trên nóc thành phố, cho khuất mọi chi tiết, nhưng những đường viền về một nét xám đậm rất rõ trên nền trời xám nhạt. Nhìn từ phía bên kia dòng sông như vậy, thành phố có vẻ siêu thực, trôi vạt vờ trong màn sương, trong một ảo ảnh. Khoảng cách đã tạo nên ảo giác của hư vô. Không thể nào tưởng ra được tiếng ầm ầm của muôn ngàn thứ cọ sát lại có thể bốc lên trên những cái tháp xám nhạt đó. Đó chỉ là bóng dáng của một thành phố tuyệt vô sinh động. Đó chỉ là một thành phố tạo ra trong trí tưởng của chúng tôi, lặng lẽ, mù mờ trên mặt nước xám và mờ hơi sương.

# ĐƯỜNG VỀ TRÙNG KHÁNH

Han Suyin

[www.dtv-ebook.com](http://www.dtv-ebook.com)

## Dịch Giả: Trùng Dương & Hồ Hải

### Chương Mười

Khi viết cuốn sách này, tôi đã nghĩ chỉ nói về Pao và tôi, cuốn hút trong cơn lốc của Trùng-Khánh binh lửa: đó là câu chuyện của hai thanh niên Trung-Hoa, cũng giống như hàng triệu thanh niên khác, có cuộc đời và các cuộc phiêu lưu tuy khác nhau về tiểu tiết, nhưng trên đại cương vẫn là câu chuyện của dân tộc tôi. Nay tôi nhận ra không thể trình bày câu chuyện này như một phản ảnh trung thực của nước Trung-Hoa nếu tôi không nói đến Đại Gia-Đình, đơn vị chính của đời sống Trung-Hoa. Một nhà thực vật học không thể nào chỉ nói đến chiếc lá hay cành hoa. Ông phải nghiên cứu tỉ mỉ cái hạt, cái rễ, thân cây, lá cây và cành hoa, phải khảo sát cái cây như là một toàn thể. Câu chuyện của tôi cũng vậy. Nếu tôi muốn nói về nước Trung-Hoa một cách vững vàng thỏa đáng chứ không phải bằng cách chấp nối vụn vặt hay méo mó, tôi phải mô tả cả gia đình tôi, cách sống, cách nghĩ, cách ăn, cách chơi và cách đương đầu với tai họa. Bởi vì tại nước tôi, đó là tất cả những điều căn bản của cuộc sống.

Tôi đã suy nghĩ sai lầm trong một thời gian khá lâu. Tôi tin rằng mình là duy nhất và tự mình có thể đảm đương lấy vận mệnh. Tôi phải về đến Tứ-Xuyên để nhận ra rằng tôi chỉ là tôi vì tôi là một người trong Đại Gia-Đình.

"Nếu có viết bút lông đẹp như vậy cũng không có gì là lạ, người ta nói với tôi như vậy, không hề ngạc nhiên về cái tài này của tôi tý nào. Chú hai của cô là một danh sỹ có hạng và ông nội của cô là một tay bút danh tiếng." Trong khi nghiêng mình trước di ảnh bà tôi, tôi khám phá ra là tôi có vòng lông mi cong vút của bà tôi và tôi tìm thấy chính ngay nụ cười của tôi trên

môi một người em họ. Thế là tôi hết kiêu hãnh, hết thờ ơ vì tôi hiểu rằng, tách rời khỏi gốc gác và thân thế nơi người ta phát xuất ra, đời tôi sẽ bất toàn.

Ngay như cái khuôn phép họ hàng đã phản ánh ý nghĩa của tình tương thân gia tộc Trung-Hoa. Con cái của chú bác- đúng ra là anh em chú bác ruột- được coi như chính anh em ruột. Ngay từ đứa con đầu, người ta đánh số thứ tự như là những "con trai và con gái của gia đình" không lý gì đến cha riêng của chúng. Chính vì thế mà hai cô em ruột kể tôi lại là thứ năm và thứ tám. Chị cả là cô con gái của chú cả. Tôi là chị Ba. Cha tôi có năm anh em và tất cả đều đã lập gia đình, có con. Thế hệ tôi hiện có mười bốn trai và mười sáu gái còn sống và khoảng chừng đó chết. (Những người này cũng được sắp thứ tự; trừ khi chết lúc còn nhỏ.) Cách gọi bằng số thứ tự đúng là cách độc nhất để tránh nhầm lẫn!

Trong hàng tổ tiên, không phải chúng tôi chỉ kể đến dòng chính. Ông nội tôi vốn là con trưởng và đã chết từ lâu và được gọi là "ông Cả". Những người em của ông, chúng tôi không gọi là những ông chú mà gọi là ông Hai và ông Ba tùy theo tuổi tác. Trong lớp này chỉ còn ông Ba và bà Năm sống. Vì ông Ba đã cưới vợ đến ba lần, nên con cái của ông khá đông. Tất cả đều được coi như cô chú bác của tôi, và được liệt vào hàng trên tuy có nhiều người cũng trạc tuổi tôi, có khi còn trẻ hơn.

Phụ vào với hệ thống thứ bậc đó, tên đệm của chúng tôi cũng chỉ rõ thứ bậc họ hàng. Tất cả trẻ con thuộc cùng thế hệ đều mang tên có một hay hai chữ đệm giống nhau. Trong thế hệ của cha tôi, đó là chữ Đại- "lớn". Thế hệ tôi là chữ Quang, có nghĩa là "sáng" như "Quang-Minh", "Quang-Ngọc" cho con gái. Trong cuộc đời, ta có thể mang nhiều tên, tên hồi nhỏ, tên học trò, tên chính thức, nhưng trong vòng gia đình tên đệm chung với các anh chị em vẫn theo ta cả đời. Tên đệm cho từng đời đã được chọn sẵn từ trước và được chọn theo những ý nghĩa tôn giáo và triết lý rắc rối. Trong gia đình



chúng tôi, tên đệm cho mười hai đời sau đã được chọn sẵn và được ghi trong gia phả.

Tất cả những người trong gia đình đều liên hệ với nhau bằng một tên họ truyền theo dòng cha. Con gái về nhà chồng nhưng vẫn là con gái của gia đình mình. Ngoài cái giây liên hệ này, tình họ hàng sẽ nhạt dần. Những đứa con của tôi sau này, anh em họ với con của anh em tôi, sẽ mang những tên họ khác nhau. Điều này có nghĩa là không có gì trở ngại cho việc chúng có thể lấy nhau. Những đám cưới giữa anh em cô cậu xảy ra rất thường. Đối với chúng tôi, tình cảm thân thuộc tùy thuộc vào cái tên nhiều hơn là vào yếu tố máu mủ. Tất cả những người mang tên cùng một họ đều coi như có họ với nhau và người ta lên án các cuộc hôn nhân giữa các gia đình này, ngay dù khi người ta không tìm ra được một chút dấu vết liên hệ máu mủ nào. Tại Trung-Hoa, số tên họ ít hơn các nước khác. Khi chúng tôi nói: "trăm họ" có nghĩa là: dân Trung-Hoa. Thật ra có vào khoảng hai, ba trăm họ, nhưng khoảng một nửa dân số mang họ Vương, Giang, Liêu, Lý, Chương, Dương hay Vũ. Đó là những họ mà ta hay gặp nhất. Đó là những ông Ất, ông Giáp của nước Tàu, nhưng đông hơn bội phần các ông Ất, ông Giáp của các nước khác.

Trước khi đến Tứ-Xuyên, tôi chẳng biết rõ gì lắm về các chi tiết của Đại Gia-Đình tôi, tôi chẳng biết đến cái tầm mức quan trọng mà nó sẽ ảnh hưởng đến tôi. Ngoại trừ chú Ba, bảy năm trước đây có đến Bắc-Kinh để thanh toán công việc của cha tôi, tôi chẳng biết qua một người bà con nào. Đại Gia-Đình ở Tứ-Xuyên đối với tôi chỉ là cái gì mơ hồ. Tôi phải thú thực rằng, khi Pao và tôi lấy xe kéo đi đến nhà chú tôi, tôi chỉ có một ý nghĩ:

"Chỉ cần chú Ba có mặt ở Trùng-Khánh." Tôi đã quá mệt mỏi để lại phải lo đi kiếm một chỗ ở!

Chú Ba là giám đốc một nhà ngân hàng có chi nhánh tại Trùng-Khánh và Thành-Đô. Chú có nhà ở cả hai nơi mặc dù gia đình ở cả Thành-Đô. Chúng tôi có viết cho chú từ khi ở Quế-Lâm là chúng tôi sẽ đến Trùng-Khánh và

chú đã đánh điện mời chúng tôi rất thành khẩn. Nhưng dĩ nhiên không thể định rõ ngày giờ chúng tôi sẽ đến. Có thể là chú đã đi vắng và giao nhà cửa cho đám người làm. Chúng tôi sẽ thấy cửa đã đóng chặt vì trời đã tối và như vậy là lại phải đi kiếm một quán trọ.

Hai người phu xe ì ạch trên một khúc đường dốc, người gập xuống, đầu gần đụng đến gối. Hai càng xe chống ngược lên, chiếc ghế đằng sau ngã ngửa ra đến nỗi chúng tôi phải cố ngược cổ tới trước để giữ cho khỏi ngã lộn ra sau. La lớn: " Sảo lai" (dừng lại) để báo cho các xe phía sau, hai người phu vút mạnh càng xe xuống đường trước một khung cửa đen bóng thật lớn và thả chúng tôi trước nhà chú tôi. Cửa không đóng, chú Ba có nhà.

Chúng tôi báo tên cho người gác cổng. Hẳn dẫn chúng tôi qua ba lần sân đến tận đại sảnh và lớn giọng báo:

- Cô Ba và chồng cô Ba về.

Chú tôi dang hai tay chạy ra, mặt đầy vẻ vui mừng. Tôi giới thiệu Pao, chàng khê nghiêng mình chào, trang nghiêm và chững chạc. Chú tôi cũng nghiêng mình chào lại và tôi bắt gặp ánh mắt hài lòng trong mắt chú. Hẳn là Pao đã chiếm được sự quý trọng của chủ tôi vì sau này chú có bảo rằng tôi quả là "có mắt", điều đó có nghĩa là tôi đã chọn đúng.

- Nếu con mà chỉ có một thân một mình, không người nương tựa, không kinh nghiệm, chú Ba nói với tôi, con còn cực nhọc hơn nhiều.

Dù sao chú cũng đã thăm dò biết rằng Pao chẳng lý gì đến việc làm ăn buôn bán...

Đã bấy năm xa cách mà trông chú tôi không già đi mấy. Dáng người trung bình, khô khan và nóng nảy với cặp mắt đen, sắc, giọng nói vui vẻ, vang rền. Tất cả con người chú tiết ra nghị lực và khôn ngoan. Mặc dù rất thích bàn ghế ngoại quốc với những cái đệm thật êm, thật ấm, nhưng về vấn đề quần áo, chú không muốn biết đến kiểu Âu Mỹ bao giờ và quan niệm rất

đúng rằng chiếc áo dài Trung-Hoa suốt năm luôn luôn thoáng đãng và tiện lợi hơn. Với vấn đề kiểu cạp, ông không chê bai, không theo một, mà chỉ theo ý riêng. Ưu điểm của chú là một lương tri sáng suốt. Chú tránh việc khoa trương. Mặc dù ở phía trong, chú mặc một cái áo sa tanh có lót da sóc và một cái áo lót bằng lụa Gia-Định, chiếc áo ngoài chỉ làm bằng vải xanh thường.

Đó là hình ảnh của chú Ba, người tiếp đón chúng tôi tại đại sảnh và đang gọi trà. Liệu đây có phải là thực? Liệu đây có phải là giấc mộng, một kỷ niệm từ thời dĩ vãng sống lại với tất cả những cái khả ái, dịu dàng của nó? Những chiếc sân sạch sẽ, đại sảnh rộng thênh thang với ánh đèn êm dịu, những cái thảm dày, những chiếc ghế bành, ghế dài phủ da cạp, da khi, vẽ huy hoàng của các tấm tranh sơn mài, các lớp vàng son, cái bình xứ to tương với những cành mai thật cao- cánh vàng trong suốt hé nở cả mùa Xuân- tất cả cái sang trọng, cái tiện nghi này đều là của một thế giới khác. Người hãy còn dính đầy bụi bặm của cuộc hành trình cực khổ vừa qua, chúng tôi ngồi ngả dài trong cái ghế bành rộng thênh thang, êm ái và nhắm nháp nước trà trong những chiếc chén sứ Kiến-Giang. Không còn chiếc tàu nào sẽ rẽ sóng dòng Dương-Tử để chở đến Trùng-Khánh những thức ngon vật lạ của Thượng-Hải, của ngoại quốc, của những bến ở hạ lưu dòng Dương-Tử nữa... Cái thảm hồng và xanh này được dệt ở miền Bắc, tại Thiên-Tân. Những cái chụp đèn chạm chỗ này đều từ Bắc-Kinh tới. Kia là những bức tranh lụa vẽ Điện-Mùa-Hạ, những con kinh, những chiếc cầu và Bắc-Kinh, một cuộc sống khác!...

Chú tôi gọi:

- Lão Lý, Lão Sáng và Hồng Sảo đâu? Ra cả đây! Ra đây chào cô chú Ba đi.

Đám người làm quỳ trước mặt chúng tôi và lạy sát đất để tỏ lòng tôn kính. Chúng mang ra những thau nước nóng hổi, mấy chiếc khăn mặt thấm nước hoa thơm phức, bánh xà-phòng "Ivory" đắt ngang vàng vì nó được mang từ

Mỹ sang. Chúng vội vàng sửa soạn cơm chiều và đi đun những nồi nước lớn để sửa soạn nước tắm. Anh Hai, con của Bác Cả nhưng lại sống và làm việc tại Trưng-Khánh với chú Ba từ nhà Ngân Hàng về đến, chúng tôi được giới thiệu với nhau:

- Đây là vợ chồng em Ba.

Anh Hai cúi chào:

- Cô Ba! Mừng vợ chồng cô tới đây.

Câu chuyện chỉ xoay quanh cuộc hành trình của chúng tôi. Chú Ba tặc lưỡi luôn miệng và gật gù tỏ vẻ tán đồng hay thông cảm. Thế mà khi chúng tôi kể lại những chuyến xe lửa, những chiếc xe hàng, thức ăn tồi tệ, cảnh chen lấn, bẩn thiu, rận rệp, những cơn nóng, cơn khát, cảnh bom đạn và con trẻ, hình như chúng tôi kể lại câu chuyện của người khác chứ không phải của chính chúng tôi. Khi hỏi tương lai, tất cả lại thành có vẻ thú vị và hoàn toàn hư ảo. Mục đích thực của chúng tôi, những kẻ đang ngồi đây, trong cái đại sảnh ấm áp này, với đám tôi tớ sẵn sàng hầu hạ này, nếu tất cả cái xa xỉ, rộng rãi sạch sẽ, riêng tư này là của chúng tôi, thì quả thật không thể nào cũng lại chính là chúng tôi đã phải đi bởi một củ cải để ăn trừ cơm tại Sơn-Đầu, đã phải trọ trong một tiệm hút ở Quế-Lâm!

Hôm đó là ngày trước Tết. Tối hôm ấy chúng tôi ngủ trong căn phòng mới, sơn màu ngọc bích, trong một cái giường chạm chỗ đen tuyền, với những lá màn bằng lụa hồng. Chúng tôi nằm trên tấm khăn trải giường bằng lụa trắng tinh với những chăn gối, bằng sa tanh xanh vàng thêu đủ hình rồng phượng, hoa vạn thọ, hoa mạn, những chiếc chăn thật ấm và nhẹ là vì nó không nhồi bông mà nhồi tơ. Những chiếc màn cửa bằng nhung kéo ngang cửa sổ để ngăn hơi lạnh mùa đông và một ngọn lửa ấm cháy bập bùng trong một chiếc chậu đồng bóng loáng. Một đĩa sứ gái nhỏ luôn luôn ở gần trong tầm gọi để hầu hạ chúng tôi. Chúng tôi cảm thấy ấm áp và dễ chịu sau khi đã tắm nước nóng với những cái bồn tắm làm ở tận Tô-Châu- những cái

bồn đường kính đến thước rưỡi, tráng men xanh, trước kia vốn được dùng để nuôi cá vàng. Chú Ba để hai cái ngoài sân để thả cá và hai cái trong phòng tắm để làm bồn tắm. Nó sâu đến độ nếu ngồi trong đó và co chân lại, nước sẽ ngập lên tận cổ. Đây là lần đầu tiên Pao và tôi thực sự tắm rửa kể từ khi chúng tôi khởi hành từ Hán-Khẩu. Tất cả đều tuyệt diệu. Chúng tôi tha hồ xoa chân tay trên giường và một chiếc lò sưởi đã sưởi ấm sẵn cho chúng tôi. Xét từ trong đáy lòng, chúng tôi cảm thấy thỏa mãn và ngủ thẳng một mạch cho đến trưa ngày mừng một Tết.

Khi chúng tôi tỉnh dậy và nhận ra hôm nay là ngày gì, chúng tôi hôn nhau và chúc nhau một năm mới vui vẻ, đây cũng là năm mới đầu tiên chúng tôi sống bên nhau. Chúng tôi cảm thấy thoải mái, sạch sẽ, sung sướng biết bao khi được sống trong một vùng mà chiến tranh chưa tìm đến để tàn phá.

Ngày hôm đó, được coi như mở đầu cho một giai đoạn mới của chúng tôi và có vẻ như được điểm tốt. Người tớ gái mang trà và mấy cành hoa thủy tiên và hoa mai để bày trong phòng cùng với lời chúc mừng của chú Ba. Nhẽ ra chúng tôi phải dậy từ sớm để chào và cảm ơn chú đã cho tá túc, nhưng khi chúng tôi ló mặt ra, chú tỏ ra hết sức thông cảm và gạt phắt những lời cáo lỗi của chúng tôi.

Ba ngày tiếp theo, chúng tôi chỉ lo nghỉ ngơi và tiêu khiển...

Chúng tôi đi lang thang trên các đường phố của Trùng-Khánh, nhìn ngắm các gian hàng. Chúng tôi đi xem kịch, đi coi hát bóng. Chúng tôi đến tiệm Quảng-Xuân-Yên để thưởng thức những bữa ăn sáng tuyệt hảo của xứ Quảng-Đông, những chiếc bánh nướng đủ mùi vị, ngọt, mặn hay chua cùng với nước trà xanh thơm ngát. Đây chính là tiệm cao lâu mà chúng tôi đã đặt tiệc cưới đã dọn từ Hán-Khẩu đến Trùng-Khánh. Tấm bảng hiệu của nó hiện ra như một bộ mặt của một người bạn cũ. Chúng tôi nghe những đĩa hát rè rè và đình tai phát ra từ một chiếc máy chạy bằng dây thiều cũ rích, chúng tôi nghe ban nhạc kịch Bá-Linh, những khúc nhạc swing ồn ào của San Francisco, những tin tức mới nhất của Thượng-Hải bằng máy thu

thanh. Chưa bao giờ chúng tôi thấy những tiện nghi của nền văn minh có khi lại quyến rũ như thế này. Vào mùa Xuân năm sau, khi Trùng-Khánh bị ném bom, tôi cũng lại lao mình vào các thú vui vật chất như vậy.

Tôi thấy hình như phản ứng tự nhiên của thần kinh sau khi bị quá căng thẳng đã khiến người ta đi tìm những thứ tiêu khiển lành mạnh và khuây khỏa như vậy.

Chú Ba sẽ phải về Thành-Đô bằng máy bay để ăn Tết với gia đình và chú muốn tôi đi theo để nhận họ với Đại gia đình. Chú đặc biệt lưu ý tôi phải đi thăm mộ bà nội để thắp nhang và khóc bà vì khi bà mất, tôi còn ở bên Anh... Tôi chẳng muốn rời Trùng-Khánh chút nào, vì Pao sắp phải lên đường ra mặt trận tây bắc trước khi hết Tết và không thể cùng tôi đến Thành-Đô. Tôi sẽ quý và tiện tặn mấy ngày chung sống bên nhau này hơn nếu tôi biết rằng chúng tôi sẽ phải xa nhau bao lâu hay nếu tôi đoán được rằng, suýt chút nữa, chúng tôi đã xa nhau vĩnh viễn.

Phi trường Trùng-Khánh là một giải cát phẳng và hẹp, một cái đảo gấn bó phía Nam của dòng sông. Hình thù của nó thay đổi tùy theo mực nước, nhưng nó luôn luôn giữ nguyên dáng vẻ của một con sò. Anh Hai, Pao và một vài người bạn ra phi trường tiễn chúng tôi. Chúng tôi ngồi kề bên nhau được vài phút. Pao và tôi ngồi sát cạnh nhau trên cái xà ngang trong lòng đò, nhưng chẳng nói năng gì. Một lớp sương mù dày đặc buông trên mặt nước và thành phố. Chúng tôi thấy mình được tách rời giữa một vòng sương xám. Mặt nước đục phản chiếu một màu sáng im lìm. Người lái đò ở đầu con thuyền giống như là một bóng ma mờ xám. Nhiều giọng người ngay kề cận làm chúng tôi giật mình, nhưng cả bờ sông, cả cái đảo và những con tàu cùng những người khác đâu vẫn chưa thấy.

Chúng tôi đến phi trường lúc bảy giờ và đến mười một giờ chúng tôi mới cất cánh. Thoạt tiên, người ta đợi cho sương mù tan, sau đó người ta khám phá ra máy bay bị trục trặc cần phải sửa và người ta lo sửa khoảng hai ba giờ gì đó. Chúng tôi đi lang thang trên đảo, buồn vô hạn. Cát chui cả vào

trong giày tôi. Chúng tôi đã nói với nhau tất cả những lời mà chúng tôi muốn nói. Sau cùng, máy bay sẵn sàng cất cánh. Các hành khách đã bắt đầu lên tàu. Chú Ba vẫy tôi và tôi nói:

- Pao, em đi! rồi leo lên mấy bậc thang.

Pao đứng nguyên chỗ mà tôi vừa từ giả chàng. Tôi cười với chàng qua lần cửa kính nhưng mặt chàng đã đanh lại. Máy bay bắt đầu nổ máy. Tôi áp má vào cửa sổ và vẫy chàng trong khi tàu bay chạy trên phi đạo. Pao đã quay lưng đi, nhưng vẫn đứng nguyên một chỗ, không động đậy...

# ĐƯỜNG VỀ TRÙNG KHÁNH

Han Suyin

[www.dtv-ebook.com](http://www.dtv-ebook.com)

## Dịch Giả: Trùng Dương & Hồ Hải

### Chương Mười Một

Gia đình muốn tôi ở lại Trùng-Khánh cho đến khi Pao về. Tôi đã cực nhọc quá nhiều rồi, mọi người nói với tôi như vậy. Bây giờ tôi phải nghỉ ngơi và sửa, và bồi bổ sức khỏe. Mọi người đều muốn cưng chiều tôi, giúp tôi giải khuây để khỏi thấy buồn và cô đơn. Nếu họ trông mong người khác đối xử với họ sao thì họ đã đối xử với tôi như vậy. Nhưng tôi không quen để người khác chăm sóc mình quá nhiều như vậy. Dù yếu hay khỏe, tôi luôn luôn ghét việc mọi người quá chú ý đến tôi. Tôi cần có những khoảng thời gian sống riêng tư một mình. Nhưng đó lại là điều mà gia đình tôi không hiểu cho. Họ muốn rằng mọi thứ phải náo nhiệt; nghĩa đen là "thân thiết và ồn ào". Cô độc chỉ hợp với những người ẩn tu. Một vài thi sĩ, dĩ nhiên là có những ý tưởng kỳ dị, đã ca tụng nỗi hoan lạc được cảm thông với thiên nhiên trong cô đơn, nhưng những người khác có đầy đủ trí khôn, ai là người không thích tìm đến đồng loại trong các buổi hội hè? Không bao giờ họ nghĩ ra rằng buổi mai chớm hôm nay, hay buổi mai chớm ngày mai lại có thể trở thành buồn tẻ và các cuộc vui liên tiếp có thể làm cho tôi chán! Không bao giờ họ có thể tưởng được rằng tôi có thể chán cái nếp sống được chiều chuộng, che chở trong lòng Đại gia đình.

Khi ở Thành-Đô, tôi không đau khổ nhưng cũng chẳng sung sướng gì. Tôi sống như trong cơn nửa thức nửa ngủ.

Tôi chỉ lo đến những cái hơi hợt, bên ngoài: quần áo, ăn uống. Còn về phạm vi tư tưởng, không có những thắc mắc trí thức cũng chẳng có gì hứng thú. Tôi nảy ra cái ý tưởng là mình đang được bồi đắp trái ngược với sự



sống. Tôi trở thành ít nhạy cảm đối với cái lạnh, với ánh nắng, với hương vị và màu sắc của các thứ hoa: mỗi khi bước đi, tôi cảm thấy bước chân như xa vời mặt đất hơn. Những cảm quan thực bén nhạy đối với tôi vốn được coi là cuộc sống, bị trì độn, bị ru ngủ. Tôi bắt đầu thấy rõ là sự tử tế của gia đình đã bao lấy tôi như một lớp bông gòn vậy.

Tôi quyết định ra đi.

Chú Ba sẽ lại bay về Trùng-Khánh, công việc ngân hàng cần chú phải có mặt ở đó vài tuần lễ. Tôi theo chú để chăm nom nhà cửa.

Đã từ lâu, gia đình luôn áy náy về vấn đề nhà cửa ở Trùng-Khánh, vì không có người cai quản. Rất nhiều người đến đó rồi đi. Ngôi nhà đó giống như một quán trọ hơn là một mái nhà. Người nhà không ai có uy quyền ngoài chú tôi nhưng chú lại quá bận và thường vắng mặt. Tại Trung-Quốc, trong giới trung lưu, lẽ thường là đàn bà phải coi sóc bất động sản, sắp xếp công việc cũng như là dành dụm. Chỉ ở trong giới thượng lưu, nhàn hạ, bị đòi trụ vì của cải gia truyền, đàn bà mới bị coi là búp bê.

Ngoài việc chăm nom việc nhà, thím tôi còn phải lo thu nhận tiền nhà, thuê đất, sửa sang và tu bổ những tài sản của gia đình. Thím không thể rời Thành-Đô được.

Các bậc niên trưởng trong gia đình đã cho rằng cách tốt nhất là Chú Ba lấy vợ nhỏ để bà này điều khiển ngôi nhà ở Trùng-Khánh. Và chú đã lấy. Nhưng bà nhỏ lại tỏ ra biếng nhác và vô tích sự, không đủ khả năng đảm nhiệm việc đó. Bị trác, Chú Ba liền kín đáo gởi bà về một căn nhà ở miền quê sống thơi với một đám họ hàng và bà an phận với những lần thăm viếng xã giao hiếm hoi của chú tôi. Chú không muốn làm một cuộc thí nghiệm kiểu này nữa.

Ngôi nhà của chúng tôi nằm trên một khu đồi cao, ở về phía Gia-Lâm, gần cửa sông. Dọc theo đỉnh đồi là con đường giàu thịnh nhất, đường Tô-Vũ-

Khải với những cửa hàng lớn lao át cả những ngôi nhà ở chung quanh. Nó dẫn xuống một địa điểm toàn là nhà sáu bảy tầng- với Tứ-Xuyên đây đúng là những ngôi nhà chọc trời. Trong đám đó có nhà ngân hàng của chú tôi, một kiến trúc bề thế bằng đá màu xám.

Tôi đến Trùng-Khánh ngày một tháng năm 1939. Công việc cai quản căn nhà của chúng tôi không có gì khó nhọc cả. Đám người làm chẳng cần đến tôi cũng biết hết cái nề nếp quen thuộc của nhà. Tất cả có tám hay mười người gì đó, nhưng tôi không bao giờ nhớ được tên từng người vì họ thường được thay đổi luôn. Tuy nhiên đám "gia nhân tin cẩn" gồm có ba người thì bất di dịch. Lão Sáng là quản gia, một người có tuổi, dáng gầy côm, trịnh trọng, ít nói và năng động. Hẳn biết hết những điều cần phải biết, thoáng nhìn là nhận được ngay rằng chú tôi đang vui vẻ hay đang giận dữ và lo sao để mọi người hiểu mà cư xử cho hợp cách và hẳn chẳng sợ ai trừ tên đầu bếp. Khi hai người này cãi nhau, luôn luôn Lão Sáng phải nhường.

Lão Lí là đầu bếp thượng thặng nếu ta tin vào câu ngạn ngữ rằng chiếc khăn quàng trắng là biểu tượng của nghệ thuật nấu ăn và rằng tất cả đầu bếp đều mập ú là đúng. Theo ý tôi, hẳn lạm dụng mỡ và ớt quá mức, nhưng đó là thói quen của vùng Tứ-Xuyên. Hẳn rất ganh tỵ với những đặc quyền của hẳn. Một hôm tôi đề nghị hẳn nấu mì "trắng", nghĩa là không có tương ớt, không có dầu và không hạt tiêu mà để nguyên như chúng tôi vẫn thường ăn ở miền Bắc; lão Lí nhìn tôi vẻ như thương hại và lâu lâu nói với cái nôi:

- Mì luộc! Nấu với nước! Chắc là miền Bắc hẳn thiếu đầu bếp.

Vì món ăn của hẳn có vẻ hợp khẩu Chú Ba và khách khứa nên tôi không đề nghị thêm gì cả.

Gia nhân tin cẩn thứ ba là Hồng-Sảo, Á-Xâm. Hẳn có chồng đang ở ngoài mặt trận và một đứa con mới mười tám tháng. Đó là một phụ nữ xinh xắn nhưng tính tình nóng nảy và hách dịch đến nỗi hai người làm dưới quyền

hắn không mấy khi ở lâu quá hai tuần và lão Sáng lại phải kiếm người khác. Đi đâu hắn cũng tha đứa con, địu sau lưng bằng một miếng vải mỏng tanh. Dù vậy hắn chẳng thấy vướng víu gì và đi lại huỳnh huých, đến đổi người ta phải sợ rằng cái đầu của đứa bé có thể văng ra và lăn lông lốc dưới sàn. Ấy thế mà đứa bé có vẻ khoái như vậy: nó không bao giờ khóc mà ngủ mê suốt ngày trong khi cái đầu gật gù lắc lư tứ phía.

Công việc độc nhất mà đám gia nhân cho phép tôi mó tới là việc cắm hoa. Nhà tôi không có vườn bởi vì không có cây cỏ nào muốn mọc trong sân cả, nhưng tất cả các thứ hoa xuân Tứ-Xuyên đều được bán ngoài đường: hoa mận, hoa mai kép màu hồng màu trắng; hoa lan rừng với những cánh hoa mỏng tanh với mùi thơm như quất; hoa hồng, hoa Thất-lý-hương "hương thơm bảy dặm" - những cành lớn đầy hoa hàm tiếu trắng phau; hoa mộc-qua của Nhật với những sắc xẫm, hoa khoa diên vĩ đại màu xám nhạt, mang từ quê ra hàng gánh lớn và bán với giá vài xu. Thật là thú vị khi sắp xếp hoa, tươi và mát, khi cắm hoa vào những bình bông lớn màu xanh, màu huyết dụ hay những bình bằng đồng, khi hàng ngày thay hoa cũ bằng những hoa tươi hơn trong đại sảnh, trong các phòng ngủ.

Nhà chúng tôi thật là kỳ quái. Chú Ba vừa ở Trùng-Khánh vừa ở Thành-Đô. Anh Hai đôi khi về nhà, đôi khi ở nhà ngân hàng, anh có phòng riêng ở đó. Những ngày lễ hay ngày nghỉ mỗi tuần, nhà đầy thanh niên: các anh chị em của tôi, các anh em họ và bạn của họ, những sinh viên đại học Trùng-Khánh hay các vùng phụ cận. Các bạn của Chú Ba cũng thường đến luôn. Tôi không thấy một người bạn nào của Pao. Không biết có phải vì họ không biết tôi hiện có mặt nơi đây hay có lẽ, chắc họ cho việc đến thăm tôi trong khi chồng tôi vắng nhà là bất tiện.

Mùa xuân đó, nếu có một không khí lo âu vu vơ ở Trùng-Khánh, chúng tôi cũng chẳng nhận ra. Sâu trong mấy khuôn sân của nhà tôi, các ngày dài trôi qua trong bình lặng. Một đường hẻm hẹp nối liền nhà tôi với đường phố

chính. Ngôi nhà nằm lẫn giữa các cửa hàng lớn, có nhiều tường cao bao quanh. Đám gia nhân sống trong sân trước. Phòng tôi nằm giữa sân trong.

Khi chú Ba và anh Hai vắng nhà, tôi sống lủi thủi một mình trong dãy nhà trong. Nơi đây, tiếng ồn ào liên tục của thành phố chỉ còn là tiếng thì thào thoảng qua. Tôi tận hưởng sự đơn côi mà tôi đang cần. Tôi đọc, tôi viết cho Pao, dịch vài trang sách hay nếu nhàn rỗi, tôi tiêu thì giờ trong việc ngắm mấy con cá vàng trong hai hồ cá, hay leo lên nóc nhà nhìn những con tàu trên giòng Gia-Lâm và những ngọn đồi xám ngắt ở phía Nam dòng Dương-Tử. Buổi chiều có khách đến ăn cơm- người ta nói về giá sinh hoạt đắt đỏ, về những lớp người tản cư vẫn ào ào đổ vào Tứ-Xuyên không ngừng, những cuộc ném bom. Nhưng không ai lo ngại cả. Chiến tranh còn ở xa- ở sâu- bên kia dãy núi.

Ném bom thì cũng có. Không nhiều, chỉ một vài máy bay. Nói chung, chúng chỉ nhằm các mục tiêu quân sự. Dù vậy, chúng cũng đến viếng thành phố một lần vào tháng giêng, nhưng không gây thiệt hại quan trọng. Chính phủ báo động và ra lệnh tản cư. Ít có ai nghe lời, không dễ gì mà thay đổi tính khí của người ta: miền Tứ-Xuyên luôn luôn có vẻ xa với mọi thứ, cách biệt hẳn sau dãy núi trùng điệp. Người ta thấy Trùng-Khánh là an ninh. Dân tản cư thường kể đến cảnh nhà của họ bị tàn phá, những thành phố bị thiêu rụi. Những đám dân tản cư bị quật ngã hàng loạt bởi súng đại liên. Nhưng những điều đó đều xảy ra ở Nam-Kinh, ở Thượng-Bắc, ở Vũ-Xương- xa Tứ-Xuyên biết bao! Đối với những người dân Trùng-Khanh, một cuộc dội bom, đó là điều xảy ra cho những thành phố khác mà thôi! Làm sao họ lại phải lo sợ?

Khi mà cái sợ, cái sự thực phũ phàng chưa đập chúng tôi, mọi người chúng tôi vẫn cứ tưởng mình là đứa con cưng của định mệnh. Những điều xảy đến cho người khác không có gì là quan trọng, không gì có thể hay lại dám xảy ra cho chúng tôi. Bởi vì? Bởi vì chúng tôi không thể nào nghĩ rằng chúng tôi sẽ bị tan rã, trừu tiệt. Chúng tôi đã chuyển cái điều bất khả đó sang những

gì ở chung quanh chúng tôi. Cái nhà này, cái nơi yên lành và quen thuộc chúng tôi thường đến hàng ngày, không có gì có thể xảy đến cho chúng được.

Trái ngược với mọi sự thật, bất kể cả lý trí, trong tâm tưởng chúng tôi, ai cũng rất tin tưởng là mình bất diệt và cả gia đình, cả tài sản của mình cũng vậy. Cho đến khi một cơn đại nạn kinh khủng thực sự rơi trên đầu chúng tôi.

Người ta đã sửa soạn sẵn các hầm trú ẩn. Chúng tôi cũng có một cái ở đầu đường, nhỏ và sơ sài. Số hầm không đủ mà lại không có tổ chức sửa chữa. Người ta muốn đi đâu thì đi. Có nhiều hầm chật ních, có nhiều hầm lại trống rỗng. Trong những cơn báo động, một sự hỗn loạn ồn ào rồi rít tràn ngập các đường phố, đến nỗi có một số người trốn ở trong nhà, phó cho may rủi còn hơn. Chúng tôi cũng thuộc hạng đó. Nhớ đến hồi ở Quế-Lâm, đến cơn sợ hãi truyền nhiễm, tôi thường đến căn phòng gần giữa nhà, nhất là đại sảnh, để càng được xa với những tiếng la, tiếng ồn ào ở ngoài đường càng tốt, và say sưa đọc sách. Chú Ba luôn luôn có vẻ lạc quan rất ngây thơ. Nếu ở nhà, chú thản nhiên ngồi ở bàn làm việc, tập viết với cây bút lông. Bất kỳ một sự lên gân; một sự co thắt bất thường nào của bắp thịt đều làm hư các đường xoắn. Cần phải làm chủ được bàn tay, đồng thời để cho nó được tự do tạo thành những chữ được cân xứng, những nét thật dày và rõ. Thế có nghĩa là Chú Ba không hề bị khuấy động, vì các chữ chú viết trong thời gian báo động đều tuyệt hảo.

Khi còi dứt báo động hú lên, chú thường đến ngân hàng để kiểm soát. Đám nhân viên sống cả tại đó như là một đại gia đình với đủ cả đầu bếp, người làm để xách nước và giặt rũ do cơ sở cung cấp. Khoảng sáu mươi nam nhân viên sống chung trong các phòng ngủ lớn, mười ba nữ nhân viên sống trong những phòng nhỏ hơn ở trên nóc nhà và mấy người làm sống riêng trong các buồng khác.

Trong các cuộc báo động, tất cả mọi người đều đổ xuống hầm với đồ ngủ và đồ quý giá của mình. Anh Hai có trách nhiệm coi sóc dưới hầm, một công việc khá nặng nề. Anh cao một thước sáu mà cân nặng chưa được năm chục kí. Tay và chân như tay chân con gái, tóc đen nhánh và cong, cặp mắt thật sắc. Thì giờ của anh được dùng để ký ngân phiếu, đóng mộc giấy tờ, điện thoại, la hét lệnh lạc. Nhưng trong một cuộc báo động anh thường giữ vẻ rất bình tĩnh. Khi tất cả mọi người đều xô nhau xuống hầm, anh thường leo lên mái nhà với cái ống nhòm để tìm kiếm các máy bay Nhật và xác định mục tiêu của chúng.

Tháng ba rồi tháng tư. Đến tuần lễ đầu tiên của tháng năm, các cuộc báo động trở nên thường xuyên và chính phủ khẩn thiết kêu gọi tản cư. Cũng giống như ở Quế-Lâm, gần như sáng nào, sáng nào cũng đều có báo động, vào khoảng 10 giờ. Một không khí căng thẳng bắt đầu thấy rõ. Các người làm phụ trong gia đình tôi bắt đầu kiếm cớ để xin nghỉ thật lâu: về quê gặt lúa, thân nhân bị bệnh hay cưới xin. Họ xin phép về quê. Nhưng ba kẻ trung thành- Lão Sáng, Lão Lí và Hồng Sáo- đều ở lại. Họ còn không chịu rời nhà để xuống hầm núp công cộng mỗi khi có báo động. Điều đó một phần vì tính lười biếng trì trệ, nhưng cũng còn do cái tinh thần trách nhiệm đã ẩn sâu trong lòng các gia nhân trung thành. Họ tự thấy phải có bốn phận phải canh gác nhà cửa và tài sản của chủ, trộm cướp hoành hành dữ dội trong các thời gian báo động: chúng tôi không đòi hỏi họ phải làm vậy, ngược lại còn bắt họ đi xuống hầm là khác, nhưng họ bướng bỉnh không chịu đi.

Ngày một tháng năm, chú tôi lấy tàu bay đi Thành-Đô. Tôi cùng đi với chú ra phi trường, không biết rằng hình chiếc máy bay bạc trắng trên lớp cát vàng sẽ khơi dậy trong trí tôi cái kỷ niệm của bữa trước khi tôi từ giã Pao. Trở về nhà, tôi lao đầu vào công việc để dẹp tan cái cảm giác cô đơn nào nề và nỗi nhớ nhung Pao. Chú Ba đã giao phó hết công việc nhà cho tôi. Tôi quyết định đóng thùng tất cả những gì giá trị: sách vở, tranh ảnh, các bộ da, các bộ sưu tập đồ cổ của chú tôi vì chú đi mấy tháng luôn. Với lại, dù

không tự nhận, tôi vẫn có ý lo ngại các cuộc dội bom. Tôi không sợ, nhưng cần tắc vô áy náy. Tất cả nhưng đồ này sẽ được an toàn hơn ở nhà ngân hàng. Dĩ nhiên là các hầm sắt đều đã quá đầy, nhưng chúng tôi có đặc quyền họ sẽ phải xếp chỗ cho chúng tôi. Tôi bắt đầu xếp sách.

Hai ngày sau có cuộc oanh tạc. Tôi ở nhà một mình với mấy người làm. Theo thông lệ, chúng tôi đều không rời nhà. Máy bay đến nơi. Chúng tôi nghe thấy tiếng máy bay ì ào ngay trên đầu.

Chúng bay thật cao, bay qua luôn! Chúng tôi nghe thấy một loạt tiếng nổ và các cửa kính rung lên dữ dội. Bom! Gần ngay sát bên! Giữa thành phố! Hồng Sảo và tôi, mọi người đứng bên một kết đồ, ngó nhau kinh ngạc. Đây không thể là sự thật được. Chắc là gió đã bõn chúng tôi, đã đưa tiếng động từ xa về. Chúng tôi lắng nghe sự yên tĩnh bất thần của thành phố, có lẽ vì cơn báo động bất thần, nhưng mỗi phút mỗi thêm nghi ngại. Nhất định cuộc dội bom phải ở xa hơn chúng tôi cảm thấy. Làm gì có mục tiêu nào ở gần nhà chúng tôi?

Một tiếng còi the thé vang lên ngoài phố. Tôi vùng chạy ra công với đám gia nhân, nóng lòng nghe tin tức. Một toán cứu cấp chạy qua với những băng ca. Dọc theo phố, người ta đứng đến hết các lối đi và dưới các mái hiên, họ đoán, họ dò hỏi:

- Ở đâu đấy?

- Ngay kia kìa, ở phố bên cạnh đó!

Các băng ca quay trở lại. Có người. Một người đàn bà với đám tóc dính đầy máu; một đứa trẻ con chết, bụng bị sè vì miếng bom và nhiều nữa! Tôi đã nhìn quá đủ. Tôi quay vào trong nhà. Chuông điện thoại reo vang. Anh Hai gọi từ ngân hàng.

- Cô có sao không?

- Phở bên cạnh!

- Gần thế à! Chúng bay cao quá nên không thấy. Anh tưởng là họ nhắm phi trường. Dội bom thành phố chẳng được cái ích gì. Phá cửa, đốt nhà có giúp gì cho họ? Nhất định đây là một sự lầm lẫn. Cô đã gói đồ rồi hả? Chiều nay anh sẽ cho người đến lấy những đồ quý. Cô gửi hết tất cả những gì có thể sắp xếp được. Có thể sẽ còn có tai nạn như vậy nữa.

Suốt buổi chiều, tôi và mấy người làm lo gói ghém đồ đạc và gửi rất nhiều kiện đồ quý của chúng tôi đi. Chúng tôi dọn sạch phòng đại sảnh, nhưng cũng còn lại nhiều đồ- áo lạnh, các tấm thảm, nhiều sách vở, đồ đạc của Pao và của tôi.

Đến chiều tối, tôi cảm thấy mệt lử vì nóng bức, cái oi nóng ngọt ngọt của mùa hạ Trùng-Khánh. Mùa hạ đã đến quá sớm vào tháng năm. Mặt đất khô cằn và đầy bụi bặm nhưng không khí đè trên mặt sân như một chất nước nặng nề và khó chịu. Tôi trèo lên sân thượng, trên nóc nhà nhưng cũng không có một ngọn gió, tôi thấy ngọt ngọt như bị nhốt trong chỗ kín, như trong một căn buồng không có cửa sổ. Mặt trời đã lặn, nhưng khí nóng còn bốc lên hừng hực trên nóc nhà. Bầu trời đỏ ửng, chụp xuống như một cái vung, bưng kín hết cả chân trời. Mặt trăng mọc thật thấp ở phương đông và bị hơi nước bao quanh thành sắc tím bầm, mặt trăng nặng nề, méo mó, cách ba ngày tròn trắng. Nhìn xuống thành phố, tôi thấy các mái nhà vẫn san sát như cũ, không bị đứt quãng.

Lão Lí ló đầu lên nơi đầu cầu thang:

- Thua cô cơm đã dọn!

Tôi xuống phòng đại sảnh. Lão Lí đã dọn bữa cơm chiều của tôi trên góc bàn tiệc lớn tương và trống trái. Mặc dù phòng mở ra trước sân trong nhưng tôi chẳng thấy mát, chẳng thấy một ngọn gió. Ngọn đèn sáng chói không có chụp hình như tụ sức nóng lại. Căn phòng này mỗi khi thật là sang trọng,



thật là dễ chịu biết bao với những cuốn tranh lụa thanh nhã, những bình hoa tươi mát, bây giờ có vẻ như hoang dại. Tường đều trống lổc, ghế được dẹp sát vào góc; các thùng đồ xếp dỡ nằm chình ình giữa nhà và một đồng hồ ngón ngang nằm đầy chung quanh. Chán hơn hết thấy là cái bàn lớn và trống trải với một phần ăn duy nhất cô đơn.

Sáng ra, tôi dậy thật sớm, dù đã ngủ một giấc khá đầy mà vẫn chẳng thấy bớt mệt, tôi chất một thùng toàn sách của Pao rồi đi ra ngân hàng.

Anh Hai giúp tôi xếp thùng sách vào chỗ an toàn. Chưa hề bao giờ biết sợ bom, anh nhú mài về bực tức.

- Dĩ nhiên đó chỉ là một tai nạn và ít có dịp xảy ra nữa, nhưng có lẽ cô nên về ở Đại-A-Vũ chẳng?

Đó là một ngôi nhà ở vùng quê, khoảng hai mươi cây số sâu trong bán đảo, phía bên kia phủ Tô-Quan. Nhà Ngân Hàng có mấy cái kho ở đó để chứa hàng và một căn nhà nhỏ cho người gác đàn. Ở đó chưa hề bị dội bom bao giờ; nó ở xa quá các mục tiêu quân sự. Chỉ là một cái vườn trên một ngọn đồi toàn thông và dưới chân đồi, các cánh đồng lúa trải dài trong thung lũng. Ở đó là an toàn nhất.

Anh Hai đã nói như vậy vào khoảng tháng năm 1939... Sau này các cánh đồng chung quanh và chính ngay cái vườn cũng lỗ chỗ toàn hố bom; các cây thông bị chặt và các căn nhà đều bị đổ nghiêng.

Tôi trả lời anh là lúc này tôi chưa thấy cần phải đi khỏi thành phố.

Nếu tình hình bớt bớt hơn... Nhưng ở Nam-Ninh, sau cuộc dội bom đầu tiên chỉ có toàn những cuộc báo động lầm. Máy bay chẳng trở lại bao giờ. Ở Quế-Lâm cũng vậy. Tôi có thể đợi được.

Khi chúng tôi ở dưới hầm lên, người ta báo cho chúng tôi biết có Chình Páo, báo động. Lúc đó khoảng 10 giờ sáng, giờ thông thường của các cuộc

báo động. Tôi nấn ná ở lại ngân hàng. Đây là một chỗ tốt nếu có đội bom. Bấy tầng lầu trên đầu đủ để chặn một quả bom trước khi nó xuống đến đất, hơn nữa căn hầm lại được đào sâu vào trong đá cứng. Tôi đợi hàng giờ. Giờ giấc thường không thể đoán được. Thông thường trong một cuộc báo động, sau khi hồi còi thứ nhất- Kung-si tấn công, có nghĩa là các máy bay Nhật đang ở trên không phận vùng và phải ít ra là một giờ sau mới có hồi còi thứ hai: "khẩn cấp" hay "hết báo động". Nhưng hôm đó, sau hồi còi Kung-si đầu tiên, nhiều giờ trôi qua mà vẫn không có lệnh gì khác. Đến hai giờ trưa, mọi thứ lại có vẻ bình thường, người ta lại đổ ra đường, các cửa hàng lại mở. Tôi nghĩ tới mớ đồ đạc phải đóng thùng và thấy thật vô lý để đợi lâu hơn nữa.

Một ngày thật ngốt người, mặt trời sáng trắng chói chang. Những chiếc xe hơi phóng qua- rất nhiều và chở đầy hành lý- tung lên hàng đám bụi mù. Đường phố có vẻ thường lệ, người ta nhộn nhịp đi lại. Nhưng một nỗi lo âu mơ hồ tiềm ẩn đâu đó. Thỉnh thoảng, đám bộ hành lại như là nhộn lên lo ngại. Tôi dừng lại trước một cửa hàng để mua xà phòng.

- Chúng ta đang có báo động hay sao vậy? Tôi hỏi người bán hàng.

Mấy cái còi chắc bị hỏng, ông ta trả lời. Cơn báo động đã dứt, rõ ràng như vậy! Bà có thấy nó kéo dài hàng giờ bao giờ chưa? Mọi người lo sợ chỉ vì vụ xảy ra hôm qua, chỉ có thế! Bà xem, vừa lúc này có một người vừa chạy vừa la: Chình Páo, thế là cả phố đua nhau chạy. Điên hết cả, làm vậy chả ích gì. Sự thực là các máy bay đến rồi lại đi rồi. Máy bay săn giặc chứ không phải máy bay thả bom. Chắc là chúng đã đụng với máy bay của ta, phía sau dãy núi về phía nam bờ sông. Hôm nay thế là hết, bà có thể tin tôi.

Có lẽ nên bỏ qua tất cả và tiếp tục làm việc thì hơn. Về đến nhà, tôi tiếp tục công việc lọc lựa và gói đồ. Chiếc áo khoác của Pao hôi mùi mốc. Tôi máng nó lên một chiếc ghế giữa sân để phơi. Càng ngày cơn nóng bức càng tăng. Đến năm giờ, tôi chịu thua và về phòng ngủ một chút, khoảng nửa giờ

sau tôi bị đánh thức vì Hồng-Sảo đang bật lên bật xuống cái công tắc đèn trong phòng.

- Bóng đèn bị cháy! Tôi nói. (Mà thực ra, cần gì phải bật đèn, trời hãy còn sáng.)

- Không phải đâu cô Ba. Tôi đã thử cả ở trong phòng tắm mà cũng không được. Tất cả nhà luôn. Hẳn có vẻ sợ.

Cơ sợ sệt của hẳn làm tôi bực mình, nhất là vì hẳn đã khơi dậy cái khoảng chớp nhoáng trong tôi cái nỗi kinh hoàng bất thần, thiếu suy xét tràn ngập người mình trước khi óc ta kiểm soát lại được lý trí. Có khối lý do để khiến điện bị cúp, tôi nghĩ ngay đến cái nguyên nhân hiển nhiên nhất:

- Họ đang sửa các đường dây điện bị hư vì cuộc dội bom hôm qua! Mà đúng rồi! Có lẽ nhà ta cũng cùng đường dây với phố bên cạnh chứ gì! Cả hai tôi đã quên hẳn là đèn đã cháy suốt đêm qua!

Hài lòng với lời giải thích của tôi, Hồng-Sảo ra khỏi phòng. Mãi sau tôi mới nhận ra rằng lần đầu tiên hẳn không địu con sau lưng. Có lẽ vì trời nóng quá?

Tôi vẫn thiu thiu ngủ trong cơn oi. Mười phút trôi qua. Rồi, văng vẳng, rất nhỏ, một hồi còi độc âm bất thần cắt ngang giấc ngủ. Cả ngày, tôi đã chờ đợi nó trong vô thức, nếu có cái gì đó trong tôi đã không ngóng đợi cái hồi còi này, tôi đã không nhận ra nó yếu và xa quá. Tôi ngừng thở, "khẩn cấp" hay "dứt báo động"? Im lặng. Một hồi còi có nghĩa là "dứt báo động". Thế là xong! Lão Lí bước vào, dáng vui vẻ, nhẹ nhõm:

- Xong! Mọi người đều rời hầm. Tôi đi dọn cơm nghe cô Ba.

Tôi ngồi dậy, búi lại mớ tóc ướt đẫm, sỏ chân vào đôi dép, lười biếng tụt khỏi giường và ra phòng đại sảnh. Buổi chiều tà che khuất nửa chiếc sân trong bóng râm. Đến lúc cất những đồ phơi phóng, cái áo khoác của Pao,

hàng dây giày dép. Đúng lúc tôi cúi xuống để nhặt, trên trời vang vang tiếng ù ù. Tôi đứng thẳng dậy, người cứng ngắc. Tiếng ù ù vang lên cho đến khi trở thành một tiếng gầm nặng nề, nhức tai của một động cơ quay tít. Một chiếc xe hơi hụ máy? Hay là? Tôi quay mình định đi ra cổng. Tôi muốn coi xem có phải vậy không? Tôi đi tới sân giữa. Tiếng gầm vang lên gấp bội. Trên trời chỉ còn là tiếng ầm ầm và rung động. Tôi ngược mắt nhìn lên.

Chỉ nhìn một lần- máy bay và bom bắt đầu rơi, những chấm đen trong không khí, phía sau đuôi máy bay. Bom đang rơi và tôi chạy. Tôi băng qua các phòng, sân trong, tôi vợ vội lấy cái áo khoác của Pao trùm lên đầu trong khi chạy, vào đến phòng đại sảnh, tôi lao xuống gầm bàn. Một tiếng rít nhứt tai lẫn với tiếng gầm ầm ầm, rồi một tiếng nổ, một tiếng vỡ khủng khiếp, một cuộc động đất. Bóng tối.

Giữa cơn kinh hoàng, ngay cái phút giây chớp lòa ấy, tôi cảm thấy tất cả các cảm giác của tôi đều bùng lên trong một nỗi vui sướng cực độ: "Tôi còn sống! Thế là xong, và tôi còn đây. Quả bom đã nổ, thế là hết và tôi hãy còn sống!" (Có lẽ tôi đã kêu to lên thì phải.) "Thế là xong. Tôi may mắn. Tôi còn nguyên vẹn. Tôi còn sống!"

Tôi còn nhớ lúc quả bom nổ, tôi há to miệng, không phải vì lo chấn động đến tai mà vì tôi quá kinh hoàng để đóng nó lại. Tôi ngồi chồm hổm, dưới bàn, giữa hai chân bàn và ngồi nhìn trần trần phiến gỗ trước mặt. Rồi đột nhiên, màn tối chụp xuống.

Ngay sau đó, một cơn sợ tràn ngập lòng tôi, một nỗi sợ ghê gớm. Tôi bị ngạt thở. Tôi không thể thở được nữa. Miệng và cổ tôi đầy những bụi. Nền nhà bị xập. Tôi bị vùi dưới cái bàn- bị chôn sống! Chung quanh tối đen như mực. Trần nhà và các bức tường đều đổ. Căn nhà đã sụp đổ trên bàn và bốn chung quanh. Cái bàn đã đứng vững và tôi ngồi phía dưới, bị vây bốn chung quanh.

Sau khi thở lại được, tôi xoay ra phá bức tường tù hãm, tôi lắc, tôi đẩy những thanh gỗ, những trát vôi. Bức tường cản rung rinh và vận dụng hết sức lực, tôi chui ra. Gạch đá rơi ào ào lên người tôi trong khi tôi chui ra ngoài. Những mảnh ngói đổ rào rào. Tất cả chỉ diễn ra trong vài giây đồng hồ. Tôi quờ quạng chạy lung tung, vấp cả vào những mảnh đổ vỡ chất đống. Tôi không nhìn thấy gì, không khí chỉ là một đám bụi dày đen ngòm. Bụi bay đầy mặt làm tôi nghẹt thở. Ho sặc sụa gần ngất xỉu được; tôi quờ quạng chạy dọc theo vách tường để tìm đường, tôi chạy dọc theo hành lang đến sân giữa và tự động tránh cái hố ở ngay giữa.

- Lão Sáng! Lão Lí! Hồng-Sảo! Tôi gọi to. Mấy người có đó không? Lão Sáng! Lão Lí!

Giữa cơn lốc đen ngòm, một giọng người trả lời tôi:

- Cô Ba! Theo lối này, cặp theo bức tường!

Đó là giọng của Lão Lí. Tôi cặp quạng chạy về phía lão. Hắn nắm lấy tay hướng dẫn tôi.

- Cô có việc gì không? Cô không bị thương chứ. Lão Sáng và đứa con của Hồng Sảo bị vùi dưới này. Phải cứu họ ra. Hồng Sảo và tôi đang đứng trước cửa.

Hắn cào bới như điên. Tôi quỳ xuống cạnh hắn và bới móc đống gạch vụn. Giữa đám bụi mù mịt, Hồng Sảo đang kêu gào tên con ở gần đâu đây. Chúng tôi không ngừng gọi tên Lão Sáng và chẳng thấy trả lời. Chúng tôi cào bới điên cuồng, tuyệt vọng, biết rằng chỉ vô ích thôi.

Đám bụi bớt dần. Chúng tôi có thể lờ mờ thấy nhau. Tôi nhìn ra phía sau, phía bên kia hố bom ở giữa sân. Đám bụi đen ngòm đang tan dần sau chúng tôi để lộ ánh lửa vàng hừng hực. Bom lửa. Lão Lí cũng nhìn thấy.

- Cô Ba cô đi đi! Hấn giục tôi. Ta không thể cứu Lão Sáng và đứa bé đâu. Họ chết rồi.

Tôi lắc đầu và lại cào bới mặt đất cách điên cuồng hơn nữa, hai tay hất tung các mảnh vụn.

- Nhìn, cô coi kìa, ở gần cửa!

Những căn nhà gỗ ba tầng nằm hai bên đầu hẻm dẫn ra đường phố chỉ còn là những con lừa phùng phùng.

Hồng Sảo mặt sáng rực trước ánh lửa, tay dơ lên trời, vừa chạy vừa kêu gào. Chúng tôi không còn bao giờ gặp nó nữa. Một lần nữa, Lão Lí lại gọi Lão Sáng cách tuyệt vọng. Rồi bằng một giọng buồn rầu:

- Lão không trả lời. Thôi, chúng ta bới làm gì, vô ích. Cô Ba đi đi.

Chúng tôi chạy băng qua cửa. Lúc chúng tôi chạy ra đến đường, những ngọn lửa cao vút trùm trên đầu thành một vòm lửa. Một tiếng rảng rặc rợn người. Căn nhà phía bên phải chúng tôi nghiêng đi, lão đảo rồi gục xuống, cháy hừng hực trên cái cổng chúng tôi vừa băng qua. Tất cả phía đường bên đó chỉ còn là một biển lửa. Chúng tôi trợn mắt lên, kinh hãi. Rồi Lão Lí chạy về một phía. Tôi chạy về phía ngân hàng.

## II

### LO SỢ

Dọc theo các đường phố toàn là lửa dưới chân, ào ào ngói vỡ và gạch vụn. Giây điện đứt rồi tung, các cột điện đứng cháy phần phật như những cây thánh giá lửa hay nằm đổ nghiêng trên mặt đường. Tiếng lửa reo hò càng ngày càng mạnh. Tiếng máy bay ù ù xa dần, sau khi đã hoàn tất nhiệm vụ. Đến bây giờ tôi mới nhận biết sự hiện diện của những người chung quanh, câm lặng, kinh hoàng. Không một ai lên tiếng. Người ta chỉ nghe

thấy tiếng thì thảo; từng nhóm nhỏ trên thềm nhà, mặt úp trong lòng bàn tay. Những người bị bắt ngờ ở ngoài đường tụ tập dưới các mái hiên còn nguyên lành, mặt đỏ rần như cua luộc. Ở một góc phố, một nhóm khác đang nghển cổ nhìn trời. Một thầy cảnh sát, súng sáu cầm tay, canh chừng trộm cướp. Người ta nhìn tôi thản nhiên. Chắc trông tôi giống như con ma, một con quỷ với mái tóc xõa tung, quần áo rách bươm và dính đầy bụi. Khuôn mặt chỉ còn là một lớp mặt nạ xám ngoét và trơ như đá loang lổ bụi bặm.

Không ai nói với tôi một lời cho đến mãi lát sau, một thầy cảnh sát chỉ tôi đi qua hướng khác; khu Tô-Vũ-Khải không đi được nữa, một biển lửa.

Tôi phải mất một giờ mới tới được nhà ngân hàng, đi rẽ qua các đường hiểm hóc, các con đường lạ hoắc và gần như bị lạc. Mặt trời hạ dần, nền trời sáng rõ màu trắng đục. Khắp nơi mọi thứ đều chìm trong bất động và im lặng chỉ trừ ánh lửa reo hò cháy lan tứ phía. Tại nhà ngân hàng, có hàng trăm người tụ họp trong nhà xe và trên lối vào thì thảo to nhỏ làm như sợ rằng tiếng nói của họ khiến cho máy bay trở lại. Ngân hàng vốn là một kiến trúc bằng đá to lớn, gần như không bắt lửa, là một chỗ trú ẩn tốt giữa những cửa tiệm bằng gỗ ở chung quanh. Người gác cổng nhận ra tôi và mở cổng đưa tôi vào. Trong bóng tối mịt, chúng tôi đi dọc theo các hành lang, xuống các thang gác. Bàn tay quờ quạng của tôi sờ thấy một lớp vải ấm, một lớp thịt nóng, tôi nghĩ thấy hơi người đang chen chúc nhau. Dưới hầm, ánh sáng mờ nhạt của ngày tàn còn le lói...

Tôi gọi anh Hai. Giọng tôi có vẻ ồn ào kinh khủng giữa sự im lặng và những tiếng thì thảo nho nhỏ. Anh rẽ đám đông đến bên tôi và kéo tôi đến bên một cửa sổ. Tôi nắm cứng lấy tay anh và bắt đầu kể nhưng không được, nước mắt ào ra và cổ họng tôi đau cứng lại. Tôi khóc nức lên với những cơn rung động hãi hùng. Người tôi run lên và tim tôi đập loạn xạ liên hồi. Cho đến lúc này tôi chưa hề khóc chút nào, ngay cả trong cơn lốc tối đen những bụi của quả bom, ngay cả lúc ở trong sân nhà lửa cháy phừng

phừng trước mặt sau lưng, ngay cả lúc tôi vội vã đi ngoài đường phố yên lặng như chết, ngoại trừ tiếng lốp đốp lửa nổ. Nhưng lúc này, khi đã vững bụng với cái tay áo của Anh Hai, với những bức tường dày của nhà ngân hàng, tôi khóc nức nở và không làm sao ngưng lại. Tôi nói:

- Ngôi nhà đã tan hoang. Lão Sáng chết.

Chúng tôi cùng khóc, người nọ an ủi người kia.

Rồi tôi hít một hơi dài, gần như bật cười, tôi đòi nước trà và phải ngồi xuống sàn nhà trên một cái chăn. Tôi mệt run người. Tôi vừa uống vừa kể lại những việc xảy ra, đám nhân viên ngồi cả chung quanh tôi, trong bóng tối lơ mơ tôi chỉ nhận ra những lòng mắt trắng. Tôi trả lời các câu hỏi của họ về các việc xảy ra trên đường phố, về các nơi có hỏa hoạn. Tất cả bọn họ đều ở dưới hầm cả. Ở đó, họ chỉ nghe thấy tiếng bom nổ cách mơ hồ và không nhìn thấy gì. Nhà ngân hàng, đã được báo động kịp thời bằng điện thoại nên họ đã xuống kịp hết dưới hầm...

Đêm buông xuống. Ánh trăng soi một vệt xám trên các khung cửa sổ. Người ta thắp rải rác vài ngọn đèn dầu, không có điện. Ở dưới hầm, không khí thật ngột ngạt. Điện thoại cũng bị cắt. Chúng tôi hoàn toàn vô tin tức.

Đến khoảng mười giờ, Anh Hai và tôi leo bảy tầng lầu lên tận trên nóc nhà, nơi đó chúng tôi có thể nhìn thấy khắp Trùng-Khánh. Cảnh tượng mang một vẻ đẹp huy hoàng. Những ngọn lửa bay lên trời như những ngọn cờ đuôi nheo hay tam giác, lung linh trong làn gió bắc hiu hiu của đêm hè. Những ngọn lửa bốc lên khỏi đám cháy, cuộn lại thành từng cột khói và lửa y như những chiếc cánh đang quạt gió.

Chúng tôi nhìn về phía Linh-Kiên-Minh, tức là hướng nhà chúng tôi: một biển lửa và mặt lửa trao động thành từng lớp sóng lửa sáng lóe. Xa hơn, về phía dòng Dương-Tử, một cột lửa vàng phừng lên từ một trăm xăng, lửa bốc cao hơn cả ngọn đồi phía bên kia bờ sông. Khắp hướng, chỗ nào cũng



ngập toàn lửa. Chúng tôi có thể nghe thấy tiếng ào ào xa vời và khô khan. Không khí sặc mùi khói. Tro và tàn lửa rơi như mưa lên người chúng tôi.

Chúng tôi đứng đó yên lành- vì không có đám cháy nào đủ gần để đe dọa- trên đỉnh thành phố ngập lửa và ngắm nhìn cuộc hỏa thiêu vĩ đại. Trên đầu chúng tôi, xa vời, mặt trăng trắng toát, gần tròn hẵn, lơ lửng trên nền trời nho nhỏ màu sữa. Người tôi khô kiệt cảm giác, không còn khả năng để thấy thương hại hay kinh hãi cho số phận của những người còn kẹt trong các đường phố đang cháy ngút trời.

Sau này, khi tôi biết tin tức của vô số thảm cảnh trong đêm đó, khi tôi thấy cảnh người ta đào bới các đống tro tàn, khi tôi nghe tiếng người ai oán- "vợ tôi", "các con tôi", "chồng tôi" - khi tôi biết rằng trong khi tôi đứng bàng quang làm khán giả ngắm nhìn cái biển lửa đó, hàng trăm, hàng ngàn người đang bị thiêu sống, tôi không thể nào hiểu được sự thản nhiên u ám của tôi trong đêm đó! Tôi không cảm thấy gì cả. Tất cả mọi cảm giác đều chìm lìm trong cơn mệt mỏi vô bờ.

Trong khi đi xuống các thang gác, hết tầng này qua tầng kia, tay phải tôi phải nắm lấy thành gác để giữ người, để đỡ cho tôi khỏi khụy xuống, tôi nhận thấy có vật gì nặng khác lạ đè trên tay trái, cái gì nặng nặng và ấm mà tôi vẫn mang từ nãy đến giờ. Đó là cái áo của Pao.

Từ mấy giờ trước- hàng năm- tôi đã lượm nó khi chạy băng mình qua sân và một cách vô thức, tôi đã ghì lấy nó suốt thời gian qua. "Pao", tôi gọi cái tiếng ấy một cách máy móc. Đó chỉ là một cái tên, nó không có nghĩa gì cả. Tôi mệt mỏi quá chừng! Tôi cuộn tròn cái áo làm gối lót và ngả mình trên một cái ghế gỗ dài để ngủ. Lớp dạ ráp cọ vào cằm và tôi sờ mấy cái nút áo cổ tưởng ra trong trí hình ảnh đôi mắt Pao, môi chàng, giọng chàng. Nhưng dưới làn mi, mắt tôi chỉ thấy một màn lửa cuộn cuộn ngút cháy che khuất tất cả các kỷ niệm. Tôi khóc rấm rức một hồi, ai oán vì chàng đã đi và vì tôi không thể nào tưởng tượng ra được hình ảnh chàng rõ ràng.

Trong văn phòng rộng, người đi kẻ lại tới lui liên tiếp: những người ngoài phố đến leo lên nóc nhà để nhìn rồi lại xuống. Tôi không ngủ được mà nằm liệt trong một cơn mệt lử, ý thức được thời gian trôi qua và mỗi phút, mỗi giây kéo dài ra như một cơn ác mộng chậm chạp. Tôi nghe thấy người ta nói với nhau: "không tốt- trăng đầy- oanh tạc đêm- các đám cháy sẽ chỉ đường cho máy bay". Bất thần, có thật nhiều người đổ vào phòng và ai cũng la bài hải: "Oanh tạc! Lại có máy bay!" Anh Hai lay tôi.

- Máy bay! Chúng ta xuống hầm thôi.

Nhưng ngay cả sự sợ hãi cũng không còn, tôi từ chối không động đậy.

Căn phòng yên lặng được một lúc. Trống rỗng. Tối om. Khi nghe tin có máy bay người ta đã thổi tắt các ngọn đèn Chiếu yêu. Cơ thể tôi đã ngủ được một lát vào lúc đó. Vào khoảng hai giờ sáng, một nhân viên đánh thức tôi dậy.

- Chúng ta đi thôi. Máy bay Nhật sẽ trở lại đây vào lúc bình minh và lần này chúng sẽ tiêu diệt cả thành phố. Hàng trăm máy bay. Đài phát thanh Đông-Kinh nói thế: họ sẽ dội bom Trùng-Khánh cho đến khi không còn viên gạch nào chõng trên viên gạch nào! Mọi người đều đi.

- Đi đâu?

- Đi về Đại-A-Vũ. Người ta đã bàn cãi và quyết định như vậy.

- Ở dưới hầm đâu có sợ gì, tôi miễn cưỡng trả lời.

- Nhưng họ đã nói là không còn một viên gạch...

Đám nhân viên tập hợp cả trong phòng khách. Họ đã thu gói những đồ quý giá thành những bọc nhỏ.

- Anh đã khóa hầm. Dậy và đi thôi, anh Hai nói với tôi.

Nếu mọi người đều đi, tôi không thể ở lại. Tôi đành lượm cái áo của Pao và theo mọi người ra đường. Cửa được cài lại sau lưng chúng tôi.

Nhà ngân hàng đã bị đám nhân viên bỏ rơi. Nếu người gác cửa và hai hay ba người làm ở lại; đó là do tự ý họ. Không ai ra lệnh cho họ cả. Đối với những người có trách nhiệm thì việc chạy trốn bất thường và thiếu tính toán này có vẻ là một sự điên rồ. Sự thật đúng là như vậy, nhưng mọi người đều tin rằng Trùng-Khánh sẽ bị phá tan trước bình minh, không chừa một mái nhà, một mạng người.

Trên trời, ánh trăng, sáng loang lổ một màu ửng đỏ. Tại các ngã tư, chúng tôi nhìn miết các lò lửa hùng hực. Tất cả các khuôn mặt đều quay về một phía để ngắm nghía những ánh lửa đỏ chói với sự kinh hoàng, ghê sợ và mê hoặc. Dòng người chạy trốn đang ngập lên như một con sông được các phụ lưu đổ nước vào. Tiếng rào rào vô tận của bước chân giống như tiếng một trận mưa ở cách xa. Bụi bốc tung lên dưới ánh trăng như một màn sương mù. Hình như tất cả Trùng-Khánh đều chạy trốn.

Chúng tôi đổ ra đại lộ phía trên giòng Dương-Tử. Phía bên trái, vách đá thẳng đứng. Bây giờ chúng tôi có thể nhìn thấy rõ mặt phi trường trắng toát và bóng nhẫy ở phía dưới chúng tôi, với những ánh trăng bạc loang loáng. Bất ngờ, tiếng xì xào của đám đông đổi thành một tiếng la, một tiếng gào kinh hoàng: "Chình Páo", "Máy bay". Cơn điên loạn chụp lấy họ giữa bờ vực và bờ sông hiểm hóc. Mọi người rên rĩ.

"Chình Páo". Họ vút ba lô, hành lý trên đường. Họ trốn, họ giống như những con vật, như một đàn thú dữ đàn chạy loạn vì khiếp sợ, không trật tự không thứ tự... Tôi bị kéo bật ra khỏi Anh Hai, và cuộn vào giữa đám lố toàn người là người, bị xô đẩy, chen lấn, bị cuốn theo những đợt sóng nhấp nhô. Không phải cái tin máy bay làm tôi hoảng sợ mà chính vì sự điên loạn và sự kinh hoàng chung quanh tôi. Đôi giày văng ra khỏi chân. Tôi không dám cúi xuống lượm. Tôi tiếp tục đi tới, chân đất. Lúc này còn tệ hại hơn

kỳ ở Quế-Lâm cả ngàn lần- Cơ sở hải cao độ hơn và Pao không ở cạnh để nâng đỡ tôi. Tôi la lên:

- Anh Hai! Anh ở đâu?

Nhưng không tìm thấy anh trong đám đông và giữa tiếng ầm ầm. Tôi tiếp tục đi tới. Không thể nào đứng lại."Chình Páo". Cái tiếng đó làm cho thần kinh chúng tôi căng thẳng. Nếu thực có còi báo hay có tiếng máy bay, chúng tôi cũng khó mà nghe thấy giữa cái đám ầm ĩ nhốn nháo đó. Anh Hai đợi tôi cách đó một cây số, chỗ mà con đường tách khỏi dòng sông, uốn mình về phía các ngọn đồi. Chúng tôi nắm lấy tay nhau và bỏ lộ chính, chạy trên các đường nhỏ trên đồi.

Đến bảy giờ sáng, lúc trời đã sáng hẳn báo hiệu cho một ngày nóng nực sắp đến, chúng tôi tới làng Đại-Á-Vũ. Một nhà bán hàng nước mở cửa và đang dắt hàng như tôm tươi. Toàn thân tôi đều thấy khát. Tôi không nhớ gì ngoài điều tôi đang khát và mệt.

Chúng tôi leo thêm một ngọn đồi và đến được căn trại của nhà ngân hàng. Ngoài các kho hàng ra, trại còn có một căn nhà gạch nhỏ mà người gác dan chiếm một phần. Khi họp lại, chúng tôi đếm vừa đúng mười bốn phụ nữ và ba mươi chín đàn ông, những người khác đã tản mát về nhà họ hay nhà các người quen.

Chỉ có một cái giường trống trong một căn phòng ở trên lầu. Người ta dành căn phòng đó cho đám phụ nữ. Bà vợ người gác dan bưng cho chúng tôi một ít nước nóng. Tôi đợi đến lượt tôi để lau mặt mày với vài giọt nước và nắn bóp hai bàn chân sưng và tím bầm. Rồi chúng tôi lăn ra ngủ: bảy trên giường và đám còn lại nằm một hàng dưới đất. Tôi cuộn lấy cái áo của Pao, vùi mặt tôi trên lớp vải rậm và ngủ như chết trên sàn gỗ cứng ngắt.

Mặt trời rọi những tia nắng xuống thung lũng, trên con đường ngoằn ngoèo giữa các ngọn đồi. Tôi ngồi như cô hồn trên bậc thềm ngoài hành lang và

nhìn xuống con đường. Hai giờ ngủ đã làm dịu bớt cơn mệt và hơi nóng nung đốt mái ngói đã khiến tôi phải bỏ căn phòng đầy người và ngột thở. Phía dưới, một chuỗi người trong lớp áo xẫm đang lầm lũi đi trên đường. Chẳng khác chi một cuộc di cư vĩ đại của loài kiến; liên tục, nhất quyết và bất li cục kịch. Trên một nhánh đường dẫn vào đồi, tôi thấy dòng người chảy miết không ngừng. Nó đó, nó lại hiện ra đúng như hình ảnh mà tôi đã từng thấy, cái đám người tản cư quen thuộc: những người đàn bà dắt díu hay kéo đám trẻ nhỏ lệch thếch theo sau; những bị cùng bọc; những cái đòn gánh, những cái lưng còng xuống dưới sức nặng của gánh đồ.

"Ôi những con đường Trung-Quốc, tôi lăm bắm trong lòng, mi không còn gì khác hơn là những đám bụi mù dưới gót chân những kẻ trốn chạy, những kẻ bị săn đuổi, những kẻ yếu hèn, những kẻ khiếp sợ hay sao? Ôi những con đường tàn khốc dưới ánh nắng chói chang!"

Chiếc áo của Pao nằm bên cạnh tôi, trên bực thềm. Tay tôi nhè nhẹ vuốt ve nó một cách vô ý thức. Rồi đột nhiên Pao ở ngay bên tôi- tôi đã thấy chàng thật rõ ràng, tôi nghe giọng chàng nói, tôi thấy đôi môi chàng cử động, Pao lại trở thành một hình ảnh sống động trong trí tôi. "Tú-Anh", tôi nghe thấy chàng gọi! Thế là một cái chớp lóe lên qua đầu óc trì độn của tôi. Cái nỗi lo sợ mơ hồ ám ảnh tôi giờ hiện ra rõ rệt: Pao sẽ biết hết những tin tức này!

Chàng sẽ nghe nói Trùng-Khánh bị dội bom. Chàng sẽ lo sợ thất kinh cho số phận tôi. Tôi cần phải gọi điện tín cho chàng rõ. Chàng sẽ cố gọi điện thoại đến nhà- nhưng làm gì con nhà nữa. Chàng sẽ gọi đến nhà ngân hàng, và chuông sẽ đổ liên hồi trong văn phòng trống rỗng, khóa kín không có ai trả lời. Cần phải báo cho chàng rõ là tôi vẫn yên lành vô sự. Không ai- không có người bạn nào của Pao- biết tôi ở đâu. Nếu không nhận được tin của tôi, chàng sẽ chỉ biết là ngôi nhà đã bị hủy diệt vì nguyên một trái bom, chàng sẽ nghĩ là... chàng sẽ làm một hành động liều lĩnh. Trí óc tôi quay cuồng với những ý tưởng: Pao sẽ bỏ nhiệm vụ ngoài tiền tuyến, bất kể đến

kỷ luật, lo sợ tội cùng, chàng sẽ bỏ đi tìm tôi dù có phép hay không, hay có thể, mất hết hy vọng chàng sẽ...

Tôi không chần chừ gì cả. Tôi cần phải quay về Trùng-Khánh, để gửi cho chàng một bức điện tín.

III

## ĐIỆN TÍN

Lập tức, tôi đi tìm anh Hai và thấy anh đang thiu ngủ dưới bóng cây, vừa gãi vừa đập muỗi. Tôi báo cho anh biết tôi quay về tỉnh, không đâu có điện thoại, điện tín ở gần đây.

- Nhưng cả Trùng-Khánh đều đang chạy, anh phản đối, hết sức kinh ngạc về cái dự định của tôi. Phòng điện thoại có lẽ cũng đã bị phá hủy. Các đường dây đều đã bị cắt đứt.

- Còn điện báo nữa, tôi trả lời.

- Nhưng cô tính về cách nào? Không có xe đò, cũng chẳng tìm đâu ra được xe kéo. Họ đều đến đây cả.

- Em sẽ đi bộ.

- Ba mươi dặm.

- Có thể đi được.

- Ngân hàng sẽ chẳng có ai. Mọi người đều đã chạy trốn. Trời nắng và trăng lại đầy thế này, máy bay sẽ trở lại hàng trăm chiếc. Chúng sẽ trở lại hết đợt này qua đợt khác suốt đêm đến khi thành phố thành bình địa, tất cả nhà cửa đều tan hoang và không còn một người sống.

- Em phải gửi một bức điện tín, tôi vẫn bướng bỉnh. Chắc là Pao đã được tin về cuộc oanh tạc rồi. Em cần trấn an anh ấy.

Anh Hai cãi lý với tôi, nài nỉ và sau cùng phát cáu vì sự bướng bỉnh của tôi.

- Ích lợi gì mà báo tin cho Pao biết là cô còn sống trong lúc cô sẽ chết khi đi gửi điện tín cho Pao.

Sau cùng, không thể lay chuyển nổi tôi, anh Hai cho tôi đôi giày phòng hồ độc nhất của anh- tôi phải cột quanh mắt cá mới đi được- bốn chục quan kim sau khi uống trà và ăn một bát cơm. Mọi người đều nhìn tôi lắc đầu trong khi tôi xuống dốc đồi dưới ánh nắng gắt như thiêu.

Suốt con đường, tôi đã đi ngược dòng người. Không có ai ngoài tôi đi về Trùng-Khánh cả. Trên đường, mọi người nhìn tôi kỳ dị, tôi, kẻ đang trở lại thành phố bị kết án tử với chiếc áo của Pao trên tay. Tôi bắt đầu nghi ngờ và tự hỏi liệu có đúng như lời anh Hai nói, liệu tôi sẽ chỉ thấy một thành phố trống lỗng? Tôi hơi sợ, nhưng chỉ vì bướng bỉnh, tôi nhất định không chịu quay lại.

Thành phố hiện ra dưới mắt tôi, trùm dưới màn khói. Tôi tiếp tục đi. Lúc đó là buổi trưa. Càng ngày sức nóng và bụi càng trở nên khủng khiếp! Tôi khát khô cổ. Chẳng bao lâu, đi đến các khu ngoại ô, tôi bắt đầu thấy các đồng gạch vụn và tro tàn tại những nơi bom nổ, và bom lửa đã rơi xuống... Tôi vẫn tiếp tục đi. Đến ba giờ trưa, tôi đến trụ sở của Y.W.C.A. (\*). Tôi có một cô bạn ở đó. Nơi đây hoàn toàn trống vắng. Cửa mở ra khi tôi vịn nắm cửa. Tôi gọi lớn trong phòng khách, nhưng không ai trả lời.

(\*) Nhà trọ dành riêng cho phụ nữ của tổ chức xã hội công giáo.

Tôi đi rảo qua các phòng và tìm thấy ít nước trong cái bình thủy, uống mà chẳng thấy đỡ khát. Trong một phòng tắm, tôi thấy một khay nước, không uống được vì chưa đun sôi, nhưng tôi chùi hết lớp mồ hôi và bụi bẩn trên mặt. Mặc dù đã lục lạo khắp nơi, tôi chẳng tìm được gì ăn. Khi đi ra, tôi

gặp một người giữ cửa ngủ gà ngủ gật và nhăn nhó từ trong phòng hẳn bước ra nhìn tôi vẻ nghi ngờ. Tôi hỏi xin nước nhưng hẳn chỉ lắc đầu với vẻ rầu rầu và không trả lời.

Tôi lại đi. Tôi đã đi mấy giờ liền. Chiếc áo của Pao trĩu nặng trên tay. Cổ họng tôi như bị xé, đau rát vì khói, tro và bụi. Mắt tôi nhức nhối. Hầy còn các đám cháy. Tôi gặp các toán cấp cứu với miếng vải quàng che trên lớp quần phục, mồm và mũi bịt kín bằng một miếng vải trắng. Tôi bước qua các cột đèn đỡ ngốn ngang, dẫm trên đám ngói vỡ, băng qua những đường phố lạng như tờ với các cửa hàng đóng kín mít, các đường phố nguyên lành nhưng vắng hoe và cuối cùng đến nhà ngân hàng, mở cửa vào với chiếc chìa khóa của anh Hai.

Phía trong, không khí mát hơn, lắng đọng như khí đêm, như trong phòng kín. Căn phòng rộng và trống.

Tôi đi rón rén trên nền đá nhẵn bóng, gần như sợ cả tiếng chân mình. Tôi là người đầu tiên trở lại. Tôi đi lang thang qua các phòng giấy. Trong một phòng tắm riêng, kế cận văn phòng giám đốc mỹ lệ, tôi khám phá ra là còn nước trong các ống dẫn, vòi nước vẫn chảy. Tôi cởi quần áo và tắm rửa sạch sẽ từ đầu tới chân. Tuyệt vời! Từ cái buổi tắm như ăn cướp ở Quế-Lâm tôi chưa từng được nếm qua thứ gì khoan khoái dễ chịu hơn. Tôi rũ bụi trên cái xường sám của tôi. Tôi nhúng đồ lót vào trong chậu, vò, vắt khô và rũ cho đến khi ráo nước và mặc lại. Mặc áo quần và chải tóc xong, tôi thấy người khỏe lại và sẵn sàng để đi làm trọn công việc dự tính của tôi.

Phòng điện tín cách đây hai xóm nhà, chưa bị dội bom và không có cách nào đến sát cửa được vì đầy người chen chúc nhau xin gửi tin báo cho cha mẹ, họ hàng. Tôi đứng đợi một lát ở ngoài lề của đám đông chen chúc. Phải hàng giờ để thỏa mãn tất cả mọi người. Hoàng hôn đã đổ xuống. Chẳng bao lâu, người ta thượng một cái thông cáo trên cửa sổ: "Hôm nay không nhận điện tín nữa. Ngày mai xin mời đến đường Hùng-Chí-A-Kiêu. Phòng rời chỗ".



Thôi cũng đành với số phận.

Thoáng một lát, tôi thấy có một mình trong ánh tối sắc lửa lung linh mờ khói.

Ngoài phố không có đèn, tôi vội vã trở về nhà ngân hàng. Tôi nghĩ đến cơm chiều nhưng chẳng có chỗ nào để mà ăn. Điều đó cũng không quan trọng bao nhiêu vì tôi không đói lắm. Dù vậy bước chân tôi lảo đảo, mệt lả người và không thể đi ngay thẳng được. Ăn cái gì có thể giúp tôi qua cơn chóng mặt được. Đến gần nhà ngân hàng, tôi tưởng là mình mê khi thấy có một ánh đèn mờ sau khung cửa; nhưng khi đi vào tôi thấy người gác cửa và hai người làm đã trở lại.

Tôi đã thấy ngọn đèn Chiếu yêu của họ. Họ đã ăn cả rồi mà không còn gì cả, nhưng họ mang cho tôi một bình trà. Họ trái mền của họ trên sàn nhà. Tôi sờ soạng đi về phía phòng đợi và nằm dài trên ghế dựa dài bọc nệm da. Nó thật rộng, thật êm nhưng lại đầy rệp. Tôi thấy là đã quá muộn để có thể làm gì và quá mệt để có thể đi kiếm một chỗ ngủ khác.

Tôi đắp người bằng chiếc áo của Pao. Nó toàn mùi bụi và thoang thoang mùi băng phiến nhưng vẫn còn giữ nguyên mùi vị khó tả của Pao. Tôi hít hà như một chú khuyển và thấy dễ chịu. Tôi lấy tay xoa nhẹ làn da rậm. Thế cũng gần như vuốt ve Pao và tôi bật khóc tím tấc. Tôi chẳng chạy được món gì ngoài cái áo này. Tôi rất buồn khi nghĩ đến bản chứng thư hôn phối của chúng tôi, đến chiếc đồng hồ mà Pao đã cho tôi, đến cuốn thánh kinh nhỏ có mang tên tôi với ngày cưới của chúng tôi trên trang đầu. Rồi, giữa hai cơn xúc động, tôi tự nhủ là mình thật ngu xuẩn nếu khóc vì bất cứ vật gì, bởi vì tôi còn có cái hạnh phúc tối thượng là còn sống. Tự nhủ thế rồi tôi ngủ thiếp đi.

Đến sáng, cơn đói đánh thức tôi dậy. Hai người làm còn ngủ. Người gác cổng đã đi. Trời hãy còn quá sớm để nhà giầy thép mở cửa, nhưng tôi đi bộ ra phố với hy vọng kiếm ra được thứ gì ăn sáng trước khi đi.

Ngoài phố không thấy ai khác ngoài các toán nhân công đang lo dọn dẹp các đồng gạch vỡ, không có tiệm nào mở cửa. Tôi trèo qua các đồng gạch vụn, tránh né các hố bom và các vũng nước còn đọng lại rải rác, với những xác chuột chết nổi lều bều phía trên.

Trên một đường phố với những căn nhà có rào cản và tối om, tôi bất thần gặp một ông già đang ngồi nơi vỉa hè trước những cái kệ cao, như thể mấy cái kệ bày đồ ăn của những tiệm ăn rẻ tiền. Ông lão vừa hút một cái tẩu bằng tre nhỏ nhưng rất dài, vừa nhấm nháp nước trà và ăn bánh kê-quế, một thứ bánh lạt nướng, tròn, không có nhân. Phía sau, người ta kê một hai miếng ván và tôi thấy hai người đàn ông trẻ hơn cùng rất nhiều trẻ con và nước trà với bánh. Họ ngồi xuống và bắt đầu ăn. Tôi ngần ngừ. Tôi mỉm cười:

- Các ông có thể nhường cho tôi một chút nước trà và thứ gì ăn được không? Tôi không kiếm đâu ra một tiệm nào mở cửa!

Ông già đứng vội dậy, tươi cười chào:

- Có chứ! Có chứ!

Họ bưng cho tôi một cái ghế đẩu bằng gỗ. Ông già tráng một cái ly, đổ đầy nước trà và dùng hai tay trang trọng bưng đưa cho tôi. Một người đàn bà bước ra mang thêm bánh. Bánh nóng và giòn tuy hơi cứng. Tôi ăn hai cái và uống nước trà. Họ không hỏi han gì cả, cư xử như tôi là khách, họ mời tôi uống thêm trà và mang thêm vài cái bánh. Không có vấn đề trả tiền. Họ chia sẻ với tôi những gì họ có, tử tế, lịch sự, và khi tôi đứng dậy cảm ơn và xin cáo từ, chúng tôi chào nhau rồi rít. Đó là những người cu-li(\*). Hai người đàn ông để vai trần, mặc cái quần vải nhạt màu bó sát đùi và đi dép. Nhưng cách đối xử của họ lại rất là vương giả.

(\*) Chữ của tác giả.

Hoàng-Chí-A-Kiều rất xa xôi và tôi thấy mệt. Sau khi đi được một phần ba đoạn đường, tôi tiêu mười quan kim thuê một chiếc kiệu... Đã có đầy người trước nhà giây thép. Tôi phải đợi ba giờ để gửi hai bức điện tín, một cho chú Ba ở Thành-Đô báo cho chú biết tôi và anh Hai đều vô sự nhưng ngôi nhà đã bị thiêu rụi và bức khác cho Pao:

Thoát nạn, không bị thương, đi Thành-Đô, đừng lo, Tú-Anh.

Tôi thở ra khoan khoái khi trao bức điện văn và trả tiền. Thế là Pao sẽ yên trí về tôi! Tôi nghĩ đến các tiếng, các chữ chạy dài trên các đường giây điện. Chiều nay hay mai một, chàng sẽ được yên tâm. Hai mươi chín ngày sau bức điện của tôi mới đến tay Pao.

Về đến ngân hàng, tôi thấy anh Hai và vài ba nhân viên đã trở về. Họ sẽ trở lại Đại-A-Vũ vào lúc bảy giờ chiều bằng một chiếc xe vận tải. Họ khuyên tôi nên theo họ, nhưng tôi thích bốn bức tường cao vẳng vẻ của nhà ngân hàng hơn là cái canh on ao u dong o Đại-A-Vũ. Đến tối, tôi kiếm được một chỗ ăn, ánh sáng mù mờ như trong những hàng quán nhà quê với những chiếc đèn xếp bằng giấy trắng...

Hôm đó là 15 tháng năm. Trên nóc thành phố ảo não và tối tăm- trừ vài ngọn đèn mù mờ- mặt trăng đầy, sáng lồng lộng, tròn xoe và xuống thật thấp, đẹp như một viên ngọc. Trên tất cả các làng xóm và thị trấn Trung-Hoa tự do, mọi người hẳn đang hưởng ánh trăng xuân, nghỉ ngơi dưới khí mát buổi chiều trước cửa nhà, đốt vài nén hương hay vài cây nến trước một vài khung cửa. Người ta chưa biết sợ ánh trăng đầy.

Ngày hôm sau, anh Hai và tôi đi thăm một ngôi nhà cũ. Tất cả nơi này đều bị tàn phá, bị lửa thiêu rụi. Tất cả chỉ còn là một bãi hoang đầy tro và than hồng, rải rác một vài đồng lửa còn nghi ngút bốc khói.

Chúng tôi chỉ nhận ra căn nhà nhờ vị trí và cái nền nhà còn lại. Mấy cái sân, mấy khung cửa do tường đá bỏ hồng và các tường phòng, tất cả đều bé

nhỏ cách kỳ dị. Một đồng sắt cong vòng, xoắn tít là phần còn lại của một chiếc giường lò so số dách của chú tôi và một đồng ve chai xanh nhạt là cái bàn làm việc có kính phủ bên trên. Do một phép lạ, hai chiếc chậu Tô-Châu lớn ở sân trước không bị bể nhưng chắc cá ở trong đều đã bị luộc chín hết. Giữa đồng ngói vụn trên căn phòng làm việc của chú tôi, một hàng sách còn giữ nguyên hình dáng, nhưng khi lấy tay sờ vào, chúng tan thành tro và bay tán mát theo cơn gió bắc. Được cái giá sách nặng nề che chở, chắc những cuốn sách đã bị nung đốt sau khi cả căn nhà đổ đè lên trên. Trong sân trong của đám gia nhân, nơi mà tôi và Lão Lí đã bới móc giữa đám gạch gỗ vỡ nát, chỉ còn là một đồng ngói nát vụn. Lửa đã thiêu rụi hết cả.

Chỉ một tuần lễ- bảy ngày- đủ để uốn nắn đời tôi theo một lối mới. Tôi khó mà tưởng ra được một nếp sống khác hay nó chỉ hiện ra như ký ức của một quyển sách mà tôi đã đọc và xem các thói quen, các sự việc như thể tôi đã không thực sự trải qua bao giờ. Bởi thế, một tuần lễ sau cuộc dội bom, khi tôi trở lại Thành-Đô, nó không có vẻ như một lần trở về nhà cũ, mà như mới tới một nơi xa lạ lần đầu. Tôi phải mất nhiều ngày để nối lại cái giòng ký ức bị cắt đoạn, để đặt các biển cố vào đúng chỗ của nó. Trong khi ngồi xe kéo qua các đường ở phố Thành-Đô, tôi mừng rỡ đến có thể phát khóc khi còn thấy một thành phố nguyên lành cách tuyệt vời như vậy! Biết bao mái nhà xinh xắn và thành phố có vẻ đom dáng biết bao với những bức tường, những quán hàng, những cửa tiệm nằm san sát hai bên đại lộ rộng thênh thang! Các đường phố đều sạch bách không có gạch vụn, thẳng tắp, không lỗ chỗ hố bom. Một thành phố bị dội bom trông thật bừa bãi, rải rác các đồng gạch gỗ đổ nát. Một ngôi nhà sụp đổ một nửa trông giống như một thân thể tàn phế; trông nó thảm thương và gần như là sở sàng với cái vẻ tiều tụy của nó.

Thảm thương nhất là sự chết chóc và đau khổ. Nhưng đối với tôi- có lẽ bởi vì tôi là một phụ nữ- cái hỗn loạn do chiến tranh tàn khốc gây ra cũng đủ lên án nó cùng mực độ như sự tàn bạo.

Ở nhà, Thím Ba đón và hỏi han tôi, nước mắt vòng quanh. Cứ mỗi lần tôi kể thêm một chuyện, thím lại nức lên khóc và tôi nghĩ là vì thương cảm và vui mừng hơn là vì tiếc của. Sau khi tôi kể hết, Chú Ba bật lên cười và nói với tôi:

- Thấy không, chú chả thường bảo rằng cái bàn thật tốt là gì. Ngày nay thì làm gì còn thứ gỗ nào tốt như thế nữa.

Chú tỏ ra hoàn toàn rững rưng về việc mất ngôi nhà, chú phát tay- như vất một món đồ vô giá trị- và nói: " Xuẩn ló!" có nghĩa là "Xong!"

Nhưng cái chết của Lão Sáng làm chú xúc động. Đó là một người làm của gia đình từ nhiều năm qua. Lão đã thuộc vào gia đình. Chú tôi định là anh Hai phải đốt nển và tiền vàng ngay tại chỗ tang tóc đó để an ủi linh hồn lão. Chú cũng tính sẵn một món tiền cấp dưỡng cho gia đình lão.

Vẫn chưa có thư Pao! Chắc chắn là chàng phải nhận được điện tín và mấy bức thư mà tôi viết kể tở mỷ việc tôi thoát nạn. Nếu tôi đoán được, hay chỉ mơ hồ tưởng tượng rằng Pao chẳng nhận được gì của tôi, bản khoản lo ngại hẳn đã khiến tôi mất ngủ vì tôi biết rõ bản chất dữ tợn và hung hăng của chàng.

Trên mặt trận Tây-Bắc, Pao đã nhận được những tin tức đầu tiên một hay hai ngày sau khi Âu và Mỹ-Châu nhận được tin điện báo. Tin tức được truyền từ miệng người này qua miệng người kia: "Dội bom lớn ở Trùng-Khánh", không có tin chi tiết: Ngay trong thời bình, việc loan tin ở Trung-Quốc cũng gặp rất nhiều khó khăn kỳ cục. Các báo cáo đều bị méo mó vì tất cả các thứ tin đồn. Trong thời chiến, nơi tiền tuyến, binh sĩ sống trong cảnh đếm từng ngày, chỉ biết lo đến nỗi an nguy trước mắt. Việc xảy ra ở vùng lân cận không liên can gì đến họ cả. Một vài người đã đọc bản công điện hay các bản thông tin quân sự và đã lập lại cách lừng lơ: "Dội bom dữ ở Trùng-Khánh!"

Nói cho cùng, hầu như ngày nào người ta cũng nhận được tin dội bom, "quan trọng" hay "nhẹ" tùy theo báo cáo. Mới đầu Pao không lưu tâm đến tin đó mấy. Rồi dần dần các tin chi tiết mới tới: thành phố bị cháy, hàng dãy nhà nguyên thành bình địa. Ngay khi được rảnh, chàng đã định điện thoại qua hệ thống liên tỉnh từ một thành phố gần đó. Người ta cho chàng biết liên lạc điện thoại với Trùng-Khánh đã bị cắt đứt. Thế là chàng gửi cho tôi một điện tín và dĩ nhiên tôi không bao giờ nhận được.

Những tin chính xác hơn bay đến, lần này lại đáng sợ hơn nữa. Người ta biết rằng số thương vong lên đến hàng ngàn. Trong những ngày kế tiếp ngày dội bom, chàng chẳng nhận được tin tức gì của tôi. Lo ngại ghê gớm, chàng đánh điện về Bộ Tổng-Tham-Mưu yêu cầu nơi đây gửi ai đến thăm dò tin tức của tôi tại nhà chú tôi. Trong khi các hệ thống liên lạc bị hạn hẹp, các công điện quân sự được ưu tiên hơn điện tín dân sự. Công điện được chuyển đi lẹ làng và một sỹ quan, bạn Pao, được gửi đến địa chỉ đã ghi. Anh tìm ra vị trí của ngôi nhà với đám tường đổ. Anh thấy một hố bom ngay giữa khu vực nhà tôi. Biết tin gì hơn là tôi đã bị chết? Anh hỏi thăm và người ta cho anh biết về cái chết của một thiếu phụ có họ Chen- đó lại là họ chú tôi- vợ của một y sỹ thiếu tá lục quân. (Bà ta và đứa con sơ sinh đã bị thiêu sống trong ngôi nhà kề cận nhà tôi.) Xác chết đã tìm thấy và đã được đem chôn. Sau khi lượm được tin trên, bị đánh lạc vì các người kể chuyện, anh bạn Pao kết luận rằng tôi đã chết. Anh trở về Bộ Tư-Lệnh để báo cáo và đánh điện cho Pao:

"Trong cuộc dội bom ngày 4 tháng năm, nhà của anh trúng bom bị sập và thiêu hủy, không thấy dấu vết vợ anh, tiếp tục điều tra."

Nhận được bức điện tín, Pao không thể tin gì hơn những gì được khéo léo che đậy trong các hàng chữ; "Tôi đã chết", "trúng bom", "không dấu vết". Người ta không thể nào dám gửi cho chàng một bức điện tín như vậy nếu người ta không tin chắc là tôi đã chết. Thẩn thờ, Pao nhìn bản văn viết bằng bút chì với khóa điện báo. Ngay lúc đó, chàng chẳng nghĩ gì, không cảm

thấy gì. Chàng chỉ đọc đi đọc lại hàng chữ, lẩm bẩm trên môi, đợi cơn đau ào đến và một khi dâng lên nó sẽ đập tan tất cả căn bản lý trí của chàng. Đó, những người Trung-Hoa với cái vẻ ngoài bình thản, vô phản ứng đối với các cảm xúc là như vậy. Chàng làm một quyết định, một điểm cố định duy nhất giữa cơn dẫn vật hỗn loạn đang quay cuồng trong trí. Chàng sẽ đi Trùng-Khánh, chàng sẽ tìm tôi, sẽ thấy xác tôi, sẽ tìm ra chỗ người ta đã chôn tôi. Sau đó, chàng sẽ tự vận. Chàng đã ngã giá với định mệnh: chàng sẽ chưa chết cho đến khi nào biết chắc về cái chết của tôi. Nhưng, chỉ khi nào chính mắt trông thấy, sau khi không còn nghi ngờ, không còn hy vọng gì nữa, chàng mới chịu lìa bỏ cõi đời.

Chàng đến gặp thượng cấp và xin một cái phép. Nếu họ có từ chối, chàng vẫn cứ đi, không phép tắc gì cả. Họ đều là những người khô khan và tư tưởng của họ giới hạn trong tinh thần bốn phạm và kỷ luật. Có thể họ cho Pao là quá yếu đuối khi công nhiên để lộ cảm xúc đối với tôi như vậy, nhưng họ cũng để chàng đi vì chàng như một tên khùng.

Chàng đến tận Sĩ-An, nhưng từ đó không còn phương tiện chuyển vận nào cả. Không máy bay, không xe đò. Người ta nói với chàng có một chuyến xe vận tải quân đội sẽ đi Trùng-Khánh trong hai ngày nữa, có thể ba. Không có gì sớm hơn cả. Trong hai ngày, Pao đi lang thang ở Sĩ-An, bồn chồn vì sốt ruột.

Không có gì xảy ra trước đó có thể ví với cơn lo sợ trong khi chờ đợi đó. Tình trạng thất thần do cơn chấn động lúc đầu đã qua. Pao đã tỉnh ra, mỗi phút đều ý thức được cơn đau do sự dẫn vật vì óc tưởng tượng gây ra! Không biết gì! Thà chàng biết chắc rằng tôi đã chết còn hơn.

Chàng đánh điện tín cho chú tôi ở Thành-Đô để hỏi thăm tin tức khác, những chứng cứ- hai mươi ba ngày sau chúng tôi mới nhận được. Chàng đã xin được Bộ Tư-Lệnh ở Sĩ-An đánh bức điện tín thứ hai, theo hệ thống chính thức, để yêu cầu Bộ Tổng-Tham-Mưu tiếp tục tìm kiếm tôi. Chàng đi vờ vẫn trên các đường phố. Chàng không ăn, không ngủ, Pao, con người vô

tôn giáo, đã cầu xin tất cả các thần thánh, đã đi từ chùa này sang nhà thờ kia, đã khẩn khứa một lời cầu xin duy nhất trước khắp các bàn thờ: "Xin cho nàng sống. Hay hãy cho con được biết chắc!" Chàng đã đốt nến trắng trước Đức Mẹ Maria, đốt nhang trước Phật Bà Quan Âm, vị Phật toàn nhân đức. Chàng đã tặng tiền cho các nhà sư mặc áo cà sa để giải đoán các quẻ thẻ xin trước tòa sen. Khi có những lời đoán tốt, chàng lại tặng thêm nhiều tiền nữa và ra đi cùng với lòng lo lắng cứ dầy xéo trong lòng vì chàng vẫn coi các nghi lễ đó là dị đoan. Chàng đã quỳ trong một nhà thờ Tin Lành quét vôi trắng toát, đã đọc bài kinh: Hãy cứu giúp chúng tôi khỏi điều dữ. Chàng thêm vào: " Hãy cứu giúp nàng".

Còn tôi, từ hơn một tuần nay, tôi ở Thành-Đô yên lành và vô sự. Đó là ngày 20 tháng năm- mười sáu ngày sau cuộc dội bom, gần như đúng từng giờ.

Tôi đang ngồi trong vườn, ngắm chùm lá tre trong suốt dưới ánh nắng vàng của buổi chiều tà. Tôi nghe thấy tiếng chuông điện thoại reo văng vẳng, the thé và liên tục, rinh rinh rinh và biết rằng chỉ có thím Ba ở nhà, tôi chạy vào giúp thím. Thím đã gỡ máy và đang cuống như thường lệ; bà hét: "Vê? Vê? Ai? Phải, cô ấy ở đây. Ai?" Tôi lấy máy điện thoại trong tay bà. Trong tai tôi, tiếng máy rì rì, rồi tiếng nói của Pao xúc động, giận dữ la tổng đài viên đã cắt đường giây.

- Pao! Pao! Tôi thắng thốt.

- Tú-Anh!

Và tôi biết rằng mặt chàng rạn rờ như tôi chưa từng thấy bao giờ vì giọng chàng tắc nghẹn, vì chàng hỏi tôi rồi rít, gần như không đâu vào đâu!

- Em đấy hả? Có phải tiếng em đó không, Tú Anh? Anh sẽ rời Sĩ-An sáng mai. Anh có một chỗ trên một chuyến xe vận tải. Anh sẽ bỏ hết. Anh sẽ xin giải ngũ. Anh không muốn xa em nữa. Mình cần sống bên nhau. Tú-Anh!



Mình sẽ đi tìm nơi thanh bình- về miền quê, về miền núi, đâu cũng được. Miền đâu không có oanh tạc thôi. Mình sẽ hạnh phúc.

Nhưng tôi không thể để chàng tiếp tục. Tôi làm như thể đặt một ngón tay lên môi chàng.

- Pao, em rất khỏe. Em được vô sự. Coi kìa, có gì đâu- không có gì hết! Em vẫn sống yên ổn trong nhà ngân hàng suốt thời gian mà anh lo sợ, em vẫn ở nhà ngân hàng hay ở đây, ở Thành-Đô. Bình an, vô sự và ngay ngày hôm sau em đã đánh điện cho anh mà.

Tôi không thể để chàng chối bỏ lý tưởng của chàng. Tôi biết rằng đó chỉ là cơn lo sợ đã cất tiếng- cả một tuần lễ dẫn vật ghê gớm mà chàng đã trải qua. Đó không phải con người thật của Pao. Trong vài ngày, nếu nhớ lại những gì chàng đã nói trong phút bốc đồng này, chàng sẽ đĩnh chính ngay. Bởi vì, hơn hết mọi sự, Pao là một chiến sĩ và chàng phải hành động như một chiến sĩ. Không có gì khác có thể làm cho chàng sung sướng, vì cơn mơ của chàng còn mới, chàng cần phải làm cái gì chàng cho là đáng làm, hy sinh cho trận giặc kháng chiến này.

Không phải vì chàng có thể bị khiển trách, bị tù tội nếu chàng bỏ cuộc. Chàng có thể xin giải ngũ cách yên lành. Chú tôi sẽ kiếm cho chàng một việc làm và sẽ chẳng có ai lấy đá ném chàng.

Ở Trung-Quốc, người ta không đòi các nhà quyền quý và con cái phải đọa đày nguy hiểm nơi chiến trường. Sinh mạng họ quá quý giá. Cái công việc bần tiện ấy sẽ được chu toàn hơn nếu giao cho các hạng người thấp hèn hơn! Chỉ có đám nông dân cổ cày vai bừa sẽ chết, trong khi đám con cháu các nhà khá giả, lười biếng ăn chơi hay học hành ở Đại Học, và sửa soạn vào các nghề tài chánh, y khoa hay luật sư.

Không, dĩ nhiên là không ai sẽ chỉ trích nếu Pao rời quân ngũ, nếu chàng đi tìm hạnh phúc và an vui. Nhưng chúng tôi sẽ bị chính chúng tôi lên án. Có

một món nợ, mà chúng tôi, những kẻ sung sướng, phải trả cho đám đông nhân dân Trung-Quốc; cho những kẻ không ta thán, đang chết cho chúng tôi. Để trả món nợ này, tôi sẽ là kẻ hầu hạ bất cứ người vợ một tên cu li nào sinh nở. Còn Pao, để trả nợ, chàng phải trở ra tiền tuyến với đám chiến-sỹ-nông-dân, hòa mình vào với họ.

Tôi không tìm ra chữ để giải thích.

- Anh phải quay về đơn vị, tôi nói với chàng. Bây giờ, đã biết được là em yên ổn, anh sẽ thấy hổ thẹn với cấp chỉ huy nếu anh không trở lại tiền tuyến. Em đã chấp nhận để anh đi trong nguy hiểm sống chết. Đến lượt anh phải chấp nhận điều may rủi của em. "Bổn phận. Danh dự. Tuân lệnh..." Tất cả những lời lý luận muôn thuở.

Có thể một ngày kia tôi sẽ nghĩ đến danh từ "anh hùng" và "hy sinh", và rằng tôi đã vượt mình tới đó.

Ngày hôm nay, tôi chỉ nghĩ đến chịu đựng. Cần phải vượt qua hết các điều này: oanh tạc, bệnh tật, đói khát, con trẻ, lo sợ, bất tiện nghi. Không có gì để mặc cả với cuộc sống, chỉ có thể chấp nhận nó. Như vậy, tôi bắt buộc phải để chàng đi với tấm mộc trung kiên và trong sạch của chàng- để chàng đi xa xôi trong khi tôi có thể giữ chàng lại. Dù biết rằng chiến tranh là đáng ghét, ngu xuẩn, tàn phá và gớm ghiếc, tôi không thể làm gì khác hơn là chấp nhận để Pao tham dự vào đó.

Các thi hào của chúng tôi có nói: "Ngày hôm nay trôi qua và mặc dù một ngày khác sẽ đến, nhưng không phải là ngày hôm nay nữa. Năm tới sẽ không phải là năm nay. Mỗi ngày đời ta lại bớt đi một ngày." Pao và tôi, mặc dù đau khổ biết rằng cuộc sống cứ vùn vụt trôi theo dòng thời gian về cõi hư vô, chúng tôi vẫn đành phải từ bỏ một năm trẻ trung, hạnh phúc tuyệt vời, với tình yêu chan chứa. Chúng tôi có thể dành riêng cho chúng tôi một năm trường dài đó và cả tương lai nữa. Không có gì buộc chúng tôi phải làm vậy ngoại trừ chính cái điều bó buộc nội tại, cái món nợ đó.

Chúng tôi có thể có cả một năm dài đó cách dễ dàng, nhưng chúng tôi đã chối bỏ. Tôi không tin rằng chúng tôi đã làm lần.

# ĐƯỜNG VỀ TRÙNG KHÁNH

Han Suyin

[www.dtv-ebook.com](http://www.dtv-ebook.com)

## Dịch Giả: Trùng Dương & Hồ Hải

### Chương Mười Hai

Rồi một năm trôi qua.

Vào đầu năm 1940, Pao lại nhận được một nhiệm vụ ở Bộ Tham-Mưu tại Trùng-Khánh. Tôi đã từng mong sẽ lên với chàng ở miền Tây-Bắc, vùng đất khô cằn của những niềm hy vọng mới, quê hương sa mạc cổ xưa của dòng giống chúng tôi. Khi Pao tả địa thế trong thư, tôi tưởng tượng ra, tôi như sờ thấy nó và tôi mơ được khám phá miền đất hứa ấy với chàng. Chàng tả cảnh cưỡi ngựa trên những con đường uốn khúc qua các ngọn đồi đã bị xói mòn. Từng đám bụi bốc lên dưới chân ngựa, quay tròn như sinh động, như có một nếp sống riêng, quái đản, tung lên mặt chàng như một cơn lốc rồi tan biến mất. Chàng tả cảnh các ngôi làng lẻ loi chơi vơi giữa sa mạc, gần như bị chôn vùi dưới các núi cát, vòng thành bao quanh bị gió xoi, thời gian đục.

Chàng viết cho tôi:

Tú-Anh, hãy lên đây với anh. Em sẽ thích điên lên được với xứ này. Ở đây mọi người đều mặc áo lông, ngủ trên các giường đá, cưỡi ngựa Mông Cổ. Ta thấy những chân trời không thể tưởng tượng được. Nơi đây, giữa tâm điểm của Châu-Á, cát và gió sẽ rèn luyện tâm hồn chúng ta. Đất là đất của tuổi trẻ, nơi chúng ta có thể làm việc và nhìn thấy tác phẩm của ta phát triển.

Quả đúng như vậy, toàn vùng Tây-Bắc... Vùng của phe Quốc-Dân-Đảng, cũng như khu vực Cộng-Sản ở quanh Vân-Nam- bưng dậy một nếp sống

mới. Nơi đây, cũng như ở Quảng-Tây, dân chủ và tiến bộ đã được phổ biến và phát triển. Pao nói với tôi về một cơ sở y tế xã hội mới được thành lập tại Lan-Châu-Phủ và hứa sẽ tìm việc làm cho tôi ở đó. Tôi sẽ đến ở đó khi kỳ hạn của Pao ở đó chấm dứt.

Trong một thời gian sau khi trở lại Thành-Đô, sự nuông chiều của gia đình, những cuộc vui, sự rỗi rãi đã cho tôi đúng cái nếp sống mà tôi cần. Nhưng rất chóng, cũng như lần trước, tôi đã thấy cuộc sống nhàn hạ đó vô vị. Khi thám Ba và hầu thế mọi người dọn về Phi-Tiên vì sợ Thành-Đô bị dội bom, tôi không đi theo họ. Tôi xin một việc làm trong một Y-Viện bảo sanh của Bộ Y-Tế. Trong thời buổi chém giết này, ta sẽ thấy như thế đền bù lại một phần nào trong việc trợ giúp các sanh mạng chào đời.

Rất nhiều lần chúng tôi phải chờ cho các sản phụ trong các ngôi nhà không hơn gì cái mái hiên ở Sơn-Đầu, nơi mà tôi đã đỡ đẻ lần đầu tiên ở Trung-Quốc. Nhưng chúng tôi có nhiều dụng cụ hơn. Chúng tôi mang theo đủ thứ để có thể vạch ra một khu vực sát trùng sạch sẽ giữa khung cảnh dơ bẩn và hôi hám. Biết bao nhiêu đêm chúng tôi đã phải thức canh chừng trong các căn lều tồi tàn tối om, dưới ánh đèn dầu lập lờ, với đám muỗi bu lại như chấu, với rận rệp hay còn tệ hại hơn thế nữa. Cũng may trong vùng Tứ-Xuyên không có dịch hạch, nhưng không lần nào tôi leo lên một chiếc giường đầy chấy rận mà không sợ lây chấy rận hay bệnh thương hàn.

Công việc sản khoa ư? Chín mươi phần trăm là đợi sinh bình thường, mười phần trăm thảm họa. Tôi thường đợi hết giờ này qua giờ kia, ngã dài trên một chiếc chõng tre, đầu gối trên tay; nửa ngủ nửa thức nghe tiếng rên rỉ liên hồi của sản phụ, tiếng chuột rúc, tiếng ngáy pho pho của các người nhà ngủ ở phía bên kia bức vách. Cuối cùng giờ hành động đã đến. Người phụ tá của tôi hơ lửa các cái chậu. Quay tròn các dụng cụ trên ngọn lửa xanh; cô ta đứng dậy, trông y như một nữ tu trong một cuộc tế lễ nào đó. Người ta đốt thêm đèn cầy và các mù đàn bà trong nhà được triệu ra để cầm đèn soi sáng cho chúng tôi. Dưới mắt họ, trông tôi có vẻ kỳ dị và đáng khiếp với

cái mũ trắng, cái áo choàng trắng, miếng vải ga bịt nửa dưới khuôn mặt, hai bàn tay kỳ dị trong đôi bao tay cao su màu nâu.

Nói cho cùng, trong các cuộc sinh nở thường, tôi có làm gì hơn là giúp cho sản phụ nhẹ bớt cơn đau, giữ gìn vệ sinh, canh chừng các vết rách nặng và làm sạch. Ngoài ra, tôi chỉ việc khuyến khích sản phụ hãy vận dụng hết cả sức lực.

Đàn bà Trung-Hoa hầu như không bao giờ khóc lóc trong những cơn đau. Khóc là không đành lòng. Ta chỉ nghe thấy tiếng rên rỉ khò khè trong niềm cố gắng vô biên, tiếng thở mệt nhọc. Rồi bất thần chấm dứt. Tôi hớn hở cầm hai chân đứa bé xách ngược lên, tọng một ngón tay thông sạch cổ họng; đập mạnh vào lưng cho đến khi khuôn mặt bé xịu cau lại, đến khi hai bàn tay nhỏ dầy dựa lưng tung và cho đến khi cuống họng rãn ra để la lên tiếng khóc kháng cự. Và mọi người đều cười, kể cả bà mẹ.

- Con gái hay con trai nào? À, thôi con gái rồi.

Đôi khi điều bất ngờ có thể xảy ra. Không còn cái cảnh gì đáng sợ hơn, cũng không có gì sung sướng hơn khi thấy cơn đau lắng xuống không có tai họa và biết rằng, không còn nghi ngờ gì nữa, một sinh mạng nhẽ ra phải chết vừa được cứu thoát. Ngăn chặn ngay cơn băng tiền sản dữ dội, cứu sống một đứa bé tắc thở ngay khi vừa đẻ; đó là những công việc mà một cô đỡ phải biết làm vì không có thì giờ để gọi bác sỹ.

Tôi thấy hình như không thể nào chịu được cảnh xa Pao trong một năm mà không hằng say thích thú, không có điều an ủi sâu xa của công việc này.

Năm trường dài dằng dằng trôi qua. Pao và tôi đã xa nhau quá lâu, đến cái độ mà chúng tôi tưởng như cuộc sống chỉ còn là một hy vọng xa vời, gần như không thực hiện được. Nhưng đột nhiên, lệnh đổi về Trưng-Khánh khiến cho hy vọng của chúng tôi gần thành sự thật. Tôi sẽ đến ở với chàng ngay khi chàng tìm được một chỗ ở. Tôi xin thôi việc và ghi tên giữ một

chỗ phi cơ. Ít ra là phải đợi nửa tháng. Nhưng dù sao thì cũng phải lo kiếm chỗ ở cho chúng tôi ở Trùng-Khánh đã.

Thành phố bị dội bom hàng ngày, hay gần như hàng ngày. Trong những ngày đó, thành phố luôn luôn bị phá hủy rồi lại tái thiết, lại bị phá tan rồi lại xây dựng lại liên tiếp; cả hai phe đều kiên trì như nhau. Người Nhật liên tục trở lại tấn công. Hình như họ bị ám ảnh về Trùng-Khánh. Ta có thể coi các sự kiện cuộc sống vẫn tiếp tục tại đây là một sĩ nhục cho cái sức mạnh của họ. Còn đối với dân chúng Trùng-Khánh, họ đã chứng tỏ sức bền bỉ chặt chẽ. Mặc dù dân số đã giảm đi còn một phần tư, vẫn còn năm trăm ngàn người sống trong thành phố. Những cuộc oanh tạc đã trở thành các yếu tố thông thường của cuộc sống. Rất can trường, họ đã thích ứng với các cơn khủng bố, với hoàn cảnh khó khăn và nhất định không chịu lìa thành. Nếu quân Nhật định bẻ gãy ý chí của họ bằng cách khủng bố, người Nhật đã thất bại hoàn toàn. Cứ sau mọi cuộc dội bom, mọi người lại thêm phần cương quyết kháng cự đến cùng.

Từ trên máy bay nhìn xuống Trùng-Khánh, tôi kinh ngạc kêu lên: "Thành phố không thay đổi gì cả!" Thành phố hiện ra trước mắt tôi y như lần đầu tiên tôi thấy nó, những bức tường gạch, những tòa bin-đình nhiều tầng nổi lên sừng sững trên hai con sông chạy dài theo các bãi cát rộng. Chỉ khi máy bay lượn vòng tròn xuống thấp, bay là là trên nóc thành phố tôi mới thấy sự tàn phá của bom nổ và hỏa hoạn. Những bức tường không mái, những lỗ cửa không có cửa, rưng rưng như khung cảnh của một sân khấu.

Chúng tôi hạ cánh xuống phi trường. Khi máy bay đáp lên phi đạo với vài cái rung nhẹ, chạy băng băng rồi ngừng lại, tôi tỳ tay lên khung cửa và dán mắt nhìn đám người tụ họp ở phi trường để đón các hành khách. Không thấy Pao. Không thấy cái dáng mảnh khảnh, chững chạc trong lớp áo ka ki nâu cả. Tôi đã đánh điện cho chàng mà chàng không tới. Tôi thất vọng vô cùng. Tôi có cảm tưởng như một bàn tay nặng nề bóp nghẹt tim tôi. Chúng tôi xuống tàu, băng qua một giải cát, đi qua khu quan thuế để khám xét

hành lý. Mới có chín giờ sáng nhưng mặt trời đã phóng xuống mặt cát những tia lửa nóng như giữa trưa. Không khí vì hơi nóng và ánh sáng chói chang như có ánh bạc lấp loáng. Cát nóng như muốn thiêu đốt chân tôi qua làn da mỏng của đôi giày. Mắt bị chói lòa và đang buồn bực, tôi chẳng muốn ngược mắt nhìn những kè đá của Trùng-Khánh nữa.

Trong khi khám xét hành lý của chúng tôi, lâu lâu nhân viên quan thuế lại ngược mắt nhìn trời và lẩm bẫm: Thế nào cũng có báo động!

Rồi họ lo sợ dò nhìn lên các đỉnh đồi. Bởi vì không còn hụ còi Chình Páo để báo động tiên khởi nữa. Nó đã làm cho người ta quá xúc động khi nó bất ngờ hú lên. Người ta đã dùng nhiều cây cột trên các đỉnh đồi và mỗi khi nghi ngờ có một cuộc oanh tạc, người ta thả lên trời những trái bong bóng đỏ thật lớn để báo động. Trong lúc chờ đợi, với hy vọng Pao sẽ tới, bất thần nhiều giọng người nhao nhao gần như là trút được gánh nặng: "Bong bóng đỏ".

Chờ nữa cũng chẳng ích gì. Có thể Pao chẳng nhận được điện tín của tôi. Tôi thuê một chiếc kiệu và đi về chỗ ở.

Chúng tôi vừa lên đến kè đá thì còi kung-si rúc lên. Hai người phu kiệu của tôi gặng rảo bước, gần như là phóng nước kiệu giữa đám người nhốn nháo. Nhưng đường xa quá. Chúng tôi sẽ không đến nơi kịp. Ngôi nhà mà Pao đã kiếm được ở phía bên kia bức tường của thành cổ, ở trên bán đảo phía Gia-Lâm.

- Chúng ta phải kiếm một hầm trú ẩn công cộng, hai người phu kiệu nói với tôi. Sau lệnh Chình-Chi(\*), cảnh sát không cho ai đi trên đường cả.

(\*) Đình chỉ.

Ở Trùng-Khánh, tất cả các hầm núp công cộng đều ở dưới chân đồi. Đó là một hệ thống các hầm dài, rộng từ hai đến ba thước, tối tăm, âm thấp và ngột thở. Các bức tường hầm đều rỉ nước. Đáy hầm toàn là bùn. Không có



ghế. Đám người chen lẫn nhau trong đó phải đứng hàng giờ. Nhiều người mang theo những ghế đẩu hay ghế xếp. Khoảng nửa giờ sau, mùi hôi hám trở thành nồng nặc. Việc vệ sinh được giải quyết với hai cái xô trống để ở ngoài cửa cho đàn ông. Đám trẻ con thì tha hồ bậy bạ như súc vật.

Tôi đã sống qua ngày đầu tiên trong một hầm trú ẩn như vậy, từ mười giờ sáng đến bốn giờ trưa. Sáu tiếng đồng hồ...

Chúng tôi nghe thấy tiếng máy bay và những tiếng nổ từ xa vọng lại. Giữa hai đợt tấn công, chúng tôi liêu ra ngoài để thở hay để thỏa mãn các nhu cầu khác. Mặt trời nóng dữ dội. Chỉ có một cái cây con ở gần đó và dưới cái bóng mát nhỏ xíu đó, một đám cu li nằm phưỡn bụng và phì phèo hút thuốc, quá quen với cái cảnh cơm bữa này. Tôi nghe thấy một người trong bọn nói:

- Trong khi chờ đợi mình cần sửa một chút chứ.

Tôi liêu phơi nắng trên sườn đồi trống vậy. Nếu tôi cứ ở trong hầm, thế nào tôi cũng bị lên cơn động kinh. Sau cùng, còi dứt báo động vang lên và mọi người tuôn ra khỏi hầm. Mấy người phu khiêng kiệu đã được nghỉ khỏe- mà đúng là nghỉ khỏe- sau hàng giờ bất động, kêu lên vui vẻ và lượm cáng lên chạy; chở tôi đi bay bay. Một mồi, tôi nằm ngả dài trên ghế ngưỡng phục tinh thần của họ.

Căn nhà sẽ là tổ ấm của chúng tôi nằm trong một quận nửa quê nửa tỉnh, các đường phố vỡ nát và uốn quanh các ngọn đồi, dẫn đến các cái miệng đen ngòm của đường hầm. Hai người phu kiệu bỏ đường lát nhựa, xuống nhiều bậc thang rồi lại leo lên một khoảng cao như một cái tháp. Ngay trên đỉnh tháp là nhà của tôi. Đó là một căn nhà hai tầng cũ kỹ mà người ta đã sơn đen màu tro như bao nhà khác với ý tưởng làm như vậy cho khó thấy. Những ngôi nhà này nằm ngay trên đỉnh đồi, không một cây che, chung quanh toàn là ruộng lúa, không còn gì dễ nhắm hơn. Mấy phu kiệu đặt tôi trước một cái cổng. Tôi đẩy cửa và đi vào một sân hẹp, rải rác ít ngói vỡ và

rác rưởi. Một Á Xâm hiện ra ở lan can tầng trên và bắt một mẻ đầy vôi vữa và rác rưởi xuống sân. Tôi vội phóng mình ra phía sau, nấp dưới cổng để tránh. Hắn cúi mình xuống hỏi tôi:

- Bà kiếm ai?

- Tên tôi là Tăng, tôi nói. Có lẽ nhà tôi ở đây.

Một người đàn bà gầy, mặc đồ đen, với một đứa bé đang ngậm vú mẹ bước ra:

- Tăng tại tại(\*), mời bà lên. Bà ở trên này với chúng tôi. Chúng tôi là Viên. Mọi người đều đợi bà nhưng không biết bà đến ngày nào. Đừng để ý đến những rác rưởi này. Hôm nay chúng tôi bị oanh tạc và chưa kịp dọn dẹp. Quả bom nhỏ xíu nên căn nhà còn nguyên. Nhưng cái bếp bị nát tan như cái buồng sau của bà.

(\* ) Tại tại là bà.

Tôi lên trên hành lang bằng một cái cầu thang ọp ẹp vì mỗi ăn. Viên tại tại đón tôi với nụ cười thân thiện và dẫn tôi đến phòng của tôi. Phía dưới căn nhà đã khóa trái và các cửa nẻo đều đóng kín mít. Người chủ nhà đã dọn về quê cùng với gia đình nhưng vẫn giữ nhà lại như vậy. Điều đó bất hợp pháp vì quá thiếu nhà, chính phủ đã ra lệnh nhà trống đều phải cho thuê. Trên lầu, hai dãy phòng đối diện nhau qua một khoảng trống, mỗi dãy có ba phòng. Hai phòng về phía trái và đằng sau là của chúng tôi. Phòng trước gồm có bốn đứa con của bà Viên. Bên đối diện là phòng của Viên tại tại cùng chồng và bốn đứa con nữa, thêm một gia đình năm người khác. Các người làm ngủ ở ngoài hành lang và dưới sân.

Vôi vữa vẫn tiếp tục đổ từ trên trần xuống ào ào. Cửa nẻo đều long khỏi bản lề và đổ nghiêng. Cửa sổ chỉ là những lỗ hổng trên tường. Khung cửa và cánh cửa đã biến mất từ lâu. Các phòng đều rất nhỏ và rất nóng. Muốn đi vào phòng của chúng tôi phải đi qua căn phòng ngoài của bốn đứa con

gia đình họ Viên. Cái buồng sau của chúng tôi đã mất hai bức tường và một phần trần nhà. Mái ngói đã bị giạt mất và ta có thể nhìn thẳng lên trời. Căn phòng còn nguyên vẹn có một cái bàn, một cái ghế đẩu, một cái ghế gấp và một cái giường gỗ hẹp rẻ tiền. Tấm vải trải giường nhăn nhúm và không lấy gì làm sạch lẫm; cái màn còn vắt ngang trên giường. Trên mặt bàn bày bữa bữa đủ thứ giấy tờ; giày dép, một cái chậu, một đôi vớ; một ngọn đèn dầu đầy xác thiêu thân, một cái ly, một bàn chải đánh răng và hai cái áo sơ mi dơ. Căn phòng nói lên cái cảnh sống độc thân của Pao.

Lòng đầy xúc cảm và thương mến, tôi ra tay dọn dẹp. Tất cả mọi chỗ đều phủ lên một lớp bụi, vôi vữa hay ngói vụn. Tôi quỳ dưới đất, lấy tay nhặt hết các mảnh vụn đó để vào trong vạt áo xường sám rồi mang ra ngoài hành lang trút cả xuống dưới sân. Tôi quét sạch bụi, xách nước lên và giặt những quần áo dơ, xếp gọn cái mùng, thay tấm trải giường trắng, sạch và thẳng nếp. Màn đêm buông xuống, tôi thắp cái đèn dầu mà tôi đã chùi bóng với giấy báo cũ. Tất cả các sợi giầy điện chung quanh nhà đều đứt ngốn ngang trên đường. Tôi lau rửa mình mấy trong cái chậu, thay quần áo rồi cầm cái đèn ra ngoài hành lang hóng mát. Đêm cũng nóng và oi như ban ngày. Ngọn lửa đèn đứng thẳng tắp trong bầu không khí bất động.

Ngoài hành lang, Viên tại tại đang vạch áo cho hai đứa bé nhất bú và đang đổ nước cơm cho đứa thứ ba. Bà mời tôi dùng bữa với gia đình, chỉ gồm có cơm và một món rau.

- Chồng tôi về muộn. Ông ấy làm việc đến tám giờ. Đại Úy Tăng cũng sẽ về nhà khoảng đó. Tôi chắc rằng ông chưa được biết là bà đã đến.

Khu Giang-Bắc, ở phía bên kia bờ sông, sáng trưng ánh đèn. Hôm nay, phía Bờ Bắc không bị dội bom. Dưới làn hơi nóng, các vì sao có vẻ như nhỏ bé, hiếm hoi và mờ nhạt. Chẳng bao lâu, cổng kẹt mở và Pao hiện ra.

Tôi chỉ nhận thấy một cái bóng tối mờ không rõ ràng nhưng tôi nhận ra tiếng chân của chàng. Tôi ngồi im không gọi. Chàng bước lên cầu thang và

nhận ra tôi. Chàng dừng bước trong khoảng tối trước đầu cầu thang rồi nói với tôi:

- Coi! Em đấy à! Anh vẫn đợi em, không, anh không nhận được điện tín của em. Rất tiếc đã không đón em ở phi trường.

Chàng bước vào vùng ánh sáng của ngọn đèn. Pao đó! Chàng gầy hơn là tôi nghĩ, cái áo đầm mồi hôi dán sát vào thân người gầy còm của chàng, giọng nói thản nhiên nhưng cặp mắt sáng rực vui mừng vô hạn.

Sau khi dừng lại đôi ba phút cho phải phép, chúng tôi cáo từ. Tôi cầm ngọn đèn lên, chúng tôi bước vào phòng và đóng cửa lại. Rồi chúng tôi ôm chầm lấy nhau và tim chúng tôi muốn vỡ ra vì sung sướng và hạnh phúc.

- Tú Anh! Pao thì thâm. Thời gian qua thật quá dài, suốt một năm không có em. Anh như người sống có một nửa. Anh cần em biết bao.

Và chúng tôi thấy như thể mình vừa qua một thời gian nín thở quá lâu vì chúng tôi cần nhau như cần khí trời.

Tôi muốn làm cho chàng cái gì. Tôi chạy đi kiếm nước nóng, một chiếc khăn sạch để lau sạch bụi và cơn nóng ban ngày. Tôi mang nước trà đến cho chàng.

- Em đã lau dọn nhà rồi cơ đấy! Pao nói giọng thán phục!

Tôi thấy sung sướng rằng chàng đã nhận ra điều đó. Ngồi cạnh nhau trên chiếc giường hẹp, chúng tôi cùng nhắm nháp nước trà. Chính vào lúc đó, trần nhà bắt đầu chuyển động.

Miếng trần nhà ở phòng bên cạnh vì chứa quá nhiều ngói vụn đã bất thần đổ ầm xuống sàn. Lập tức bức vách ngăn hai phòng cũng lao đảo như lên đồng rồi đổ đè lên cái bàn. Rồi bức trần nhà trong phòng chúng tôi nứt ra

một đường khoảng nửa thước và xệ xuống. Thế là gạch, ngói, đá, bụi và vôi vữa ào xuống theo vết nứt.

Ngay từ lúc nó chuyển mình kêu rảng rặc, Pao và tôi đã đứng dậy lui dần ra phía cửa, mắt không ngừng canh chừng cái trần nhà đang lay động; chỉ lát nữa là chúng tôi sẽ có trăng sao làm trần. Nhưng ba góc kia giữ nguyên, tiếng chuyển động chấm dứt và gạch ngói chất thành một đống.

Tất cả láng giềng của chúng tôi- Á-Xâm, đám con nít, Viên tại tại và chồng cùng cả gia đình sống ở dãy bên kia - đều chạy sang xem xét và ò lên kinh ngạc. Với sự giúp đỡ của Viên, Sinh-Sâm, một người có nhiều óc sáng kiến mà tôi rất ngưỡng phục và không ngừng kính trọng, chúng tôi chế ra một hệ thống để chống đỡ trần nhà. Trước hết, chúng tôi kiếm một cánh cửa rời(vì ngói nhà chẳng lấy gì làm tốt nên kiếm loại vật dụng này không khó khăn gì) với bốn cái sào tre, chúng tôi nâng cái cửa như một tấm phản ngang đỡ góc trần bị xệ lên. Khi mọi việc xong xuôi, mọi người đã dụi mắt, lấy bụi và vôi vữa rơi vào mắt các người cứu cấp cũng như các khán giả ra và sau khi chúng tôi cảm ơn để mọi người ra về, lúc đó đã hơn mười giờ đêm. Chúng tôi cúi mình chào những người khách cuối cùng rời khỏi phòng. Sân nhà, mặt bàn và cái giường phủ đầy một lớp bụi và vôi vữa, nhưng chúng tôi thấy đã quá mệt để quét dọn. Chúng tôi lấy tấm khăn trải giường phía dưới và trải xuống sàn nhà để nằm ngủ. Nhưng đêm đó chúng tôi đâu có ngủ được. Nhiệt độ lên tới hơn bốn mươi độ. Chúng tôi thiêu ngủ mà không thấy đỡ mệt chi cả, người đẫm mồ hôi, cho đến khi gần sáng mới có một chút khí mát, một cơn gió nhẹ thổi qua những lỗ hổng ở bức tường phía sau. Sau đó, mặt trời lên cao và hơi nóng lại ập xuống.

Mùa Hạ ở Trùng-Khánh. Sáng sớm mặt trời ló lên trên đường chân trời, nóng như thiêu đốt và khí nóng như tụ lại làm cho không khí thành nặng nề, khó thở. Làn hơi mát lúc bình minh tan biến mất. Bụi bốc lên mù trời trên các đường phố đã nghẹt xe cộ. Các nhà ngân hàng đều mở cửa, các tiệm ăn đều chật ních người chen lấn nuốt vôi vàng"bữa cơm tiền báo

động". Người ta vội vã thu xếp công việc trước còi báo động. Lâu lâu, người ta lại ngừng lại để canh chừng mấy đỉnh đồi, tay che, mắt nheo lại vì ánh nắng chói chang. Chưa có bong bóng đỏ. Nhưng ai cũng biết là thế nào cũng có một cuộc oanh tạc. Mọi người ai cũng đợi dấu hiệu báo động và có lẽ sự trông đợi đó còn tệ hại hơn ngay cả lúc toàn thể thành phố bị báo động vì tiếng la "Chinh Páo!" Bóng đỏ đã bay lên. Ngay lập tức, cảnh báo động bắt đầu diễn ra. Các tiếng động vang lớn hơn. Xe hơi, xe đồ chất đầy người và đồ đạc, rống chuông inh ỏi và chạy về vùng quê. Các xe kéo cũng bấm chuông kêu coong coong, các xe bò với ít món đồ đi lẫn lộn với đám người đi bộ còng lưng lếch thếch với đồng hành lý, kéo nhau về phía các hầm núp. Mọi người đều vội vã nhưng không lộn xộn. Sự thế cũng như một vở kịch hấp dẫn, được diễn đi diễn lại quá nhiều khiến nó mất hết cả ý nghĩa đối với các diễn viên; tuy nhiên họ vẫn giữ trọn vai trò của mình, lần nào cũng vẫn từng đó động tác. Dĩ nhiên lúc nào vở kịch cũng có thể kết thúc một cách khác hẳn thường lệ...

Những giờ trôi qua. Chúng tôi ngồi trong một bầu không khí ngạt thở, mình đầm mồ hôi. Chúng tôi quạt phành phạch cách vô ích vì không khí có thay đổi gì đâu. Trong cái cảnh tranh tối tranh sáng đó, các khuôn mặt đều có vẻ sần nảo và lảng nhẩy mồ hôi... Ba giờ! Các đợt tấn công cuối cùng đã đến và đã đi. Mọi người ra khỏi chỗ núp, chen lấn nhau nơi miệng hầm để đợi lệnh "dứt báo động". Từ xa, một hồi còi duy nhất hú lên yếu ớt. Tiếng vang đó được truyền từ khu này sang khu kia như một hợp tấu các giọng còi, lẫn với tiếng người thở ra khoan khoái và các miệng hầm khạc ra từng đám người lố nhố.

Các nhà hàng lại mở cửa. Các xe hơi lại lục lục kéo về, đám đông vui vẻ, không lo nghĩ lại ào ra đầy đường phố. Các hiệu ăn lại nịch những người đến ăn "bữa cơm hậu báo động". Hoàng hôn. Không có đèn điện. Mọi người mang đèn dầu ra. Các thợ điện leo lên cột đèn, bắt tay vào việc. Họ cắt dây, họ tách mạch điện của khu bị oanh tạc ra và lập lại đường giây. Rồi bất ngờ phép lạ hiện ra, tất cả đèn điện trong thành phố đều sáng lên một lượt. Đám

đông đồng loạt à lên một tiếng. Giống như tiếng ào của ngọn sóng dài đập vào bờ vỡ tan, rồi lại ào ào rút ra bể khơi. Thành phố lại vùng dậy, uy nghi trên mặt sông, giống như con tàu oai vệ, sáng trưng, đang lướt sóng trùng dương.

Chúng tôi tự thích ứng với hoàn cảnh. Có thể chúng tôi cũng hơi chai sạn lên tí ti. Sau những giờ ngồi bẹp dưới hầm tối, chúng tôi trồi lên, thèm thấy ánh sáng và thú vui. Trong khi khu phố này bị dội bom, các toán cứu cấp đang bơi móc và chuyên chở các xác người đi, tại các phố bên cạnh, đám đông vẫn vui vẻ ăn diện và đang sốt ruột chờ các rạp hát mở cửa và thản nhiên đứng ngắm một bức tranh quảng cáo vẽ hình một cặp tài tử Hoa-Lê-Ước đang ôm nhau hôn đắm đuối. Thế là trong cái mùa hạ thứ hai bị ăn bom, tất cả từ đứa bé nhất đến người lớn nhất đều sống hai nếp sống. Một cuộc sống diễn ra dưới cái hầm trú bom. Một cuộc sống khác, vội vàng, đứt khúc diễn ra giữa các khoảng thời gian thất thường của các cuộc oanh tạc.

Trước và sau các cuộc rút xuống hầm xảy ra gần như hàng ngày, tôi lo việc nội trợ. Pao đi làm từ bảy giờ sáng cho đến tối. Chàng ăn cả hai bữa trong sở. Còn tôi, tôi chẳng lo gì về vấn đề ăn. Điều đó không có vẻ quan trọng lắm vì lúc nào thời tiết cũng quá nóng... Buổi tối, tôi nấu một món ăn nhẹ cho Pao. Cho đến khi đó, tôi chưa bao giờ nấu bếp cả. Cả hai đứa đều gầy sút đi.

Chàng rất khổ tâm khi thấy tôi phải xách nước và phải lau sàn nhà, bởi thế tôi phải làm các công việc nặng trong lúc chàng vắng nhà. Chúng tôi không đủ tiền thuê một Á-Xâm.

Trong sự cố gắng để thích nghi vào cuộc sống chật vật ở Trùng-Khánh, tôi không thể không ngưỡng phục cách sống dễ dàng và giản dị của gia đình hàng xóm của chúng tôi, gia đình họ Viên. Không bao giờ có điều cãi cọ to tiếng. Trong gia đình này, không bao giờ người ta nói về vấn đề tiền bạc. Sống cách vui vẻ, vô tư và sẵn sàng chia sẻ những gì họ có. Có một hôm tôi thấy Viên-Sinh-sâm bưng ngay nồi cơm lớn mà bà vợ vừa thổi để ăn tối,

mang phân phát cho đám tù nhân đói khát, một ngày chỉ được hai bữa cháo lỏng đang làm việc ở dưới đồi. Viên tại tại chẳng nói gì. Bà không phản đối gì cả, chỉ nhìn với ánh mắt cũng giống ông ta vô tả và đi nấu nồi cơm khác cho lũ trẻ.

Viên-Sinh-Sâm là một người nhỏ bé, cặp giò rắn chắc, đầu lớn và trán gồ. Nhưng khi nhìn thẳng vào khuôn mặt đầy nhân ái và nghị lực đó, người ta quên ngay những nét kỳ dị kia. Ông ta có một cặp mắt rất lạ: mơ màng nhưng rất sắc bén, giọng nói nhỏ êm với những cử chỉ chừng mực và hơi mỗi mệ. Tôi chưa bao giờ thấy ông ta nổi giận. Ngay cả lời khiển trách cũng chứa vẻ nhẹ nhàng và độ lượng. Một đứa nhỏ đánh vỡ cái bình thủy hai lít, đồ vật bất khả thay thế vì giá cả các đồ vật chế biến đã tăng gấp hai mươi lần giá trị thực sự và vượt quá khả năng túi tiền của các gia đình nghèo. Viên-Sinh-Sâm không la mắng gì con. Hai bố con nhìn nhau, đứa nhỏ nước mắt lưng tròng và ông Viên nói:

- Con, vì sự vô ý của con, mười hai người sẽ không có nước uống ở trong hầm.

Mấy năm trước đây, Viên đã cùng vợ và chín đứa con lúc đó đi về miền Tây-Bắc để theo tân chế độ cộng sản. Chỉ sau khi bốn đứa con lần lượt qua đời vì thiếu thốn, ông mới chịu trở về miền Nam. Bây giờ ông là một tiểu công chức của chính phủ. Ông tin tưởng tuyệt đối vào tam dân chủ nghĩa, giữ nguyên các lý tưởng xã hội và mang ra triệt để thực hành. Tôi đã thấy một hôm ông bị hất xuống đường khi xe kéo ông lật úp trong một khúc queo gấp; ông đứng dậy, không chú ý gì tới cái vết bầm tím của mình mà đỡ người cu-li xe; giúp hãm dừng xe lại và buộc hãm phải ngồi nghỉ chốc lát; trong khi bất cứ ai khác cũng đã chửi mắng tên phu xe thậm tệ. Họ Viên không bao giờ tỏ thái độ khinh bỉ đối với giới lao động chân tay, như đám thượng lưu trí thức hồi đó. Ông cũng chẻ củi, xách nước với người làm. Sau một cuộc dội bom, ông leo lên nóc nhà và sửa lại mái ngói. Ông lập một cái vườn hoa, tự tay bón sỏi trồng tía cùng với mấy đứa con lớn. Đó là



những đứa trẻ ngoan nhất mà tôi trông thấy: khéo dạy dỗ, rất sốt sắng và luôn luôn sẵn sàng giúp đỡ mọi người.

Điều kiện để giữ một ngôi nhà ở Trùng-Khánh lúc đó là làm sao giữ cho nó còn. Mỗi khi ước lượng có trái bom nào nổ gần nhà, lúc bước ra khỏi hầm tôi luôn luôn lo lắng nhìn xem mình còn chỗ nào ở hay không? Căn nhà ọp ẹp đến cái độ bước chân nhẹ cũng làm nó rung chuyển được. Phía trên trần nhà của chúng tôi, mái nhà không còn đủ mặc dầu ông Viên và bác cu-li hàng xóm đã leo lên để sắp xếp lại số ngói còn lại cách sao cho nó chìa được ra ngoài chút đỉnh. Với cơn mưa lớn đầu tiên, căn phòng của chúng tôi bắt đầu bị rã mất một phần.

Những ngày nóng như thiêu đốt, ban ngày nhiệt độ lên tới 40 độ và ban đêm từ 25 độ đến 35 độ, rút lại thành một cơn mưa lũ. Đám trẻ con chạy cả ra ngoài mưa, trần truồng và cười đùa thích thú. Nước chảy ào ào trên tóc tai tụi nhỏ, chúng khoa chân múa tay, vùng vẫy trong các vũng nước, reo hò sáng khoái dưới dòng nước chảy ào ào như thác lũ của mấy cái máng xối. Trong phòng tôi, chiếc trần nhà bắt đầu rịn nước. Pao và tôi vội kéo giường vào một góc còn khô ráo và mang nào nôi, nào chậu, nào ly ra để hứng dột. Mỗi món vang lên một âm điệu khác nhau tạo thành một nhịp tí tách hòa lẫn với tiếng mưa ào ào và tiếng sấm chớp. Chẳng bao lâu, nước mưa bắt đầu dột cả trên giường. Chúng tôi lấy mấy sợi giây cột hai cái áo mưa ở phía trên rồi thản nhiên ngủ vùi. Sáng ra, sân nhà chỉ còn là một vũng nước. Chúng tôi quỳ gối trên giường như hai nạn nhân của cơn lụt lội. Trần nhà ngấm đầy nước và trệ xuống một cách hết sức nguy hiểm dưới sức nặng của các mảnh ngói vỡ. Nó đứng vững được suốt đêm, quả đáng ngạc nhiên thật. Chúng tôi dọn nhà ra ngoài hiên và thương lượng với các người khác, cũng chẳng hơn gì chúng tôi. Các phòng phía trên đã trở thành quá nguy hiểm và chúng tôi quyết định phá ổ khóa các căn phòng phía dưới của chủ nhà và chiếm ngụ. Chúng tôi viết một bức thư báo cho chủ nhà biết rồi dọn đồ đạc xuống dưới.

Tất cả mọi lời phản đối của chủ nhà đã bị định mệnh tước mất. Hai ngày sau, mặt trời lại lên cao. Hôm đó lại có báo động và chúng tôi rút cả xuống hầm trú ẩn ở dưới chân đồi. Khi chúng tôi ra khỏi hầm, căn nhà của chúng tôi đã biến mất. Trên đỉnh đồi chỉ còn một hố bom to tướng, còn ngôi nhà của chúng tôi văng ra từng mảnh vụn rải rác chung quanh.

Viên tạt tạt và tôi nhìn nhau sửng sờ rồi chúng tôi cùng phá lên cười. Sự việc dễ sợ đến cái độ trở thành buồn cười. Cuộc oanh tạc này hình như chỉ có mục đích duy nhất là phá hủy ngôi nhà của chúng tôi và các ruộng lúa chung quanh đều lỗ chỗ hố bom.

Sau đó Pao vào sống trong sở còn tôi sống ở nhà ngân hàng trong khi chờ đợi tìm được một căn nhà khác. Phòng ngủ cho phụ nữ bị một quả bom xuyên qua ba tầng nhà phá xập và người ta phải cấp phát những phòng khác. Lúc đi tránh bom tôi có mang theo ít quần áo thay đổi và vài món đồ đánh răng rửa mặt nên bây giờ khỏi phải mượn ai.

Mười ngày sau, chúng tôi tìm ra được một căn phòng tuy hơi quá tui tiền của tui tôi, nhưng ít ra chúng tôi lại có một tổ ấm.

Chủ nhà là một góa phụ mập ú, mắc chứng u uất, chỉ cho chúng tôi thuê phòng sau khi đã chắc chắn chúng tôi không có con và không đang đợi đứa nào. Bà nhất định không cho gia đình có con cái thuê nhà.

Tiếng ồn ào có hại cho sức khỏe bà. Trong căn nhà buồn tẻ đó chỉ có thằng Mão, đứa con nuôi bốn tuổi của bà, gầy còm và nhỏ bé, khuôn mặt nhọn như thỏ bị lột da với một nét nhăn láu lỉnh ở mép. Mẹ ta chẳng thương yêu gì đứa nhỏ. Có lẽ mẹ ta nuôi nó để làm vui lòng ông chồng, bây giờ ông ta đã mất, bà cũng chán cảnh góa bụa, nên cũng đâm ra chán ghét cả thằng bé.

Tôi rất thương hại đứa bé lạc loài đó. Nó không có đồ chơi gì cả và căn nhà thì buồn thiu. Nó thường trốn nhà đi chơi với đám trẻ khác và mẹ ta cấm tuyệt điều này, sợ nó bị dơ dáy. Mẹ ta đánh và nó khóc. Rồi cũng chẳng sợ,

nó lại lên đi nữa. Tôi thường nghe tiếng nó bị đòn nhiều lần trong một ngày. Nhưng mỗi khi nghe tiếng còi báo động thì dù ở đâu nó cũng phóng như bay về nhà. Nó chụp cái mũ rộng như cái ô lên đầu, lượm gói quần áo nhỏ đeo lên vai và lếch nhếch theo sau má nó đi đến hầm trú ẩn. Đôi khi quá mệt, nó khóc rấm rức, mặt mày trắng hếch và ngồi bệt xuống vệ đường cho đến khi má nó tới lôi nó dậy. Nó đứng dậy không một lời than van và tiếp tục kéo lê dưới ánh mặt trời lửa bỏng.

Chẳng bao lâu mục chủ nhà tăng tiền nhà. Chúng tôi hoàn toàn nằm trong tay mục. Một là trả tiền, hai là cuốn gói. Thiếu gì người muốn thuê phòng đó. Càng ngày nhà cửa ở Trùng-Khánh càng hiếm hoi vì nhà bị phá hủy nhiều hơn là xây cất. Những người nghèo kéo về quê hay vào các trại tỵ nạn hoặc dựng lầy một cái chòi lá để sống. Những người khá hơn thì đi sục sạo khắp nơi để thuê phòng. Rất nhiều khi đang nấu cơm, tôi bị một đám người lạ hoặc đang đi kiếm chỗ ở ào vào phòng. Thường họ kéo cả nhà cùng đi, luôn luôn người mẹ với một đứa con trên tay dẫn đầu, theo sau là một lũ con nít rồi đến người chồng, vẻ lì lợm cười cười và sục luôn vào phía sau. Luôn luôn chỉ có một điệp khúc: "Chúng tôi bị nạn. Chúng tôi không còn nhà cửa gì cả. Hãy nhủ lòng thương, cho chúng tôi ở tạm vài ngày".

Biết trả lời sao?"Vài ngày" đây có nghĩa là suốt mùa hạ, suốt năm!

Họ đi rảo khắp nơi, nhòm ngó các căn phòng.

- Đây có một phòng nữa. Hai phòng? Cho bà và chồng bà thôi. Nhưng phòng này có thể chứa được mười người, phòng kia ba- và chúng tôi có chín mạng! Tôi biết làm bếp. Ta sẽ chung tiền nhà và tiền cơm. Chỉ vài ngày thôi- trong lúc chúng tôi đi kiếm nhà.

Đôi khi, tôi may mắn được mục chủ nhà cứu giúp. Khi nghe tiếng đồ đạc linh tinh, tiếng trẻ con kêu réo, mục ta thò ra khỏi phòng.

- Xin lỗi, nhưng đây là nhà tôi. Tôi là người bệnh hoạn. Bà Tăng đây có nhiều khách lắm. (Đến đây là một ánh mắt trách móc về phía tôi.) Bà ấy không thể để ông bà ở đây được. Xin lỗi, tôi không chịu được trẻ con. Con tôi, thằng Mão, sẽ là cái gương xấu cho con cái ông bà. Nó có bản tính xấu xa lắm. Ông bà thấy đấy, chúng tôi không có chỗ cho ông bà.

Trong khi đó mẹ ta lùa cả bầy ra ngoài cửa, gạt ra ngoài tai mọi lời van xin giải thích.

Một hôm, có một quân nhân dáng mảnh khảnh và gầy gò, trong một bộ quân phục rách rưới đến gõ cửa. Khuôn mặt rám nắng, gò má nhô cao trông có vẻ quen quen.

- Mời anh quá bộ vào, tôi mời anh ta, cố moi trí tìm tên.

Dưới sự kinh ngạc của tôi, khách lạ phá ra cười- giọng cười con gái- và gọi ngay tên tôi. Thế là tôi nhận ra được. Đó là Liên-Xuân-Du, và tôi đã gặp nàng lần cuối cùng trên sân cỏ viện đại-học Bắc-Kinh. Nàng đã trốn khỏi Bắc-Kinh một đêm không trăng, đã lọt qua tất cả các vòng đai quân Nhật và tìm đến khu du kích kháng chiến. Nàng đã chiến đấu với quân kháng chiến. Nàng bắn súng giỏi và đánh nhau cũng khá, nàng nói với tôi thế trong khi mở miệng cười để lộ hàm răng trắng xinh xẻo. Nàng đã gia nhập quân đội ở Quảng-Tây.

Tôi hồi tưởng lại thời sinh viên... dáng mảnh dẻ trong bộ đồ thể thao ngắn, để lộ cặp chân tay dài nở nang, tóc cắt ngắn thẳng băng không uốn, điểm vài lọn lòa xòa trên trán. Nàng vẫn để tóc ngắn nhưng không cùn cợn quá. Một lọn tóc rơi xuống che đến mí mắt. Nàng lắc mạnh đầu, hất lọn tóc ra sau. Nàng kể cho tôi nghe về Bắc-Kinh dưới gót giày xâm lăng Nhật-Bổn.

- Trong các sách Sử-Ký, chúng đã cắt bỏ tất cả lịch sử hiện đại của chúng ta, từ 1911 đến nay! Cấm không được nói đến Tôn-Dật-Tiên cũng như về cách mạng với đám trẻ con. Họ bắt chúng tập đi biểu diễn với cờ năm gạch

của Trung-Hoa đô hộ và cờ Nhật với mặt trời đỏ chói- để "kỷ niệm" ngày Thượng-Hải và Nam-Kinh bị thất thủ, ngày "giải phóng".

Giọng nàng có vẻ cay đắng, nhưng khi nói về chính nàng, giọng nói lại trở nên đều đều không xúc cảm. Nàng đã có chồng. Hãn đã có một đứa con ở miền Bắc và gửi cho cha mẹ nuôi. Chồng nàng đã bị giết sau khi lấy nhau được ba tháng.

Liên-Xuân-Du ở với chúng tôi mấy ngày. Chúng tôi kê cho nàng một cái ghế tràng kỷ trong phòng lớn. Khi nàng đi, khi nàng bước trên con đường dốc ngay trên đầu nhà, thỉnh thoảng lại quay lại vẫy chúng tôi- y như một chiến sĩ hơn là một cô cử hay một người mẹ- tôi muốn chạy theo giữ nàng lại, không cho nàng đi. Nhưng còn cuộc đời nào lý thú hơn cuộc đời nàng đã chọn? Đời tôi? Thế là nàng ra đi và mặc dù có hứa sẽ viết thư, tôi không bao giờ nhận được tin gì của nàng nữa.

Ít khi chúng tôi không có khách. Một tối, Pao dẫn Hồ-An-Tôn, một bạn cùng khóa ở trường Võ bị về nhà. An-Tôn ở với chúng tôi hai tháng. Chúng tôi dành cho anh chiếc trường kỷ. Rồi khi nhà Y.W.C.A., tổ chức khách sạn của hội công giáo dành riêng cho phụ nữ, bị dội bom, người ta gửi đến cho tôi hai người. Tôi dọn chiếc giường và phòng ngoài ở với hai cô gái, trong khi Pao và An-Tôn ngủ dưới đất trong phòng ngủ.

Hồ-An-Tôn có vẻ to lớn so với người Trung-Hoa, khuôn mặt vuông nghiêm nghị, đen xăm. Anh đang nghỉ dưỡng sức sau khi bị thương ở mặt trận Tây-Bắc. Mặc dù một cánh tay đeo trước ngực, vết thương không làm mất vẻ đứng mực của anh. Lễ độ, thẳng thắn, sạch sẽ và rất thành thật nhưng hoàn toàn không có óc khôi hài. Anh ta và Pao là hai khuôn mặt điển hình cho cả một lớp sỹ quan trẻ, yêu nước hăng say và không dung thứ những quan niệm trái ngược với lý tưởng họ đang đeo đuổi. Họ tận lực trung thành với Tưởng-Giới-Thạch, con người duy nhất có thể vận dụng toàn thể Trung-Quốc với sức mạnh của niềm tin mãnh liệt. Trước mặt họ, Tưởng là niềm hy vọng đoàn kết duy nhất, người duy nhất có thể tụ họp tất cả các phe phái

thành một tập hợp quốc gia trong nỗ lực kháng chiến để chiến thắng kẻ địch.

Hai người khách, một là Trương-Quế-Phan, trước kia làm việc xã hội cho tổ chức công giáo giữa đám nông dân nghèo hèn nhất, và mấy tháng vừa qua, đã sống trong một vùng đồi núi hoang dã nhất, thậm chí đến nơi không có thứ gì để mà ăn. Để hiểu rõ các vấn đề của họ hơn, cô ta đã sống như đám người nông dân, ở trong những căn lều tối tăm lụp xụp và chật ních người cùng với họ, chia sẻ những bữa ăn nghèo khổ với họ, thỉnh thoảng dạy bảo họ theo một nếp sống sạch sẽ hơn nhưng thường chững hững trước sự ngu dốt và tối tăm vô vọng của họ. Cô ta đã mở chiến dịch chống nạn mù chữ và chích thuốc ngừa. Cô ta đã thành công trong việc phá vỡ thái độ e dè, nghi ngờ của họ. Họ yêu mến và tin tưởng cô ta.

- Công việc căn bản đã hoàn tất, cô ta nói, chúng tôi chỉ việc tiến tới.

Nhưng sau vài tháng, cô ta đã ngã gục vì lao lực quá sức. Cô ta kiệt lực và xanh xao, ăn uống thiếu thốn và tình trạng mất vệ sinh đã khiến cô ta bị đau mắt hột.

Cô ta chỉ mang theo một gói quần áo nhỏ và một cái chăn bông cũ, rách lòi cả bông ra ngoài. Cô ta luôn luôn mặc bộ đồ xám và luôn luôn gọn ghẽ. Tôi không biết về cô ta nhiều và cô ta lại ít nói. Nhưng cô ta lại chùi sàn nhà và giúp tôi cơm nước. Cô ta rất trù mến và hợp với Mão, nó mến cô ta lắm. Lạ là thân hình cô ta lại mập mập và nặng nề, mặt rúm nắng trông có vẻ như khỏe mạnh. Nhưng cô ta rất dễ bị mất sức. Cái vẻ thông minh như bị những nét u sầu che lấp đi, nhưng khi cô ta cười, người ta lại thấy ngay cái vẻ thông minh sáng láng.

Thật khó mà có được một sự tương phản nào lớn hơn sự tương phản giữa Quế-Phan và Lí-Lệ-San.

Lí-Lệ-San đến trước cửa nhà tôi và có vẻ nghi ngờ về sự tiếp đón của tôi nên chìa tấm giấy giới thiệu của nhà YWCA ra. Khuôn mặt nhỏ và xanh tái, tóc đen, cũng buông rũ xuống vai. Cặp mắt đưa đi đưa lại đờm nét hãi sợ và buồn. Cô ta mặc một cái xường xám hoa, cắt và may khéo đến cái độ chỉ có thợ Thượng-Hải hay Hồng-Kông mới có thể làm được. Có lẽ cô ta vào khoảng mười chín.

Giấy giới thiệu nói qua về cô ta. Cô ta là đứa con ngỗ nghịch nhất của tổ chức, luôn luôn phá quấy mọi người bằng cách rêu rao những ý kiến thiên cộng. (Thư giới thiệu chỉ nói qua vài nét chính, sau này tôi bổ khuyết thêm nhờ chính Lệ-San.) Lòng nung nấu muốn làm được việc gì cho quốc gia, cô đã đến Trùng-Khánh- bằng tàu thủy đến Hồng-Kông, rồi bằng tàu bay đến đây, vì cô ta có rất nhiều tiền. Cô ta định đi về vùng Tây-Bắc, về các miền hang động ở Vân-Nam, mật khu của Cộng Sản. Cô ta những muốn cắt tóc ngắn, mặc đồ lính, ngày hai bữa kê, muốn chia sẻ mọi nỗi cực nhọc. Đến Sĩ-An, người ta không cho cô đi xa hơn. Cô ta ở đó một thời gian, sống trong nhà mấy người truyền giáo Hoa-Kỳ nhưng họ không ưa những ý kiến của cô ta. Cô ta đành quay về Trùng-Khánh; nhưng rất bức tức và không ngớt hăm he sẽ trốn đi Tây-Bắc nữa. Trong lúc đó, cô ta kiếm không ít tiền bằng cách dạy tiếng Trung-Hoa cho những người ngoại quốc.

Nhà YWCA đã tìm giúp cho cô ta công việc này với hy vọng an định được cô ta. Với tôi, cô ta có thể cộng sản đến hết mực cô ta muốn, điều đó chẳng có gì quan trọng. Nhưng với Pao và An-Tôn, hai tay Quốc-Dân-Đảng hạng nặng, tôi đoán thế nào cũng có xung đột. Ngay từ bữa cơm đầu tiên, cô ta đã kể hết tiểu sử và ý định. Cô ta kể với tất cả mọi người không e ngại gì cả. Đầu cô ta luôn luôn đầy những ý tưởng cao cả và những lý thuyết tuyệt vời. Khi nói về những điều đó, đôi mắt đen rực sáng và mặt cô ta đỏ lên cách hết sức cuồng nhiệt.

An-Tôn hơi nhòm dậy và nghiêng mình cách trịnh trọng:

- Tôi khâm phục lòng yêu nước của cô. Cô đã chấp nhận từ bỏ cuộc sống dễ dãi để đến đây và cô đã quyết chọn cuộc sống cơ cực nhất là cuộc sống ở mạn Tây-Bắc. Đó là điều rất đáng khen ngợi.

Lệ-San thật ngạc nhiên, cô ta đang đợi một cuộc cãi lý. Cô ta ngần ngại trong một lúc, nghi ngờ có điều lừa lọc chẳng. Nhưng ánh mắt của An-Tôn rất thành thật. Cô ta cười thật tươi. Cô đang nghiêng người về phía chàng ta để thuyết về sự bóc lột của tư bản, nhưng anh chàng lại chỉ chăm chỉ nhìn cặp mắt sáng, đôi môi hồng và mỉm cười mơ màng. Khi hăng say, Lệ-San quả là hấp dẫn.

Buổi tối, Lệ-San và tôi chia nhau chiếc giường hẹp. Quế-Phan có cái trường kỷ. Lệ-San giữ tôi thức đến khuya, thì thăm hỏi dò về An-Tôn.

- Chỉ tiếc là anh ta không phải là cộng sản, sau cùng cô ta thở dài. Em sẽ khuyến dụ anh ta.

Sáng hôm sau, khi Lệ-San đi làm, An-Tôn tuyên bố với tôi:

- Cô ta còn trẻ quá, tôi sẽ làm cô ta hồi tâm!

Tôi than thầm:

"Thế nào rồi cũng khỏi chuyện om xòm!"

Mấy ngày sau mục chủ nhà bằng lòng nhường cho Lệ-San một cái phòng nhỏ, đúng hơn là kho chứa củi. Chúng tôi cũng kiếm được cho Quế-Phan một cái gác xếp ở nhà bên cạnh. Pao và tôi lại có được một phòng riêng và An-Tôn lại trở ra cái trường kỷ. Chúng tôi cùng ăn chung với nhau. Đó là cách duy nhất để giảm thiểu chi tiêu trong cái ngân sách eo hẹp của chúng tôi. Hết sức tiện tặn, cắt đầu này xén đầu kia, chúng tôi mới dành đủ tiền để thuê một á-xăm để làm bếp tuy rằng tôi và Quế-Phân vẫn giúp nấu nướng.



Pao không hiểu tí gì về vấn đề chi tiêu cả. Một lần đầu tháng, chàng đưa nguyên cả tháng lương cho người bạn có nhà bị dội bom. Dĩ nhiên đó chỉ là cho mượn, nhưng việc vay mượn bè bạn như vậy có nghĩa là cho luôn. Đáp lại, Pao và tôi chỉ hy vọng được mời ăn một bữa cơm thịnh soạn để trả ơn một khi mà người bạn đã khá. Chúng tôi giải quyết bằng cách viết một bài về cuộc chiến cho các báo chí Âu-Châu. Pao rất sáng ý về vấn đề chiến lược và kinh nghiệm bản thân của chàng về tình hình Âu-Châu trước thế chiến đã cho chàng khả năng phân tích rất xác thực. Chàng chỉ định viết để lấy tiếng nhưng tôi chìa cho chàng coi tờ giấy năm quan kim duy nhất còn lại và thuyết phục được chàng rằng bây giờ không phải là thời buổi để hào sảng như vậy. Thế là nó đã giúp chúng tôi qua được lúc khốn đốn mà khỏi phải vay mượn.

Á-Xâm không ở được lâu. Trái ngược với tất cả những nguyên tắc công bằng của cô ta, Lệ-San vẫn đối xử với người hầu và kẻ dưới y như bất cứ cô con gái nhà giàu hư hỏng nào khác. Cô ta không có chút kính trọng nào đối với họ và coi họ như thể họ không phải là con người. Tiền thì thường cho nhiều nhưng cô ta lại không chịu được một chút sai lầm nhỏ nào của người hầu và lập tức giận điên lên. Cô ta thường kết tội Á-Xâm ăn cắp nhưng không có bằng cứ. Không bao giờ Lệ-San biết được cô ta có bao nhiêu tiền. Cô ta nhét tiền vào các ngăn kéo mở toang, hay vứt bừa bãi trên bàn rất dễ bị gió thổi đi mất. Cô ta lại không bao giờ khóa cửa.

Á-Xâm bỏ đi và chúng tôi, Quế-Phan và tôi, lại phải làm hết cả mọi việc. Khoảng hai tuần sau, chúng tôi tìm được một người đàn bà để quét dọn nhưng hẳn lại không biết thổi cơm, vả lại chúng tôi thích nấu cơm lấy. An-Tôn và Pao ăn đồ ăn của chúng tôi chẳng phê bình tuy nó chẳng ngon lành gì. Chúng tôi chỉ luộc chín hay rán thức ăn rồi dọn ra. Đồ ăn không bị sống, đó là điều duy nhất tôi có thể nói. Lệ-San ghét lắm. Đồ ăn không đủ ngon để làm vừa miệng cô ta, nhưng cũng không quá dở để khiến cô ta có cảm tưởng thiệt thòi. Sau nhiều ngày không có thịt(rất đắt lại khó kiếm), chúng tôi dọn lên bàn món đậu và cải luộc quen thuộc, Lệ-San không chịu được

nữa. Cô ta kêu Á-Xấm chạy ra tiệm mua thịt gà và cá để gia tăng ẩm thực. Mặc dù không bao giờ cô ta nhúng tay giúp đỡ chúng tôi trong công việc nhưng được cái không eo hẹp về vấn đề tiền bạc và tất cả mọi người đều khoái chí với cơn bốc đồng bất thường của cô ta.

Trầm trọng nhất đối với chúng tôi là nước, vấn đề kéo dài suốt mùa Hạ. Nhà không có ống dẫn nước. Chỉ có những nhà thực giàu có ở Trùng-Khánh mới biết đến nước máy. Trên đỉnh đồi, cách nhà hai trăm bực thềm, có một chỗ hứng nước công cộng và chúng tôi phải trả bốn mươi xu một đôi nước gánh đến nhà. Nhưng các cuộc oanh kích liên tục làm ngưng các kinh dẫn nước hay phá hỏng các máy bơm. Thế là, người gánh nước mướn của chúng tôi chỉ gánh cho chút nước giếng múc từ một cái giếng nông ở dưới ruộng dưới đồi.

Chỉ hai ba ngày sau, giếng cạn hết nước vì có quá nhiều gia đình đến lấy. Phải lấy nước sông, xa hơn, quãng đường đi và về dài hơn và số nước của chúng tôi cũng vơi bớt đi. Nước sông thường xăm màu hay nâu đục và giá một đôi nước lên đến ba, bốn hay năm quan kim. Các người gánh nước kiếm được khá tiền công và trở nên khó chịu. Chúng tôi hoàn toàn tùy thuộc họ mà. Nhiều sáng tôi phải đi xuống đường để níu một người gánh nước năn nỉ với những lời nói lịch sự và với nụ cười tươi để hắn mang cho ít nước, dù chỉ nửa thùng để lau rửa mặt mày.

Nhưng đúng theo luật cung cầu, nước càng hiếm thì càng mắc và càng trở thành khó kiếm. Những người gánh nước kiếm trong nửa ngày hơn cả số tiền trước kia họ phải làm trong cả ngày. Thế thì cần gì phải làm nhiều.

Khi khập nước ở nhà chúng tôi khô ran, chúng tôi phải đi mua lại từng hời nước trong các quán nước để nấu nướng và uống. Mọi người chỉ được hai ba tách nước để lau rửa từ đầu đến chân sau đó lại lấy nước này đi chùi nhà. Chúng tôi phải bóp chặt lắm mới dám rửa bát đĩa. Hàng núi quần áo nong nặc mùi hôi chất đống cho hết mùa kiếm nước.

Đến khi nước công cộng lại chảy ào ào và gánh nước thuê quen lại đến, tươi cười và chở đầy hai thùng nước trong vắt, thật sung sướng biết mấy. Chúng tôi thọc tay vào trong thùng, vỗ nước lên mặt, vốc lên tay để cho nước chảy thành dòng lấp lánh qua kẽ tay. Tôi chưa bao giờ biết được rằng nước lại quý giá đến thế.

Lệ-San và An-Tôn cãi nhau luôn. Cả hai đều giống nhau mà cũng lại đối nghịch nhau, cả hai cùng trẻ, cùng tin tưởng mãnh liệt! Họ cùng thấy bị nhau lôi cuốn bởi chính những đức tính đã khiến họ đụng chạm nhau. Họ sóng đôi nhau đi đến hầm trú ẩn, say sưa bàn cãi, cùng ngồi trên một chiếc ghế và chìm trong một cuộc cãi lý không ngừng. Nhưng sau một tuần lễ liền bị oanh tạc ngày đêm, sáng sớm khi về đến nhà, tôi lập tức đi ngủ ngay, nhưng rồi giọng cãi và giận dữ từ phòng bên đánh thức tôi dậy.

- Cô mà là cộng-sản, An-Tôn nói giọng mỉa mai. Cô từ Thượng-Hải đến như đi du lịch, sang trọng, bằng tàu thủy, bằng máy bay. Cô nói sẽ đi Vân-Nam theo bọn Đỏ. Cô chỉ nói mà không làm.

- Chính anh, chính cái Quốc-Dân-Đảng của các anh không cho tôi đi, Lệ-San quạet lại.

Tôi đứng ngay cửa nhưng chẳng ai chú ý đến tôi. Cả hai đều đứng, mọi người một bên bàn và nhìn nhau tóe lửa.

- Cô không biết thế nào là thiếu thốn. Cô không thể ăn được cả đồ ăn thông thường. Ở Tây-Bắc, cô sẽ chết đói. Khi các món ăn không vừa miệng, cô sai ra tiệm mua thêm. Cô kiếm tiền của các tên tư bản ngoại quốc và cô may thêm áo quần mới tinh.

Lệ-San tức tối:

- Thế anh thì hiểu gì? Với anh, Cộng-Sản là phải ăn mặc rách như tương và chỉ biết đi liệng bom thôi hử?

- Không phải vậy, nhưng thằng bạn thân nhất của tôi là cộng-sản. Một tên cộng sản thật. Nó thuộc gia đình khá giả, nhưng từ bỏ hết và đi theo tụi Đỏ.

- Nếu anh phục họ vậy, sao anh không theo họ? Bởi vì anh muốn nhân dân có một lá cờ, một cái tên, một bản đồ. Các anh chỉ muốn hò hét và lên án tử tất cả những ai yêu nước hơn các anh.

Tức giận điên người, An-Tôn bỏ ra ngoài. Lệ-San bật khóc:

- Tôi ghét anh! Tôi ghét anh! Cô ta chạy vụt ra khỏi phòng.

Khi An-Tôn trở lại(hoàn toàn giống hệt như Pao với khuôn mặt xung, đau khổ mà cố không để lộ ra), tôi nói với anh:

- An-Tôn, đừng quá nóng giận như thế. Cô ta cũng thương anh nhiều lắm.

- Tôi yêu cô ta. Nhưng tôi không thể thay đổi lý tưởng theo cô ta. Sự thật rất là quý và nó lại quý giá hơn tình yêu chị ạ!

- Có nhiều sự thật, tôi trả lời. Sự thật không giống nhau đối với mọi người. Lệ-San cũng có lý tưởng tuy rằng đôi lúc cô ta không hành động đúng theo lòng tin.

- Chị ơi, tôi không thể bỏ lý tưởng cũng không thể bỏ nhiệm vụ vì một người đàn bà. Đàn bà phải theo chồng, anh ta kết luận.

Tôi thở dài. Với mọi người, sự thật là sự tự chứng nghiệm lấy mình. Chính vì lý do đó mà tôi để Pao đi thi hành nhiệm vụ của chàng, có thể đi đến cái chết không chừng. Nếu tôi mà giữ chàng lại, thế nào rồi chúng tôi cũng thù hận nhau. Bởi vì cái chết lớn nhất chính là từ khước hoàn thành nhiệm vụ. Ấy vậy mà người ta luôn luôn đòi hỏi đàn bà phải làm như vậy và coi đó như là một bổn phận tự nhiên.

Tháng chín rồi tháng mười. Các cuộc oanh tạc thưa dần. Trời thường mưa luôn. Nhà chúng tôi thoát nạn dội bom, cả mấy khung cửa kính cũng vậy, vì tôi luôn luôn để cửa sổ mở trong các cuộc oanh tạc. Pao và An-Tôn quét vôi lại mấy bức tường loang lổ. Chúng tôi có một tấm thảm màu rượu vang trên sàn nhà, một ít sách trên cái kệ tre, ít quần áo trong tủ và vài cái màn che trên cửa sổ. Một chiếc bát sứ xanh lớn đựng vài bông hoa lan màu xanh nhạt và mấy bông hải đường màu hồng tươi. Tôi rất kiêu hãnh với mấy món này. Chúng chẳng có chút giá trị gì. Chỉ là những món đồ xấu, nhưng tôi đã thu nhặt chúng suốt cả mùa hè, tôi đã lau chùi, đã tốn công với chúng. Tôi đã biến chúng thành vật trang hoàng cho một tổ ấm. Chúng trở thành tư hữu của tôi và vô cùng quý giá. Mỗi khi đi trú bom tôi đều mở cửa sổ. Tôi liếc mắt giã từ. Mỗi khi chúng tôi về nhà và nếu mọi vật còn nguyên như lúc ra đi, tất cả như thể tôi lại vừa được chúng, mới nguyên.

Tôi yêu mến những vật ấy và thấy chúng mỗi ngày một đẹp thêm vì tôi sẽ có thể mất chúng.

Đến cuối mùa Hạ, Trùng-Khánh trông giống y như thành phố Pompei. Không phải là một Pompei huy hoàng khởi sắc mà là một Pompei xám ngắt, tan hoang, bụi bậm, đổ nát và ngập mùi tro tàn và chết chóc. Nhưng người đã khai thông các đại lộ và khắp nơi đã mọc lên các cửa hàng mới, các căn nhà gỗ mỏng manh với các lớp vôi vữa sơn xanh, đỏ: thêm nhiều tiệm ăn, nhiều hàng tạp hóa. Các rạp hát và chớp bóng đều đông nghẹt.

Buổi sáng, hơi sương đọng lại trên cỏ lâu hơn. Ngày lên muộn hơn và thường bao phủ trong một lớp sương mù trắng đục và dày đặc như nước cháo. Khi sương mù tan đi, chúng tôi thấy từ từ hiện ra những bóng nhà xám nhạt, đường vòng của một ngọn đồi, rồi các đám lá cây xanh, bãi cát vàng, giòng sông xám màu nâu đục và đường viền rõ ràng, xa xăm của những dãy núi màu xanh ngắt. Mùa Hạ đã qua, các báo đều chạy tít lớn loan tin Luân-Đôn bị dội bom; ở dưới trang, với hàng chữ nhỏ hơn, báo nhắc đến việc các khu ngoại ô Trùng-Khánh vẫn còn bị dội bom. Một cơn

mưa xám ngắt che khuất những dãy núi bên bờ phía Nam. Những tảng mây lớn xếp thành một nền trời thật thấp. Trùng-Khánh dấy lên tiếng ồn ào, tiếng làm việc và tiếng hy vọng. Đó là Trùng-Khánh chứ không phải là một Pompei chết. Năm trăm ngàn người đã dấy lên với tinh thần kháng cự quyết liệt, với ý chí chịu đựng và xây dựng.

Năm tới, xuân tới, các máy bay địch sẽ lại tàn phá tan hoang. Thu tới, chúng tôi sẽ xây dựng thành phố lại.

HAN SUYIN

# Table of Contents

[Mục lục](#)

[Lời Người Dịch](#)

[Tựa Của Tác Giả](#)

[Chương Một](#)

[Chương Hai](#)

[Chương Ba](#)

[Chương Bốn](#)

[Chương Năm](#)

[Chương Sáu](#)

[Chương Bảy](#)

[Chương Tám](#)

[Chương Chín](#)

[Chương Mười](#)

[Chương Mười Một](#)

[Chương Mười Hai](#)